

TẠP CHÍ VĂN HỌC CỔ THƠM

SỐ 83 - THÁNG 1, 2019

BAN ĐIỀU HÀNH

CHỦ NHIỆM:

PHAN ANH DŨNG

dathphan1@gmail.com

PHÓ CHỦ NHIỆM:

PHAN KHÂM

phanvyle@yahoo.com

CHỦ BÚT:

TRẦN BÍCH SAN

[littlesaigonnews@aol.com](mailto:littleaigonnews@aol.com)

TỔNG THỦ KÝ:

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH

hanhbang@hotmail.com

CỐ VẤN DANH DỰ:

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

dsenser@yahoo.com

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÀ

<http://cothommagazine.com>

TÒA SOẠN

9020 CARDIFF RD

RICHMOND, VIRGINIA 23236 USA

TEL. (804) - 387- 8773

dathphan1@gmail.com

BAN BIÊN TẬP

Ý ANH. ĐỖ BÌNH. DIỄM CHÂU.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.

NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỒI.

PHAN KHÂM. HUY LÂM.

NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.

NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.

NGUYỄN VĂN NHIỆM.

PHẠM THỊ NHUNG. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN SƠN.

NGUYỄN VĂN THÀNH1923.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

PHONG THU. TIỂU THU.

HỒNG THỦY. TRƯƠNG ANH THỤY.

BÙI THANH TIỀN. PHẠM VĂN TUẤN

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



MỤC LỤC

SỐ 83 - THÁNG 1, 2019

BIÊN KHẢO

- 7- HEO TRONG CA DAO TỤC NGỮ – TÂM MINH NGÔ TẮNG GIAO
14- SAI LẦM, NGHI VẤN TRONG VĂN HỌC SỬ - TRẦN BÍCH SAN
22- VỀ BÀI THƠ “THIỆU NỮ NGŨ NGÀY” - NGUYỄN PHÚ LONG
33- KIM THÚY, NHÀ VĂN NỮ GÓC VIỆT Ở CANADA - PHẠM VĂN TUẤN
41- NGÀY TẾT NÓI CHUYỆN VỀ HOA ĐÀO - PHẠM THỊ NHUNG
52- SAIGON CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA - MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH
68- ĐỌC SÁCH: TẬP THƠ ĐƯỜNG TÔNG TUYỂN DỊCH... - PHẠM TRỌNG LỆ
95- CHỦ THUYẾT BUSH DƯỚI LĂNG KÍNH PHÁP LÝ - NGUYỄN VĂN THÀNH23
125- NĂM HỢI NÓI CHUYỆN HEO – NGUYỄN QUÝ ĐẠI
172- TRAI GÁI TÁN TÌNH, TỎ TÌNH QUA CA DAO (PHẦN 1) - NGUYỄN VĂN NHIỆM

VĂN

- 4- VÀI LỜI CHÂN TÌNH - PHAN ANH DŨNG
28- VỀ HỮU - TRƯƠNG ANH THỤY
50- SONG SINH SỐ PHẬN – TIÊNSHA-LÊ LUYẾN
64- TRỞ VỀ MÁI NHÀ XƯA – PHƯƠNG DUY
74- NHỮNG MÓN ĂN TRONG ĐỜI – VŨ NAM
79- NHỮNG NGÀY SỐNG Ở PRADES – NGUYỄN MÂY THU
86- BÀ MẸ CHỒNG NGƯỜI BẮC – NGỌC HẠNH
105- PHỐ XƯA - Ỡ NGUYỄN & PHẠM BÁ

- 139- THƯ - TIÊU THU
150- VỢ CHỒNG ANH MỠ - TT THÁI AN
156- THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH - NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
164- CON CHÓ BI BÔ - DIỄM CHÂU
185- CÂY BÚT MÁY HIỆU PILOT – VŨU VẤN TÂM
197- NHỚ CỤ ĐÀO NGUYỄN – NGUYỄN PHÚ LONG
203- VĨNH BIỆT CHỊ HOÀNG HẢI THỦY - HỒNG THỦY

THƠ

- 6- MÙA XUÂN THĂM GIÀN THIÊN LÝ – TUỆ NGA
13- CHÚC TẾT – TRƯỜNG ĐÌNH
21- TÌNH XUÂN & GỌI XUÂN - Ý ANH
21- XA NGƯỜI KHÔNG CÓ MỘT MÙA XUÂN & ĐÊM TRỪ TỊCH - TẠ QUANG TRUNG
25- NGỌN NÉN GIAO THỪA – PHAN KHÂM
26- LỜI CHÚC ĐẦU NĂM - TRẦN QUỐC BẢO
27- MÙA XUÂN ...THÀNH CỎ - LÝ HIỂU
27- MAI, TUYẾT VÀ MÙA XUÂN - NGUYỄN VÔ CÙNG
27- THƠ SUÔNG - NGUYỄN KINH BẮC
27- TẾT THA HƯƠNG – ĐÀO NGUYỄN
32- THƠ XƯƠNG HỌA - PHAN KHÂM, NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG, NGUYỄN VÔ CÙNG, NGUYỄN KINH BẮC
40- LE MAGIC PRINTEMPS DE THUY TIEN - DIỄM HOA
40- XUÂN NHỚ THỦY TIÊN – NGUYỄN LÂN

- 47- ĐÔI CON TRĂNG & VƯỜN LÒNG TÔI & TÌNH ANH ĐÃ ... NGUYỄN THÙY
- 48- BÀI THƠ CUỐI CÙNG - HUYỀN CHI / MY LAST POEM - THANH THANH
- 51- HỮNG HỒ - ĐỖ BÌNH
- 66- TUYẾT LẠI RƠI – HẢI BĂNG-HDB
- 67- MÂY KHÓI & CUỐI NÈO - HOA VẪN
- 73- EM ĐẾN / WHENCE SHE COMES - VƯƠNG THANH
- 84- XUÂN VẮNG NHÀ – VƯƠNG ĐỨC LỆ
- 85- LỤC BÁT NGÀY XUÂN - BÙI THANH TIÊN
- 85- BÊN EM CHIỀU MƠ - ĐỖ BÌNH
- 90- BÓN MÙA – Dịch cổ thi TỨ THỜI - TRẦN QUỐC BẢO RICHMOND VIRGINIA
- 104- NỬA KHÓI TÌNH – ĐẶNG NGUYỄN
- 136 - NỖI NIỀM VONG QUỐC - HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT
- 138 – MON AMI LA ROSE – CECILE COLIER / BÔNG HỒNG BẠN TÔI – NGÔ TĂNG GIAO
- 148- THẮNG CHẠP - CAO NGUYỄN
- 149- XUÂN MƠ -THÁI HƯNG
- 154- BUỒN CHIỀU XUÂN – Đ T MINH GIANG
- 160- HƯƠNG TẾT – ĐỖ BÌNH
- 184- XIN ĐỪNG ĐÁNH MẮT TÌNH YÊU – HẢI BĂNG.HDB
- 187- MƠ XUÂN – QUỲNH ANH
- 188- BÀI THƠ ẮN TẾT – VƯƠNG ĐỨC LỆ
- 188- TẾT LY HƯƠNG – HOÀNG TRÙNG DƯƠNG
- 189- TỎ QUỐC XA & KHAI BÚT GIAO THỪA - HOÀNG SONG LIÊM
- 207- 36 CÂU CHO ALICE & CÒN XÓT XA NÀO – HOÀNG HẢI THÙY

NHẠC

- 91- GIẢI ĐIỆU NHẠC VÀNG – TÔN NỮ MẶC GIAO

- 161- NHỚ TẾT NĂM XƯA – NGUYỄN TÚC

HỘI HỌA, NHIẾP ẢNH

- BÌA TRƯỚC/SAU: NGÀY ĐẦU NĂM & TRẺ CHƠI RỒNG RẪN - NGUYỄN THỊ HỢP
- 5- KHAI BÚT ĐẦU NĂM 2019 – Thơ & thư họa: PHAN KHÂM
- 39- ĐOẠN TRƯỜNG-Thơ & Thư họa: VŨ HỒI
- 124- EM ĐẾN - Thư họa: VẪN TẤN PHƯỚC; Thơ: VƯƠNG THANH
- 155- BƯỞM BƯỞM – Tranh & thơ: THANH TRÍ
- 171- TÍM MƠ – Tranh: CÁT ĐƠN SA
- 180- HAI HỌA SĨ NGUYỄN THỊ HỢP VÀ NGUYỄN ĐỒNG – PHAN ANH DŨNG

SINH HOẠT

- 190- CỎ THƠM HỌP MẶT MÙA THU - PHÁT HÀNH CỎ THƠM SỐ 82 – 28 THÁNG 10 2018, RICHMOND, VIRGINIA USA
- 209- THIỆP MỜI HỌP MẶT CỎ THƠM THƯỜNG NIÊN – 23 THÁNG 6, 2019 – HARVEST MOON RESTAURANT, FALLS CHURCH VIRGINIA

GIỚI THIỆU SÁCH

- 20- VĂN HỌC VIỆT NAM của TRẦN BÍCH SAN
- 189- MỘT THỜI MỘNG HOA – CÁC NHẠC SĨ PHỔ NHẠC THƠ CỦA TRẦN QUỐC BẢO (RICHMOND VIRGINIA)

TƯỞNG NIỆM

- 196- Thi Sĩ ĐÀO NGUYỄN, NGUYỄN VĂN NGUYỄN (1925-2018)
- 202- Bà ELISE ĐỖ THỊ THÙY (1931-2018)

VÀI LỜI CHÂN TÌNH

Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Tạp Chí Cỏ Thơm,

Trước hết, xin thay mặt Ban Điều Hành Cỏ Thơm **thân chúc quý vị một năm mới 2019 được dồi dào sức khỏe, nhiều an vui, hạnh phúc và các tác giả vẫn có nhiều cảm hứng sáng tác.**

Khi quý vị nhận được số báo này thì tiểu bang Virginia đang vào mùa Đông, có những hôm tuyết rơi trắng xóa và giá lạnh. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn thấy ấm lòng khi nhận được nhiều bài vở khắp nơi cho số báo 83, phát hành vào trước Tết Kỷ Hợi (5 tháng 2, 2019). Ngoài những bài văn thơ chọn lọc và phong phú:

* Về Biên khảo, quý vị chắc chắn sẽ hài lòng với 10 bài được soạn công phu của các tác giả *Tâm Minh Ngô Tăng Giao, Trần Bích San, Nguyễn Văn Thành²³, Phạm Văn Tuấn, Phạm Trọng Lệ, Nguyễn Phú Long, Phạm Thị Nhung (France), Nguyễn Quý Đại (Germany), Mỹ Phước Nguyễn Thanh (France), Nguyễn Văn Nhiệm (Germany).*

* Về Hội họa, chúng tôi đã liên lạc được với 2 họa sĩ Nguyễn Thị Hợp & Nguyễn Đồng ở California, nổi tiếng với những tranh vẽ hay phác họa đầy tình tự dân tộc (trang 180) và hân hạnh được dùng 2 tranh thật đẹp cho bìa trước và sau của số báo này.

* Về Âm nhạc, mời quý vị xem và nghe bản nhạc “Nhớ Tết Năm Xưa” (trang 161), ít phổ biến của cố nhạc sĩ Nguyễn Túc (1923-2009).

Cỏ Thơm cũng xin thành kính chia buồn với tang quyến của: * Thi sĩ Đào Nguyên Nguyễn Văn Nguyễn (1925-2018). Ông đã cộng tác với Cỏ Thơm nhiều năm với những bài thơ có giá trị (trang 196). * Bà Elise Đỗ Thị Thủy (1931-2018), phu nhân của nhà văn Hoàng Hải Thủy (trang 202) – ông bà định cư tại Virginia từ 1994.

Mong quý vị tiếp tục ủng hộ và giới thiệu Cỏ Thơm đến người thân quen. Chúc quý vị nhiều sức khỏe và an vui. Xin hẹn tái ngộ ở số báo 84.

PHAN ANH DŨNG – Richmond, Virginia USA

Khai bút đầu năm
2019.

Hai ngàn mười chín - đầu năm
Cầu chúc An Lạc Thân Tâm mọi nhà
Viên Cổ Thơm tá nữ học
Sẽ còn thơm mãi mãi mà yêu thương
Hôn Đông Phương ở Tây Phương
Cà Sô Văn Học sẽ bừng cho đời
Cỏ Thơm tươi thắm tuyết với
Trân âm Xin gửi tới người Cỏ Thơm



Phan Khâm



MÙA XUÂN THĂM GIÀN THIÊN LÝ

Tôi gửi hồn tôi trên giàn Bí lá xanh...
sương long lanh, có bầy Chim se se
Tôi gửi hồn tôi trên cây Cam, cây Khế
Trên giàn Trầu xanh mượt lá dễ thương
Trên buồng Cau
đêm trăng sáng ngát hương

Trên cành Bưởi
vườn Quê Hương ngọt mật
Xuân lại trở về trên trái đất
Quê Hương tôi xa cách nửa bán cầu
Người, người trở về tấp nập thi nhau
Thăm quê hương
thăm vườn Trầu bông Cãi

Tôi ngồi đây, nghe lòng mình ái ngại!
Tôi băng khuâng...tôi thăm tự hỏi mình
Quê Hương tôi có thật sự Hòa Bình?
Quê Hương tôi
người người đang Hạnh Phúc?
Quê Hương tôi không còn ai oan ức?

Bị tù đầy bắt bớ oan khiên
Có thật sự quê tôi bình yên
Tôi thăm hỏi, rồi tôi thăm nghĩ
Vẫn trùng trùng phi lý!
Vẫn trại giam cải tạo tù đầy!
Triệu người dân vẫn sống cảnh lát lầy
Bút bẻ cong, đầu tự do tư tưởng?

Thư Mùa Xuân tôi thả đi muôn hương
Lời Nguyễn Cửu Xin Đất Nước An Bình
... Thật sự An Bình,

Quê Hương không còn khốn khó
điều linh
Tôi trở lại thăm vườn cây trĩu trái...
Ơi Quê Hương ! Một trời quan tái
Đón gió Xuân nghe xao xuyến tâm hồn!

Lòng giấy âm thầm...
Mực nhỏ chữ cô đơn
Tôi gửi hồn tôi qua muôn trùng hải lý
Tôi thả hồn tôi về thăm giàn Thiên Lý
Ước Nguyễn cuộc đời không còn vị kỷ
Vườn quê hương
tươi nắng mới thanh bình

Đời hiền hòa Người Thương Mến
Chân Tình
Hoa Xuân nở thơm trời quê Đất Mẹ
Đường như không gian vang Lời Kệ
Trầm dâng hương...
Thơ ngát Ý Nguyễn Cửu...

Xuân Hạnh Phúc
trên quê hương Việt Tộc
Đại Hồng Chung ngân vang...
Vườn Chùa, cây xanh lộc
Xuân muôn nhà...
Người trảy Hội Mùa Xuân
Tôi nghe bước hài Xuân
nhè nhẹ rất gần
Tôi Nguyễn Cửu Giác Mơ
thành Sự Thật,

Chuyến tàu ghi danh
tôi là người thứ nhất
Xin trở về Tắm Nắng Mới Quê Hương.

Tuệ Nga

* Trích từ tập thơ "SUỐI HOA"



Năm HỢI nói chuyện HEO TRONG CA DAO TỤC NGŨ

Việt Nam cũng như đa số các nước châu Á khác đều mừng năm mới theo Âm Lịch. Trong văn hóa phương Đông, Heo hay lợn đứng cuối cùng trong 12 con giáp: Tí Sửu Dần Mão Thìn Tị Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi (chuột, trâu, hổ, mèo, rồng, rắn, ngựa, dê, khỉ, gà, chó, heo) và cũng đứng cuối cùng trong lục súc (trâu, ngựa, chó, dê, gà, heo).

Heo (hay Lợn) là loài vật đã gắn bó lâu đời với con người và được người xưa đề cập nhiều nhất khi nói đến trong nhiều câu chuyện về văn hóa đại chúng, trong ca dao, tục ngữ vì ca dao tục ngữ thường đề cập đến nhiều khía cạnh khác nhau trong cuộc sống, đặc biệt là xã hội, gia đình và tình yêu đôi lứa.

Trước hết hình ảnh chú Heo xuất hiện trong công tác tán tỉnh, ve vãn gái của các chàng thanh niên nông thôn. Quan niệm về hôn nhân của giới bình dân này rất mộc mạc, chỉ cần lo làm sao kiếm đủ tiền để nộp “cheo” cho làng, như nuôi heo thì phải vớt bèo:

*“Nuôi heo thì phải vớt bèo
Lấy vợ thì phải nộp cheo cho làng”*

Tiền “cheo” xưa kia là một khoản tiền phải nộp cho làng xã khi người con gái lấy chồng. Khoản tiền này thường do nhà trai lãnh trả như một sinh lễ

trong thủ tục cưới hỏi. Bên nhận là làng của cô dâu. Theo thông lệ thì cheo nộp bằng tiền nhưng cũng có nơi nộp bằng hiện vật tùy theo đòi hỏi của làng.

*“Giúp em quan tâm tiền cheo
Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau”*

Nhân dịp này Heo cũng được luôn luôn nhắc đến vì vai trò quan trọng trong lễ cưới hỏi:

*“Em về thưa với mẹ cha
Bắt heo đi cưới, bắt gà đi cheo
Đầu heo lớn hơn đầu mèo
Làng ăn không hết, làng treo đầu đình
Ông xã đánh trống thỉnh thỉnh
Quan viên níu áo ra đình ăn cheo”*

Khi lập gia đình, khi chọn một người vợ phải xem dòng họ đó ra sao so sánh giống như mua Heo phải chọn nái vậy:

*“Lựa được một con dâu sâu con mắt
Mua heo chọn nái, mua gái chọn dòng”*

Trong nghệ thuật tỏ tình thông thường phải dùng đến văn hoa bóng bẩy nhưng các chàng nông thôn thời chỉ mượn đến con Heo làm phương tiện bày tỏ hầu tìm cách làm quen:

*“Cô kia đi chợ Hà Đông
Để anh kết nghĩa vợ chồng cùng đi
Anh đi chưa biết mua gì
Hay mua con lợn phòng khi cheo làng”*

Nhiều chàng tìm cách tán tỉnh, tỏ tình kín đáo, tuy khéo nói, nhưng vẫn phải nhờ đến chú Heo:

*"Tình cờ bắt gặp nàng đây
Mượn cất cái áo, mượn may cái quần
May xong anh trả tiền công
Bao giờ lấy chồng anh đỡ vốn cho
Anh giúp một thúng xôi vò
Một con lợn béo một vò rượu tăm...
Anh giúp đôi chiếu em nằm
Đôi chăn em đắp đôi tấm em đeo
Anh giúp quan tám tiền cheo..."*

Khi không cưới được người yêu chàng than thân trách phận cho rằng mình giống như cảnh con Heo bị chủ bỏ đói. Nhưng khi ước mơ thành sự thật con Heo không phải hiển mình làm cỗ cưới mà lại là con vật làm chứng cho hạnh phúc lứa đôi. Chàng trai mừng rỡ:

*"Yêu nhau chả lấy được nhau
Con lợn bỏ đói bụng cau bỏ già
Bao giờ sum họp một nhà
Con lợn lại béo cau già lại non."*

Trong bài *"Tát nước đầu đình"*, người con trai bỏ quên cái áo tìm cách tán gái, ngỡ ý nếu em "nhặt được thì cho anh xin" và gợi ý sẽ tiến đến hôn nhân. Hình ảnh chú Heo lại có dịp xuất hiện:

*"Áo anh sứt chỉ đã lâu,
Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng.
Khâu rồi anh sẽ trả công,
Đến khi lấy chồng anh sẽ giúp cho:
Giúp cho một thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm.
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi tấm em đeo.
Giúp em quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cưới,
Lại đèo buồng cau."*

Thi ca trào phúng cũng từng đưa giá trị con Heo lên để so sánh:

*- "Còn duyên anh cưới ba heo
Hết duyên anh đánh ba heo đuổi đi"
- "Nước chảy dưới đèo
Bà già lật đật mua heo cưới chồng
Cưới về chồng bỏ chồng đồng
Bà già mới tiếc ba mươi đồng mua heo"*

Ngoài cái vai trò quan trọng trong cưới hỏi thời đầu Heo (thủ lợn) luôn là một món sính vật quan trọng trong một mâm cúng ở những buổi lễ long trọng hay lễ nghi của người dân hoặc để ám chỉ sự giàu có của chủ nhân:

*"Cồng cộc bắt cá dưới bầu
Cha mẹ may giàu, đám giỗ đầu heo"*

Người Hoa xưa kia với tục lệ trong lễ cưới, có con Heo quay đầy đủ đầu đuôi, sau đêm động phòng hoa chúc, nếu người con dâu không còn trinh trắng trước khi về nhà chồng, nhà trai cắt lỗ tai con Heo quay đó trả lại cho nhà gái. Không rõ tục lệ này còn tồn tại không?

*"Heo lành ai nỡ cắt tai,
Gái ngu chồng bỏ, khoe tài nổi chi?"*

Xã hội nào cũng có sự chênh lệch của hai giai cấp là kẻ giàu người nghèo. Để diễn tả tình trạng này con Heo cũng được lấy làm biểu tượng cho sự giàu có sung túc qua các lễ hội, đình đám, nhất là trong công việc cưới hỏi:

*"Anh là con trai nhà nghèo
Nàng mà thách thế anh liêu anh lo
Cưới em anh nghĩ cũng lo
Con lợn chẳng có, con bò thì không
Tiền gạo chẳng có một đồng"*

*Thiên hạ hàng xứ cũng không đỡ đần
Sớm mai sang hiệu cầm khăn
Cầm được đồng bạc để dành cưới em”*

Con Heo đôi khi là một tài sản lớn nên nhà nông nghèo cũng có lúc trong lễ cưới, trong hôn nhân đành diễn ra thật đơn giản, không cần đầu Heo, thịt thà hay vàng bạc châu báu mà chỉ cần một cặp vịt đôi bông mà thôi:

*“Người ta giàu thì đầu heo mâm thịt
Hai đũa mình nghèo thì
cặp vịt đôi bông
Người ta thách lợn, thách gà
Nhà em thách cưới,
một nhà khoai lang”*

Ngày xưa có nhiều lời oán trách than vãn khi bị “ép duyên”. Nhiều bà mẹ trong gia đình nghèo nhưng lại muốn con gái mình lấy chồng giàu (có heo, có tiền) nên đưa đến những chuyện buồn:

*-“Mẹ em tham thúng xôi dền
Tham con lợn béo,
tham tiền Cảnh Hưng.
Em đã bảo mẹ rằng đừng
Mẹ lờm mẹ nguyệt mẹ bưng ngay vào
Bây giờ chồng thấp vợ cao
Như đôi đũa lệch so sao cho bằng.”
-“Mẹ em tham thúng xôi chiêm
Tham con lợn béo tham tiền hoa-viên”*

Cảnh bị “cha mẹ ép gả làm dâu nhà người” đôi khi mang lại một cuộc sống không mấy hạnh phúc. Nhiều người đã phải than trách vì công việc chăm lo cho heo, cho chó:

*“Tôi về đã mấy năm nay
Buồn riêng thì có, vui rày thì không.
Ngày thời vất vả ngoài đồng*

*Tôi về thời lại nằm không một mình.
Có đêm thức suốt năm canh
Rau heo, cháo chó,
loanh quanh đủ trò.”*

Thời phong kiến đôi khi lại thêm cảnh mẹ chồng khắc nghiệt với nàng dâu. Cô gái mới về nhà chồng thường phải “làm dâu” hầu hạ, chiều chuộng, chăm sóc gia đình nhà chồng rất vất vả nhưng vẫn chịu nhiều bất công, vì vậy mới có câu:

*“Bà con có biết hay không?
Bố chồng là lông con lợn
Mẹ chồng như tượng mới tô,
Nàng dâu mới về là bò chịu chửi”*

Lắm khi vì thương chồng, muốn hy sinh cho chồng con (như chăm sóc cẩn thận cho heo) nên nàng dâu phải gánh chịu nhiều đắng cay:

*“Bởi vì con heo nên
phải đèo khúc chuối,
Bởi vì con muỗi nên phải thả màn loan,
Bởi vì chàng nên thiếp
phải chịu đòn oan
Phụ mẫu nhà đay nghiệt,
thế gian chê cười.”*

*

Trong công tác chăn nuôi hình ảnh chú heo được bộc lộ trong những câu ca dao khen tặng sự khéo léo quanh năm hay làm ăn thành công của những gia đình nông dân:

*-“Giàu lợn nái, lãi gà con”
-“Chăn nuôi vừa khéo vừa khôn
Quanh năm gà lợn xuất chuồng
quanh năm.”
-“Muốn giàu, nuôi heo nái
Muốn lợn bại, nuôi bò câu”*

Heo cũng giúp cho kinh nghiệm của người dân quê Việt Nam trong cách chăn nuôi. Khi không cho Heo ăn đầy đủ, còn bị đói Heo sẽ không nằm mà cứ réo và sẽ bị gày chứ không béo mập:

-“Heo ăn xong, heo nằm: heo béo.

Heo ăn xong, heo réo: heo gầy”

-“Heo đói một bữa

bằng người đói nửa năm...”

-‘Con lợn trắng mắt thì nuôi

Con người trắng mắt là người bỏ đi’

Người ta cố nuôi Heo cho béo mập và hy vọng chúng sẽ đẻ được nhiều heo con để người chủ đem bán lại. Ăn xong Heo thường nằm trong chuồng và “đòi” mua hành cho nó vì thịt Heo rất hợp với món hành hăng hăng ấy theo như cách thức sử dụng gia vị rất tinh tế trong cách ăn uống của người Việt:

“Con gà cục tác lá chanh

Con lợn ụt ịt (ủn ỉn) mua hành cho tôi

Con chó khóc đưng khóc ngồi

Bà (Mẹ) ơi đi chợ mua tôi đồng riềng”

Heo còn được dùng để nói lên nhận xét mang tính chê bai thói lười biếng của người đàn bà không biết nuôi gia súc, tạo ra thiệt hại trong cuộc sống:

“Đàn bà không biết nuôi heo

là đàn bà lười

Đàn ông không biết buộc lạt

là đàn ông hư”

Hình ảnh nuôi Heo cũng được mang ra để so sánh với việc nuôi dưỡng con cái rất khó của cha mẹ trong một gia đình. Cách dạy con trai hay con gái thường khác biệt nhau. Cha mẹ luôn được khuyên nhủ là nuôi con trai mà

không dạy thì cũng giống như nuôi một con lừa (lư). Còn nuôi con gái mà không dạy thì cũng giống như nuôi một con Heo (trư):

“Dưỡng nam bắt giáo như dưỡng lư

Dưỡng nữ bắt giáo như dưỡng trư”

Lợn sẽ là lợn nái nuôi để cho đẻ và đã đẻ nhiều lứa. Một sinh kế của giới nông dân Việt là nuôi lợn này để đem bán nhưng không phải lúc nào cũng kiếm được lời. Lắm khi bán chẳng ai mua. Gánh Heo đi rồi lại gánh về. Từ đó sinh ra những lời châm biếm:

“Ba bà đi bán lợn con

Bán đi chẳng được lon ton chạy về

Ba bà đi bán lợn sề

Bán đi chẳng được chạy về lon ton”

Chú Heo cũng giúp nói lên sự thiếu thật thà của đám con buôn:

“Treo đầu heo, bán thịt chó.”

*

Bản tính người đàn bà nước Việt vốn đảm đang, giỏi trên nhiều phương diện, nhất là lo cho gia đình chồng con. Để diễn tả sự khó nhọc, bôn phận làm vợ và khả năng đa diện của người đàn bà Việt, ca dao từng đề cập tới cái cảnh: “Lừa bị tắt lúc nồi cơm đang sôi, nếu không kịp nhóm lại, cơm sẽ bị “trên sống dưới khê, bón bẻ nhão nhẹt”. Lại còn cái con Heo lòng của ông chồng đang lồng lộn lên cơn nữa. Toàn là những công tác thuộc loại thương khấn, hỏa tốc tới cùng một lúc, thế mà bà nội trợ này giải quyết được êm đẹp:

“Đang khi lừa tắt cơm sôi

Lợn đói, con khóc, chồng đòi tòm tem

Bây giờ lừa đã cháy lên

Lợn no, con nín, tòm tem thì tòm”

Hình ảnh chú Heo cũng từng giúp để nói lên những sự nhẫn nại mà người đàn bà Việt từng hy sinh cho chồng con dù cho lắm khi phải gánh chịu nhiều cay đắng:

*"Bởi vì con heo
nên phải đèo khúc chuối,
Bởi vì con muỗi nên phải thả màn loan,
Bởi vì chàng
nên thiếp phải chịu đòn oan
Phụ mẫu nhà đay nghiệt,
thế gian chê cười."*

Người Việt mình Tết về hay đi xem bói xin quẻ, đây là cái thói bị chê là mê tín dị đoan. Hình ảnh cái chuồng Heo rất bình thường cũng được mang ra để mĩa mai mấy ông thầy bói thầy tướng:

*"Bói cho một quẻ trong nhà
Chuồng heo ở dưới, chuồng gà ở trên"*

Cảnh đa thê của đàn ông dưới chế độ phong kiến khiến tâm tư của người đàn bà nổi lên sự chống đối hờn ghen. Cái chuồng Heo lại được dịp bị nêu ra như một hình ảnh để cảnh cáo đàn mặt người lắm vợ:

*"Một vợ nằm giường lèo
Hai vợ nằm chèo queo
Ba vợ ra chuồng heo mà nằm"*

Con trẻ đôi khi phải lãnh việc trông coi, chăn nuôi chú Heo khi cha mẹ vắng nhà. Tất nhiên nhiều chuyện bất ngờ có thể xảy ra do hậu quả của sự vô tâm của con trẻ ham chơi:

*"Để cho con trẻ ăn chơi giữ nhà.
Bao nhiêu củ rím củ hà
Để cho con lợn con gà nó ăn."*

Thay vì nói rõ ra điều mình muốn là cái gì thì người ta lại thường hay mượn hình ảnh con Heo để diễn tả cái ý nghĩ thầm kín đó:

*"Trông mặt mà bắt hình dong
Con lợn có béo thì lòng mới ngon"*

Cũng có lúc hình ảnh chú Heo được gọi lên để làm phương tiện trách khéo sự thiên vị của người đời:

*"Mèo theo thịt mỡ ồn ào
Cọp tha con lợn thì nào thấy chi!"*

*

Trong tục ngữ Việt Nam chữ "Heo" cũng rất thông dụng qua nhiều câu nói.

Trước hết hình ảnh chú Heo trong chuồng cũng có lúc được mang ra để so sánh với hình ảnh cô gái bên song cửa. Chú Heo trong chuồng chái (chái là gian xép ở 2 đầu nhà) được coi là trông to mập thêm ra. Cô gái xuất hiện thấp thoáng tại cửa buồng sẽ trông đẹp hơn vẻ đẹp thực có của nàng:

"Lợn chuồng chái. Gái cửa buồng"

Các đồ vật đang nguyên lành bình thường lại đem ra sửa chữa thành hư hỏng khiến gây thiệt hại. Người không chuyên môn mà lại hay táy máy vào những việc xa lạ nên dễ làm hư hỏng, đáng tiếc. Bà con chê trách:

"Lợn lành thành lợn què"

Khi muốn diễn tả những câu nói thẳng, không vòng vo tam quốc, đi thẳng vào vấn đề không cần rào trước đón sau. Muốn làm mất đi cái vỏ bề ngoài và làm rõ cái bên trong:

"Nói toạc móng heo"

Khi muốn ám chỉ những kẻ trung gian, môi giới chuyên mua bán bằng nước miếng để thủ lợi:

"Mượn đầu heo nấu cháo"

Heo cũng được nêu ra để phê phán tệ xôi thịt, tranh ăn, tranh hưởng hơn người khác trong xã hội:

"Đầu gà má lợn"

Heo cũng còn là biểu tượng cho sự bần thủ, dơ dáy, tính lười biếng, sự ngu dốt và tính ham ăn, phồn thực. Nói chung bao nhiêu cái xấu trên cõi đời này đều đổ lên đầu con vật hiền lành và tội nghiệp này:

- *"Ở dơ như heo"*

- *"Làm biếng như heo"*

- *"Ngu như heo"*

- *"Mập như heo"*

Hình ảnh Heo thả rông được vẽ ra để chê trách người hoạt động mà không biết cân nhắc tính toán để rồi phải mang thêm việc vô tích sự vào mình:

"Heo trong chuồng thả ra mà đuổi"

*

Cần nói thêm là chú Heo cũng xuất hiện trong tiếng lóng (slang) của Mỹ. Tự điển Merriam-Webster đưa ra mấy định nghĩa về chữ Heo (Definition of pig):

- *an immoral woman; a prostitute*: một người đàn bà vô luân, một gái điếm.

- *a police officer*: một viên cảnh sát.

Trong tiếng Mỹ cũng có thành ngữ:

- *"to make a pig of oneself"*: ăn phàm, ăn tham, ăn uống thô tục như heo (to overeat; to take more of something than anyone else gets)

- *"to buy a pig in a poke"*: mua vật gì mà không được trông thấy hay biết rõ. (Poke là cái túi nhỏ).

- *"pigs might fly"*: heo có thể bay. Ngươi biết đâu một chuyện thần kỳ hay phép màu có thể xảy ra mà ta không ngờ (to mean that something that has just been mentioned is very unlikely to happen).

Cuối cùng có vài hình ảnh về chú Heo cũng cần đề cập tới để phiếm bàn:

- Trước hết là *"Ổng Heo"*, tức là hình ảnh con heo làm bằng đất (thường gọi là heo đất) được coi như là một biểu tượng về tài chính. Như một tập tục, trẻ em cũng như người lớn đều để dành tiền lẻ trong "cái ồng heo đất" này.

- Kế đến là *"Phim Con Heo"*, tên gọi chỉ về những bộ phim làm tình (phim sex) có nội dung dâm ô, đồi trụy, khiêu dâm, mô tả quan hệ tình dục một cách rõ ràng với mục đích kích thích tình dục.

Có người nói "phim con heo" đó là bắt nguồn từ chữ Pháp: *"cochon"*. Tiếng Pháp *cochon* nghĩa là con heo (lợn). Chữ *"cochon"* có nghĩa bóng là bần thủ, tục tĩu. *Histoire cochonne* là chuyện tục tĩu (dirty story).

Từ *cochon* cũng thường được dùng để chửi rửa, chửi thề nữa... "C'est un cochon" (It's a pig) là... đồ con heo!



**Tâm Minh Ngô
Tàng Giao**

(Virginia, Xuân Kỷ

Hợi 2019)

CHÚC TẾT

*xin cầu chúc mọi nhà vui Tết đẹp
nụ cười xinh trên môi mắt hiền ngoan
lời mến thương là niềm tin mở cửa
đón xuân về cùng gió mộng thanh thang*

*tuổi yêu đương, biển trời mây yên ả
ánh bình minh trải xuống nét an lành
tình cho nhau đẹp màu trên hoa lá
đóa mai vàng bên xuân ấm dịu dàng*

*xin cầu chúc mọi nhà vui Tết đẹp
chắp bàn tay đi theo kiếp đời lành
vạn nẻo đến, những ấm nồng vương vấn
mãi cho nhau niềm quý kính chân thành*

*dấu xa xôi, tình gửi theo biển sóng
chảy trôi về miền thanh thản quê xưa
mỗi từng đêm, nhớ thương bên trời mộng
đời ấm vui là nguyện ước cho người*

*xin cầu chúc mọi nhà vui Tết đẹp
trọn kiếp đời luôn thờ kính mẹ cha
ân hiếu nghĩa giữa vòng tay biển ái
bờ bến thương, sóng vỗ bản tình ca*

*xin cầu chúc mọi nhà vui Tết đẹp
gió xuân về, reo tiếng hát trong mơ
trời mây nước, sáng soi niềm hy vọng
Tết quê hương, yêu nhớ mãi nghìn đời*

Trương Đình

UK, sương mù già 2019



SAI LẦM, NGHI VẤN TRONG VĂN HỌC SỬ

**** TRẦN BÍCH SAN ****

Tự Lực Văn Đoàn (TLVĐ) thành lập năm 1933 cách đây chưa tới 1 thế kỷ mà con số thành viên của văn đoàn lại không được rõ ràng. Không có sách nào ghi rõ, đến cả những người có liên quan đến TLVĐ hiện còn sống, cũng đưa ra các con số khác nhau. Một văn đoàn có ảnh hưởng lớn lao đến một thời kỳ văn học với nhiều tác phẩm để đời mà không có chứng liệu khả tín về thành phần. Sai lầm và thiếu sót trong văn học sử là vấn đề mà các nhà biên khảo vẫn hằng lưu tâm.

Lai lịch của nhóm TLVĐ rất rõ ràng, riêng có số thành viên chính thức của văn đoàn là thiếu chính xác. Con số này quả thật mù mờ vì những tài liệu dựa vào trí nhớ hoặc đưa ra bằng chứng không đáng tin cậy.

Nếu căn cứ vào bìa sách những tác phẩm đã xuất bản của nhà xuất bản Đời Nay, với dòng chữ "*Trong Tự Lực Văn Đoàn*" đề dưới tên mỗi tác giả, thành phần chính thức của TLVĐ có 6 người là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ và Tú Mỡ.

Các sách xuất bản và tạp chí viết về thành viên TLVĐ từ trước đến nay gồm có:

- *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* của Dương Quảng Hàm: chỉ đề cập tới 4 người là Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ và Tú Mỡ.
- *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên* của Phạm Thế Ngũ: TLVĐ có 7 người (thất tinh), Nguyễn Gia Trí là thành viên thứ 7.
- *Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn* của Nguyễn Tường Bách: giáo sư Lưu Trung Khảo trong bài giới thiệu tác phẩm tăng số người có chân trong TLVĐ lên 12 và còn đề nghị cho Nguyễn Tường Bách làm thành viên TLVĐ.
- Tạp chí *Làng Văn Canada* tăng số thành viên TLVĐ lên 11 người, thêm Xuân Diệu, Đỗ Đức Thu, Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Tường Hùng.
- *Hồi Ký Về Gia Đình Nguyễn Tường: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam* của Nguyễn Thị Thế, em ruột Nhất Linh: họa sĩ Nguyễn Cát Tường tức họa sĩ Le Mur có chân trong văn đoàn.

- *Chân Dung Nhất Linh* của Nhật Thịnh thuật lại chuyện Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ trong chuyến đi chơi Lạng Sơn năm 1932 thảo luận về việc thành lập văn đoàn thì có Nguyễn Gia Trí.

- *Nhất Linh Trong Tiến Trình Hiện Đại Hoá Văn Học* của Vu Gia (ghi chú lại từ quyển *Tiếng Cười Tú Mỡ*) TLVĐ có 7 người nhưng sau kết nạp thêm Xuân Diệu thành Bát Tú (8 người).

- *Việt Nam Niên Biểu III - Nhân Vật Chí* của Chánh Đạo Vũ Ngự Chiêu: Lý Đông A (đăng trưởng Duy Tân) là thành viên TLVĐ.

- Nguyễn Tường Bách, em ruột Nhất Linh, tác giả *Những Ngày Lịch Sử* nói với Đặng Trần Huân là Xuân Diệu có chân trong TLVĐ, còn Nguyễn Gia Trí thì không.

- *Chốn Bụi Hồng* của Cao My Nhân cho biết đã thấy tận mắt chữ ký của Xuân Diệu cùng với chữ ký của Thế Lữ và Tú Mỡ trong quyết định trao giải thưởng cho tác giả tập thơ *Bức Tranh Quê* là Anh Thơ.

- Bán nguyệt san *Kiến Thức Ngày Nay* số 193 ngày 01/12/1996: Mộng Tuyết có trưng 6 chữ ký của các thành viên TLVĐ khen tặng tập thơ *Phấn Hương Rừng* dự thi giải văn chương TLVĐ năm 1939. Đây là một tài liệu khả tín về con số thành viên TLVĐ.

Cuối cùng, con số thành viên TLVĐ đã có câu trả lời chính xác. Đặng Trần Huân tìm ra di cảo của Nhất Linh được công bố trên Nguyệt San *Văn Học Nghệ Thuật* số 3, 1985 xác nhận Xuân Diệu là người thứ 7 có chân trong TLVĐ (*Chữ Nghĩa Bê Bê*, Đặng Trần Huân, Văn Mới, CA, Hoa Kỳ, 2000).

Giả thử không có bút tích của Nhất Linh, nếu xét về việc làm, bài viết mà những thành viên đã đóng góp để chuyên chở tinh thần, chủ trương, đường lối của TLVĐ thì việc Phạm Thế Ngũ liệt Nguyễn Gia Trí vào thành viên TLVĐ chưa chắc đã sai. Cái sai trong trường hợp này là ông dẫn từ một xuất sứ không đáng tin cậy.

Việt Nam Văn Học Sử Yếu chỉ nêu tên có 4 người trong nhóm TLVĐ cũng không hẳn là thiếu sót nếu xét đến thời điểm tác phẩm này được hoàn thành. Tác phẩm được soạn thảo xong năm 1941 (1944 là năm xuất bản), TLVĐ lúc đó còn quá mới mẻ. Dương Quảng Hàm là người cùng thời nên thừa biết trong TLVĐ có Thạch Lam, Hoàng Đạo, nhưng vốn cẩn trọng và vào lúc soạn thảo ông chỉ chắc chắn Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Tú Mỡ xứng đáng vào văn học sử [01]. Vào thời điểm đó, sự nghiệp văn học cũng như tầm ảnh hưởng của Hoàng Đạo, Thạch Lam (với ông) chưa được xác định.

Võ Phiến trong *Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam 1954-1975*, trong *Lời Nói Đầu* giải thích lý do đã quyết định viết tác phẩm:

Hoặc có người bảo: "Hãy thông thả làm gì mà cuống lên thế. Bây giờ chưa có phê bình thì rồi sau sẽ có. Muốn phán đoán công bình sáng suốt cần có một khoảng cách thời gian!". - Có lẽ thế! Nhưng trước khi có sự công bình sự sáng suốt hãy chỉ mong được chút lưu tâm. Và lại kẻ đồng thời nếu thiếu sáng suốt thì lại có sự cảm thông của người trong cuộc.

Vào năm 1941 Thạch Lam không nổi tiếng như Nhất Linh hoặc Khái Hưng, nhưng càng về lâu ông lại là người có địa vị cao hơn những thành viên khác của TLVĐ về phương diện nghệ thuật. Nhiều tác giả lúc đương thời tưởng như sẽ lưu danh muôn thuở nhưng vài chục năm sau không còn ai nhắc hay nhớ tới nữa.

Trong số 45 nhà thơ được đề cập tới trong *Thi Nhân Việt Nam*, tác giả Hoài Thanh tiên đoán trong phần "*Nhỏ To*":

4000 người có thơ đăng báo in sách, chừng 40 người có thơ trích trong quyển này, và may mắn ra 4 người sẽ có tên lưu truyền hậu thế!

Tác giả đã xem ít ra là 50 quyển thơ và đã đọc tất cả 10,000 bài thơ, trong số ấy có non 10,000 bài dở. Sự lọc lựa tác gia và tác phẩm của một quyển phê bình văn học đã khó khăn như thế thì với sử văn học phải kỹ lưỡng hơn nhiều.

▪

Trong lãnh vực biên khảo không tác phẩm nào được viết bởi một tác gia mà hoàn toàn không có thiếu sót và sai lầm. Một nhà văn học sử khó có thể đơn độc đính chính tất cả sai lầm, đánh tan các nghi vấn trong suốt quá trình diễn tiến của văn học Việt Nam từ chữ Nho, chữ Nôm, đến Chữ Quốc Ngữ. Ý thức trước điều đó nên các tác gia văn học sử chỉ đề tên sách là sử yếu, giản ước, lược đồ. Tuy nhiên, tác phẩm biên khảo của tác gia có uy tín rất ít sai sót và đáng tin cậy nhờ ở đức tính cẩn trọng, kiến văn quảng bác, nghiên cứu có phương pháp, tài liệu dồi dào và có thời gian cần thiết để so sánh cân nhắc những dữ kiện văn học khác nhau.

Con số khác nhau về thành viên TLVĐ không phải là một trường hợp đơn độc. Trước đây đã có những nghi vấn về tác gia, tác phẩm, nhiều vụ trích dẫn lại từ những tài liệu sai lầm đã xảy ra chỉ vì không đủ tài liệu cần thiết để phối kiểm nên để lập lại những sai lầm của người khác.

Thời tiền chiến Ứng Hoè Nguyễn Văn Tố đính chính nhiều bài văn cổ trên tờ *Tri Tân*, tác giả Bằng Giang, Trần Văn Tích, Nguyễn Đông Thành nêu nhiều sai lầm và nghi vấn văn học. Xin nêu một số trường hợp:

- Nguyễn Công Trứ mất năm 1858 hay 1859? Nguyễn Khuyến chết năm 1909 hay 1910? Trần Trọng Kim sinh năm nào? 1882 hay 1883?. Phạm Quỳnh sinh năm 1890, 1891 hay 1892? Tản Đà có hai năm sinh và bốn ngày chết, năm nào ngày nào khả tín?

- Trần Trọng Kim từ trần ngày 02 tháng 12, 1953 tại Đà Lạt. Tác giả Chánh Đạo Vũ Ngự Chiêu ghi là mất ở Hà Nội (*Việt Nam Niên Biểu III - Nhân Vật Chí*, trang 530).

- Nguyễn Khuyến có tài liệu ghi là sơ bổ Đốc Học Thanh Hoá, có tài liệu ghi là Nội Các Thừa Chỉ.



Phan Huy Ích

- Về thân phận Lê Ngọc Hân, tác giả *Ai Tư Văn, Văn Tế Vua Quang Trung*, có thuyết cho rằng sau khi diệt được Tây Sơn, thống nhất đất nước, vua Gia Long nạp bà làm phi. Thuyết khác cho rằng sau khi nhà Tây Sơn bị diệt bà cùng 2 con giả dạng dân đi buôn trốn về miền quê ở Quảng Ngãi. Ít lâu sau tung tích bại lộ, bà và 2 con bị bắt đem về Thuận Hóa gia hình *Tam Ban Triều Điển* 三頒朝珍 [02].

Sau này, sự thật lịch sử được sáng tỏ nhờ Hoa Bằng tìm thấy bài văn tế bằng chữ Nôm của Phan Huy Ích làm tế Vũ Hoàng Hậu (tức miếu hiệu của Lê Ngọc Hân) từ trần vào năm Kỷ Mùi 1799 đời Cảnh Thịnh trước khi Gia Long thống nhất đất nước (trong *Dụ Am Văn Tập* có 5 bài văn tế của Phan Huy Ích, *Quốc Văn Đồi Tây Sơn*, Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm).

- Chu Thần có sách ghi là "Tự", có sách ghi là "Hiệu" của Cao Bá Quát trong khi Tự và Hiệu khác nhau [03].

- Theo Dương Quảng Hàm tên tác giả *Truyện Kỳ Mạn Lục* thì là Nguyễn Dữ, nhưng theo *Tân Biên Truyện Kỳ Mạn Lục Tăng Bổ Giải Âm Tập Chú* của Nguyễn Bích (in năm 1763) thì lại là Nguyễn Dư.

- Dịch giả *Bích Câu Kỳ Ngộ* là vô danh hay Vũ Quốc Trân?

- Tác giả *Nhị Độ Mai* là vô danh hay Hồ Quốc Lộc (1734-1971)?

- Bài văn tế mã một sĩ quan Pháp tử trận là của Nguyễn Khuyến hay một nho sĩ ở Thái Bình?

- Hoàng Xuân Hãn với các tài liệu xác thực chứng minh bản dịch *Chinh Phụ Ngâm* được truyền bá khắp dân gian mà mọi người biết đến hiện nay là của Phan Huy Ích. Đoàn Thị Điểm cũng có diễn nôm *Chinh Phụ Ngâm* nhưng không hay bằng (*Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo*, nxb Minh Tân, Paris, tháng 07, 1953).

- Bài thơ *Vào Hè*: Nguyễn Tường Phượng và Bùi Hữu Sùng cho là của Nguyễn Khuyến, Nghiêm Toản nói của Dương Bá Trạc, *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* lớp Sơ Đẳng, Nha Học Chính Đông Pháp xuất bản do Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Thận hợp soạn thì không ghi tên tác giả, chỉ đề là "Thơ Cổ". Trong thi phẩm *Còn Vàng Trong Gió* của Thân Thị Ngọc Quế (lấy con Dương Bá Trạc là họa sĩ Dương Cẩm Chương) có đăng lại bài thơ và ghi là trích từ tập thơ *Nét Mực Tinh* của Dương Bá Trạc xuất bản năm 1938 nhưng không ghi tên nhà xuất bản.

Nguyên văn bài thơ *Vào Hè*:

*Ai sui con quốc gọi vào hè
Cái nóng nung người nóng nóng ghê
Ngõ trước vườn sau um những cỏ
Vàng phai nắng nhạt ngán cho huê
Đầu cành kiếm bạn oanh xao xác
Trong tối đưa bay đóm lập loè
May được nồm nam cơn gió thổi
Đàn ta ta gảy khúc Nam nghe.*

KẾT LUẬN

Những sai lầm, thiếu sót thuộc về lịch sử văn học cần có thời gian để phát hiện, gạn lọc, bổ túc. Công việc lâu dài đòi hỏi kiên nhẫn cần những người như Hoàng Xuân Hãn, Trần Văn Tích, Bằng Giang, Nguyễn Đông Thành, Đặng Trần Huân bỏ công sưu tầm tài liệu, so sánh mâu thuẫn đưa ra ánh sáng những thiếu sót, đính chính các dữ kiện sai lầm.

Linh Mục L. Cadière sau khi viết xong bài *Nghiên Cứu Về Lũy Thầy* có nhận xét vào năm 1906:

Khi mà hàng trăm người làm xong những công việc nhỏ nhỏ như thế này rồi thì những người khác sau này mới có thể viết một bộ sử cho xứ An Nam.

TRẦN BÍCH SAN

CHÚ THÍCH



[01] Một bằng chứng về tính cần trọng của Dương Quảng Hàm:

Văn Đàm Bảo Giám của Trung Nhân Viên và nhiều tài liệu khác có ghi một bài thất ngôn tứ cú nhan đề là Bài Văn Đuôi Cá Sấu hay *Văn Tế Cá Sấu* mà tác giả được cho là Hàn Thuyên. Nhưng phong cách bài thơ quá mới, không thể là phong cách của đời Trần mà chữ dùng lại không hề có một tiếng Việt cổ và còn tân thời hơn cả *Quốc Âm Thi Tập* của Nguyễn Trãi... Nếu theo sử hiện đại thì thái độ của nhà nghiên cứu văn học Dương Quảng Hàm rất đáng để ý: Trong cả bốn bộ sách *Quốc Văn Trích Diễm* soạn năm 1925, *Văn Học Việt Nam* soạn năm 1939, *Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển* và *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* soạn năm 1941, tác giả họ Dương đều không hề đan cử bài văn tế cá sấu, mặc dầu ông có trích dẫn thơ được cho là của Trần Đế Quý Khoách và Nguyễn Biểu. Riêng *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* tuy dành hẳn một chương nhan đề "*Hàn Thuyên và các bài mô phỏng ông*" nhưng, như đã nói, cũng không có bóng dáng bài thơ ngán ngạc ngư... Bài *Văn Tế Cá Sấu* được đăng trên *Tứ Dân Văn Uyển* những năm đầu thập kỷ 30. Hoạt động văn học thời Pháp thuộc trong thực tế có trung tâm ở Hà Nội. Là một nhà biên khảo uyên bác và cần trọng, vị tiền bối họ Dương không thể không biết đến bài *Văn Tế Cá Sấu* đương làm xôn xao dư luận, đương làm rúng động văn đàn. Vậy mà ông không hề đề cập tới (Trần Văn Tích, *Sự Muôn Năm Cũ* trang 47,49,50).

[02] *Tam Ban Triều Điển* 三頒朝珍: 3 cách tử hình triều đình nhà Nguyễn dành cho tội nhân quý tộc lựa chọn để tự xử là thuốc độc, giải lụa thắt cổ, đoản đao đâm cổ. Vua Hiệp Hòa sau khi bị truất phế hai vị phụ chánh là Nguyễn Văn Tường và Tân Thất Thuyết dùng *Tam Ban Triều Điển* giết chết bằng thuốc độc.

[03] Ngày xưa, từ khi sinh ra đến năm 19 tuổi con trai được gọi bằng tên tục tức là tên húy. Từ 20 trở đi con trai bắt đầu đội mũ (mào), sau khi làm lễ đội mũ gọi là lễ gia quan thì người thanh niên mới có tên "tự" (tự hiệu). Do đó tuổi 20 được gọi văn hoa là tuổi nhược quan 弱冠 (quan là cái mũ, tuổi 20 là tuổi nhược), dưới 20 là tuổi vị quan 未冠. Với những người trong giới văn chương thì có thêm "hiệu" (biệt hiệu). Hiệu để trước họ, tự đặt sau họ. Thí dụ: Thanh Hiên Nguyễn Tố Như (Nguyễn Du), Thanh Hiên là hiệu (biệt hiệu), Nguyễn là họ, Tố Như là tự (tự hiệu), còn Du là tên húy hay tên tục.
(Trần Văn Tích, *Sự Muôn Năm Cũ*, *Tên, Tự, Hiệu*, các trang 12-27).

DÃ CÓ BÁN



VĂN HỌC VIỆT NAM

Tác phẩm mới nhất của **Trần Bích San**
nhà xuất bản **☒ Cỏ Thơm**

- **Cộng Sản hủy diệt, người Việt Quốc Gia bảo tồn, gìn giữ nền văn hóa nhân bản dân tộc.**
- Tác phẩm bao gồm các yếu tố căn bản của nền Văn Học Việt Nam. Truy tìm tận gốc rễ sự thực các dữ kiện văn học tiềm ẩn chưa phát hiện. Hiệu đính sai lầm, bổ túc thiếu sót trong Văn Học Sử.
- Một quyển sách không thể thiếu trong mỗi gia đình người Việt hải ngoại.
- Công trình biên soạn công phu trong 20 năm. Sửa chữa và bổ túc trong 3 năm. Sách dày 1200 trang, khâu chỉ, bìa cứng, bọc plastic, chữ vàng, hơn 500 hình ảnh, tài liệu quý hiếm.
- **Giá bán \$50. Độc giả ở Hoa Kỳ miễn phí shipping. Tất cả tiền bán sách (vốn & lời) được dùng tặng quỹ yểm trợ Thương Phế Binh VNCH của Nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế ở Saigon. Tổng số tiền yểm trợ và biên nhận tiền gửi sẽ được công bố trên báo chí. Check hay Money Order trả cho THÁI TRẦN.**
- *Mua sách xin liên lạc:*
Tiến Sĩ Trần Gia Thái, Ph.D.
hoặc **Trần Ngọc Châu**
P.O. Box 740248
New Orleans, LA 70174
(504) 615-5606 - (504) 263-5661
Email: chautran6@aol.com

Tình Xuân

Tháng ba len lén xuân em đến
Thơm hương mùa ươm gió đầu đây
Sương lên nhàn nhạt nắng gầy
Không gian như đã đắm đầy tình xuân.

Ý Anh

Gọi Xuân

Quanh góc núi mây say hồng ủ nắng
Rừng cây gầy rủ lá trắng ẩn sương
Em qua chợt nhớ con đường
Trời đông hoa nở lạ thường gọi xuân.

Ý Anh



Xa Người

Không Có Một Mùa Xuân

Em ở đầu sông. Anh cuối sông.
Nhớ nhau, nhìn con nước xuôi dòng
Ngày Xuân em có mặc áo mới?
Màu áo hoa đào năm trước không?
Quê người không có một mùa Xuân,
Chỉ thấy vầy quanh: tuyết trắng ngần!
Trong chốn bụi hồng thân lưu lạc.
Xa người không có nỗi mùa Xuân!

Quê nhà giờ chắc đông vui lắm?
“Om xòm trên vách bức tranh gà
Đi đệt ngoài sân tràng pháo chuột” (1)
Đường phố tung bừng những chợ hoa.
Mẹ già giờ chắc đang lễ Phật?
Tâm thành khẩn nguyện
khắp mười phương,
Cầu, xin cho đưa con phiêu bạt,
Tâm, thân an lạc chốn tha hương.
Các anh giờ chắc đang vui Tết?
Trên bếp lửa hồng, nôi bánh chưng.
Các chị giờ đang may áo Tết?
Cho đưa con thơ má đỏ hồng.
Bao giờ trở lại quê hương nhỉ?
Đưa em đi tìm những mùa Xuân,
Anh sẽ cầm tay em nói nhỏ,
Đóa hoa đẹp nhất của lòng anh.

Tạ Quang Trung

Chú thích (1): Thơ Trần Kế Xương

**Đêm Trừ Tịch Uống Trà,
Nhìn Hoa, Nhớ Người**

Tà áo em xanh màu ngọc bích.
Dịu dàng e ấp dáng trinh nguyên.
Em là ánh lửa chiều đông giá.
Anh gọi tên em là Thủy Tiên.

Tạ Quang Trung

VỀ BÀI THƠ

“THIỆU NỮ NGỦ NGÀY” của HỒ XUÂN HƯƠNG

**** Nguyễn Phú Long ****



Chúng ta ai nấy đều rõ Hồ Xuân Hương là tác giả bài thơ rất phổ thông nhan đề “Thiếu Nữ Ngủ Ngày”, thực hiện theo thể Đường Luật nội dung như sau:

*Trưa hè hây hẩy gió nồm đông,
Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng.
Lược trúc lỏng cài trên mái tóc;
Yếm đào trễ xuống dưới nương long.
Đôi gò bông đảo sương còn ngậm;
Một lách đào nguyên suối chứa thông.
Quần tử dùng dằng đi chẳng dứt
Đi thì cũng dờ ở không xong.*

Nhân tiện giới thiệu bài thơ trên, trước hết xin phép nói đôi điều về nữ sĩ Hồ Xuân Hương, một thi nhân thật đặc biệt của nền văn học nước ta, được nhiều người yêu mến. Bà là con ông Hồ Sĩ Danh (1706-1783) đương thời với Tiên Điền Nguyễn Du (1765 -1820), là em cùng cha khác mẹ với quận công Hồ Sĩ Đống (1738 -1786). Thân thế và sự

ngiệp có thể nói là lấy lừng, nhưng tiếc thay đến bây giờ mọi người chỉ còn biết quá sơ sài về tiểu sử thơ văn độc đáo của bậc nữ lưu có một không hai này.

Hồ Xuân Hương là nhà thơ ít nói đến mấy đề tài lớn, chải chuốt, mơ mộng, tháp ngà, than mây khóc gió, mà chỉ thường đề cập tới những vấn đề xã hội thực tế, thông thường, tinh nghịch, sắc bén, cứng cỏi, mỉa mai, lãng mạn, táo bạo, bình dân...

Với nội dung theo cái dòng thơ như thế... có lẽ, Hồ Xuân Hương không sáng tác cách thông thường, nặng phần trình diễn, trịnh trọng, giống như lề lối làm việc của một số văn nhân thi sĩ khác.

Cũng với nội dung ấy thơ Hồ Xuân Hương, thường là ngắn gọn, thường là tứ tuyệt, “bốn câu ba vần”, độc giả cảm nhận thoải mái. Từ đó người ta có ý

nghĩ tưởng tượng sự sáng tác của Hồ Xuân Hương dễ dàng như thò tay lấy đồ trong túi, xuất khẩu thành thơ chữ không phải là mất công chú tâm trầm ngâm, tìm vần, ghép vụn...

Trên nguyên tắc, đôi khi chúng ta nghĩ rằng, theo thứ tự, để bắt đầu, trước tiên người viết phải sửa soạn giấy mực thời gian, rồi khoan thai ngồi trong phòng văn yên lặng, rồi mới suy nghĩ tìm tòi những ý tưởng muốn bày tỏ, rồi sau cùng tiếp theo mới.... “nhả ngọc, phun châu”.

Điều ấy đúng. Nhưng thực sự đây chỉ là một trường hợp của bắt đầu. Bắt đầu như thế không linh động, có thể làm độc giả xem qua đôi khi biết là trình diễn, gượng gạo, gò bó, khô khan...

Bắt đầu thường, hầu hết là sự gặp gỡ một vấn đề, một hình ảnh, một câu chuyện cách tự nhiên. Sự gặp gỡ này không do chủ tâm đi tìm, ngồi nghĩ ngợi. Nó xảy tới tình cờ trong lúc sinh hoạt hàng ngày bình thường, tự nó hiện ra, ập tới để người viết ghi nhận được một cách bất chợt.

Xin mở dấu ngoặc ở đây là, như thế đôi khi những người khác cũng nhìn thấy giống các văn thi sĩ vậy, nhưng họ chẳng để tâm ghi nhớ, không có ý định viết hoặc kể lại sự việc làm gì, họ coi đó là bình thường, hình ảnh nọ cứ tuần tự tiếp nối hình ảnh kia, chuyện nọ kéo theo chuyện kia liên tục sớm trưa chiều tối.... khép ngoặc.

Nếu chấp nhận như thế thì sự bắt đầu để thi sĩ Hồ Xuân Hương sáng tác bài Thiếu Nữ Ngủ Ngày nhiều phần có thể là, thoát tiên một buổi trưa chợt thấy cô thiếu nữ nằm ngủ say sưa làm cho tấm yếm đào trĩu xuống...

Sau khi âm thầm lặng lẽ “thấy” như vậy, tác giả nảy ra ý viết một bài thơ, mới vào thư phòng, làm việc. Như một người chăm lo vườn tược, lúc sau đó, nhà thơ mới o bế, cân nhắc, vần điệu, bằng trắc, luật lệ.

Mấy chi tiết như lược trúc, gò bông đảo, lách đào nguyên... chỉ là kiến thức, khả năng chuyên môn. Chỉ là kỹ thuật cần thiết bắt buộc phải có cho cân xứng đúng luật lệ của một bài Đường thi.

Hai câu kết với hình ảnh người quân tử “dùng dằng” đắc địa vô cùng. Sự thêm thắt dựng nên một nhân vật đầy “sĩ diện” ấy đã trọn vẹn mô tả cái tâm lý của lòng dạ mấy đấng mày râu, khi không, đột ngột dựng đầu trường hợp khó giải quyết, phân vân chẳng biết tính ngả nào giữa “mối lợi” và “tư cách” từ trên trời chợt rơi xuống bầy giờ.

Đó là sáng tác! Thực sự chưa chắc có chàng nho sĩ nào lưng đeo bầu rượu túi thơ lảng vảng lang thang quanh đây, lúc đó... mà chỉ có một mình Hồ Xuân Hương và thiếu nữ đang thiêm thiếp ngủ trong không gian yên tĩnh.

Bài thơ Thiếu Nữ Ngủ Ngày với khung cảnh khá êm đềm, có lẽ chung quanh

lặng lẽ vắng vẻ lắm, khiến ban đầu chỉ tính nằm chơi mà gió nồm đông hây hây đã khiến cô gái thiếp đi làm áo xiêm xộc xệch tạo nên bức tranh quê rất quyến rũ.

Hình ảnh nhàn hạ thanh bình và hơi lãng mạn. Là thi sĩ, nghìn năm một thuở, đâu dễ dàng gì bỏ qua! Nên một bài thơ để đời đã ra đời...và bài thơ còn đó mãi mãi.

Song giá nội dung có thêm chi tiết nhỏ để độc giả biết rõ hơn về nơi chốn đã sáng tác thì thật mười phần tuyệt vời hoàn hảo.

Đừng nghĩ “được voi đòi tiên”. Bài thơ Thiếu Nữ Ngủ Ngày thật tuyệt vời rồi! Phổ biến cùng khắp rồi! Vậy muốn nó mang thêm nơi chốn sáng tác trong đó để làm gì? Thừa rằng, đối với mấy bài khác như Phận Ốc Nhồi, Quả Mít, Đánh Đu, Cái Quạt, Bánh Trôi Nước thì chẳng cần vì ở đâu mà không thấy mấy thứ ấy! Song đặc biệt bài thơ Thiếu Nữ Ngủ Ngày lại khác, nào phải chỗ nào cũng có thể bắt gặp thiếu nữ ngủ ngày, cho nên nếu có thêm nơi chốn khiến tác giả sáng tác thì tác phẩm này giá trị đầy đủ trọn vẹn đặc thù hơn.

Bài Đường thi chỉ gói ghém trước sau có tám câu, mỗi câu bảy chữ thôi, chẳng thêm không bớt được. Tuy nhiên muốn trình bày, muốn có chi tiết nơi chốn cho bài thơ này cũng là vấn đề không khó khăn lắm. Và quan trọng là chẳng mắc tội sửa đổi văn thơ, chữ

nghĩa của tiền nhân. Xin thử trình bày hơi vòng vo như sau:

Thứ nhất: Nhớ xưa khi Tản Đà trở lại quê hương ở Khê Thượng Bát Bạt Sơn Tây sau hơn mười năm lưu lạc, để kỷ niệm, đã làm bài thơ tả nỗi lòng kẻ trở về, được người anh ruột, Ông Nguyễn Mạnh Bông in trong cuốn Tản Đà Văn Vãn nhà xuất bản Sống Mới ở Hoa Kỳ (trang 89) nhan đề: “Về Quê Nhà cảm Tác-1934” thật rõ ràng ai mới đọc đã hiểu sơ sơ, xem tiếp thì biết ngay là Ông Âm Hiếu đang trở về với hình ảnh Ba Vì, Tây Lĩnh, họ hàng sau 13 năm lưu lạc!

Ai đặt tên bài thơ như trên? Chưa chắc là Tản Đà. Nhiều khi thi sĩ chỉ làm thơ thôi. Có thể khi đem phổ biến người anh mới đưa vào. Nhan đề bài thơ này đầy đủ chi tiết quá! Hơi dài! Rút gọn: “Ngày Trở Về” hoặc “Về Thăm Quê Cũ” v...v...nội dung cũng không biến đổi gì. Nay đối với bài Thiếu Nữ Ngủ Ngày, nếu theo lối ấy nhưng thay vì rút ngắn lại, thì kéo dài ra, mục đích để đưa thêm chi tiết nơi chốn đã sáng tác vào.

Thứ nhì: Ở miền Bắc, nhất là tỉnh Sơn Tây con gái thường mặc yếm. Sơn Tây có bài đồng dao “Con gái Sơn Tây yếm thúng tày giần” trẻ em vẫn thường tụ tập nghề ngao rất vui.

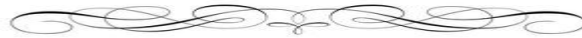


Thứ ba: bà Hồ Xuân Hương lấy ông Tổng Cóc là dân Sơn Tây, đã về ngụ tại Sơn Tây một thời gian. Xin coi “Tổng Cóc & Xuân Hương” đã phổ biến trên tam cá nguyệt san Cỏ Thơm và in nơi cuốn sách nhan đề Dấu Chân Kỷ Niệm, nhà xuất bản Hoa Tiên, từ năm 2005.

Vậy biết đâu Hồ Xuân Hương chẳng sáng tác bài thơ này khi ở Sơn Tây với “người mẫu” là cô gái Sơn Tây mặc yếm đào bằng xương bằng thịt trăm phần trăm! Có thể lắm! “Có bột mới gột nên hồ.” Nếu đúng thế, nếu nhan đề bài thơ rõ ràng là “Thiếu Nữ Sơn Tây Ngủ Ngày” thì đặc thù hơn, thú vị hơn, đầy đủ chi tiết hơn.

Trên đây chỉ là một giả thiết, “nếu đúng thế!” Nhưng cũng có thể “chẳng đúng thế”. Xin nêu lên như thế để cùng suy nghĩ cho vui “một vài trống canh” chứ không dám cả quyết điều gì, cũng đâu quan trọng gì!

Nguyễn Phú Long



NGỌN NẾN GIAO THỪA

*Lung linh ngọn nến giao thừa
Môi em một nụ hoa vừa nở ra
Theo dòng ký ức trôi qua
Hồn tôi điệu vợi ngân hà đêm nao
Mở tung cánh cửa ngàn sao
Suối tóc trừ tịch cuộn vào ý thơ
Vin cảnh nẩy lộc mỗi tơ
Xinh xinh con bướm đầu giờ hợp hôn.*

Phan Khâm

LỜI CHÚC ĐẦU NĂM

Mỗi Năm, thêm một tuổi đời
Thời gian là lượng của Trời ban cho
Tết về chúc các **Bé Thơ**
Trọn niềm hạnh phúc ước mơ gia đình
Miệng cười em bé thật xinh
Ngao ăn, chóng lớn, thông minh rạng ngời

Mỗi Năm, thêm một tuổi đời
Thời gian là lượng của Trời ban riêng
Chúc mừng nam nữ **Thiếu Niên**
Hồn nhiên vui tuổi thần tiên ngọc ngà
Vươn lên như những cánh hoa
Là nguồn hy vọng chan hòa tương lai

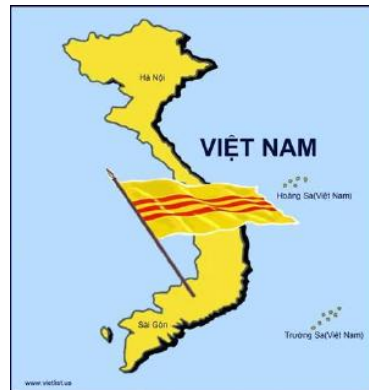
Mỗi Năm, thêm một tuổi đời
Thời gian là lượng của Trời thiêng liêng
Xuân về, chúc bạn **Tráng Niên**
Niềm mơ lý tưởng trung kiên đạt thành
Thỏa lòng thăng tiến tài danh
Thanh niên gốc Việt, tiếng lành khắp nơi

Mỗi Năm, thêm một tuổi đời
Thời gian là lượng của Trời cho ta
Tân Niên, kính chúc **Bạn Già**
Dồi dào sức khỏe, mặn mà Thơ Văn
Tình đời, rũ hết bần khoản
Chuyện đời buông bỏ, vui thanh thỏa đời !

Mỗi Năm, thêm một tuổi đời
Thời gian là lượng của Trời ban ra
Hương về Đất Tổ Quê Cha
Nguyện cầu lịch sử Nước nhà sang trang
Việt Nam sạch bóng sai lang
Toàn dân hạnh phúc, xóm làng yên vui.

Trần Quốc Bảo

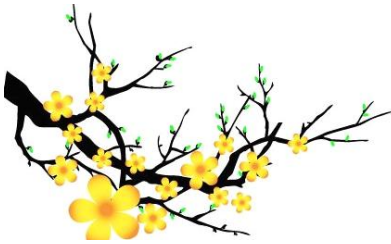
Richmond, Virginia



TẾT THA HƯƠNG

Gặp buổi Xuân về lại ở xa
Đêm ngày mong mỗi cõi sơn hà
Phương trời đen nọ, mây còn vẫn
Mái tóc xanh này, tuyết đã pha
Ngao ngán quê người đau dạ trẻ
Bâng khuâng đất khách xót gan già
Xuân này tạm biệt nơi quê cũ
Chờ mấy Xuân sau trở lại nhà

Đào Nguyên



MÙA XUÂN... THÀNH CỔ

Đợi mãi em về đọc lại thơ
Ngày xanh bút tích chữ phai mờ
Nhìn tranh mai thắm màu loang lổ
Ngắm ảnh bướm vàng cánh xác xơ
Chim bỏ rừng xưa thương nhớ cội
Thuyền lìa sông cũ luyến lưu bờ
Đêm xuân mưa viếng thăm thành cổ
Thành thót giọt buồn đổ giấc mơ.

Lý Hiểu

MAI, TUYẾT VÀ MÙA XUÂN

lạnh lùng tết giữa trời tây
ai đem bông tuyết rắc đầy lối xuân
chẳng mai vàng nở trước sân
người đi hái lộc ngại ngần cành trơ

lò hương khói tỏa vật vờ
dấu xưa giờ đã cách xa vạn trùng
quê người xuân giữa ngày đông
ai thêm son phấn cho lòng quạnh hiu

ừ thì xuân cũng dập dìu
cồn mai dậm tuyết trăm
chiều vẩn vương
tuyết đây ngập trắng nẻo đường
mai vàng xưa, nỗi nhớ rừng mắt người
cánh chim khản giọng cuối trời
ý xuân dường cũng rã rời tái tê.

nguyễn vô cùng

THƠ SƯƠNG

Này ý thơ sương mới nửa vời
Trải lòng ly khách đến bao nơi
Chợt nghe man mác khơi hồn nước
Càng thấy bâng khuâng chạnh nỗi đời
Đâu sắc mai vàng đang nở rộ?
Mấy mùa tuyết trắng đã giãng phơi
Đón xuân giữa đất trời xa lạ
Đá cũng buồn đau chuyện thế thời!

Nguyễn Kinh Bắc

VỀ HƯU

** Trương Anh Thụy **

Ông ta chưa bao giờ tự cho mình là người quan trọng trong cái sở này. Có lúc ông còn nghĩ là nếu có một sáng ông không xuất hiện trong cái “chuồng chim” (cubicle) rộng mỗi bề ba thước này nữa, thì cũng chẳng có sao. Sẽ chẳng ai thấy thiếu vắng ông và công việc vẫn cứ chạy đều. Cho đến một hôm ông tâm sự với mấy bạn đồng nghiệp ngồi ở các “chuồng chim” chung quanh, là ông có ý định về hưu non, nhân dịp chính phủ cho một món tiền thưởng trong chương trình “mua đứt” (buy out) để dụ nhân viên tình nguyện về hưu sớm, từ đó ông trở nên quan trọng... Điều đó có thể chứng minh dễ dàng vì chỉ trong nửa ngày là tin “về hưu non” của ông lan ra gần hết tầng lầu 4, nơi ông làm việc. Sau đó ông chẳng có cách nào kìm hãm cho nó khỏi lan đi các tầng khác.

Đã nửa năm nay, từ khi ông tiết lộ ý định về hưu non với đồng nghiệp, ông vẫn chưa hiểu vì lý do gì mà người ta đồn đại đi nhanh thế. Những người ngồi xung quanh chú ý đến chuyện về hưu của ông đã đành, lại những người ngồi ở những chỗ xa xôi cũng kiếm cơ chạy đến mượn quyền tự vị hay nhờ chỉ cách xử dụng cái “software” mới...v...v... để hỏi thăm chuyện về hưu của ông. Ông bị người ta cật vấn, rồi

đưa ra những lời bàn, những đề nghị chẳng đâu vào đâu, nhiều đến nỗi ông hối hận đã tiết lộ tin về hưu quá sớm. Gần như sáng nào một cô cao to mũm mĩm trong cái “chuồng chim” bên tay phải cũng vắt hai quả tuyết lê bụi như hai cái giành qua bức tường ngăn lửng, để thì thào:

- Tom! Tom! Sao? Báo cho xép biết chưa?

Tên ông ta là Thiệp nhưng trong sở cứ gọi là Tom cho nó dễ. Câu chuyện thuộc đề tài “về hưu” quen thuộc đến độ ông không cần hỏi lại cô ta là định nói “báo” cái gì, ông cũng thừa hiểu. Ông nói sáng:

- Chưa.

- Thế bao giờ mới nói? Để người ta còn tìm người thay thế chứ.

Ông nghĩ, chắc mục này có người nhà muốn đưa vào làm đây. Nhưng ông làm. Ở đây, bất cứ chuyện gì, dù to hay nhỏ, cũng có thể kích động cô ta đến cực độ, khiến cô dễ rất nhiều thì giờ theo dõi, thổi phồng, đồn đại... chỉ để thay đổi không khí nhằm chán hàng ngày trong chỗ làm việc.

Còn ở bên tay trái là một bà già người bé nhỏ. Bà đi giày cao gót mà vẫn phải kiễng mãi mới gác được chiếc cầm dài ngoẵng của bà lên gờ tường ngăn cái

“chuồng chim” của ông. Nhiều khi cả hai người đàn bà thò đầu sang ông cùng một lúc, làm ông có cảm tưởng như mình ở trong cái “Cuckoo clock”, đang chơi trò ú tim với mấy con chim bên hàng xóm.

Bà già có vẻ đằm tính hơn, vậy mà cũng có lúc bà ta giục: “Nói với xếp đi chứ!” Có lúc lại xúi ông ở lại, như sáng hôm nay:

- Sao? Nói chưa?

- Chưa. Còn đang điều đình với bà xã. Bà ấy đang muốn mua thêm một chiếc xe Toyota-Station wagon mới. Nếu tôi về hưu thì gia đình phải cắt hết những thứ xa xỉ đó.

- Ồ! Thế thì tội gì mà về hưu? Làm cho chính phủ thì làm đến mãn đời cũng được, ai bắt mình nghỉ đâu? Ông thấy bà Kitty không? Bà ta trên bảy mươi rồi đấy, mà hôm nọ bà tuyên bố là sẽ làm cho đến chừng nào mà sức khỏe còn cho phép. Lạy Chúa! Bà ấy cứ ngồi đó chẳng làm gì cả. Mỗi lần văn thư đến bàn bà là nó lại bị nằm ỳ ra đấy, thật là chết người! Khốn nhưng nếu về hưu thì làm gì cho hết thì giờ, bà ta không có một thú tiêu khiển nào hết.

Dù sao thì ông cũng chẳng điên gì mà làm đến tuổi bảy mươi. Ông từng chủ trương là cuộc sống của ông phải có hai phần rõ rệt: Ở nhà và ở chỗ làm việc. Ông đi làm để nuôi vợ nuôi con. Bước ra khỏi sở là cuộc sống của riêng ông, trong đó có việc vui vầy với gia

đình, ngâm thơ vịnh nguyệt với đôi ba người bạn tâm giao, ngắm cảnh thiên nhiên, tìm những nơi yên tĩnh ngồi đọc sách, suy nghĩ... Ông vẫn tự cho ông là người biết sống. Ông nắn nót viết mấy câu thơ của cụ Nguyễn Bình Khiêm, trịnh trọng lồng trong một khung kính để ngay trên bàn làm việc trong sở, để làm cái kim chỉ Nam. Hàng ngày ông nhắm đọc:

*“Một mai, một cuộc, một căn câu
Thơ thần dù ai vui thú nào
Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn người đến chỗ xô xao
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao
Rượu đến cội cây ta sẽ nhấp
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.”*

Vì thế ông tự nhủ là chỉ có cách về hưu mới thực hiện được bấy nhiêu thứ. Mà phải về hưu non khi ông còn sức khỏe, còn minh mẫn để thường thức cái hay cái đẹp của thiên nhiên, của cuộc đời. Ý kiến về hưu non của ông được vợ ông tán thành, ông cũng mừng.

Hai cô con gái đầu của ông đã ra trường và lấy chồng khá giả. Cả nhà hãnh diện, và ông cũng yên tâm là đã chu toàn trách nhiệm làm cha. Ông đã tính toán đầu vào đấy: Nhà ở thì tiền hàng tháng phải trả cho nhà băng gần xong. Mấy chiếc xe hơi cũng vừa trả nợ hết. Ở cái xứ này, ông nghĩ, chỉ có nhà và xe là hai thứ không thể không

có. Còn đồ ăn, có tiền thì ăn sang, không có thì cũng vẫn ăn đầy đủ, chả bao giờ phải lo đói. Chỉ còn cậu con út thì hết hè này lên đại học. Nó nộp đơn dăm bảy trường và đang chờ kết quả. Thành bé rất thông minh. Không những nó lấy hết tinh hoa của cả cha lẫn mẹ, mà còn vượt xa hơn, khiến đi đâu ông cũng khoe “Con hơn cha, nhà có phúc”. Ông chẳng ước ao gì hơn.

Trong khi còn nhùng nhằng chưa quyết định được là nên xin về hưu vào khoảng tháng nào, thì ông vẫn cứ phải “sáng cấp ô đi, tối vắc về”. Nếu chỉ có thế thì đâu đến nỗi, đằng này mỗi sáng vào sở ông lại bị bủa vây bởi những cái đầu từ mấy phía nhòm sang với những câu: “Sao?” “... chưa?” “Nói đi chứ!” “Tội gì”...v...v...

Một ngày, bất chợt ông nhận thấy ông bắt đầu thích thú đồng tai nghe chuyện xì xầm của mấy bà ở những “chuồng chim” xung quanh, về người này đang xin về hưu, người kia vừa từ chức vì bất mãn, người nọ mới chết vì đau tim, vì ung thư, vì tai nạn xe cộ... Mỗi lần nghe được một tin như thế thì ông lại hí hửng đem về nhà kể cho vợ nghe. Nếu đó là chuyện người về hưu thì ông kết luận: “Đấy em thấy không? Ông ta còn trẻ hơn anh mà cũng về hưu. Thật là một quyết định sáng suốt...” Nếu là chuyện người từ chức thì: “Đấy em xem. Sở anh bây giờ cũng lung tung lắm. Các xếp thì chỉ lo củng cố địa vị mình, còn mặc kệ nhân viên, thành ra

nhiều người bất mãn... Nếu là chuyện một đồng nghiệp chết vì bệnh nọ bệnh kia, thì ông lại triết lý sâu xa: “Đời người như ‘chóp nhòa’, sắc sắc, không không, chẳng biết thế nào. Mà tội nghiệp cái ông đó, suốt một đời nai lưng ra làm công chức tận tụy, quanh năm hùn học chưa được hưởng gì, chết đi có mang được của theo đâu...”

Không biết cách kể chuyện của ông lộ liễu thế nào mà một hôm vợ ông bảo: “Anh à! Từ đầu em vẫn tán thành việc anh về hưu cơ mà. Anh làm liên tục từ ngày anh hăm mấy tuổi đến bây giờ còn non yếu gì nữa. Em có tiếc nuối gì đâu mà anh cứ phải cật nghĩa lòng vòng với triết lý lồi thối...?” Lúc đó ông mới nhận thấy là trong tiềm thức, ông vẫn cảm thấy tội lỗi như mình còn nghĩ đến mình nhiều quá, không chịu hy sinh cho vợ con. Rồi từ mặc cảm đó ông đâm ra xấu tính, có khi độc ác nữa. Mỗi lần có một đồng nghiệp về hưu hay bất mãn bỏ sở đi, thậm chí cả chết chóc... cũng giúp ông như liều thuốc an thần, làm dịu đi những mặc cảm, những dằn vặt trong ông từ ít lâu nay.

Hôm nay thứ hai, ông Thiệp vào sở sớm hơn giờ giấc bình thường. Vừa đặt được chiếc cặp da trên bàn đã thấy ngay cặp tuyết lê của cô đồng nghiệp bên tay phải xuất hiện trên cái bờ tường lửng. Bên trái, chiếc cầm dài ngoẵng của bà già vừa đặt được lên giờ tường, “tiếng hót” trong “Cuckoo clock”

của ông lại bắt đầu ríu rít: “Sao?”
“...chưa?” “Báo đi chứ!” “Tội gì...”

Mấy ông đồng nghiệp ngồi ở các “chuồng chim” đối diện, và đằng sau cũng đứng dậy, toan chạy sang mở đầu những câu hỏi thường ngày của họ, thì ông Thiệp cuống quýt: “Khoan đã! Khoan đã! Đợi cho tôi một phút...” Nói rồi ông vội vã lấy trong cặp ra một hộp, lúng túng bóc giấy bóng bọc ngoài, trước mấy cặp mắt tò mò theo dõi... Ông mở nắp hộp, tươi cười mời mọi người... kẹo xúc-cù-là. Các câu hỏi lại ồn ào, dồn dập hơn: “Sao? Sao?” “Nói chưa? Nói chưa?” “Xong rồi hả?” “Nói rồi hả?” “Bao giờ?”...v...v... Ông Thiệp xua tay lia lịa: “Không không, đây là chuyện khác. Đây là chuyện ăn mừng thăng con tôi được nhận vào đại học MIT.”

- Thật hả! Mừng ông nhé! -- Cô bên tay phải vừa nói, vừa nhẩy bổ sang ôm chầm lấy ông Thiệp, làm ông nghệt thờ.

- Ôi giờ! Bây giờ ông tha hồ mà hãnh diện nhé! --Bà già bên tay trái xuýt xoa.

- Thôi bây giờ chắc là vợ ông phải bằng lòng hy sinh, thôi mua chiếc xe mới để dồn tiền đóng tiền học cho con chứ?-- Ông ngồi ở “chuồng chim” đằng trước dò hỏi.

Ông Thiệp vội cướp lấy cơ hội để giải tỏa vấn đề mà suốt dọc đường đến sở ông suy nghĩ mãi, không biết bắt đầu như thế nào cho ổn.

- Ấy, bấy giờ không những phải bỏ ý định mua xe mới mà còn phải bỏ cả

việc về hưu non nữa chứ. Không thì lấy đâu ra tiền trả cho cái thứ học phí cao như thế.

Mọi người tranh nhau nói: “Phải rồi! Phải rồi!” “Tội gì! Tội gì!” “Tội gì không ở lại!” “Tội gì về hưu non”, “Tội gì bỏ lỡ một dịp cho con học trường có tiếng...v v...”

Ông Thiệp đi mua một cốc cà phê. Trở lại “chuồng chim” của ông thì mọi người đã ai về bàn nấy chăm chú làm việc. Ông ngồi gác hai chân lên bàn. Tự thưởng cho mình một chiếc kẹo xúc-cù-là. Nhấp một hơi cà phê. Lòng thanh thoi, chả nóng lòng mong đợi tin ai về hưu, ai bắt mẫn bỏ sở, ai lăn ra ốm, ai chết...

Chiếc khung ảnh lồng mấy câu thơ của cụ Nguyễn Bình Khiêm để trên bàn lôi kéo sự chú ý của ông. Ông cầm lên lầm nhẫm:

“.....

Rượu đến cội cây ta sẽ nhấp

Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.”

Ông tự nhủ: “Có sao đâu! Nếu thực sự muốn, thì ở ngay ‘chỗ xô xao’ ta cũng vẫn có thể thực hiện được những tư tưởng cao siêu trong mấy câu thơ bất hủ này./.”

Trương Anh Thụy

CHỜ MONG

XƯƠNG

Bao năm chốn cũ vẫn vương lòng
Từ độ thuyền đi để bến không
Đất mẹ sóng dồn cơn thống khổ
Trời xa trăng lạnh gót phiêu bồng
Từng câu tiễn biệt nào nguôi nhớ
Một buổi trùng phùng mãi ngóng trông
Vẳng giữa canh khuya gà rộ tiếng
Gọi vằng dương sáng nỗi chờ mong

nguyễn vô cùng

HẰNG MONG

HỌA

Bao nhiêu áp ủ ở trong lòng
Sao lại bắt đầu con số không
Dù phải buông xuôi theo vận nước
Dẫu chưa trả hết nợ tang bồng
Lên đênh ngày tháng ôm hoài vọng
Trôi dạt dòng đời vẫn cứ trông
Ngồi ngó đất trời xuân lại đến
Giấc mơ nào đẹp những hằng mong

PHAN KHÂM

ĐỌC THƯ CHỊ

HỌA

*Thư chị làm em thật náo lòng
Hỏi rằng: em có trở về không?
Hẳn quên thuở trước cha diu dất?
Còn nhớ ngày xưa mẹ ấm bồng?
Em vẫn lên đênh mờ mịt khuất
Chị đành hiu hắt mỗi mòn trông
Chị ơi, trời sẽ rồi tươi sáng
Đời lại xum vầy, thỏa ước mong !*

NGUYỄN KINH BẮC

CÒN CHI MONG?

HỌA

*Dù cho mưa gió vẫn hài lòng
Dâu bể đổi thay có cũng không
Thơ phú quê xưa trôi ngút ngập
Văn chương hải ngoại nổi bênh bồng
Người lên phương Bắc vui tìm gặp
Bạn xuống miền Nam mừng đợi trông
Sách báo dập dìu ta hội họp
Cuối đời được thế còn chi mong?*

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG



KIM THÚY

(1968 -)

Nhà Văn Nữ danh tiếng gốc Việt tại Canada

**** Phạm Văn Tuấn ****



Kim Thúy là nhà văn nữ gốc Việt tại Canada, với tác phẩm đầu tiên tên là “RU”, đã nhận được Phần thưởng Năm 2010 của Toàn Quyền (the Governor General’s Award) nhờ tác phẩm kể trên. Đây là cuốn tiểu thuyết viết bằng tiếng Pháp rồi được Sheila Fischman dịch sang tiếng Anh và phổ biến vào năm 2012. Tác phẩm Ru cũng được đề nghị tham dự Giải thưởng Scotiabank Giller năm 2012 (The 2012 Scotiabank Giller Prize) và Giải thưởng Tiểu Thuyết Đầu Tiên Amazon năm 2013 (The 2013 Amazon.ca First Novel Award).

Vào năm 2016, nhà văn Kim Thúy đã cho ra đời tác phẩm thứ ba, tên là “Vi”. Bản dịch sang tiếng Anh cũng do Sheila Fischman, được phổ biến vào năm 2018. Tác phẩm này cũng ở trong

danh sách đề nghị nhận Giải thưởng Scotiabank Giller của năm 2018.

Vào năm 2018, do sự mất uy tín của Ban Giám Khảo trong Ủy Ban Văn Chương thuộc Hàn Lâm Viện Stockholm, một Hàn Lâm Viện Mới được thành lập để cứu xét các tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ trên toàn thế giới. Danh sách 47 văn nhân này được đề nghị cho Ban Giám Khảo mới.

Theo hãng CBC của Canada, 47 tác giả này được chọn ra căn cứ vào nhiều lối viết văn và thể loại khác nhau, từ nhà văn hư cấu nổi tiếng Haruki Murakami, Cormac McCarthy, Don DeLillo, Zadie Smith và Elena Ferrante, đến các nhà văn viết truyện cho thiếu nhi như J.K. Rowling và Meg Rosoff, hay nhạc sĩ Patti Smith và nhà văn châm biếm giả tưởng nổi tiếng Neil Gaiman. Trong khi đó Kim Thúy, nhà văn Canada gốc Việt, thì cho rằng mình được chọn chỉ vì nói đúng chuyện vào “đúng lúc, đúng thời.”

Tới giữa năm 2018, Hàn Lâm Viện Mới (the New Academy) của Thụy Điển đã công bố 4 nhà văn được chọn vào vòng chung kết cho Giải thưởng thay thế Giải thưởng Nobel Văn Chương của năm 2018, danh sách gồm có: Maryse Condé, nhà văn nữ người Pháp gốc Guadeloupe, Neil Gaiman, nhà văn

người Anh, Haruki Murakami, nhà văn người Nhật và Kim Thúy, nhà văn nữ gốc Việt hiện sinh sống tại Canada.

1/ Cuộc đời và nghề nghiệp của Nhà Văn Kim Thúy

Vào tuổi lên 10, Kim Thúy cùng với cha mẹ và 2 người anh đã là các thuyền nhân, giống như một triệu người miền Nam vào thời kỳ đó, đã bỏ chạy khỏi chế độ Cộng Sản sau khi chính quyền Miền Nam sụp đổ vào năm 1975.

Gia đình cô Kim Thúy đã tới một trại tỵ nạn tại Mã Lai do Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc điều khiển rồi sau 4 tháng trường ở trong trại tỵ nạn này, chính quyền Canada đã chấp nhận cho gia đình cô Kim Thúy sang định cư tại xứ sở Canada bởi vì cha mẹ của cô có thể nói lưu loát tiếng Pháp.

Vào cuối năm 1979, gia đình tỵ nạn này đã tới thị trấn Granby trong vùng Eastern Townships của thành phố Quebec rồi về sau, gia đình Kim Thúy rời sang thành phố Montreal.

Vào năm 1990, cô Kim Thúy đã đậu văn bằng Cử Nhân (Bachelor's degree) của Đại Học Montreal về môn ngôn ngữ học (linguistics) và phiên dịch (translation) rồi 3 năm sau, lại đậu văn bằng Luật Khoa cũng của trường đại học này.

Cô Kim Thúy sau đó làm nghề phiên dịch (translator) và thông dịch (interpreter) trước khi được tuyển vô làm cho Công Ty Luật Strikeman Elliott đặt trụ sở tại Montreal để giúp vào một

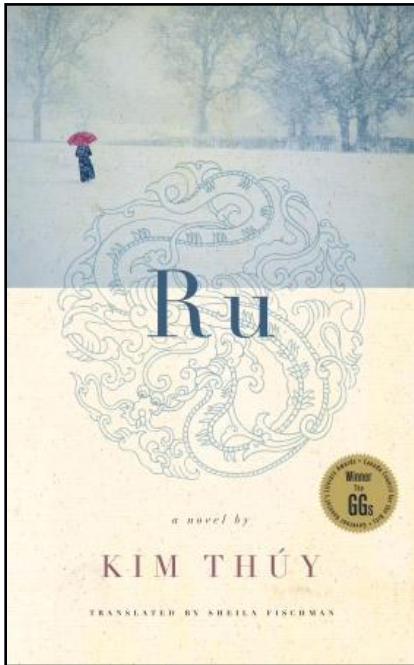
dự án liên quan tới Việt Nam. Trong hoàn cảnh này, cô Kim Thúy đã trở về Việt Nam cùng một số chuyên gia người Canada để cố vấn cho chính quyền Cộng Sản khi họ cần tìm hiểu về chế độ tư bản. Cô Kim Thúy đã gặp người chồng cùng làm việc trong công ty Luật và họ đã có đứa con đầu lòng khi đang công tác tại Việt Nam. Đứa con thứ hai chào đời khi cặp vợ chồng này ở Bangkok vì công việc của ông chồng tại Thái Lan.

Sau khi trở về Montreal, cô Kim Thúy mở một nhà hàng ăn có tên là “Ru de Nam”, tại nơi này cô đã giới thiệu các món ăn Việt Nam cho cộng đồng Montreal. Cô Kim Thúy đã hoạt động tại nhà hàng ăn trong 5 năm, sau đó cô dành trọn một năm để viết văn sáng tạo. Hiện nay cô Kim Thúy sinh sống tại Longueuil, ngoại ô của thành phố Montreal.

2/ Về tác phẩm Ru của Nhà Văn Kim Thúy

“Ru” theo tiếng Việt là Lời Ru còn theo tiếng Pháp là con suối nhỏ. Đây là một từ đã được nhà văn Kim Thúy chọn lựa kỹ càng để đóng khung và bao gồm bên trong các mẫu chuyện được kể lại. Các chủ đề chính của tác phẩm này là chiến tranh và sự di dân, tình mẹ con và gia đình, sự tranh đấu và đổi mới...

Kim Thúy là tác giả hiểu rõ ngôn ngữ học nên đã chọn một từ thật đơn giản làm tên của cuốn tiểu thuyết với ý nghĩa tiềm ẩn bên trong. Nhà văn Kim Thúy đã xác nhận rằng cô đã cố gắng



để đạt được một cảm giác yên lặng và nhẹ nhàng trong quá trình viết văn. Và nhà văn này đã mô tả cảnh vượt biển trên một con thuyền bồng bênh: “*một ngọn đèn nhỏ treo bằng một sợi dây, buộc vào một cái đỉnh rỉ sét, đã tỏa ra một thứ ánh sáng yếu ớt và không thay đổi. Sâu vào bên trong con thuyền, không có sự phân biệt giữa sáng và tối. Ánh sáng của ngọn đèn đã bao phủ chúng tôi giữa cảnh vô tận của biển cả và bầu trời ở chung quanh. Các người ngồi trên boong thuyền đã kể lại cho chúng tôi biết rằng chúng tôi đang hướng về thiên đường hay chìm sâu vào bên trong lòng biển. Thiên đường và địa ngục đều ôm lấy con thuyền*”.

Qua tác phẩm Ru, nhà văn Kim Thúy đã dùng nhân vật là cô Nguyễn An Tịnh để kể các câu chuyện chiến tranh, di

dân và định cư, và hành trình của cô này từ xứ Việt Nam bị tàn phá để tới xứ sở Canada. Trong cuộc hành trình này, người kể chuyện còn đề cập tới bệnh tự kỷ (autism), sự mại dâm, người Mỹ gốc Á châu, tình yêu và sự tha phương, và tác giả đã dùng cách kể chuyện với bản chất là không nói hết ra về trí nhớ và hồi tưởng.

Lời văn của tác giả Kim Thúy thì duyên dáng, câu chuyện thì súc tích, công việc xuất bản tác phẩm này đã là một việc làm lịch sử tại xứ sở Canada bởi vì Ru là cuốn tiểu thuyết đầu tiên của một người Canada gốc Việt. Người kể chuyện giả tưởng trong cuốn truyện đã chia sẻ các chi tiết về đời sống của cô Kim Thúy và tác phẩm có thể được coi là một hồi ký (a memoir) đã đổi tên.

Tác phẩm Ru của nhà văn Kim Thúy đã nằm trong “Nền Văn Chương Canada gốc Việt” (the Vietnamese Canadian literature), đã trình bày các kinh nghiệm của tác giả, đã được phê bình rộng rãi và thành công về thương mại, tất cả là nhờ nghệ thuật đẹp đẽ của cách viết văn giả tưởng (the beautiful art of fiction), cách mô tả day dứt và sâu đậm của tác giả về thân phận con người tỵ nạn và di dân, cùng với lòng yêu mến chân thành các giá trị văn hóa Việt Nam. Tác phẩm Ru được viết ra bằng tiếng Pháp, đã được dịch sang 15 ngôn ngữ và gần đây nhất là dịch sang tiếng Ukraine.

3/ Niềm vui và quán cà phê nằm trong trái tim của Nhà Văn Kim Thúy.

Một nhà văn thành công là do biết diễn tả các cuộc sống chung quanh với mình, cụ thể nhất là gia đình, bạn hữu, thành phố đang cư ngụ, những con đường thường qua lại hàng ngày, các quán xá thân cận và những con người thường hay gặp gỡ, chuyện trò. Nhà văn Kim Thúy đã viết văn, kể chuyện về các thứ thực tế này, thêm vào là các vấn đề cao siêu hơn, bàn bạc và rải rác trong tác phẩm.

Theo lời nhà báo Ian McGillis tường thuật trên tờ báo Montreal Gazette sau lần phỏng vấn nhà văn Kim Thúy, thì *“Kim Thúy có một cá tính rất sôi nổi, thường hay phá lên cười một cách lời cuốn, có vẻ như rất nhanh chóng kết bạn với người mới quen”*.

Khi được đề nghị là một trong bốn ứng viên của Giải Thưởng Văn Chương của Hàn Lâm Viện Mới, nhà văn Kim Thúy đã hứng khởi, nói về quan hệ cá nhân với thành phố mà cô đã nhiều lần gọi là *“home town”*, liên tục trong 14 năm kể từ khi cô rời bỏ Việt Nam vào cuối thập niên 1970: *“Cái đẹp của Montreal nằm ở khía cạnh nhân văn. Không như New York hay Paris, những thành phố đó tuy xinh đẹp rực rỡ nhưng mình không bao giờ thực sự mang cảm giác có thể nắm bắt được chúng. Với Montreal, mình cảm thấy mình có thể ôm trọn nó vào trong lòng, dù thực sự đó là một thành phố rộng lớn và mang tầm vóc quốc tế. Đó là điều mình có thể làm được.”*

Lòng hiếu khách của người dân thành phố Montreal là điều Kim Thúy cảm thấy ngay lập tức khi cô vừa đặt chân đến thành phố này với tư cách của một người mới định cư, với cô, không có

thời gian gọi là chuyển tiếp. *“Về tử tế, dịu dàng luôn thoát ra từ người dân thành phố, lẫn du khách. Nhà cửa, đường phố, công viên – thật khó để diễn tả chính xác như thế nào – nhưng tất cả đều được xây dựng và sắp xếp để cho mình cảm thấy như đó chính là nơi mình đã từng quen thuộc ngay khi vừa bước vào. Giống như ở New York, nhưng phải là một New York hoàn toàn mang tính cách của Greenwich Village. Cái cách của tôi nhằm diễn tả sự khác biệt khi có người hỏi là so sánh New York như một ngôi sao điện ảnh phóng túng, một Marilyn Monroe, trong khi đó Montreal thì lại có dáng vẻ của một cô nữ sinh trong trang phục mùa hè, tung tăng ngồi trên yên chiếc xe đạp.”*

Thành phố Montreal là nơi quen thuộc và yêu dấu của tác giả bởi vì mỗi ngày, nhà văn này thường lái xe từ nhà tại Longueuil, đi qua cây cầu Jacques Cartier, rồi trên con đường Visitation Street, nhà văn đã nhìn thấy ngôi thánh đường vĩ đại Saint Pierre Apôtre. Đây là ngôi giáo đường đã mở cửa cho mọi người trong vùng Hochelaga Maisonneuve để họ đi tìm sự an nhiên tự thân.

Nhà văn Kim Thúy cũng thường hay la cà trong khu chợ hải sản La Mer, tại nơi này các người ưa chuộng đồ biển như Kim Thúy đã được đón chào như những thành viên trong gia đình. *“Tất cả là vì chính con người mà thôi. Chợ La Mer – hẳn nhiên chứ, tôi có thể mua cá tươi như thế này ở những nơi khác, nhưng cái làm cho con cá ở đây ngon hơn là nhờ câu chuyện ở đằng sau con*

cá, ở người bán hàng mời chào mình mua hàng. Hiểu biết được đôi điều về cá từ những người bán hàng có gốc gác từ Nam Mỹ, từ Lebanon, từ khắp nơi trên thế giới sẽ làm mình thay đổi loại cá mình mua, cách mình mua, và cả cách mình nấu món cá ấy”.



Giống như đa số các nhà văn, nhà thơ khác, tác giả Kim Thúy cũng thường hay ngồi trong quán cà phê N. Latte, tọa lạc tại một góc phố gần nhà ở Vieux Longueuil: “Tôi rất hài lòng vì mình có một nơi chốn lui tới như thế này. Tôi đến để ủng hộ quán vì không khí của quán rất quyến rũ. Phần khác, để thưởng thức món cà phê. Dù cho đã cố gắng hết sức, tôi không thể nào pha được một ly cà phê sữa ở nhà ngon như tại quán này”.

Một địa điểm khác mà nhà văn Kim Thúy ưa thích là quán cà phê Espace Pépin Maison nằm trên đường St Paul trong khu Montreal cũ. Cũng khá gần nhà là một tiệm ăn mà tác giả Kim Thúy thường lui tới. Đó là nhà hàng Dur à Cuire nằm trên đường St Jean ở Longueuil. Nhà văn nói về nhà hàng bán thức ăn Pháp: “Đây là một địa điểm xuất sắc về thức ăn, về khung cảnh và cả về lòng nhân hậu. Một hôm tôi đến đó ăn trưa với đứa con trai mắc chứng tự kỷ của mình. Con tôi không thể ăn những thứ có trong thực đơn

của nhà hàng. Tôi giải thích với viên đầu bếp. Không lâu sau đó, ông ta bưng ra một đĩa thức ăn ngon nhất, thứ thức ăn mà hai mẹ con tôi có thể cùng ăn với nhau. Dàn nhân viên nhà hàng còn rất trẻ, rất sáng tạo và thông minh. Bếp nấu bày ra trước mắt thực khách, mình có thể nhìn thấy họ đã dồn hết tâm trí vào đĩa thức ăn cho mình như thế nào. Họ là bậc thầy về nghệ thuật nấu nướng. Tôi rất thích vì nhà hàng này chỉ cách nhà tôi độ 7 phút đi bộ.”

Tất cả câu chuyện xoay quanh vấn đề ăn uống này nhắc chúng ta biết rằng, sau khi đã là một luật sư, và trước khi trở thành nhà văn, Kim Thúy đã làm chủ một nhà hàng. “Đúng vậy! Nhưng tôi phải nói ngay điều duy nhất về nó (việc điều hành một nhà hàng ăn) mà tôi còn nhớ đến, là tiếp xúc với khách hàng, chia sẻ với nhau những câu chuyện hàng ngày cùng những niềm vui nỗi buồn”.

Librairie Alire, một cửa hàng sách độc lập ở Longueuil, đã đáp đúng niềm đam mê của con một sách Kim Thúy. “Tiệm sách chỉ cách 10 phút đi bộ từ nhà tôi và các người làm việc tại đó thì tuyệt vời vô cùng. Có lần, tôi vừa bước vào bên trong thì một nhân viên bán sách chạy ra và bảo tôi: Tôi biết bà muốn tìm cái gì. Rồi anh ta đưa cho tôi quyển sách “Kiến Trúc và Thẩm Mỹ” của Alain de Botton. Quả đúng đó là quyển sách tôi đang cần. Như thế anh ta là thầy bói không bằng.”

4/ Các Tác Phẩm của Nhà Văn Kim Thúy.

- *Ru* (2009)
- *À toi* (2011), cùng viết với Pascal Janovjak
- *Mãn* (2013)
- *Vi* (2016)
- *Le secret des Vietnamiennes* (2017).

5/ Các Giải Thưởng và Bằng Cấp Danh Dự (Awards and Honours)

- Grand Prix RTL-Lire (*Ru*), Paris Salon du livre (2010)
- Grand Prix *La Presse*, Essay/Practical Books category (*Ru*), Montreal Salon du livre (2010)
- The Governor General's Literary Award for French-language fiction (*Ru*) (2010)
- Grand prix littéraire Archambault (*Ru*) (2011)
- Mondello Prize for multiculturalism (Premio Modello per la Multiculturalità, Italy) (*Ru*) (2011)
- Paul-Gérin-Lajoie Award for tolerance, Fondation Ensemble (2013)

- Canada Reads winner (*Ru*), Canadian Broadcasting Corporation (CBC) (2015)
- Knight of the National Order of Quebec (Ordre national du Québec) (2015)
- 2017 NordSud International Prize (for *Il mio Vietnam*, the Italian translation of her novel *Vi*), Pescara Bruzzo Foundation (2017)
- Honorary Doctorate, Concordia University (2017).

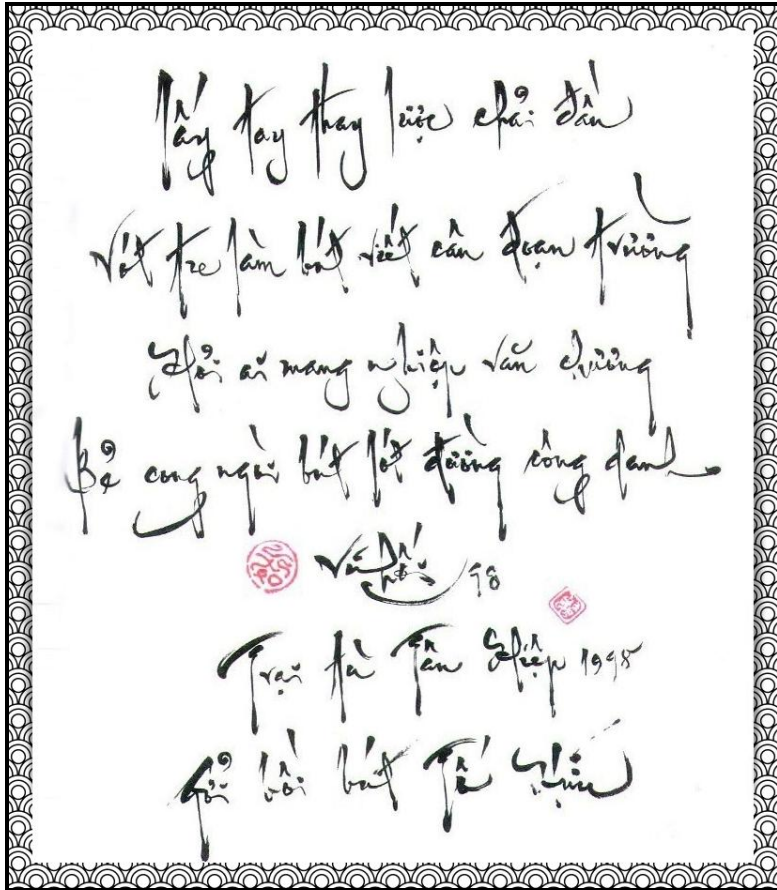


PHẠM VĂN TUẤN



Phóng viên Trà Mi (VOA) phỏng vấn nhà văn Kim Thúy:

<https://www.youtube.com/watch?v=0xmikW316RU>



ĐOẠN TRƯỜNG

Lấy tay thay lược chải đầu Vót tre làm bút viết câu đoạn trường
Hỏi ai mang nghiệp văn chương Bẻ cong ngòi bút lót đường công danh

Vũ Hối

Trại tù Tân Hiệp 1998
Gởi bài bút Tố Hữu

XUÂN NHỚ THỦY TIÊN

Em đã về
Cả năm trời xa vắng
Em đã về
Bừng nở nụ hoa xuân
Cánh trắng mong manh
thanh tân Hoàng Hậu
Nhụy vàng lồng lộng tà áo Quân Vương

Ướp không gian
Tỏa ngát hương
Nhẹ nhàng... đắm say... huyền bí
Thanh tú quá! Dung nhan kiều mị
Như mơ hồ... ẩn hiện bóng hình ai...
Tinh khiết quá! Hững hờ tay ngọc
Như dị kỳ... mờ thoáng dáng Liễu Trail!

Nhớ không em,
Từng ngày ta ve vuốt,
nâng niu em, trân quý biết bao tình
Thủy Tiên ơi, em đẹp, em xinh!
Van vì xin đừng tàn phai nhan sắc

Em sắp đi
Nắng chiều dần tắt
Cánh buông xuôi rời rã nhụy vàng
Em rũ xuống đài hoa run rẩy
Vẫn còn vương vấn nét cao sang

Em đi rồi
Không gian dường xao xuyến
Vang âm lời dịu dàng quyến luyến
"Tạ từ nhau, xuân tới sẽ quay về!"

NGUYỄN LÂN



LE MAGIQUE PRINTEMPS DE THỦY TIÊN

*Passée mon année nostalgique
Tu m'es revenue comme
une déesse de Printemps
Ô Thủy Tiên!
Sans tes milles éclats de perle
- Sans Toi - mon printemps
ne sera plus magique.*

*Éclatante dans chaque pétale de fleur
Pure comme un amour éternel
Vogue dans le parfum,
le ruisseau de tes cheveux
Tes yeux de velours
m'ennivrent de mystères.
Ô Thủy Tiên!
Ton cœur d'or de nénuphars
M'encorcelle dans ce monde céleste
Comme tout n'appartient ... qu'à Toi
Remplis-moi ton doux ciel de feuillage
Léger et féerique jusqu'à l'horizon lointain.
Dans ton jardin secret,
s'aiment les papillons
Jaloux des cigognes amoureux des vents,
Comme ce doux mirage romantique.
De tes yeux voluptés,
garnis ce ciel toujours clair,
De tes doigts nacrés,
crée vet univers unique.*

*Tu es ma narcississe si rare
Qui se marie avec mes poèmes immortels
Laisse toujours ma plume rêver
Et graver ton cœur au nom des fleurs.*

Paroles: **DIỄM HOA**

(D'après le poème "Xuân Thủy Tiên" de Nguyễn Lân)

NGÀY TẾT NÓI CHUYỆN VỀ HOA ĐÀO

**** Phạm Thị Nhung ****

Mùa xuân ở nước Việt ta, nhất là vào dịp Tết Nguyên Đán, là lúc muôn hoa rộ nở, hồng tía khoe tươi. Giống như hoa mai vàng ở miền Trung và miền Nam, hoa đào màu hồng thắm ở miền Bắc nổi bật giữa các loài hoa và được trưng bày khắp mọi nhà, nó tạo cho ngày Tết một màu sắc, một phong vị đặc biệt, và nghiêm nhiên trở thành loại Hoa Tết truyền thống của dân tộc.

Tục lệ chơi hoa đào ngày Tết ở xứ Bắc đã có từ lâu đời, vì chẳng những hoa đào có màu hồng rực rỡ là màu “*hỉ tín*”, phù hợp với không khí vui tươi, tràn trề hy vọng của những ngày đầu năm mới; mà người xưa còn tin là cây đào trị được ma quỷ.

Tích xưa kể rằng, dưới gốc cây đào già nơi núi Độ Sóc có hai vị thần Trà và thần Lũy cư ngụ. Họ giữ trọng trách cai quản đàn quỷ, quỷ nào làm hại dân thì ra tay trừng phạt ngay. Mỗi khi Tết đến, lợi dụng cơ hội các vị quan Hành Khiển trông nom việc dưới thế phải lên châu trời để trình tấu mọi việc thế gian; bọn quỷ liền ra quấy phá. Do đó, vào dịp này người ta thường trưng một cành đào trong nhà, để bọn quỷ tưởng là nơi hai vị Thần Trà, Thần Lũy trấn giữ, sợ, không dám bén mảng.

Ở ven đô Hà Nội, phía tây bắc Hồ Tây, là làng Nhật Tân; trước năm 1954 nổi tiếng về nghề trồng Bích Đào.

Trước năm 1954, tám mươi phần trăm dân làng ở đây chuyên nghề trồng đào. Họ khai khẩn đến gần trăm mẫu đất, trồng hàng vạn cây đào mới đủ cung ứng cho nhu cầu thị hiếu chơi hoa đào vào dịp Tết Nguyên Đán của dân Hà Thành.

Nhưng trong các loại hoa đào, loại Bích Đào đặc biệt hoa to, cánh dày, màu hồng thắm, xếp thành nhiều lớp, nhị vàng tua tủa; lại kết hợp với lá hình mũi mác, màu xanh biếc, cành thì vươn thẳng, càng làm tôn vẻ đẹp của hoa. Thế nên, loại Bích Đào xưa nay vẫn được đánh giá là loại hoa đào đẹp nhất, được ưa chuộng nhất!

Quê hương của Bích Đào là nước Tàu, nhưng quê hương của Anh Đào lại là nước Nhật Bản. Người Nhật gọi hoa Anh Đào là “*Quốc Hoa*”, tức là loài hoa đại diện cho dân tộc của họ. Nước Nhật còn được mệnh danh là “*Xứ Hoa Anh Đào*”, vì hoa Anh Đào được trồng khắp nơi trên dải đất Phù Tang, nhất là ở những vùng đồi núi hẻo lánh, nơi có những ngôi chùa cổ kính. Nhìn từ xa người ta chỉ thấy mái chùa ẩn hiện thấp thoáng dưới những lùm đào cổ thụ um tùm. Mỗi độ xuân về, hoa nở hồng ngát cả một phương trời, tạo cho chốn thiên môn một vẻ thanh tịnh, nhuốm đầy đạo vị.

Năm 1912, Nhật Bản gửi tặng Hoa Kỳ 3.000 cây Anh Đào, gồm nhiều loại

khác nhau, nhưng hai loại chính là Yoshimo và Kwanzan. Những cây này phần lớn đem trồng dọc hai bên bờ sông Potomac tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Kể từ năm 1934, nhà cầm quyền nơi đây cũng bắt chước dân Nhật mở Hội Hoa Anh Đào. Nhưng thay vì đi dạo ngắm hoa, ngồi thiền trà hay ca hát dưới hoa; thì ở Mỹ người ta tổ chức các cuộc diễu hành, thi xe hoa và có các ban nhạc từ các tiểu bang khắp nước gửi về tham dự.

Đầu thế kỷ XX, nước Pháp cũng ươm trồng nhiều cây Anh Đào.

Số cây Anh Đào trồng tại Jardin Des Plantes tuy chỉ vài chục cây, nhưng có đủ loại. Từ loại cánh hoa đơn đến cánh hoa kép, có hương hay không hương, màu trắng phớt hồng đến hồng đậm rồi tới đỏ thắm.

Riêng tại vườn Anh Đào trong Parc de Sceaux, hiện đếm được 147 cây. Những cây cổ thụ trồng từ đầu thế kỷ nay còn lại độ một phần ba, những cây chết được thay thế ngay bằng những cây mới. Do đó tới mùa hoa, vườn hoa Anh Đào bao giờ cũng xum xuê. Tất cả những cây đào trồng ở đây đều thuộc loại Anh Đào. Cây cao chừng 3-4 mét có hoa mọc thành chùm, cánh hoa mỏng như lụa, màu phấn hồng ngọt ngào. Tới mùa, hoa nở chi chít, ngọn lá xuống tận mặt đất, trông như những lăng hoa thiên nhiên khổng lồ đặt trên nền thảm cỏ non, xanh mượt. Ngồi từ dưới gốc cây nhìn lên, thấy cả một trời hoa lồng lộng; nhìn ra tứ phía, một màu hồng bát ngát bao phủ khắp không gian. Đúng là cảnh Thiên Đàng hạ giới!

Kiếp hoa đào thật mỏng manh, từ lúc hoa nở đến lúc hoa tàn chỉ trong khoảng ba ngày ngắn ngủi; cả mùa hoa cũng chỉ kéo dài được ba tuần. Từ đầu tháng tư Dương Lịch, những đoá hoa khai mùa bắt đầu nở, đến hết tuần thứ ba là những cánh hoa cuối mùa rụng hết. Nhưng dù ở thời điểm nào, vườn đào vẫn có một vẻ hấp dẫn riêng. Tươi mát, mơ màng khi những nụ hoa đầu tiên vừa chớm chín môi cườì sau bao ngày im lìm trong băng giá. Từng bùng, rục rở khi cả ngàn hoa rộ nở. Man mác, nên thơ khi những cánh hoa rơi bay tơi tả khắp không gian, rồi trải thảm trên nền cỏ biếc.

Phải chăng vì màu hoa đào thắm tươi, nồng nàn, quyến rũ; hay vì kiếp hoa đào mỏng manh bạc mệnh; hay vì vườn hoa đào đẹp một cách thanh thoát, thần tiên ... đã khiến gây được biết bao mỹ cảm cho người đời, nhiều thi hứng cho các tao nhân mặc khách? Chẳng thế, trong kho tàng thi ca phong phú của Nhật Bản, của Tàu cũng như của Việt Nam ta đã không hiếm những áng thơ văn tuyệt mỹ, những trang tình sử diễm lệ có liên quan tới hoa đào.

Nước Nhật, ai cũng biết, có một đường lối giáo dục nghiêm khắc, một quân đội hùng mạnh can cường, từng đi chinh phục được nhiều dân tộc trên thế giới. Vậy mà dân họ lại có một cái nhìn rất bi quan về kiếp người khi đem cuộc đời ngắn ngủi của hoa đào ra so sánh:

- *Anh Đào nở ba ngày đã rụng*

Khác chi người một kiếp phù du.

Trong một bản dân ca Nhật Bản đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc và chế lời Việt, cũng mang một quan niệm yém thế không kém:

- *Rượu nồng ta uống, uống, uống say
một đêm ngất ngây*

*Thả hồn theo gió heo may, đến hôn
hoa, những cánh hoa anh đào say...
Trời xuân man mác những mối sầu,
tinh theo gió mau*

*Cánh hoa tươi tốt không lâu, một đêm
nào sẽ rút mau về đời sau.*

*Rượu nồng ta uống choáng cõi đời để
quên nắng phai, để quên nắng phai*

*Đời người mỏng quá đi thôi, hỡi ai ơi
hãy quên đi, rượu đầy vơi...*

Trong khi đó, người Tàu và người Việt
lại có cái nhìn rất phong phú và yêu
đời về hoa đào, về cây đào.

Người Tàu xưa ví nhân tài như cây
đào, cây mận. Dịch Nhân Kiệt làm Tể
Tướng đời Đường, thu dụng được
nhiều nhân tài nên có người bảo “*cây
đào, cây lý trong nước ở cả cửa tướng
công*”.

Nói về kinh thi, tập thơ dân gian cổ nhất
của Tàu, do Đức Khổng Tử san định
khoảng giữa thế kỷ thứ sáu trước công
nguyên. Mục Chu Nam, thơ Đào Yêu
có câu :

- *Đào chi yêu yêu*

Chước chước kỳ hoa

Chi tử vu qui

Nghi kỳ thất gia...

Phóng dịch :

- *Mon morn đào tơ*

Rực rỡ nở hoa

Cô nàng lấy chồng

Êm ấm cửa nhà.

Ở đây, cây đào non được ví với người
thiếu nữ dậy thì, đến tuổi lấy chồng.

Bài Đào Nguyên ký của Đào Tiềm cho
hay : Vào đời Tấn (245-419) có người
thuyền chài ở Vũ Lăng, một hôm chèo
thuyền đi ngược dòng suối, thấy có

nhiều hoa đào trôi theo dòng nước đổ
xuống, sau lạc vào nơi trồng cơ man là
cây đào, ở đây người ta sống rất an vui
hạnh phúc. Sau đó, chữ “*động đào*”,
hay “*đào nguyên*”, hay “*nguồn đào*”
được dùng chỉ nơi tiên ở.

Trong huyền thoại Tàu còn nói đến
vườn đào của Tây Vương Mẫu ở thiên
giới. Nơi đây hoa nở quanh năm, trái
đủ bốn mùa. Ai được ăn trái đào tiên
này sẽ trường sinh bất lão (truyện Tây
Du Ký của Ngô Thừa Ân cũng có nhắc
tới).

Bởi vậy, ta thường thấy trong những
bức tranh hay tượng tam đa (hình ba
ông Phúc-Lộc-Thọ), ông Thọ bao giờ
trên tay cũng cầm trái đào, còn trong
tranh Tết thì hình thangka bé mუმ mუმ,
giang tay ôm trái đào tiên khổng lồ vào
lòng, là đều có ý chúc trường thọ.

Còn về chuyện ái tình thì không thể
không nhắc tới giai thoại Hoa Đào Thôi
Hộ, vì hoa đào ở đây đã làm nền cho
một câu chuyện tình lãng mạn nhất
trong văn chương thi phú của Tàu.

Thôi Hộ, một danh sĩ đời Đường (618-
907), nhân dự hội Đạp Thanh, chàng
lạc bước đến Đào Hoa thôn, rồi ghé
Đào Hoa trang gỗ cổng, xin nước giải
khát. Một thiếu nữ ra mở cổng, rụt rè
đưa nước cho chàng. Nàng rất đẹp, vẻ
mặt e lệ, hai má đỏ hồng như càn đở
hơn khi gặp chàng dưới bóng cây hoa
đào. Chàng cũng ngượng ngập, đỡ bát
nước uống rồi vội vã từ giã ra về.

Nhớ người, nhớ cảnh, năm sau đến
ngày Hội Xuân, Thôi Hộ háo hức trở lại
Đào Hoa trang, nhưng nơi đây cửa
đóng then cài, người xưa vắng bóng;
chỉ có ngàn hoa đào vẫn rực rỡ đang
mĩm cười trước gió đông. Quá xúc

cầm, chàng đã phóng bút đề bài thơ tứ tuyệt trên cổng nhà nàng:

- *Khứ niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đồng phong.*

Phóng dịch :

- *Cửa này, năm ngoái, cũng hôm nay
Mặt ngọc hoa đào, ánh đỏ hây
Mặt ngọc đi đâu mà chẳng biết
Hoa đào năm ngoái vẫn cười tươi.*

Xé chiều, người thiếu nữ cùng thân phụ đi viếng chùa xa trở về. Chợt nhìn thấy mấy câu thơ trên cổng, nét bút bay bướm, tình ý nồng nàn thì nàng đoán ngay của khách du xuân năm ngoái, lòng xiết bao xúc động. Từ đó, ngày ngày nàng có ý ngóng trông... Nhưng hết mùa hoa đào này đến mùa hoa đào khác trôi qua, ai kia vẫn bật vô âm tín.

Hoàn toàn tuyệt vọng, người thiếu nữ sầu khổ, bỏ ăn quên ngủ, dung nhan mỗi ngày một tiêu tụy. Thân phụ nàng hết lòng tìm thầy cứu chữa nhưng đều vô hiệu. Ví:

- *Nhược hữu lương y viên tuyệt mạng
Tùng lai vô dược liệu tương tư.*

(Ví có thầy giỏi cứu được mạng sống con người

Nhưng chưa từng có thuốc chữa được bệnh tương tư)

Rồi tới mùa hoa đào sau đó vài năm, biết không thể sống nổi, người thiếu nữ thú thật tâm sự cùng cha già và xin cha tha cho tội bất hiếu.

Nhìn con gái đang hấp hối trên giường bệnh, xót con nóng lòng, ông lão chạy vội xuống đường mong tìm cho ra

người đề thơ trên cổng, đến nỗi đâm bổ vào một chàng văn nhân. Nhìn nét mặt lão hốt hoảng, nước mắt đầm đìa, chàng hỏi có sự, hiểu ra liền oà lên khóc và thú nhận mình chính là Thôi Hộ, kẻ đã đề thơ năm nào. Ông lão mừng quýnh, cuống quýt kéo chàng về nhà... thì cũng vừa lúc người thiếu nữ trút hơi thở cuối cùng.

Quá thương cảm, Thôi Hộ quì xuống bên giường, cầm lấy tay nàng, áp mặt vào mặt nàng, nức nở khóc. Kỳ lạ thay, nước mắt chàng Thôi vừa nhỏ xuống mặt người thiếu nữ thì nàng từ từ mở mắt, sống lại.

Sau đó, chuyện gì đến tất đến... Thiên tình sử Hoa Đào Thôi Hộ đã khép lại ở đây. Nhưng dư âm của nó còn vang vọng mãi đến bao đời sau.

Riêng ở nước ta, hoa đào đã đi vào lịch sử, thi ca và ngôn ngữ hàng ngày của người dân một cách đậm đà ý vị.

Về lịch sử, vào tết Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung sau khi đem đoàn quân tốc chiến từ Nam ra Bắc, đại phá được 20 vạn quân Thanh xâm lược; liền sai quân sĩ chọn lấy một cành Bích Đào đẹp nhất Thăng Long, cho ngựa phi gấp mang vào Phú Xuân để tặng Công Chúa Ngọc Hân, thay cho thiếp báo tin mừng chiến thắng.

Trong ngôn ngữ hàng ngày thì - *màu đào*, dùng để tả màu hồng thắm hay đỏ tươi như *má đào*, *máu đào*, *lụa đào*, *cờ đào*...

Qua thi ca, thành ngữ - "*đào tơ mơn mơn*" chỉ người thiếu nữ đang tuổi dậy thì, có vẻ đẹp tươi mát, đầy sức sống - "*Liều yếu đào tơ*" chỉ người thiếu nữ có vẻ đẹp yếu điệu mảnh mai - "*Số đào*

hoa” là số có duyên, được nhiều người khác phái ưa thích...

Về truyện cổ tích của ta, thì động Bích Đào ở xã Trị Nội, huyện Nga Sơn, gần núi Thần Phù, là di tích một câu chuyện thần tiên. Tích xưa kể rằng, Từ Thức nguyên là Tri Huyện Tiên Du (Bắc Ninh), vào ngày Hội Hoa Mẫu Đơn tại ngôi chùa sở tại, chàng đã cởi áo khoác cầm cố để giải cứu cho người thiếu nữ chót đánh gãy cành hoa quý.

Ít lâu sau, Từ Thức treo ấn từ quan, ngày ngày ngao du sơn thủy. Một hôm chàng chèo thuyền ngoài cửa bể Thần Phù, ghé vào bờ núi đề thơ rồi lạc đến một động tiên, chàng được phu nhân tiên chủ gả con gái yêu là Giáng Hương cho, để đền cái ơn đã cứu nàng thuở trước.

Sống ở Đào Nguyên tuy vui sướng nhõn nhõn nhưng Từ Thức không nguôi lòng nhớ cố hương, bèn xin trở về. Biết không thể lưu giữ được lâu hơn, phu nhân ban cho vân hạc đưa chàng về trần, còn Giáng Hương trước phút từ biệt, trao cho chồng một phong thư, dặn khi tới nhà hãy đọc.

Từ Thức về đến quê, xiết bao ngỡ vì cảnh cũ đã hoàn toàn thay đổi, người xưa cũng không còn. Chàng hỏi thăm ông già bà cả trong xóm thì có người cho biết, cụ tổ ba đời của ông ta tên là Từ Thức, đi vào núi không thấy về, nay đã trên 60 năm.

Quá bơ vơ, lạc lõng, Từ Thức tính quay lại níu cánh hạc để trở về tiên động. Nhưng... cánh hạc đã bay vút trời cao. Chàng mở thư vợ ra xem mới hay:

“*Cuộc tình duyên trần tiên đã đoạn, muốn tìm lại động xưa chẳng còn được nữa*”. Sau đó, Từ Thức đi vào núi

Hoành Sơn (gần Thanh Hoá), không thấy trở lại.

Thi sĩ Tản Đà, giữa đầu thế kỷ XX, cảm hứng chuyện cũ, sáng tác nên bài từ khúc :

Tổng Biệt

- *Lá đào rơi rắc lối Thiên Thai*

Suối tiến, oanh đưa, những ngậm ngùi

Nửa năm tiên cảnh, một bước trần ai

Ước cũ, duyên thừa có thể thôi!

Đá mòn, rêu nhạt

Nước chảy, huê trôi.

Cánh hạc bay lên vút tận trời

Trời đất từ nay xa cách mãi.

Cửa động đầu non, đường lối cũ

Ngàn năm thơ thẩn bóng trắng chơi.

Riêng Nguyễn Du, trong truyện Đoạn Trường Tân Thanh viết hồi đầu thế kỷ XIX, thì mượn cây đào làm bối cảnh cho cuộc tình của đôi tài tử giai nhân Kim Trọng - Thúy Kiều.

Sau buổi được tao ngộ cùng Thúy Kiều trong ngày hội Đạp Thanh, Kim Trọng trở về không lúc nào quên được nàng. Chàng say mê Kiều đến độ giả danh du học, thuê hiền Lãm Thúy để mong có cơ hội gặp lại người tình trong mộng của mình.

Cây đào ở cuối vườn nhà Kiều, bên kia tường là hiền Lãm Thúy, Kim Trọng ngày ngày ghé mắt nhìn sang. Lần đầu tiên Kim thoáng nhìn thấy Kiều dưới tàn cây đào:

- *Cách tường phải buổi êm trời*

Dưới đào đường có

bóng người thướt tha.

Khi Kim vừa chạy ra thì người con gái đã đi mất. Nhưng chàng đã với được chiếc kim thoa của nàng vướng trên một cành đào:

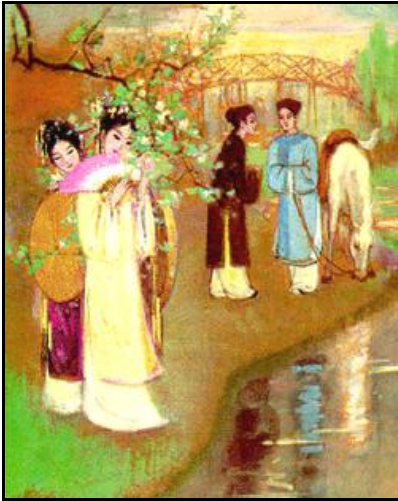
- *Lần theo tường gấm dạo quanh
Trên đào nhắc thấy một cành kim thoa
Giơ tay với lấy về nhà...*

Nhờ đó, Kim Trọng đã được gặp lại Thuý Kiều.

Nhân dịp cha mẹ và hai em đi dự lễ bên ngoài, vắng nhà. Kiều khê hắng giọng làm hiệu gọi Kim cũng ở bên gốc đào này:

- *Dưới hoa sẽ dựng tiếng vàng
Cách hoa đã thấy có chàng đứng trông.*

Thì ra Kim Trọng lúc nào cũng loanh quanh luẩn quẩn ở gần cây đào để chờ Kiều.



Như thế, cây đào đã gắn liền với những kỷ niệm về mối tình đầu giữa Kim và Kiều.

Sau nửa năm xa vắng (Kim phải về Liêu Dương thọ tang chú), khi trở lại vườn Thúy, Kim thấy mọi vật đều đã đổi thay, riêng có cây đào năm xưa vẫn tung bừng nở hoa như ngày nào, như muốn trêu ghẹo nỗi cô đơn của chàng. Tâm trạng Kim Trọng lúc này khác nào Thôi Hộ khi trở lại Đào Hoa Trang,

không được gặp lại người thiếu nữ đã cho chàng bát nước giải khát trong ngày Hội xuân năm trước. Thế nên, Nguyễn Du đã mượn ý hai câu thơ cuối trong bài tứ tuyệt của Thôi Hộ để tả cảnh ngộ và tâm trạng Kim Trọng lúc này :

- *Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
Ai ngờ câu chuyện tình Hoa Đào Thôi Hộ vẫn còn để lại dư âm đến tận ngày nay?*

Vào một mùa hoa đào tại Parc de Sceaux, nhìn thấy vườn đào rực rỡ với muôn ngàn đoá hoa đang lung linh trong nắng xuân hồng, chúng tôi lại nhớ đến khung cảnh thơ mộng trong cuộc tao ngộ giữa danh sĩ Thôi Hộ và người em gái Đào Hoa Trang thuở nào, lòng bỗng dạt dào cảm xúc.

Thay vì thương cảm cho tình cảnh của chàng Thôi khi trở về chốn cũ không gặp lại người xưa như Nguyễn Du trong truyện Kiều, hay hầu hết các vị nam nhân khác mỗi khi nhắc đến câu chuyện tình thơ mộng này. Chị em phụ nữ chúng tôi lại thường xót xa cho cảnh ngộ của người em gái Đào Hoa Trang. Chỉ vì đôi lời thơ hoài cảm của ai kia mà mang lụy vào thân; đã bao tháng năm phải sống trong cảnh cô đơn âm thầm chờ đợi đến đau ốm, mõi mòn ... Nên đã sáng tác nên mấy vần thơ, thác lời người em Đào Hoa Trang, gọi là chút giao cảm giữa người Kim-Cổ:

- *Trong vườn hoa đào rộ nở
Lung linh dưới nắng xuân tươi
Cô em má hồng ửng đỏ
Chợt chàng Thôi Hộ ghé chơi...*

- *Gặp nhau chỉ dám thoáng nhìn
Sông chờ, bến hẹn
tưởng nghìn kiếp xưa?
Cổng ngoài có mỗi bài thơ
Hoa đào vẫn nở, người mơ chẳng về!*

Để kết thúc bài biên khảo “Ngày Tết Nói Chuyện Về Hoa Đào”, chúng tôi xin thưa,

Hoa đào quả là một ân sủng của Thượng Đế ban cho loài người. Vườn đào quả là một Thiên Đường mà chúng ta có thể tới được dễ dàng ngay trong cuộc sống hiện tại. Ít nhất cảnh đẹp tinh khiết, tươi thắm của hoa đào, của vườn đào cũng làm cho ta mát mắt, tâm trí thư giãn. Ngoài ra nó còn nuôi dưỡng tâm hồn trong sáng, tươi trẻ của chúng ta, và biết đâu còn gọi cho chúng ta nhiều cảm hứng thi tứ; trên văn đàn Việt Nam, nhờ đó mà nảy sinh thêm biết bao kỳ hoa dị thảo ./.

PHẠM THỊ NHUNG (France)

Tài liệu tham khảo :

Đào Duy Anh: Tự Điển Truyện Kiều, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1987.

Nguyễn Tử Quang: Điển Hay Tích Lạ, Khai Trí xuất bản, Saigon 1964.

Đào Nhật Tân Hà Nội, Mai Vàng Huế, Phụ Nữ Diễn Đàn, Giai Phẩm Xuân Ất Hợi, số 131, California-1991 -Tìm Hiểu Phúc Âm: Hoa Anh Đào, Văn Nghệ Tiền Phong số 274, CA 1990.

Đổi con trăng...

*Trăng của tôi
hay trăng của nước
Mắt của nàng
sao ướt ánh trăng
Tôi ôm trái đất chạy vòng
Đổi con trăng nước
ra con trăng tình.*

Vườn lòng tôi...

*Vườn lòng tôi bỏ ngõ
Em bước vào, ngại chi
Rồi nằm im trong đó
Đủ cả nào thiếu gì...*

Tình anh đã..

*Trời đã chuyển, em ơi,
sang mùa gió
Đất theo trời
trở sương lạnh giăng giăng
Tình anh đã đến
bên em rồi đó
Trái chiếu chần lên ấm chồn em nằm.*

NGUYỄN THÙY (France)



BÀI THƠ CUỐI CÙNG

gửi THANH-THANH

*Lòng buồn như một chiều mưa
Run run viết một bài thơ ... cuối cùng...*

Không hiểu vì sao tôi cũng viết
Những giòng thơ lạnh giữa chiều nay.
Lòng cô đơn quá, sầu không hết;
Nắng loãng chiều tang phủ gót giày ...

Đọc mãi vắn thơ tự xứ Trung,
Những vắn thơ giá buốt như đông:
Chao ôi! sâu kín là rung động
Im lặng trong hồn, ai biết không?

Muốn viết bao nhiêu, muốn nói nhiều;
Hỡi ơi! tình-cảm đã hoang-liêu!
Cuộc đời hơn một lần đi vắng,
Lặng-lẽ trong tim mấy vạn chiều ...

Tôi thấy lòng tôi: ôi! xuyên-xao
Từng niềm rung-rức, ý nao nao ...
Từng cơn giông-tổ, từng nhung-nhớ,
Chất mãi trong tim tự kiếp nào ...

Nhưng viết làm sao ? tàn-nhẫn lắm!
Mộng vàng là mộng bấy nhiêu thôi!
Mà viết làm chi ? đau-khổ lắm!
Hai kẻ hai phương trọn kiếp rồi!

Tôi muốn lần nào trong giấc mơ
Cầm tay khẽ đọc một bài thơ ...
Hoa mai rũ nhẹ trên đôi tóc,
Lưu-luyến bùng trong ánh mắt chờ...

Nào phải vô-tình qua trước cửa,
Lãng-lơ như một kẻ qua đường!
Đã có nhiều đêm nghe thắc-mắc...
Nhưng đành... đành vậy! phôi mùi hương.

Thanh ạ! lòng tôi là thế đấy,
Tình tôi nhỏ quá! biết làm sao ?
Người xa hun-hút, xa-xôi quá!
Muốn nói đường tim, chẳng chịu vào!

MY LAST POEM

to THANH-THANH

*While my soul is sad as in a rainy eve,
Writing this last poem I tremble to conceive...*

It seems to be unknown why I also write
These wintry rhymes in this evening so trite.
My heart is too lonely, endlessly in blues;
The mourning setting sun shadows my shoes.

I have read and read from the Central Clime
The verses so chilling as in the chilly time.
Alas! How deep is his feelings' command:
Silence in the soul, whoever would understand?

Although I want to write, say so much;
Oh! My emotion has turned uncouth to touch;
More than once life seems to be deserted:
Quiet in the mind myriad evenings introverted.

How my innermost flutters as I can sense
Each sentiment stung, feeling upset, so tense;
Storm slashing, remembrance racking, manifold
Have cumulated in my breast since lives of old...

But how to write? it is so ruthless, how to fit?
Golden dreams remain dreams, such a tiny bit!
And why to write? What a forlorn fate!
The two are to go their ways all life separate!

I wished, in my dreams, there is a certain time
We hold their hands, gently reading a rhyme...
Apricot flowers softly hang down on our hair;
Attachment shines in my eyes with a waiting air.

You are not just impassible like some strange guy
As inattentive as any kind of vague passer-by!
I have experienced queries many a night...
Well, I am fain... to dispel of fancy that flight.

Yes, Thanh my dear! Thus is my impression;
My affection is too little to answer the question.
You are so far, far-away, at a distance blear!
To link a love, down to the South you do not near!

Tôi ở nơi đây với mẹ già,
Chợ ngày hai buổi, tháng năm qua ...
Đi trong sa-mạc, trong hieu-quạnh!
Thơ viết rồi thôi, mộng chẳng hoa!

Không biết bao nhiêu những lá thư
Mà tôi đã đọc tự ngày xưa ...
Tâm-tinh gửi mãi vào trang giấy,
Nhưng chẳng bao giờ tôi biết mơ ...

Những bóng người qua đến lở-làng,
Lòng tôi vẫn chỉ một mùa hoang!
Bao nhiêu bến nước tôi không cắm,
Không đợi, không chờ, không cả sang...

Nhưng đến hôm nay, nhận của người
Một bài thơ máu, một tình cô!
Tôi nghe xao-xuyến tràn trên mắt;
Nhưng, biết làm sao, hồi cuộc đời!

Chỉ mộng mà thôi, mộng đầy thôi!
Hai ta xa cách, có trăm lời
Cũng không nối được hai phương ấy,
Cột được linh-hồn cho cả đôi!

Rồi sáng hôm nào, trời hừng nắng,
Chất đầy xao-xuyến ở trong tim,
Tôi đi thơ-thần, đi xa vắng...
Đọc nhỏ tên người giữa vắng im...

Muốn đốt làm gì trang giấy bé?
Những phong thư lạnh gửi ngày xưa ...
Không! tôi muốn giữ trong tâm-tưởng
Một bóng vờ xa, nếu đã mờ ...

Tôi viết lòng tôi bằng máu mực,
Miền Trung xa vắng, hồi Miền Trung!
Chiều nay rên-siết căng trong mắt,
Gửi một bài thơ ... cho ... cổ-nhân...

Sài-Gòn, Hè 1953
HUYỀN CHI
(thư gửi Thanh-Thanh ngày 10-6)

*In trong tập thơ "Ánh Trời Mai" của
Thanh-Thanh, tập mới, tái-bản năm 1954*

I live here with my aged beloved mother;
Twice daily marketing, time passes as a souther;
Walking in the desert, hermitage to gloom;
Poems have been written, dreams not to bloom!

I do not remember how many letters to amaze
I have received and read since the old days,
The paper conveyed their heart-to-heart theme
But I have never known of anything to dream.

The figures past and past at all inconclusive;
My heart is still in a pristine season, elusive!
So many river wharfs I did not moor anywhere,
Neither await, nor tarry for, much less dare...

But today I have just received from you
Such a confidential poem, what a solitary cue!
I do feel my heart flutters and my tears flow;
Yet, my dear, how should I react now, hillo!

Only in dreams; yes, that is only in a dream
Because we are separated, against the stream;
Even hundreds of words could not unite
The two domains, bind the two souls alright!

Then, a certain morning, the sun begins to shine
Piling my heart with perturbation, full of brine,
I will be walking loungingly, vacantly, hurt,
Pronouncing vaguely your name in the desert...

Why you want me to burn the small pages,
The lonely letters sent me since... the ages?
No! I wish to keep them – in my innermost
A remote outline, even not of a shadow a ghost.

I have written my feelings out with all my heart,
Oh! the Central Region that still stays apart!
This evening with eyes that tears overcame,
I am sending my last poem to my... old flame...

Saigon, in 1953 summer
HUYỀN CHI
(sent to Thanh-Thanh on June 10)

*Translated by Thanh-Thanh and published in his
"Ánh Trời Mai" new edition, republished in 1954*

SONG SINH SỐ PHẬN

** TiênSha-LêLuyên **

(Tặng Quỳnh Loan, con gái út của tôi)

Loan nhìn cơn mưa phùn đầu mùa của quê hương sau chín năm xa cách. Lên tám, Loan đã theo cha mẹ sang Hoa Kỳ lập nghiệp. Ký ức tuổi thơ về quê hương đối với Loan quả thật mơ hồ quá, chỉ còn nhớ lờ mờ đôi điều nhưng đã gây ấn tượng sâu sắc, khó thể quên được.

Sáng nay tình cờ Loan bắt gặp lại kỷ niệm hiếm hoi đó ở gánh xôi bắp của bà lão bán dạo.

Loan cất tiếng gọi. Bà lão chạy băng ngang qua khoảnh sân nhỏ, đến chỗ Loan đứng dưới mái hiên nhà rồi đặt gánh xuống. Bà mở hai mảnh ni-lon che mưa ở hai đầu thúng xôi ra. Chừng như mảnh ni-lon đây xôi còn lạnh lặn hơn cả mảnh che mưa trên thân thể gầy gò của bà. Hạ chiếc nón lá cũ kỹ ở trên đầu xuống, bà giữ giữ cho rơi bớt những giọt nước mưa. Mái tóc của bà còn bạc hơn cả tóc của nội Loan. Bà kéo hai ống quần xắn móng lợn ướm dẫm đã ngả sang màu cháo lòng, rồi ngồi lên chiếc đòn gánh, bắt đầu xúc xôi bán. Nhìn bà lão, Loan tự hỏi: *“Có thật là vị chủ nhân nghèo nàn của gánh xôi bắp năm xưa đây không?”* Ngày trước bà tuy có già nhưng cũng không đến nỗi tiêu tụy như hôm nay.

Bà lão ngày xưa dẫu nghèo tiền nhưng lại thật giàu lòng thương người. Sáng sáng vẫn thường gánh ngang qua nhà và chịu bán xôi nọ cho

cô bé tí tẹo mới lên năm, có cái ăn lót dạ để đi đến trường.

Ngày đó gia đình Loan nghèo lắm, nghèo khủng khiếp. Ba mới ra tù còn bị quản chế, chưa có việc làm. Má buồn tảo bán tần chỉ đủ tiền đóng gạo hàng ngày là may mắn lắm rồi. Anh chị của Loan còn bé quá chưa làm được việc gì. Gia đình Loan rất cô đơn chẳng có ai giúp đỡ, nên bà lão thương đưa bé gái đồng cảnh ngộ. Trong tám lòng ngây thơ trong trắng như trang vở học trò của Loan vẫn mãi mãi in đậm hình ảnh cao thượng của bà lão nghèo bán xôi năm xưa, dẫu rằng hôm nay Loan đã lớn và cuộc đời đã thay đổi nhiều lắm rồi.

Loan hỏi bà lão có còn nhớ cô bé năm xưa sống ở trong căn nhà này không? Bà lão lắc đầu. Loan kể cho bà nghe câu chuyện cô học trò tí hon sáng sáng vẫn thường được bà ghé bán xôi nọ. Bà lão vẫn lắc đầu. Loan ngạc nhiên nhìn kỹ. Đúng mà, không thể nào nhầm lẫn với ai khác được, nhưng sao bà lại không nhớ nhỉ? Mãi một lúc lâu sau bỗng bà lão như chợt hiểu ra. Ngược đời mắt hờ hờ đục lờ bà kể rằng, người bán xôi cho bé năm xưa thật ra không phải là bà, mà là người chị song sinh của bà. Cụ đã chết hơn một năm trước đây vì tuổi già sức yếu, không kham nổi gánh nặng cuộc đời. Hiện nay bà thay thế chỗ bán xôi của

chị, lây lất kiếm miếng sống qua ngày và để tiếp tục trả nợ áo cơm của kiếp con người.

Loan òa lên khóc nức nở. Quả thật như thế sao? Con người đã song sinh, chả lẽ định mệnh lại oái oăm áp đặt chuyện song sinh cho cả số phận nữa hay sao? Loan làm sao dám tin điều đau khổ ấy lại là sự thật.

Bà lão cầm nắm tiền cô bé trao cho trên tay, cũng bật khóc theo. Bà vừa cảm động mà cũng vừa xót xa, tủi thân cho số phận hẩm hiu của mình. Bà nghĩ, giá như cuộc đời này ai cũng có tấm lòng nhân ái như chị bà, như cô gái bé nhỏ thủy chung này, thì xã hội đâu đến nỗi nào đau khổ tủi buồn như

hôm nay. Bà lão bán xôi chọt biết ơn người chị song sinh đã mẫn phần của mình, một con người đã ươm giống tốt, hạt lành để cho bà được hưởng phúc lộc tốt đẹp hôm nay.

Loan lặng lẽ nhìn theo bà lão bán dạo. Gánh xôi nặng oằn trên vai, bà bước đi liêu xiêu trong gió rét buốt da. Cơn mưa phùn vẫn lạnh lùng tuôn đổ lê thê như không hề biết rằng có một con người già nua, tội nghiệp đang lặn lội kiếm sống từng ngày trong cô đơn và bão giông cuộc đời.

Atlanta, Trọng Đông 2000

TiênSha-LêLuyên



HỨNG HỜ

*Kìa dáng xuân về trong nắng úa,
Sao ta vẫn buồn như hôm xưa?
Phải chăng vương vấn màu hoa cũ,
Hay xót vẫn thơ sớm lạc mùa?
Đó, đây, xuân cũng vàng mây lụa,
Vẫn nụ mai vàng thoáng nét xưa.*

*Ngày tháng hình như không có thật
Nên ta hờ hững phút giao thừa!
Tuyết phát phơ bay ngoài song cửa,
Sương rùng loang sắc bóng chiều đưa.
Tháng tư, rét mướt, đời phiêu bạt...
Xuân đến, hồn ta lộng gió mưa!*

Đỗ Bình



SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA TỪ ĐẠI LỘ HÀM NGHI ĐI VỀ CHỢ CŨ

** Mỹ Phước Nguyễn Thanh **

(Tiếp theo)

Công trường Gambetta

Chúng ta có thể bảo trung tâm Chợ Cũ chính là tứ giác giới hạn bởi bốn đường phố ngày nay: Nguyễn Huệ, Hải Triều (Phủ Kiệt), Hồ Tùng Mậu (Võ Di Nguy), Ngô Đức Kế.

Ngược dòng thời gian trở về đầu thế kỷ 20, chúng ta dừng chân tại nơi đã từng là nền của những dãy nhà lồng Chợ Cũ. Toàn thể chợ và những tòa nhà phía đường d'Adran (nay là Hồ Tùng Mậu) trong đó có bốt cảnh sát đều bị san bằng (chợ bắt đầu bị tháo dỡ từ năm 1910). Nhà ga xe tramway phía đại lộ Charner cũng bị phá bỏ. Từ lúc ấy cả khu phố trở nên thoáng đãng, đứng bên đường d'Adran nhìn qua bãi đất phủ thảm cỏ xanh ta thấy cả một khoảng lớn đại lộ Charner. Đến năm 1915, tượng đài Gambetta được dời từ ngã tư Pellerin – Norodom (Pasteur - Thống Nhất) về đây đặt tại chính giữa công trường này, tượng quay về hướng đại lộ Charner, từ đó công trường được đặt tên là Gambetta thay thế tên các đường Amiral Roze và Vannier chạy kèm hai bên công trường. Dù không còn cảnh chợ náo nhiệt như xưa nhưng trên lề các dãy nhà phố chung quanh công trường vẫn nhộn nhịp người đi mua sắm hoặc đi dạo chơi từ sáng sớm đến đêm khuya.

Khác với các nhân vật đã được dựng tượng tại Sài Gòn, Gambetta không có quan hệ trực tiếp nào đến lịch

sử đô hộ của Pháp tại Đông Dương. Léon Gambetta là chính khách người Pháp trong thời kỳ chiến tranh Pháp-Đức. Sự bại trận của Pháp trong trận chiến này kéo theo việc cắt đất cho Đức. Người dân đặt tên tượng đài Gambetta là «ba hình» vì ngoài nhân vật chính còn có hai người lính kề hai bên: Trên bệ cao tượng Gambetta đứng tựa khẩu đại bác hộ hào quốc dân, tay phải nắm tấm bản đồ, tay trái chỉ trở vùng biên giới Alsace-Lorraine đã lọt vào tay đế quốc Đức. Dưới bệ phía bên trái là người lính trong tư thế quỳ chờ xông trận, bên phải người lính ngã quỵ vì bị trúng đạn, đang buông súng, đầu gục một bên nhưng còn đưa tay níu kéo sự sống.

Tượng Gambetta này là một phiên bản của pho tượng hiện nay còn thấy tại thành phố Cahors (quê hương của Gambetta), do nhà điêu khắc danh tiếng vào thế kỷ 19, Alexandre Falguière (tên ông được đặt cho một trạm métro tại Paris). Ở châu Mỹ ông còn lưu lại tượng đài Lafayette tại thủ đô Washington.

Bãi đất trống Chợ Cũ có lúc dùng làm nơi Thống đốc đến đọc diễn văn trước khi duyệt binh trên đại lộ Charner vào dịp lễ Đình chiến (ngày 11 tháng 11 hằng năm), hoặc làm nơi cắm cọc dựng lều cho các gánh xiếc trình diễn. Vào năm 1919, Hội đồng quản hạt đề nghị dời tượng Gambetta đi nơi khác

để lấy chỗ xây sở Kho bạc (ngân khố), vì sở Kho bạc lúc ấy tại số 164 đường Catinat đã cũ kỹ, chật hẹp, thiếu tiện nghi (không đủ ánh sáng, không thông gió nên ngột ngột). Đất nền Chợ Cũ là tài sản của thành phố, ban Hội đồng thành phố chấp nhận nhượng nơi này cho nhà nước quản hạt xây Kho bạc, đổi lại nhà nước nhượng cho thành phố sở Kho bạc cũ trên đường Catinat vừa nói trên đây, tòa nhà này được sáp nhập với bót cảnh sát Trung ương (Commisariat Central) nằm sẵn bên cạnh biển thành trụ sở an ninh nổi tiếng mà người dân quen gọi là «bót Catinat».

Giữa năm 1922 tượng đồng Gambetta và hai người lính được dời về đặt tại trung tâm vườn Bồ Rô (tên cũ là vườn Ông Thượng, nay là vườn Tao Đàn). Tượng Gambetta được khánh thành tại Sài Gòn vào năm 1889 nhân dịp lễ kỷ niệm một trăm năm Cách mạng Pháp. Gambetta từng đứng ngạo nghễ trên bệ cao ở đây đó trong thành phố, nhưng tưởng cuối cùng được yên thân tại nơi tĩnh mịch giữa cây cao bóng mát chốn công viên, nào ngờ đến những năm Thế chiến thứ hai bị nhà cầm quyền xem như vật phế thải, đem nấu chảy để thu hồi kim loại dùng vào chiến tranh.

Bình đồ xây dựng sở Kho bạc đã được chấp thuận và nhà nước chi kinh phí khởi đầu là 80.000 đồng dành cho năm 1921. Việc xây dựng Kho bạc tại đây không tránh khỏi vài ý kiến bài bác được nêu ra vì lý do là vị trí xây dựng gần nơi buôn bán ồn ào và nhất là gần bên thương cảng, tiếng còi tàu đủ làm xao lãng công việc của các nhân viên

sở Kho bạc. Nhưng rồi tòa nhà vẫn mọc lên, chiếm khoảng một phần ba diện tích công trường, mặt tiền choán hết đoạn đại lộ Charner giữa hai đường Amiral Roze và Vannier. Hãng thầu xây dựng Brossard & Mopin khởi công thực hiện từ giữa năm 1922, đến tháng 9 năm 1926 sở Kho bạc bắt đầu mở cửa để đón công chúng.

Đường Amiral Roze (Phủ Kiệt / Hải Triều).

Khoảng 1865-1870, khi xây chợ người ta mở thêm con đường đi từ bờ kinh Chợ Vải với đường d'Adran gọi là «rue du Marché». Đến năm 1871 đường này đổi tên là Amiral Roze, tên của vị đề đốc giữ chức vụ quyền thống đốc Nam Kỳ thay mặt đề đốc La Grandière vào năm 1865. Từ năm 1926 con đường lại đổi tên là Phủ Kiệt, tên gọi tắt của ông đốc phủ Trần Văn Kiệt (1846-1920), từng là xã trưởng làng Hòa Mỹ (khu Đa Kao) và là nghị viên trong Hội đồng thành phố. Ông còn là chủ nhiều đất đai nhà cửa vùng Đa Kao, Tân Định, Phú Nhuận, trong đó có một xưởng cưa gỗ. Từ năm 1985 đường này mang tên mới là Hải Triều.

Vì là đường xây ven theo chợ nên dọc theo đường này chỉ có nhà ở phía một bên. Vào thời kỳ ngôi chợ cũ còn bán buôn tấp nập, sinh hoạt kinh doanh trên đường Amiral Roze cũng theo đó cung ứng hàng hóa cho người đi chợ, lúc mới xây đường, có nhiều tiệm xay lúa bán gạo, tiệm tạp hóa, tiệm thực phẩm, hàng nước, hàng than củi, sau có tiệm bán rau cải, trái cây, các kho chứa hàng... Hầu hết chỉ có Khách Trú làm chủ các tiệm quán trên đường này,

ngoại trừ tại góc đại lộ Charner có nhà hàng khách sạn của người Pháp, tên cũ là Hotel du Marché, sau đổi chủ lần lượt trở thành Café du Commerce rồi đến Hotel de la Terrasse, trong số khách lai vãng không ít là những nhân viên sở Thương chánh (nhà đòan) làm việc gần đây thường đến giải khát trước và sau buổi làm việc.

Sau khi chợ bị giải tỏa, các hiệu buôn đã chuyển nghề để thích ứng với hoàn cảnh mới, ngoài các tiệm tạp hóa bán lẻ, tiệm bán thịt, còn có cả mấy tiệm chụp ảnh, công ty quảng cáo, v.v. Phía đầu đường bên cạnh đại lộ La Somme (Hàm Nghi) là một dãy nhà hàng ăn, tiệm nước và quán trọ, tất cả đều biến mất vào năm 1924 khi công ty Crédit Foncier cho xây lên tòa nhà ba tầng SFFC (Société Financière Française et Coloniale).

Đường Amiral Roze còn có một hẻm ăn thông qua đại lộ Charner, xưa gọi là «ruelle aux Fleurs». Bên trong là một xóm đông người, chật chội, kém vệ sinh, tuy vậy đời sống nơi đây nhộn nhịp không thua gì phố xá bên ngoài, có cả tiệm xay lúa, tạp hóa, hớt tóc, hội buôn Triều Châu và đèn miếu cho các bà hiếm muộn đến cầu tự. Hẻm cũ lâu đời có nguy cơ trở thành khu nhà ổ chuột, may thay từ khi dãy phố phía bên đại lộ La Somme được chỉnh trang, nhà cửa và đường đi trong hẻm theo đó cũng được canh tân, từ bên trong có lối đi thông ra các đại lộ.

[Xin nói rõ thêm: cùng lúc đặt tên «công trường Gambetta», tên «Amiral Roze» dành đặt cho con đường đi từ nhà ga đến vườn Bồ Rô, nay là đường Trương Định]

Đường Vannier (Ngô Đức Kế)

Đường Vannier bắt đầu từ công trường Rigault de Genouilly (nay là công trường Mê Linh) đến đường d'Adran (Võ Di Nguy / Hồ Tùng Mậu). Ta chỉ đề ý đến đoạn đi qua Chợ Cũ, từ đại lộ Charner đến đường d'Adran. Dọc theo đoạn đường này chỉ có dãy nhà mang số chẵn. Lúc đầu tiên đây là đường số 5. Từ 1865 đến 1955 là đường Vannier, đặt theo tên của một sĩ quan Hải quân người Pháp theo phò vua Gia Long. Từ 1955 đến nay đường vẫn giữ tên là Ngô Đức Kế.

Đáng chú ý là tại khúc đường này có sự hiện diện của khá nhiều tiệm buôn của người Ấn. Từ khoảng năm 1865 người Ấn đã có mặt tại Sài Gòn, họ làm nghề đổi tiền, nuôi dê bán sữa, buôn bán nhỏ. Dần dà khi càng ngày càng đông họ làm công chức, cảnh sát, thương gia, cho vay ăn lời, bán tạp hóa, thu hoa chi chợ, v.v. Đặc biệt tại đường Vannier cạnh bên chợ, nơi họ mở nhiều tiệm buôn hàng vải nên được gọi là «dãy phố Chà bán vải». Thời kỳ cực thịnh của họ, vào các năm trước khi dẹp ngôi Chợ Cũ, số cửa hàng của họ chiếm hơn phân nửa dãy phố. Họ vẫn buôn bán phát đạt tại đây suốt mấy thập niên, đến năm 1975, còn đếm được năm, sáu tiệm.

Xen giữa những «tiệm Bombay» bán vải vừa nói còn có những tiệm của người Việt và người Hoa bán vải vóc, tạp hóa, nữ trang, thuốc Bắc, v.v. Ta cũng nên nhắc tới tiệm bách hóa của ông bà Nguyễn Đức Nhuận, khoảng 1923, chuyên bán hàng mới mới (nón, giày, áo quần, tơ lụa,...), máy hát, khăn đen Suối Đồn, v.v. Ông bà Nhuận còn

mở một đại lý trên đường Catinat chuyên về hàng tơ lụa. Cũng tại đại lý này bà Nhuận tức là bà Cao Thị Khanh sáng lập tuần báo Phụ Nữ Tân Văn vào năm 1929. Đến 1931 tòa soạn dời về đường Vannier tại cùng địa chỉ với tiệm bách hóa nói trên. Tờ báo ăn khách này có lần kêu gọi: «Chị em ta từ trong trường gấm phòng thêu, đánh trống phát cờ ra để phấn đấu cho đoàn thể mình, và phấn đấu cho cả quốc gia xã hội». Đầu năm 1934, tòa báo lại dọn về đường Massiges (Mạc Đĩnh Chi) và ở tại đây cho đến khi đóng cửa vào năm 1935, tính ra báo tồn tại được hơn 5 năm. Từ thời ấy khi nhắc đến Phụ Nữ Tân Văn người ta nhớ ngay đến câu lục bát đề trên trang nhất: “Phấn son tô điểm sơn hà / Làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam.”

Đường Hamelin và đường Monlaü (Huỳnh Thúc Kháng).

Đường Huỳnh Thúc Kháng ngày nay gồm hai đoạn đường cũ vào thời Pháp thuộc: Monlaü và Hamelin. Theo năm tháng, sự đổi dạng và đổi tên của các đường đó cũng khá phức tạp.

Lúc mới đánh chiếm Sài Gòn, chính quyền Pháp đặt tên đường phố bằng những con số, trong đó có con đường số 7 đi từ bờ kinh Chợ Vải chạy xuyên qua khu đầm lầy Boresse. Từ năm 1865 đường này đổi tên là Hamelin, đặt theo tên của viên đề đốc kiêm bộ trưởng bộ Hải quân Pháp vào thời Rigault de Genouilly tấn công Đà Nẵng và đánh chiếm Sài Gòn. Khi xây đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho, đường Hamelin bị khoảng đất dành làm đề-pô chiếm hết phần giữa, chia nó ra làm hai

đoạn: đoạn thứ nhất nằm trong khu Boresse (sau trở thành đường Hồ Văn Ngà, nay là Lê Thị Hồng Gấm), đoạn thứ nhì kéo dài tới đại lộ Charner (là một phần của đường Huỳnh Thúc Kháng hiện nay), ta chỉ để ý tới đoạn này vì nó nằm gần Chợ Cũ. Sang năm 1917, đường này đổi tên là Đỗ Hữu Vị, đặt theo tên của vị đại úy không quân người Việt đã tử trận tại vùng Somme (phía Bắc nước Pháp) vào năm 1916.

Không xa đây, khi xây dựng khu vực chợ Bến Thành hiện đại, đề-pô xe lửa bị giải tỏa. Vào năm 1922, khúc đường nhỏ hẹp đi bên cạnh đề-pô (rue latérale Nord du Chemin de fer) trở thành đường Monlaü, một đầu của đường này nối tiếp với đường Hamelin, đầu kia thông ra Bùng binh chợ Bến Thành. Monlaü là hạ sĩ quan người Pháp, tử trận tại vùng Alsace (Pháp) vào năm 1915.

Đến năm 1955, cả hai đường Monlaü và Đỗ Hữu Vị cùng hợp lại thành đường duy nhất Huỳnh Thúc Kháng cho đến nay.

Vào cuối thế kỷ 19, đường Hamelin đã là một nơi ồn ào huyên náo, vì tại đây có nhiều người làm nghề tiểu công nghệ hơn làm nghề buôn bán, họ là thợ xay lúa, rèn sắt, hàn thiếc, cắt tóc, giặt ủi... Sang đầu thế kỷ 20, các hiệu buôn bán lẻ, tạp hóa tăng dần, lại có thêm các tiệm may, tiệm giải khát, năm ba tiệm hút thuốc phiện... Trong thập niên 1930, bắt đầu có mặt nhiều nhà cho thuê xe hơi có tài xế, nhiều nhà sửa chữa và cho thuê xe đạp...

Đường Hamelin đi cạnh bên nhiều công sở như tòa Hòa giải (chỗ tòa nhà Sunwah, đường Nguyễn Huệ hiện nay),

sở Tân đáo (đoạn giữa hai đường Hồ Tùng Mậu và Tôn Thất Đạm), sở Công chánh (giữa hai đường Pasteur và Nam Kỳ Khởi Nghĩa). Ngoài ra phải kể đến một cơ sở giáo dục quan trọng là trường Cơ khí Á châu, được xây dựng vào năm 1906 trên khu đất có xưởng máy của sở Công chánh nằm giữa hai đường Pellerin và Mac-Mahon (Pasteur và Nam Kỳ Khởi Nghĩa).

Trường Cơ khí Á châu (hay trường Bá nghệ, 65 đường Hamelin) được thành lập nhằm bổ khuyết cho các lớp dạy nghề (mộc, rèn, nguội) của trường Chasseloup Laubat. Mục tiêu ban đầu của trường là đào tạo thợ lành nghề sau thời gian học các môn học như: sử dụng và sửa chữa máy móc tàu thuyền, điện thực hành, kỹ thuật xe hơi... Vì nhu cầu kinh tế và quân sự ngày càng gia tăng, trường đào tạo thợ máy, thợ điện, chủ tàu thuyền làm việc trong các ngành hải quân, hàng hải thương mại, kỹ nghệ...

Vào năm 1919 tại Sài Gòn đã dấy lên làn sóng phản nộ của người dân nguyên do từ một sự kiện nhỏ mà báo chí thời ấy gọi là «vụ ly cà phê đường Đỗ Hữu Vị». Không rõ việc ấy xảy ra chính xác tại quán nước hay nhà hàng nào, chỉ biết đại khái là có một người vào tiệm Khách Trú gọi ly cà phê như thường ngày. Đến khi tính tiền chủ tiệm tăng giá đòi 3 xu thay vì 2 xu như mọi hôm, số tiền tuy nhỏ nhưng tăng vọt 50 phần trăm làm cho người khách bất bình. Tin ấy lan truyền rộng rãi, đồng bào ta xem việc tự ý tăng giá là hành động của con buôn háms lợi đã nhấn tâm bóc lột người tiêu thụ nên đồng lòng cùng nhau hưởng ứng phong trào

«tẩy chay Khách Trú», nhất định chỉ mua hàng của người Việt. Phong trào này lan rộng xuống Lục tỉnh, ra đến ngoài Trung và ngoài Bắc. Các thương gia, kỹ nghệ gia có tâm huyết muốn bảo vệ quyền lợi đồng bào nhân cơ hội này kêu gọi sự đồng tâm chung vốn để thành lập các công ty thương mại, hoặc mở ngân hàng có nguồn vốn dồi dào. Khách Trú cũng có cách đối phó lại bằng cách cấm người đồng bang mua bán với người Việt, hoặc họ đòi nợ gắt gao, thừa kiện đòi tịch thu tài sản của người thiếu nợ, hăm dọa đuổi người thuê nhà (Khách Trú làm chủ rất nhiều nhà cho thuê). Phong trào tẩy chay bị tàn lụi nhanh chóng vì đồng bào ta thừa hiểu là chưa có đủ điều kiện chín muồi để thực hiện việc tự giải phóng về kinh tế.

Nối tiếp với đường Hamelin là đường Monlaü, con đường ngắn nằm tại trung tâm thành phố nhưng ít người qua lại vì không phải là phố thương mại lại ít nhà ở của tư nhân. Phần lớn đất đai dọc hai bên đường do chính quyền Thành phố cai quản, vào những năm 1926-1928, còn nhiều vật liệu của sở Lục lộ chất đầy hai bên đường, tràn lan đến dải đất phía trước trường Cơ khí khiến cho hiệu trưởng Rosel phàn nàn với thị trường Sài Gòn về cảnh vô trật tự và bản thiêu pho bày trước cửa một cơ sở giáo dục.

Năm 1930, toàn quyền Pasquier đến khánh thành viện Bài trừ huê liễu (Institut prophylactique), còn gọi là «nhà thương Phong tình», gồm có phòng khám và phòng thí nghiệm. Viện này được thành lập từ năm 1926, là bộ phận của Nhà thương thí Sài Gòn

(Polyclinique municipale) trên đại lộ Bonard, sau tách rời ra dọn vào tòa nhà tại đường Monlaü, gần bên Nhà thương thí nói trên.

Đường Ohier (Tôn Thất Thiệp)

Đường này đi từ Đại lộ Charner đến đường Pellerin. Tên cũ là đường số 9, đổi tên Ohier từ 1871. Từ 1955 mang tên là Tôn Thất Thiệp cho đến nay. Ohier là đề đốc nắm giữ chức vụ quyền thống đốc Nam Kỳ thay mặt đề đốc La Grandière vào các năm 1868, 1869.

Cuối thế kỷ 19 đường Ohier đã là nơi sinh hoạt nhộn nhịp không kém các đường lân cận Chợ Cũ, nhiều người sống bằng nghề rèn sắt, thợ mộc, xay lúa, bán tạp hóa, bán thuốc Bắc, bán nước giải khát... Sang đầu thế kỷ 20, không kể dãy phố nhìn sang tòa Hòa giải dành làm cư xá cho nhân viên cảnh sát, phần còn lại của đường Ohier hầu như là một xóm của người Ấn Xã Tri, đa số làm nghề cho vay, một số ít mở tiệm nữ trang, tiệm tạp hoá. Từ lâu đã có nhiều Xã Tri sinh sống trên đường d'Adran (Võ Di Nguy/ Hồ Tùng Mậu), đến khi Chợ Cũ bị dẹp bỏ, họ dọn nhà sang đường Ohier có lẽ vì muốn được cư ngụ gần ngôi đền của họ cho tiện việc thờ tự. Ngôi đền này còn gọi là Chùa Chà, xây dựng vào khoảng năm 1880 tại góc đường Pellerin, trên lô đất do nhà cầm quyền thời ấy nhượng không cho kiều dân Ấn Độ.

Đồng bào ta gọi họ là Chà Xã Tri bởi họ thuộc đẳng cấp chetty, gốc gác ở phía Nam Ấn Độ, theo đạo Bà-la-môn, thường mang quốc tịch Anh. Những người Xã Tri đầu tiên đến Sài

Gòn, độ khoảng mười người tập trung trên đại lộ Charner, sống bằng nghề mua bán lẻ, đổi tiền và cho vay. Khách nợ của họ phần lớn là công chức hay lính tráng người Pháp, trong đó không ít là những người túng quẫn vì cờ bạc hay vì ăn chơi phung phí.

Xã Tri cho vay với lãi suất quá cao (theo báo chí của thập niên 1930, lãi suất thông thường là 36 %, có khi tăng đến 50 % một năm) nhưng nhiều người cần đến họ vì phương thức cho vay của họ khá dễ dãi: thủ tục đơn giản, cước phí tối thiểu, trao tiền nhanh chóng, lãi suất áp dụng tùy theo của cải thế chấp của người vay nợ. Họ cũng có thể cho vay tiền ở vùng quê hẻo lánh, nơi không có ngân hàng, không có quỹ tín dụng nông thôn. Đến kỳ hạn, nếu con nợ chưa trả đủ tiền lời thì Xã Tri lập thêm giấy nợ khác, trong đó tiền lời chưa trả được chuyển thành vốn cho vay mới. Làm giàu như thế chưa đủ, họ chiếu theo pháp luật để xiết nợ nếu con nợ không trả tiền đúng kỳ hạn, cứ như thế bao nhiêu nhà cửa đất đai lọt vào tay họ. Nếu ta so sánh Xã Tri với chủ nợ người Việt, ta thấy điều đáng nói là lợi tức do chủ nợ người Việt tạo ra thường được tái đầu tư trong xứ, trong khi ấy phần lớn lợi tức Xã Tri thu được đều đem chuyển ra nước ngoài.

Tuy giàu tiền của nhưng họ giữ nếp sống giản dị, xa lánh sự xa hoa, hào nhoáng. Hình ảnh châm biếm Chà Xã Tri là mẫu người đàn ông mặc y phục chỉ có tám vải quấn quanh mình, vai để trần, tới bữa ăn ngồi bệt dưới đất, ăn bốc thức ăn đựng trên lá chuối, ban đêm ngủ trên ghế bố... Tuy nhiên đối với thần thánh thì họ hết lòng tôn sùng.

Mỗi năm họ tổ chức «Lễ Chưng cộ» rất tốn kém. Lễ này diễn ra trong ba ngày vào khoảng rằm tháng chạp âm lịch, chương trình lễ không năm nào giống nhau (có khi thu ngắn còn hai ngày hoặc dời đi vài ngày, như vào năm 1923, lúc để tang toàn quyền Maurice Long). Mặc dầu là lễ tôn giáo của người Ấn, nhưng lại là dịp mua vui của người dân đô thị.

Ngày bắt đầu cuộc lễ thường có đám rước bệ thờ đi từ đền Bà Mariaman (45, đường Trương Định hiện nay) về ngôi đền đường Ohier. Sang ngày thứ nhì cuộc lễ có phần long trọng hơn, đám rước tụ họp trước đền, dân chúng chen nhau đông như kiến trên đường Ohier. Trước đền dừng sẵn cỗ xe nạm bạc chờ lâu bát giác trang trí lộng lẫy, chính giữa lâu đặt pho tượng vị thần bằng vàng khối, trên thân thể phủ đầy những viên ngọc quý rực rỡ nhiều màu sắc. Chung quanh để lâu đặt các tượng thần khác, phía trước có tượng hai con ngựa gỗ màu trắng. Người hiếu kỳ muốn đến gần để xem cho rõ phải chịu khó lườn lách qua đám đông, nhưng không phải dễ, có khi bắt buộc dùng tới bạo lực, vừa chen lấn, vừa thoi, vừa đạp. Không có gì lạ nếu nghe tiếng cãi vã hoặc chửi rủa nhau, chẳng còn ai tôn trọng gì buổi lễ tôn nghiêm. Người dân đi vui chơi, bắt chắp lễ rước vị thần nam hay thần nữ. Thời ấy vị thần mang tên là Souppramani Assouvamy, báo chí cho là nữ thần, trong khi người quản lý đền Ấn giáo gọi thần ấy là «Ông Phật». Thông thường bắt đầu đi từ đường Ohier, đám rước kéo cỗ xe lần lượt qua các đường phố như hiện nay là:

Pasteur, Lê Lợi, Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Công Lý), Lê Duẩn (Thống Nhất), Pasteur, Lê Thánh Tôn, Nguyễn Huệ, Ngô Đức Kế, Hồ Tùng Mậu (Võ Di Nguy), xong trở về đền thờ tại đường Ohier.

Lúc đám rước đi qua, người đứng xem dọc đường phố được phân phát bánh kẹo, được rảy nước hoa (nhưng cẩn thận, nước rảy ra có thể làm cay bỏng mắt). Trong số những tín đồ đi theo cỗ xe có người quá sùng đạo tự gây thương tích để tạ tội với thần linh như dùng kim dài đâm xuyên qua hai má, nhưng sau đó nhà cầm quyền cấm nghi lễ này vì xem như hành động cuồng tín.

Có khi đám rước tổ chức vào chiều tối, dưới những ánh đuốc và ánh nến chập chờn, xe lăn nhịp nhàng theo tiếng kèn, tiếng trống, ta tưởng chừng đang sống vào một thời xa xưa huyền bí.

Đám rước vừa xong, các tín đồ đổ xô vào đền để cúng lễ, cầu nguyện theo tiếng nhạc hòa du dương. Đến 9 giờ tối đám đông ngoài phố lại kéo nhau đi xem đốt pháo và bắn pháo bông, thường tổ chức tại công trường Cuniac trước chợ Bến Thành hoặc tại đầu đại lộ Charner phía bờ sông.

Sang ngày thứ ba, buổi lễ chấm dứt sau khi đám rước đưa bệ thờ mang tượng các vị thần đi qua đường phố chung quanh đền Ấn giáo.

Ba ngày lễ tổ chức tốn kém nhưng không thấm vào đâu đối với sự giàu có của Xã Tri. Vào những năm nhà nước cố động mua quốc trái, Xã Tri tiết giảm chi tiêu cho lễ hội, bỏ hết các việc rảy nước hoa, phát bánh kẹo và bắn pháo

bông để tránh mang tiếng phung phí, vừa để che giấu sự làm ăn phát đạt bởi họ sợ sở Thuế vụ đánh thuế không nương tay. Đến năm 1939 Thế chiến bùng nổ, họ tự nguyện tiết giảm kinh phí tổ chức lễ hội, đồng thời đóng góp chút tiền bạc để ủy lạo chiến sĩ.

Đường Chaigneau (Tôn Thất Đạm)

Đường Chaigneau đi từ bến Belgique (Chương Dương) đến đường Ohier (Tôn Thất Thiệp). Tên cũ là đường số 22, từ năm 1865 đổi tên là Chaigneau, từ 1955 đến nay là đường Tôn Thất Đạm. Chaigneau là sĩ quan Hải quân người Pháp theo phò vua Gia Long.

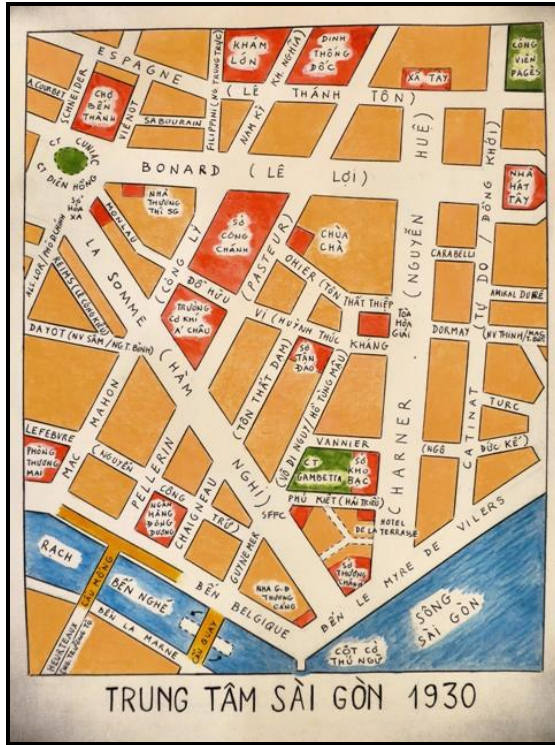
Vào cuối thế kỷ 19, việc kinh doanh trên đường này chưa phát triển lắm, người dân sinh sống bằng các nghề nhỏ như xay lúa, giặt ủi, cắt tóc, rèn sắt, đóng xe ngựa, buôn bán nhỏ, v.v. Sang đầu thế kỷ 20, nhất là từ khi mở đại lộ La Somme và dời ga xe lửa Mỹ Tho đến gần công trường Cuniac, hoạt động nghề nghiệp tiến triển hơn, nhưng nếu xét kỹ ta thấy có sự khác biệt về nghề nghiệp ở mỗi đoạn đường phía hai bên của đại lộ La Somme.

Phía đoạn đường từ rạch Bến Nghé đến đại lộ La Somme, từ sau Đệ nhất Thế chiến, có khuynh hướng chuyển sang các nghề thuộc ngành tài chính (ngân hàng, công ty bảo hiểm), vận tải (các công ty vận tải đường biển), nông nghiệp (các công ty khai thác đồn điền), dịch vụ thương mại (hãng xuất nhập cảng). Đầu đường Chaigneau bên số lẻ đi từ bờ rạch Bến Nghé đến

đường Lefèbvre (Nguyễn Công Trứ), xưa là dãy phố gồm khoảng hai mươi căn nhà nơi cư ngụ của công tư chức, thợ thuyền. Dãy phố ấy bị phá bỏ nhường chỗ xây tòa nhà Ngân hàng Đông Dương, hoàn tất vào năm 1930. Thời ấy Ngân hàng chiếm tầng trệt và lầu một, cửa vào ở phía mặt tiền nhìn ra rạch Bến Nghé. Tầng lầu hai dành cho các công ty thuê lại để mở văn phòng, có thang máy cho nhân viên và khách hàng lên xuống, có cửa ra vào ở phía bên đường Chaigneau. Cạnh ngã tư đại lộ La Somme, tại số nhà 51 từ cuối thế kỷ 19 là bót cảnh sát Quận Nhì, không rõ từ năm nào bót này dời về đường Bourses (đường Yersin).

Đoạn đường từ đại lộ La Somme đến đường Ohier, nhiều người tại đây còn theo đuổi những nghề lao động chân tay như sửa máy, sửa khóa, giặt ủi, nghề mộc, nghề rèn, v.v. hoặc nghề buôn bán lẻ. Ngoài ra còn vài tiệm thuốc Bắc, tiệm hút á phiện, vài nhà cho thuê xe hơi có tài xế. Gần ngã ba đường Ohier có vài gia đình người Ấn mở tiệm bán thực phẩm và gia vị. Đường Chaigneau thời ấy là nơi cư ngụ của nhiều Khách Trú nên tại đây có các hội quán của các bang Quảng Đông (số 68), Triều Châu (số 77). Từ thập niên 1930, gần ngã tư Đỗ Hữu Vị đã có rạp xi-nê Nam Việt (số 131), nơi thường thực nghệ thuật thứ bảy của bao thế hệ người Sài Gòn.

Mỹ Phước Nguyễn Thanh (France)



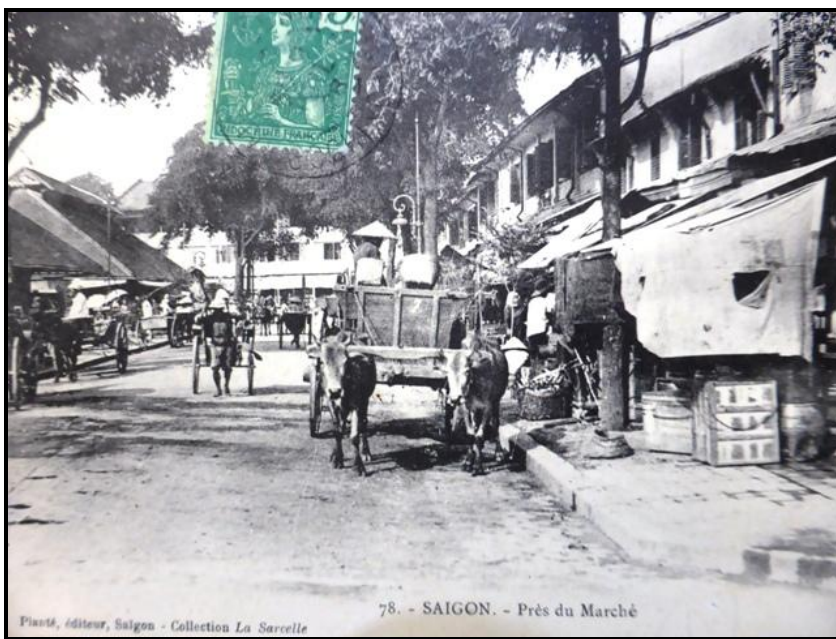
Bản đồ "Trung tâm Sài Gòn 1930"



Công trường Gambetta nhìn từ quán Café de la Terrasse (khoảng 1922)



AC3: Đường Amiral Roze (Phủ Kiệt / Hải Triều) - (khoảng 1905)



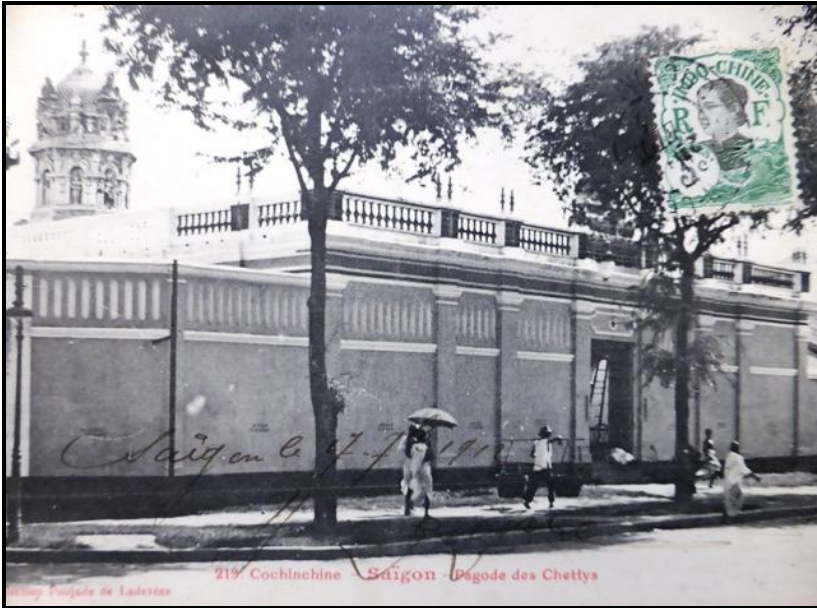
Đường Vannier (Ngô Đức Kế) - (khoảng 1905)



Sở Kho Bạc trên đại lộ Charner (Nguyễn Huệ) - (khoảng 1950)



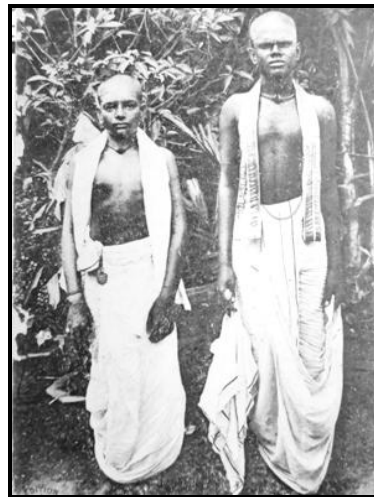
Đường Ohier (Tôn Thất Thiệp) nhìn từ ngã ba đường Chaigneau (Tôn Thất Đạm) - (khoảng 1922)



Đền Ấn giáo trên đường Ohier (Tôn Thất Thiệp) - (khoảng 1905)



Cỗ xe của người Chetty trong lễ Chưng cộ (khoảng 1915)



Hai người Chetty (khoảng 1910)

TRỞ VỀ MÁI NHÀ XƯA

** PHƯƠNG-DUY **

Những tia nắng vàng cuối cùng của buổi chiều hai mươi chín tháng chạp cũng kéo nhau lên cao, rồi tan biến trong khoảng không gian sâu thẳm. Dưới ánh sáng mờ ảo của buổi hoàng hôn, Như-Ngọc tìm chỗ đất bằng phẳng phía sau nhà để đặt ba cục tấp-lô tạo thành bếp, rồi đặt thùng bánh lên.

Từ thuở còn là một thiếu nữ trẻ, xinh đẹp, Ngọc rất vui thích khi được cha mẹ giao cho nàng ngồi trông nấu thùng bánh chưng mỗi khi Tết đến. Rồi khi được quen và yêu Dũng, trong thời gian chàng còn là vị hôn phu, hai “đứa” có dịp ngồi kề cận nhau, vừa tâm sự, vừa trông nồi bánh trong đêm cuối năm lạnh lẽo. Thời gian đó ghi dấu những kỷ niệm của mỗi tình tuyệt đẹp đầu đời của hai người mà Như-Ngọc chẳng bao giờ quên được.

Như-Ngọc cầu mong trong tương lai, nàng và Dũng lại có dịp ngồi bên nhau để làm sống lại kỷ niệm đầu đời này. Như-Ngọc kết hôn với Dũng gần mười tám năm. Nhưng thời gian Dũng có mặt tại mái ấm gia đình trong những ngày Tết thì rất hiếm.

Trước 1975, Dũng là quân nhân, thỉnh thoảng cũng được về phép vào dịp vui

Xuân, đón Tết. Nhưng từ khi Việt cộng vi phạm ngày tạm ngưng chiến, tấn công xóm làng miền Nam trong dịp Tết Mậu Thân 1968 trở về sau, Dũng bị cấm trại, không về vui Tết với gia đình được. Rồi sau 1975, chàng bị bắt đi tù cải tạo, nên tuy đã thời bình mà chàng vẫn xa nhà trong mấy ngày đón năm mới. Năm nay là cái Tết lần thứ tám thiếu vắng chồng nàng .

Như-Ngọc bỏ từng chiếc bánh vào thùng nấu. Bánh chưng vào trước, bánh tét vào sau. Nàng có ý định: bánh chưng làm để nhà ăn và biếu các cô bạn người Bắc, bánh tét để làm quà các cô bạn người Trung và Nam đã giúp nàng gói bánh.

Nàng cũng đã chuẩn bị sẵn thùng nước lạnh để châm thêm thùng bánh. Mấy tấm gỗ dài và đá tảng, tấp-lô, viên gạch... để khi bánh chín, vớt ra thì để cho ráo, sau khi nhúng vào nước lạnh, làm cho nguội bánh ngay. Bên cạnh là các khúc củi sẵn sàng cho vào bếp đun thêm khi cần.

Như-Ngọc ngồi nhìn thùng bánh, nước đang sôi sùng sục. Nàng cảm thấy buồn và nhớ chồng đang lao động khổ sai trong trại học tập. Rồi những những kỷ niệm vợ chồng trong quá khứ như cuộn phim chiếu lại thật chậm trong

đầu nàng. Nàng chỉ mong ước được sớm trùng phùng với Dũng. Trong sự yên lặng của đêm tối trời cuối tháng chạp lạnh lẽo, nàng thấy cô đơn vô cùng. Mặc dầu bên cạnh nàng còn có ba đứa con thân yêu là nguồn an ủi lớn lao của nàng, đang yên giấc trong nhà.

oOo

Dũng xuống xe đò từ lộ chính. Anh đeo túi vải trên vai, từng bước đi trên con đường làng ngoằn ngoèo và hẹp. Anh dò hỏi đường với các người dân địa phương mà anh gặp trên đường.

Đây là lần đầu tiên anh đến làng này. Vừa đi, vừa nhìn vào địa chỉ Ngọc đã ghi cho anh trong kỳ đến thăm anh vừa qua. Ngọc dọn đến khu kinh tế mới này sau khi Dũng đã ở trong trại tù. Anh nhớ đến bài hát “Torna a Sorriento” của nhạc sĩ De Curtis, nổi tiếng người Ý mà nhạc sĩ Phạm-Duy đặt lời ca Việt-Nam với tựa đề “Trở về mái nhà xưa”, mặc dầu anh biết “đây đâu phải mái nhà xưa nữa!”.

Anh lầm nhảm hát khi tiến về ngôi nhà vợ con anh đang ở, khuất sau xóm nhà tranh xa xa kia, ẩn sau cánh đồng làng. Anh lủi thủi đi một mình trong đêm trừ tịch, vì xe hàng bị “sự cố kỹ thuật” nên về trễ hơn sáu tiếng đồng hồ. Vừa đi, vừa suy nghĩ không biết giờ này Như-Ngọc đang làm gì ở nhà với các con.

Đến trước cổng nhà gài kỹ. Anh thấy có ánh lửa chiếu sáng lên ở phía sau nhà. Dũng mon men và bước nhẹ về phía đó. Anh nhìn thấy vợ anh, Như-Ngọc đang một mình ngồi trông thùng nấu bánh, giữa lúc thời tiết đang lạnh lẽo. Nàng ngồi bất động, hình như nàng đang ngủ gục thì phải. Dũng rón rén bước đến, ngồi phía sau nàng. Đúng. Như-Ngọc đang ngủ.

Chàng bước tới thùng nấu, xem nước có cạn không. Chàng châm thêm nước vào. Bỏ thêm mấy khúc củi lớn vào bếp. Chàng đoán, có lẽ, hơn tiếng đồng hồ rồi, Như-Ngọc ngủ, nên quên châm nước và trông bếp. Chàng nghĩ Như-Ngọc làm lụng cả ngày và thức khuya nên mệt vì thế anh chưa vội gọi nàng thức dậy. Có dịp ngồi trông nấu bánh thay Ngọc, Dũng có thì giờ quan sát vợ chàng sau thời gian dài xa cách. Như-Ngọc ngồi gần lửa nên hai má nàng hồng rục lên. Vàng trán cao mà các thầy tướng số trước đây coi cho nàng đều nói: “trán cao thì rất thông minh nhưng cũng bướng lắm”. Nhưng từ ngày kết hôn với chàng, Dũng chỉ nhận thấy nàng thông minh nhưng không bướng chút nào. Nàng yêu chồng, quý con. Hình như nàng sinh ra để phục vụ cho gia đình chàng. Dũng chưa bao giờ thấy nàng dùng son phấn, hay mỹ phẩm nhưng nước da nàng vẫn mịn, hồng, đẹp. Bao nhiêu năm xa cách, nàng vẫn chung thủy và không than trách lần nào. Nàng dạy dỗ các con

thay chồng, khi chàng bận quân vụ hay lúc chàng đi cải tạo. Nhìn nàng, chàng cảm thấy hãnh diện và muốn ôm nàng vào lòng ngay để có dịp tỏ tình và cảm ơn nàng.

Như-Ngọc ú ớ mấy câu gì trong mộng mà chàng nghe không rõ. Sau đó, nàng mở mắt ra. Thấy Dũng, nàng tự véo vào tay nàng rồi quay sang ôm Dũng và cũng véo chàng thật đau. “Anh! Anh về khi nào? Anh tìm nhà “mới” có dễ không? Sao anh không đánh thức em dậy ngay?”, Như-Ngọc hỏi.

Dũng la lên:

- Ngọc chơi gì kỳ vậy? Véo anh đau điếng người này! Anh cũng mới vừa đến nhà mấy phút. Tìm nhà hơi khó. Vì anh “Trở về với người xưa” ở dưới mái nhà lạ, chứ không như nhạc sĩ De Curtis trở về mái nhà xưa thật sự!

Ngọc ôm hôn chồng say đắm, nàng bật khóc vì quá vui mừng, rồi nói:

- Sở dĩ, em phải véo cả em lẫn anh, vì nhiều năm qua em cũng thấy anh ngồi bên em nhiều lần nhưng chỉ là “mộng” thôi. Để cho chắc ăn, lần này, em thử véo em, nếu biết đau là không “mộng”, và véo anh là để thử lần nữa có đúng là “thật” không. Em xin lỗi cưng.

Hai vợ chồng lại tiếp tục tay trong tay, ngồi trông thùng bánh Tết “đoàn tụ” rất bất ngờ mà Như-Ngọc như linh tính

“đã báo trước sẽ có việc gì xảy ra” trong thời gian sẽ đến, và nay đã đến.

oOo

Đêm cuối năm, trong căn nhà tranh nhỏ bé nơi vùng kinh tế mới hẻo lánh, trời thật lạnh lẽo, nhưng Dũng và Như-Ngọc vẫn thấy ấm áp hơn bao giờ hết. Khúc tình xuân lại được hâm nóng và sôi sục trong xuân tình. Một mùa Xuân tràn đầy hy vọng và hạnh phúc đang trở về với hai người sau thời gian dài chờ đợi và vạn vật cũng đang từ từ thay đổi từng giây, từng phút sau mùa Đông lạnh lẽo như để chào mừng người vợ chung thủy và quý giá.

Phương-Duy

TUYẾT LẠT RƠI

*Lạnh lẽo đông về tuyết lại rơi
Tha hương gối mộng vẫn ôm chờ
Người xưa, cảnh cũ giờ đâu tá?
Ta vẫn mong ngày dệt ước mơ?*

Hải Bằng.HDB

Maryland 01/13/2019

MÂY KHÓI

Bây giờ cũng chẳng còn gì
Hồn xưa đã lạc duyên thơ lá vàng
Ngày lên đất thờ trời than
Đêm nghe từ những điệu tàn trăm năm

Sầu đi vương sợi tơ tằm
Sầu về lá xác xơ nằm hư vô
Mai về gom lại ưu tư
Ngổn ngang trong giấc mộng từ cõi hoa

Lời xa chớ nhạt đừng nhòa
Xế chiều đã trắng bóng tà dương rơi
Buồn nào cũng hắt hiu thôi
Tình nào còn lại chút ngùi ngậm xưa

Hương bay ngào ngọt mấy mùa
Nghe vu vơ rụng vỡ mù không gian
Có chi nay úa mai tàn
Đời như mây, khói, sương ngàn,
gió bay.

Hoa Vãn



CUỐI NÈO

Mai đây biết có cùng người
Ôm thơ đi giữa cõi đời hát rong
Nhìn trời ngó đất mênh mông
Hát rằng nhân thế đục trong đủ đầy

Chẳng say mình cũng phải say
Nay điên mai tỉnh sáng ngày chiều khờ
Có gì hơn được Nàng Thơ
Cái cơm cái áo giữa mù mờ đau

Nghĩ chi thua được - bạc đầu
Phận nào cũng phận tình nhau
nỗi niềm
Chia tay giã biệt ưu phiền
Khổ đau nào cũng chẳng mềm
lòng son

Lối đi vương sợi tơ buồn
Ưu tư còn đọng trong vườn chiêm bao
Cuộc đời trải mấy hư hao
Cuộc vui hò hẹn ghen ngào hư không

Bước đi cũng nhẹ vô cùng
Đắn đo từng giọt máu hồng lưu sinh
Vuốt ve thấm đượm lời tình
Bướm hoa cuối nẻo một mình - cô đơn.

Hoa Vãn

Độc Sách

TẬP THƠ ĐƯỜNG TỔNG TUYỂN DỊCH

Tặng Sòng Selected Poems của Phí Minh Tâm

**** Người đọc: Phạm Trọng Lệ ****

Ghi chú: Bài nhận xét này đã đăng trong The Firmament Literary Journal, Volume 10, No. 2, July 2017 của Nhóm Thế Hữu Văn Đàn căn cứ vào ấn bản điện tử tháng tư năm 2017 của Tập Thơ Đường Tổng Tuyển Dịch. Toàn thể bài nhận xét này được in trong phần Phụ Đính trong attachment ấn bản 4 của GS Phí Minh Tâm (đính kèm), từ trang 340 đến trang 347.

Tác giả đã bỏ chính những điểm sau:

Ấn bản 4 có 260 bài thơ so với 229 bài trong Ấn bản 1 (28-2-2017). Ngoài ra, trong phần phụ đính, còn có bài Luật Thơ Đường và Âm Ngữ Thơ Đường viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Tác giả cũng cho biết ấn bản điện tử này tặng bạn đọc FREE, và bạn đọc có thể phổ biến cho bạn bè, và tác giả không giữ tác quyền.

Email liên lạc với GS Phí Minh Tâm:

tmp_1@sbcglobal.net

Bài dưới đây tóm tắt mấy điểm chính trong bài Nhận xét:

Sơ Lược Tiểu sử

GS Phí Minh Tâm là cựu học sinh Lasan Đức Minh Saigon, tốt nghiệp Lâm khoa trường Quốc Gia Nông Lâm Mục Blao năm 1959, được học bổng

của AID du học Mỹ năm 1960, tốt nghiệp BS Forestry tại Syracuse University năm 1963, với bằng BS Wood & Polymer Chemistry tại SUNY-ESF (1963) và MS Chemical Engineering tại Massachusetts Institute of Technology gọi tắt là MIT (1965) khi anh 26 tuổi. Ở Hoa Kỳ về Việt Nam, anh giữ chức vụ Kỹ sư Công trình (Project Engineer) cho Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam Industrial Development Bank trong 2 năm rồi làm cho Viện Quốc Gia Định Chuẩn National Standards Institute cho đến tháng 4 năm 1975.

Sau tháng Tư 1975 anh bị đi tù ở Long Thành. Được thả tháng 11, 1980, and vượt biển sang đảo Bidong ở Mã Lai Á. Trong thời gian ở đảo, anh làm việc tình nguyện với nhiệm vụ Giám Đốc Giáo Dục và dạy Anh văn cho người tị nạn trong chương trình Cao Ủy Đặc Trách Vấn Đề Tỵ Nạn của United Nations. Sáu tháng sau anh được nhận vào Hoa Kỳ, và làm việc cho hãng Bechtel Petroleum Incorporation ở San Francisco, trong gần 4 năm, và sau đó đổi sang làm cho Pacific Gas & Electric Company với chức vụ Senior Measurement Engineer và Project

Manager trong 20 năm, và sau khi nghỉ hưu còn làm Senior Consultant cho đến năm 2015. (Theo CV tác giả gửi cho người viết.)

Nội Dung Tập Thơ

Đọc phần **Tựa** cuốn sách, người đọc thấy tác giả là một người khiêm nhường, tự nhận khi bắt đầu dịch chưa rành về niêm luật thơ Đường, luật bằng trắc và coi ấn bản này – mà anh đã bỏ thì giờ và công sức trong 20 năm – là một bài học để người dùng nhận thấy những tiến trình tuần tự (poetic translation process) của một người dịch thơ, thích thơ và ham học hỏi. Tác phẩm này như vậy cũng là một món quà quý gửi giới thưởng ngoạn, không chỉ những học giả mà còn những nhà thơ, và sinh viên nữa. Vì tác phẩm in dưới hình thức PDF, tác giả khuyến khích bạn đọc phổ biến và **không giữ tác quyền**.

- Ấn bản 4 điện tử là một tiến bộ: từ 255 trang trong ấn bản 1 (28-2-2017) tăng tới 347 trang và từ 229 bài thơ trong ấn bản 1 tăng lên 260 bài trong ấn bản 4.

Tác giả đã dùng thời gian rỗi rảnh sau giờ làm việc để tra cứu, tìm hiểu về chữ Hán và luật thơ Đường và đem sở học của một người được đào tạo về khoa học để phân tích cấu trúc của từng thể thơ cùng luật bằng trắc và đối ngẫu trong thơ Đường. Và tác giả tóm tắt

trong hai bài viết về âm ngữ và luật thơ Đường trong phần Phụ Đính.

- **Phần chính** trong Tập Thơ Đường Tổng Tuyển Dịch, tác giả chọn 96 thi sĩ trong đó có 13 thi sĩ đời Tống (Song 960-1279) và trên 80 thi sĩ đời Đường (T'ang 628-907), **xếp theo thứ tự abc**. Mỗi bài thơ gồm 8 phần nhỏ theo thứ tự là: (1) Tên thi sĩ phiên âm sang tiếng Việt và chữ Hán, (2) nguyên tác bằng chữ Hán bên trái in màu đối chiếu với (3) tựa bài thơ và (4) bài thơ phiên âm sang tiếng Việt bên phải, tiếp theo bởi phần (5) dịch nghĩa (6) dịch sang thơ Việt, thường là thể thơ trong nguyên tác nhưng cũng dùng các thể văn vần khác và (7) **dịch sang tiếng Anh** của chính tác giả hay của các nhà thơ hay học giả Anh Mỹ hay Trung Hoa và cuối cùng là (8) ghi chú ngắn gọn về thi sĩ hay bài thơ đó.

- **Mục đích** của tác phẩm này, theo tác giả, là “một thú vui và là một thử thách cho bản thân.” Như giáo sư Trần Thanh Đạm viết trong “Lời bạt” trong cuốn Thơ Đường Tản Đà Dịch của Nguyễn Quảng Tuân (nxb Trẻ, 1989, p. 230), dịch thơ cũng là **sáng tạo**: “..học thơ Đường và dịch thơ Đường, thực chất cũng là một việc sáng tạo, là một cố gắng vượt thử thách để rèn luyện tài thơ và hồn thơ...Còn đối với người đọc, đọc thơ Đường đã là một cái thú, song đọc thơ Đường từ nguyên bản rồi chuyển sang dịch bản thì lại thêm hứng thú bội phần...”

Trong khi tìm tòi, tác giả cũng tra cứu một số những bản dịch của các dịch giả ngoại quốc, và vốn là giáo sư Anh văn Hội Việt Mỹ, tác giả đã dịch sang tiếng Anh một số lớn các bài thơ trong ấn bản. Những bản dịch sang tiếng Anh của tác giả Phí Minh Tâm và của một số thi sĩ hay học giả ngoại quốc sẽ giúp độc giả hiểu thêm ý nghĩa những bài thơ gốc, không những chỉ ích lợi cho sinh viên Việt vì trong khi đọc thơ cũng trau dồi thêm tiếng Anh, mà còn lợi cho một số sinh viên lớn lên ở nước ngoài tuy rành tiếng Anh nhưng khả năng viết tiếng Việt còn giới hạn.

Những Điểm Lý Thú

Trong sách cho các lớp tiểu học, ta thường thấy có bài ca dao gồm bốn câu lục bát thuần Việt có thể tưởng là do người dân đồng ruộng sáng tác để nói lên nỗi cực nhọc của nhà nông:

*Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.
Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Đẻo cơm một hạt đắng cay muôn phần.*

Trong Tập Thơ Đường Tống Tuyển Dịch, bài ca dao Việt hoàn toàn sát nghĩa với bài Mẫn Nông của thi sĩ đời Đường Lý Thân (Li Shen, 772-846):

*Sử hòa nhật đương ngộ
Hãn trích hòa hạ thổ
Thùy tri bàn trung xan
Lạp Lạp giai tân khổ*

(Dịch nghĩa: Bừa đất cấy lúa giữa trưa/Mồ hôi nhỏ giọt xuống đất lên lúa/Ai là người biết trong mâm của bữa ăn/Mỗi hạt cơm đều đắng cay cực khổ).

*Cày cấy giữa ban trưa
Mồ hôi đổ tọ mưa
Ai ơi ăn bát gạo
Nhớ đến công cày bừa.*

Pity for Rice Farmers

Tilling and planting at noon time
Sweat drops to the ground
on rice plants
Who knows when eating your rice bowl
Each grain is the result of hard labor
(Translated by PMT)

Nếu 4 câu lục bát trong bài ca dao Việt ở trên được dịch từ bài thơ Đường Mẫn Nông kỳ nhị thì đây là **một bài dịch tuyệt tác**.

Lạm Bàn Về Việc Dịch Thơ

Tôi vốn thích thơ Đường vì hình ảnh cô đọng, lời súc tích, âm điệu du dương, nhưng khi ở trung học tôi không được may mắn học nhiều chữ Hán, nên đành dùng các bản dịch sang tiếng Anh hay tiếng Pháp để tìm hiểu nghĩa những bài thơ ưa thích. Khi ở đại học tôi rất thích dịch thơ, và có phụ trách tại ĐHSP một giảng khóa về translation. Vì đã gặp và phân tích những bài dịch những bài thơ nổi tiếng nên tôi hiểu những khó khăn trong việc dịch thơ, và càng mừng và

khâm phục anh Phí Minh Tâm đã tận tâm và say mê dịch những bài thơ Đường và Tống anh thích, giảng và dịch sang thơ Việt và tiếng Anh, và trình bày mỗi bài một cách mạch lạc và khoa học, lại tận dụng được những tiến bộ của kỹ thuật điện tử trong việc viết bài, sửa bài, trình bày bài, và dùng màu trên trang giấy.

Người ta thường nói dịch giả một bài thơ **nên** là một thi sĩ hơn là một học giả. Nhưng có vài thi sĩ/dịch giả đôi khi vì hứng thơ đã dịch “bay bướm” phóng khoáng quá như chấp cánh thêm cho bài thơ khiến bài thơ dịch đi xa nguyên tác. Xin đưa một thí dụ:

Thi bá Vũ Hoàng Chương dịch 4 câu cuối bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu:
*Tình xuyên lịch lịch Hán-Dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh-Vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị,
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.*

(Thôi Hiệu)

(Hàng cây đất Hán-Dương nổi bật trên dòng sông quang tịnh; cỏ thơm mọc tươi tốt trên bãi Anh-Vũ. Lúc chiều tối, tự hỏi quê nhà ở nơi nào? Khói sóng trên sông khiến người buồn bã.)

*Cây bến Hán Dương còn nắng chiếu
Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi
Chiều xuống gần xa đâu quê quán
Đừng dục cơn sầu nữa sóng ơi!..*

(Vũ Hoàng Chương)

So sánh với bản dịch của Tân Đà:
*Hán Dương sông tịnh cây bày,
Bãi xa Anh-Vũ xanh dày cỏ non
Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.*

(Tân Đà)

Mấy câu thơ dịch của VHC gây xúc động hơn mấy vắn thơ dịch của TĐ nhưng nhóm chữ “chẳng ai chơi” là ý của VHC chứ không phải là của Thôi Hiệu. Hơn nữa ở hai câu cuối, VHC nói thẳng với sóng, còn hai câu thơ tả tâm trạng nhớ quê cũ – Lúc chiều tối, tự hỏi, quê nhà ở nơi nào? Khói sóng trên sông khiến người buồn bã - thì hai câu của Tân Đà gần nguyên tác hơn. Chính về “tĩnh lặng” của buổi chiều làm nổi sầu nhớ quê cũ thấm thía hơn.

Cũng tùy tâm trạng người thưởng thức, tùy cảnh ngộ, riêng về việc dịch thơ, ngoại trừ những dịch giả có thiên bẩm, còn thì nói chung dịch giả, theo thiên ý, nên lưu ý đến mấy tiêu chuẩn **Tín, Đạt, Nhã** (trung thành với nguyên tác, cố dịch đầy đủ ý, nhịp, âm điệu, chọn chữ thích hợp với nội dung bài thơ, lột được tâm trạng thi nhân lúc đó, nghĩa là phải lột được **ý** và **hồn** bài thơ gốc). Đến đó thì dịch giả không đi xa hơn nữa. Nhưng đây là ý riêng của người viết, vì dịch thơ là một đề mục cần tham luận debatable trong một khóa hội thảo của những người chuyên về dịch thơ.

Nhân tiện, cũng bốn câu này, tác giả Tập Thơ Đường Tống Tuyển Dịch dịch thế nào?

*Hán giang nhô nhấp trong chiều nắng
Anh Vũ thơm xanh rậm cỏ cây
Chiều xuống cỏ hương nào chẳng thấy
Trên sông khói sóng gợi niềm cay.*
(Phí Minh Tâm, TTĐTTD, tr. 142)

The river is clear in Hanyang
by the trees,
And fragrant grass grows thick
on parrot isle.
In this dusk, I don't know
where my homeland lies,
The river's mist-covered waters
bring me sorrow.
(Translated by PMT)

Xin cảm ơn và hân hoan đón mừng Giáo sư/Dịch giả/Thi sĩ Phí Minh Tâm đã cho ra mắt ấn bản 4 của Tập Thơ Đường Tống Tuyển Dịch, một công trình của 20 năm, trong đó có nhiều bài dịch khéo lại có thêm hình mẫu minh họa, và phần chữ Hán in màu dễ đọc, mục lục xếp theo thứ tự abc giúp đọc giả dễ tìm tác giả, chắc chắn sẽ đem lại nhiều giờ thưởng thức thú vị. Trong những bài thơ hay có những câu thơ đã được đại thi hào Nguyễn Du của Việt Nam chuyển dịch sang thơ Việt sử

dụng “điển cố” tài tình trong Truyện Kiều (“Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông” (Thôi Hộ, Đề Đô Thành Nam Trang, “Đào hoa y cựu tiếu Đông phong”. Peach blossoms of last year were smiling, flirting yet with their east wind (Huỳnh Sanh Thông, trans.), Hay: “Con tằm đến thác cũng còn vương tơ” là do thơ Lý Thương Ẩn (Li Shang Yin), Vô Đề Kỳ Nhị, “Xuân tằm đáo tử ty phương tận/Lạp chúc thành hôi lệ thủy can”. Con tằm xuân chỉ đến khi chết thì tơ mới hết/ngọn nến đã thành tro ròi, ngọn nến mới khô). Thân tằm đến chết tơ còn nhả/Ngon nến thành tro lệ mới khan (PMT dịch). A spring silkworm loses its thread only at death./The candlewick to dry its tears must first turn to ash (Mark Francis, trans.) A silkworm, dead, still clings on to the strand of silk it's spun. (HST, The Tale of Kiều.)

Riêng đối với sinh viên Việt, đây còn một tài liệu để trau dồi thêm tiếng Anh và tiếng mẹ đẻ.

[Viết xong tại Virginia June 8, 2017, tóm lược September 24, 2018; toàn bài in trong phần Phụ Đính trong Attachment TTĐTTD, pp. 340-347]

PHẠM TRỌNG LỆ



EM ĐẾN

Vương Thanh

Em đến như trăng, đẹp diệu huyền
Đường mây tha thướt dáng người tiên
Muôn vì tinh tú sâu lòng mắt
Hoa sóng lung linh gót bạch liên

Em đến như mây tụ núi ngàn
Mang theo huyền thoại thuở hồng hoang
Thiên Hà, Bích Hải nơi Em tới
Dư hương còn đọng giữa không gian ...

Em đến với dòng suối nhạc thơ
Cao sơn lưu thủy tụ bao giờ
Âm ba nào vọng nơi tiềm thức
Đưa mộng hồn ta đến Cõi Mơ

Em đến tỏa Hương một khoảng trời
Ngọt ngào thanh khí chốn ngàn khơi
Thuyền mơ hoài mộng từ muôn thuở
Vời vợi biển mây, trăng nhẹ trôi ...

WHENCE SHE COMES

Translated by **Vương Thanh**

*Like the ethereal moonlight, she comes
ever so softly
Amidst smoke and mist, appears an
enchanted elvish beauty*

*Gazing deep into her eyes, I see a sky of
twinkling stars
Her lotus feet, dancing in the sea foam,
sparkle from afar*

*Like a cloud from the mountain forests,
she silently arrives
Bringing with her ancient legends since
the world's first lights
The Star River, the Jade Sea where
she'd appeared
Her delicate fragrance still lingers
in the atmosphere*

*She comes with an enchanted brook of
music and poetry
Singing exotic verses as fingers dance on
the harp a Grecian melody
From whence sweet voice waves
resound in my subconscious
To lead my soul into a Dream World of
Beauty and Love*

*Since her arrival, divine fragrance
abounds in Nature
A friendship, affectionate and close,
like music and verse
The Dream Boat's been bearer of dreams
since Time's beginning
In a sea of clouds, the poet's moon
gently drifting...*



NHỮNG MÓN ĂN TRONG ĐỜI

**** Vũ Nam (Germany) ****

Ngày xưa, mỗi khi từ xa về quê thăm nhà, Hưng hay được người cô cạnh nhà kêu lại cho ăn món Gỏi Cá Mai. Nhà cạnh nhau nên cô biết ba má Hưng hình như không bao giờ có làm món này, một món mà quê Hưng ai ăn cũng nói ngon. Nhà cô làm nghề đi biển, có xuồng nên mặc sức ăn cá. Nhà ba má Hưng làm nghề bán quán, cá ăn hằng ngày phải mua, nhưng hầu như cũng chỉ với cá biển, thậm chí khi trời động, ghe xuồng không dám đi đánh bắt cá, nhà cũng chỉ ăn cơm với cá khô biển, trứng vịt..., chớ thuở đó Hưng chưa được ăn cơm với các món cá đồng. Mà hình như chợ nơi quê hương vùng biển của Hưng không có bán cá đồng thì phải, dù chỉ cách làng hai cây số đã thấy ruộng vườn, không cò bay thẳng cánh như ở miền Tây thì cũng là những cánh đồng lớn.

Người cô tưởng Hưng đi xa về chắc thèm món "nhậu" của quê hương lắm, nên cô ân cần mời mọc. "Mày về gặp lúc cô đang làm món Gỏi Cá Mai. Lại ăn đi Hưng! Không phải ngày nào cô cũng làm đâu". Gỏi Cá Mai thì một trăm phần trăm làm bằng cá Mai. Những con cá Mai màu trắng như bột bính tinh, nhỏ như ngón tay, được chặt đầu lóc thịt để lấy xương ra, sau đó được bóp với giấm chua. Để một khoảng thời gian cho thịt cá đủ chín vì giấm, cô cho gia vị vào và trộn đều lên. Hình như ngoài tiêu, đường, muối, nước mắm, tỏi..., Gỏi Cá Mai không bao giờ thiếu

Thín được. Thín là một loại gia vị để làm gỏi. Gỏi Cá Mai làm đơn giản nhưng ăn rất ngon. Gỏi cá và rau sống được cuốn trong bánh tráng, chấm nước mắm - một loại nước mắm được pha chế thật đặc biệt cho các món gỏi cá. Ngày đó, còn học sinh, Hưng không biết uống rượu đế, nhưng nhìn miệng người dượng khi cắn một miếng mồi Gỏi Cá Mai xong, nhấp một miếng rượu đế, Hưng cũng biết dượng đã "sung sướng mát trời ông Địa". Nhất là cái khà sau khi hớp một hớp rượu thật "đã cú mèo". Sau này, ít cá Mai, người ta cũng làm gỏi với cá Trích, nhưng ăn không ngon bằng ăn với cá Mai.

Nhà Hưng ngày đó không phải là không thường ăn cá Mai, nhưng má Hưng hay nấu cá Mai trong "mơ-nui" rất thường của má là Cá Nấu Hành Ớt. Đúng là cá chỉ có nấu với hành và ớt. Không hiểu sao, má Hưng rất thích ăn cách nấu đơn giản này, y như Hưng lúc nào cũng thích ăn sáng với xôi. Má không thích gỏi cá, cá nấu chua, cá chiên, cá kho gì cả. Nếu có nấu là vì chồng vì con, chớ riêng má món Cá Nấu Hành Ớt là ngon nhất. Món này không nhất thiết má nấu với cá Mai, mà với nhiều loại cá khác như cá Đồi, cá Đồi Dạ, cá Chét, cá Xanh Xương... Sau khi làm cá sạch sẽ xong, trong khi bắt nồi nước lên lò, má lo rửa vài tép hành lá và một hai trái ớt. Nước sôi má bỏ cá vô. Khi cá gần chín má nêm nước mắm, muối, đường. Trước khi nhắc nồi

ra khỏi bếp má lấy chày giã hành và ớt trong cái cối nhỏ rồi bỏ vào nồi. Sau cùng má rắc tiêu. Má làm chậm rãi. Ngọn lửa hồng làm hồng khuôn mặt người nội trợ. Chỉ có vậy thôi má đã làm xong buổi cơm chiều cho gia đình. Bây giờ ở trời Âu hình như món Cá Nấu Hành Ớt của má ngày nào cũng theo Hưng qua đến tận đây. Chắc là có "gen" từ má nên Hưng rất thích món này. Nhưng cũng chỉ thỉnh thoảng thôi Hưng mới kêu bà xă nấu, vừa đơn giản vừa có nước để "lua cơm". Không có cá Mai ở trời Âu này thì nấu với cá Hồi cũng được. Còn ngoài ra thì để bà xă còn thì thố các món khác như hủ tiếu, phở, bún bò Huế, bánh canh, bánh xèo, bánh bao v.v...

Quê hương Hưng từ khi anh lên ba lên bốn, anh nhận biết đó là một làng quê nằm cạnh biển. Thuở đầu đời của đứa con nít đã biết cuộc đời mình gắn liền với sóng biển, chiếc xuồng, ghe, dân làm biển và những bữa cơm ăn với các món ăn từ biển. Canh chua má hay nấu với cá Thiều, cá Ngác. Thật chua vì nhờ má bỏ me nhiều. Những vắt me chín có màu sắc nâu như màu chocola. Lúc cạn nồi vẫn còn nằm dưới đáy. Thật thơm vì có rau Mò Om. Cá chiên má hay chiên với cá Đồi, cá Rựa ăn với nước mắm tỏi ớt cay cay. Cá kho má kho với cá Bạc Má, cá Đù, cá Đồi, cá Nục... Khi muốn đổi món, má chưng cua, chưng ghe ăn với cơm. Mùi hành, tiêu, tỏi, nước mắm trong cua, nghe thơm phưng phức. Không có cua, nghe, má xào mực, hoặc ngao, chan chan, chêm chếp cũng qua buổi cơm.

Thấy người ta bán nhiều tôm má mua về làm cho món tôm rim, tôm kho mặn. Khi nhà có người bệnh má nấu cho nồi cháo với cá Thụ, cá Khoai đầy mùi tiêu hành cho mau giải cảm. Gặp lúc chợ bán nhiều rau tươi như cải Bẹ Xanh, Bẹ Trắng, Mồng Tơi má cũng mua về để nấu với tôm, với cá Đồi, cá Liệt Chi. Gặp lúc có con ruốc nhiều má mua ruốc tươi về xào khô với hành, tiêu, nước mắm cũng xong cho bữa cơm. Còn ăn với trứng vịt chiên hoặc luộc dầm nước mắm và cá khô hoặc ăn cơm với tương, chao, đậu hủ thì chỉ khi nào trời động, có bão, xuống ghe không dám ra khơi đánh bắt cá.

Khi lên sáu lên bảy, những buổi sáng cầm tập viết di học tiểu học trường làng, ngoài món xôi, món khoai, bắp, hay những món người lớn thích ăn mà con nít cũng không chê như bánh đúc, bánh bèo, bánh khoai, bánh yểu, bánh nghệ, cháo lòng, bánh canh... Hưng cũng thích ăn bánh mì với cá Bạc Má kho. Mùa cá Bạc Má, cá bán rẻ rẻ, mọi nhà đều mua về kho cả nồi lớn để dành ăn. Sáng sáng người lớn ăn cơm nguội với cá Bạc Má, con nít lấy cá nhét vô ổ bánh mì, tay cầm miệng nhai, lợn tợn đến trường.

Khi mười ba tuổi phải về thị xã học, Hưng mới biết ăn với những loài cá nước lợ, như cá Hàm Éch. Rồi khi mười sáu tuổi về Sài Gòn Hưng mới biết ăn các món cá đồng như cá Lóc nấu chua, cá khô Sặt, mới biết đến món Lươn um v.v... Ở Sài Gòn rồi Hưng mới biết người dân nơi đây cũng

rất thích món canh chua với đầu cá Lóc.

Nhưng sau này về thăm quê vợ của người cậu, nơi cá biển cũng có hằng ngày mà cá đồng cũng được ưu đãi, được cậu mợ rủ ăn cơm một bữa với cá Lóc nấu canh chua với lá me. Thật nhiều lá me. Đúng là bữa ăn để đời! Cá Lóc nấu với lá me xong, còn nóng hổi, mợ vớt ra trên đĩa nước mắm nguyên chất, có trái ớt đỏ đã được dầm ra, ăn với cơm còn bốc hơi nghi ngút. Món ăn đơn giản, bữa ăn bình thường, và chỉ có một món nhưng lại là món ăn để đời! Món ăn gì vừa nóng, vừa chua lại vừa cay và béo thơm của loại cá Lóc tươi vừa mới bắt. Thịt còn ngọt và thơm.

Từ Sài Gòn lai rai xuống miền Tây. Hồi còn ở Việt Nam, có một lần Hưng theo người bạn về An Giang chơi hai ngày cuối tuần. Lúc này là thời điểm năm 1978, thời của củ năn, khoai mì, bo bo lên ngôi. Thời của đói! Vậy mà nơi có địa danh Thốt Nốt thuộc tỉnh An Giang này xôi rẻ ời là rẻ, nếu so với Sài Gòn. Còn gạo thì nhà thằng bạn ăn gạo trắng tinh không độn gì cả. Đúng là trời ưu đãi cho dân miền Tây. Những cánh đồng bát ngát. Cò bay thẳng cánh. Vô bữa cơm, má thằng bạn nấu cho ăn với cá Trê giã nước mắm. Ngon "hết sẩy", nhờ có những lát gừng. Hỏi ra thằng bạn cho biết, ở đây dân không ăn cá biển, quanh năm ăn với cá đồng, vì cá biển chở từ Rạch Giá, đường xa đến nơi cá đã có mùi. Thật là nghịch đời, quê Hưng quanh năm cá biển,

cũng là trên đất nước Việt Nam, nhà bạn lại quanh năm cá đồng.
oOo

Những ngày sau khi đất nước đổi thay, Hưng yêu một người con gái ở cùng thị xã với anh. Cuộc sống sau bảy mươi lăm đầy khó khăn, nhưng tình yêu vẫn mở rộng trong lòng của những con người trẻ tuổi. Hưng và Yến gặp nhau trong trường mỗi buổi sáng, nhưng buổi chiều vẫn thấy nhớ nhung. Nhớ nhung gặm nhấm trong cả buổi chiều, trong lúc đêm về. Ai đã từng yêu chắc biết. Hình ảnh Yến hiện về trong giấc ngủ Hưng rất thường. Mỗi người mỗi hoàn cảnh, mỗi người phải theo những sinh hoạt đời sống khó khăn của những ngày sau bảy mươi lăm, nên hai người phải tạm vắng nhau trong buổi chiều, chỉ chờ gặp lại nhau trong sáng ngày mai nơi ngôi trường hai người đang theo học. Thời gian trôi qua, năm học sắp chấm dứt, trường Xã Hội Chủ Nghĩa nên học sinh phải đi lao động Xã Hội Chủ Nghĩa. Đi làm Thủy Lợi.

Những ngày làm Thủy Lợi là những ngày khổ mà vui, vui mà khổ. Những buổi trưa nắng trong giờ nghỉ ăn cơm hai người yêu nhau mới có dịp ngồi ăn chung với nhau trên con đê trong vùng nước lợ, bên cạnh những khối đất được học sinh vừa đào lên. Sinh lầy còn đọng tay chân. Nước màu vàng dưới những con kinh Thủy Lợi không thể rửa sạch những vết dơ do công việc "đồng án" bất đắc dĩ này. Nhưng vui là vì những người yêu nhau được ngồi ăn chung với nhau. Chiếc áo bà ba màu trắng ngà của Yến dùng cho

lao động, chiếc quần dài đen của cô nữ sinh với hai ống quần đã dính đầy bùn đất. Mồ hôi ướt đầm lưng áo. Mặt Yến hồng hào vì nắng với những giọt mồ hôi đọng trên trán có dính vài cọng tóc. Trong lúc Yến bới cơm ra chén cho tổ, Hưng ngồi nhìn Yến với nỗi cảm thông cho những cô gái sinh trong thời đại hôm nay. Những cô con gái hoặc hiền hoà hoặc kiêu sa đều có cùng chung số phận. Cùng chung với đất đỏ ở các nông trường, cùng chung sinh lầy ở những khu Thủy Lợi.

Những bữa cơm đạm bạc, vội vã, trên con đê, dưới cơn nắng hè vẫn ngon như muôn đời cho những cặp tình nhân. Ăn cơm với cá chiên và dưa Chuột (dưa Leo) mà xem còn thấy ngon hơn những món ăn ở nhà hàng sang trọng. Ngon vì đói. Ngon vì lao động. Ngon vì tình yêu đã hiện hữu, quanh quần đùi đây trong bữa ăn.

Rồi thời gian qua mau. Mới đó mà đã ba mươi năm trôi qua. Bữa cơm ngày nào trên con đê Thủy Lợi, với món cá chiên trên, đã được thay thế bằng món "Tiểu Xám", món "Sushi" trên xứ người, xứ Cờ Hoa khi Hưng và Yến đã gặp lại nhau sau một thời gian dài. Nơi đây những món ăn không còn mộc mạc đơn sơ như những món ăn nơi quê hương ngày nào. Nơi đây, nơi giàu có nhất thế giới, toàn những món cao lương mỹ vị. Nơi của những người giàu sụ. Nơi của những người thành công. Nơi của những phát minh vượt bậc. Nhưng mọi việc đã trở trảng. Tình yêu đã qua. Phấn son đã nhạt. Đầu xanh không còn. Nên những món ăn dù có

ngon hơn, có đồ sộ hơn, nhưng vẫn không ngon bằng những buổi cơm trên bờ đê Thủy Lợi ngày nào, vẫn không thấy ngon bằng những món do má nấu ngày nào. Món "Tiểu Xám", món "Sushi" trên xứ người có thể rất ngon, nhưng trong một khía cạnh nào đó vẫn không ngon bằng những món ăn mộc mạc đã từng đi chung đường với quê hương, vận nước, tình yêu, tình phụ tử như món Cá Nấu Hành Ót của má; như món cá chiên với dưa chuột ăn với Yến và các bạn trong ngày làm Thủy Lợi; như gói mì gói hay mấy củ khoai lang luộc trong những đêm về phải thức suốt đêm để học bài thi của một cậu học sinh.

oOo

Nhưng cũng có những món ăn "thanh đạm" từ Việt Nam, ở thời kỳ sau bảy mươi lăm, nên cho nó đi luôn vào lịch sử, đừng nhắc đến, gợi nhớ làm gì vì nó không phải là "Món Ăn Theo Bước Di Tản", mà là sản phẩm của thời đại đói rách bần cùng sau ngày chấm dứt chiến tranh!

Đó là những củ nần, được hàng đoàn xe bò chở về theo đường của những năm 1977, 1978. Từ xưa cha sanh mẹ đẻ, đâu ai biết củ nần, vậy mà thế hệ thanh thiếu niên vừa lớn của miền Đông Nam phần trong những năm này đã phải ăn củ nần! Nhưng không phải cứ vì đói mà vô rừng đào củ nần về là luộc ngay để ăn như khoai mì khoai lang đâu. Củ nần về, phải lột vỏ, ngâm nước muối cho ra chất độc vài ba ngày, phơi khô... Và khi nấu thì trộn với một ít gạo, vì ăn củ nần không cũng có thể bị

xây xắm mặt mày, đàn bà sẽ bị bệnh hậu!

Đó là những hạt bo bo, mà giáo viên, công nhân viên nhà nước trong các khu tập thể sau năm 1975 ăn rất là thường. Hột bobo màu vàng đậm. Nấu rất tốn củi, vì phải nấu lâu cho mềm, trước khi nấu phải ngâm. Nấu xong mà còn cứng ăn rất dễ bị đau bao tử. Nghe nói bo bo là thức ăn cho gia súc ở các nước khác, vậy mà sau bảy mươi lăm các thầy cô giáo ở tập thể ăn rất là... thường! Đó là những củ khoai mì luộc còn để y nguyên cả vỏ cho các học sinh, giáo sinh nội trú ăn sau ngày đất nước "độc lập thống nhất". Đây là việc xảy ra ngay tại Sài Gòn. May mà việc ăn uống như thế này thỉnh thoảng mới xảy ra, chớ nếu xảy ra thường chắc là học sinh, sinh viên đã bỏ trường bỏ lớp cả rồi, về quê làm ruộng may có cháo mà ăn. Khoai mì tự thân rất ngon, nhất là khoai mì nhựa tím. Và từ khoai mì người dân Việt có thể chế biến ra các món ăn khác như bánh khoai mì, xôi khoai mì, nhưng để nguyên củ khoai mì luộc cả vỏ lẫn rễ cho cả trăm học sinh nội trú ăn thì hết ý! Hy vọng những món ăn như thế sẽ không bao giờ tái diễn trong những "mơ-nui" của những người nội trợ, các chị trong Tổ Nhà Bếp của Việt Nam.

Việt Nam mình đầy lúa gạo, không như dân ở Afrika nên khoai mì theo thiên nghĩ nên trả nó về nhiệm vụ chính là ăn chơi chớ không phải ăn để no, còn loại khoai mì củ nào củ nấy bằng bắp chân thì giao về cho nhà máy Vedan chuyên sản xuất bột ngọt là hay nhất, đúng giá trị của nó nhất.

oOo

Tôi đã viết các món ăn theo một hành trình sương khổ của cuộc đời. Tôi cũng xin tự nhận Hưng chính là tôi, kẻ viết bài này. Tình mẫu tử, tình yêu trai gái, tình yêu quê hương làng xóm, chừa chiền, tình tự quê hương... đã làm nảy sinh ra những ý tưởng và tự nó tràn ra trên trang giấy. Những món ăn viết trong trang giấy này, người viết đã có dịp ăn qua. Từ những món ăn rất ngon, đến những món ăn rất t...ệ. Có những món ăn hình như không phải để cho con người ăn mà người vẫn phải ăn! Trời đất bao dung đã cho Việt Nam có một vựa lúa khổng lồ. Trước thời kỳ "Đổi Mới" ở Việt Nam dân mình đói! Sau "Đổi Mới" gạo trở nên không thiếu. Còn hiện tại ở Việt Nam hình như lúa gạo tồn đọng không có chỗ bán, nên giá rất rẻ.

Nhìn về đất nước ở Afrika, cứ mỗi ngày đều có những con người gục ngã vì chết đói, các em bé thiếu ăn ốm dần rồi chết, họ đâu cần những món ăn ngon, họ chỉ cần có cái gì ăn để không chết đói, tôi chạnh nghĩ thật may mắn cho đất nước Việt Nam mình, đã không chết vì đói mà còn là một nước có rất nhiều món ăn ngon, nổi tiếng. Ngày xưa ở Việt Nam thôi, bây giờ đã lan tràn ra hải ngoại. Hy vọng những món ăn của Việt Nam từ ba miền đất nước cứ tiến vững tiến mạnh. Ngày nào còn người Việt - nhất là những đàn bà Việt - ở hải ngoại, người viết tin tưởng ngày đó còn các món ăn ngon Việt Nam. Cả mặn lẫn chay.

Vũ Nam (Germany)

NHỮNG NGÀY SỐNG Ở PRADES

** Nguyễn Mây Thu **

Người ta ghép tên con sông Lez chảy quanh co qua các vùng phụ cận của tỉnh Hérault, để dễ phân biệt làng Prades-le-Lez cách Montpellier 15 cây số, khác với làng Prades cách Perpignan khoảng 45 cây số. Tôi chọn Prades-le-Lez, ngôi làng nhỏ nhắn hiền hòa và êm đềm nằm về phía Bắc của tỉnh Montpellier để mượn ở tạm trong một thời gian ngắn như muốn xa lánh nơi đô thị ồn ào và muốn để cho tâm hồn yên tĩnh quên đi những muộn phiền ám ảnh trong đời sống.



Đến nhận căn phòng trọ nơi nhà bà Jeanne vào một buổi tối mùa hè. Bà Jeanne đón tôi từ ngoài cổng và dẫn tôi đi qua một khu vườn rộng. Tiếng kêu sột soạt của từng viên sỏi nhỏ dưới chân nghe vui tai và mùi thơm phảng phất của các thứ hoa, nhất là hoa dạ lý, làm cho tôi mang cảm giác lâng lâng dễ chịu. Bà giới thiệu cho tôi một ngôi nhà nhỏ riêng biệt nằm sát cạnh với ngôi nhà rộng lớn của bà, cách nhau bằng một khu vườn trồng nhiều rau thơm và

các thứ hoa thích hợp với khí hậu miền Nam nước Pháp. Ngôi nhà trọ của tôi gồm một phòng ngủ và một phòng khách mở ra liên tiếp với nhà bếp, được sắp đặt thật gọn gàng đầy đủ tiện nghi. Cách trang trí có vẻ trẻ trung đầy nghệ thuật với những lọ cắm hoa và tranh vẽ của các họa sĩ «a-ma-tơ» không nổi tiếng thường triển lãm ở các làng lân cận bà Jeanne thu thập được. Bà nói với tôi đây là nhà ở bà xây cất thêm cho con trai của bà cách đây vài năm, nay anh đã lập gia đình và sinh sống nơi khác, thỉnh thoảng mới về thăm. Bà dùng nó cho mượn để lấy lợi tức hàng tháng bù thêm vào số lương hưu trí khiêm tốn của bà. Bà còn nói thêm phía bên nhà bà có một hồ tắm lớn tôi có thể dùng đừng ngại. Tôi cảm ơn, nhận chìa khóa, tiễn bà ra đến cửa và nói khi thu xếp xong mọi việc sẽ đến hầu chuyện cùng bà.

Bà Jeanne không đẹp lắm, dáng người tầm thước, đôi vai nhỏ không cân xứng với bộ ngực to đầy đà, gương mặt hơi gầy để lộ hàm răng nhô ra không đều đặn nhưng bà có nụ cười rất tươi và cách nói chuyện pha trò duyên dáng, giọng nói trầm ấm nhỏ nhẹ, rõ ràng, không như những người dân nơi đây khi phát âm thường rất khó nghe. Bà cho tôi biết quê quán của bà ở miền Bắc nước Pháp gần Lille, sau đó về quê ngoại ở Normandie, cuối cùng bà cùng chồng, ông Roger, quyết định dọn về lập nghiệp ở miền Nam nơi

có nhiều nắng ấm, không khí trong lành, sống cho đến hết tuổi già.

Những lúc rỗi rảnh bà thường đi dạo cùng tôi, chỉ cho tôi biết các danh lam thắng cảnh trong vùng. Con đường chính nối dài từ Montpellier đi vào trung tâm của làng vào giờ cao điểm luôn ồn ào với các xe cộ ngược xuôi dẫn đi tới các làng mạc xa xôi hẻo lánh, khác với ý nghĩ của tôi lúc ban đầu là một nơi yên tĩnh.



Bà thường rủ tôi ra uống một ly nước «Diabolo menthe» mát lạnh ở quán Café du Nord nằm ngay trên đường phố chính, thường ngày chỉ là một quán nước lặng lẽ bày dăm ba bàn ghế xếp ngay ngắn trên một khoảng sân rộng lát gạch, quán chỉ náo nhiệt vào những ngày cuối tuần, các dịp lễ hội hay những khi có các trận bóng đá hào hứng. Nhìn những quang cảnh vui tươi sinh động đó bà Jeanne hay trầm tư, suy nghĩ về một điều gì khác và nói với tôi:

- Có nghe thấy không? Tiếng cười của họ, tôi yêu tiếng cười vô tư hồn nhiên đó. Nó là hình ảnh của một nước

Pháp hòa bình. Có thể bây giờ ít khi tìm thấy được. Tôi thích đến đây tìm lại khung cảnh yên lành xưa vì thế giới bây giờ đầy hỗn mang bạo động với những tư tưởng bất đồng. Người ta giết nhau thật dễ dàng. Càng văn minh chừng nào càng suy đồi tàn tệ chừng ấy. Nhìn bà Noëlle kia! Bà chỉ tay cho tôi nhìn về phía bên kia đường cạnh một tiệm bán sách báo, thuốc lá, kỷ vật lưu niệm v.v..., rồi nói:

- Bà ấy tên Noëlle, cha mẹ đặt cho vì sinh nhằm ngày Chúa Giáng Sinh 25 tháng 12 mà không vui về chút nào. Nếu bà ấy sinh vào ngày 24 tháng 12 chắc là vui hơn vì khi ấy mọi người đều tổ chức ăn mừng đêm Noël, hưởng không khí đầm ấm sum vầy cùng gia đình.

Tôi ngỡ ngác không hiểu, chờ bà Jeanne giải thích:

- Bà Noëlle bây giờ tâm thần bán loạn, từ ngày chồng chết bà nuôi đứa con trai duy nhất của bà, hy vọng nó thành công trên đường đời, chẳng may nó gặp tai nạn ở Nice và chết khi tuổi còn quá trẻ. Bà đâm ra hụt hẫng, cứ vài hôm lại thấy bà mặc áo quần tươm tất đứng trước cửa tiệm và hỏi người qua lại dọc đường chỉ có một câu «Hôm nay là ngày nào, tháng mấy?». Trông bà xanh xao gầy yếu và già hẳn đi. Khi tỉnh táo, người ta hỏi bà thắc mắc đến thời gian làm gì? Bà Noëlle ứa nước mắt và nói, tôi hứa với chồng tôi nuôi nấng dạy dỗ con tôi nên người hữu dụng trong xã hội, nó là một thằng bé ngoan, biết vâng lời nhưng tuổi trẻ lại ham vui. Hôm ấy, tôi thay sẵn bộ quần áo màu xám tro này đây, đợi nó đi chơi với các bạn một lát rồi khi về hai mẹ

con sẽ chờ nhau đi ăn tiệm, nhưng tôi đợi mãi nó đi không về nữa!

Tôi nói với bà Jeanne, vậy thì bà ấy cô đơn lắm, cần một lời an ủi cho người ngoại. Bà Jeanne đồng ý với tôi. Chuyện đông chuyện tây, bà Jeanne thường kể cho tôi nghe, lâu dần tôi và bà trở thành một đôi bạn thân thiết mặc dù bà lớn hơn tôi 7 tuổi. Bỗng nhiên tôi thấy bà Jeanne thoáng nét mặt buồn bã. Tôi gọi chuyện bà mới tâm sự cùng tôi:

- Bà Noëlle không may mắn nhưng tôi nào có thua gì. Những cái chết thảm khốc trong gia đình làm cho người ta thay đổi và nhìn về cuộc đời một cách khác đi. Tôi yêu đời sống và tôi quý mạng sống con người.

Bà Jeanne tiếp tục kể lể. Chị Kim có biết không? Gia đình tôi có bốn anh em, Jacques, Jean, tôi và Jean-Yves. Năm 18 tuổi, người em út yêu quý của tôi, Jean-Yves vừa thi xong Tú Tài liền xin cha mẹ cho đi nghỉ mát với các bạn và chết đuối ở biển Normandie. Người anh lớn của tôi, anh Jacques lập gia đình có hai người con gái xinh đẹp, Cécile và Martine. Tôi thương cháu tôi như con ruột, khi còn nhỏ dại tôi nuôi chúng vì có một dạo anh Jacques lâm bệnh nặng, vợ anh đã ly dị không ai trông coi. Martine sống yên vui với gia đình nhưng không chấp nhận hoàn cảnh cha mẹ ly dị, khi ở với mẹ một tuần, lúc ở với cha vài hôm. Cũng vào năm 18 tuổi Martine thất cổ tự tử ngay trong phòng học của nó tại nhà bà Nicolle, mẹ nó, chị dâu tôi. Anh Jacques tâm thần suy yếu không chịu nổi cú sốc nặng nề dữ dội đó, vài tháng sau anh cũng thất cổ tự tử như

Martine. Mới đây tôi lại hay tin dữ, cháu gái Cécile vừa tròn 25 tuổi thành lập gia đình chưa được bao lâu, vì còn tiếp tục học để lấy thêm bằng cấp đại học sư phạm nên sống dựa vào Guy, là thầy giáo. Bỗng dưng như sét đánh ngang tai, Cécile khi tan trường về nhà thấy Guy nằm bất động trên ghế salon, bệnh tim di truyền từ cha mẹ và anh qua đời mười ngày sau trong bệnh viện. Cha mẹ tôi già nua bệnh tật cũng đã qua đời. Bây giờ còn lại tôi, anh Jean và cháu Cécile ở vùng Ardèche, thỉnh thoảng anh em chúng tôi đến thăm nhau. Bà Jeanne buông một tiếng thở dài, chị Kim thấy đó, tôi đã chứng kiến những cảnh tang tóc đau thương liên tiếp xảy đến trong gia đình, cũng may tôi sống lạc quan yêu đời nếu không tôi sẽ buồn khổ vô cùng. Tôi nắm tay bà Jeanne an ủi tỏ ý cảm thông. Cả hai cùng im lặng thật lâu mới rời khỏi quán.



Người dân nơi đây rất tự hào về di tích hai cổng thành xưa phía Bắc và

phía Nam nằm trên đường «Vieux-Prades» sau nhà thờ, qua nhiều lần tu sửa vẫn còn tồn tại, cũng như lâu đài Restinclières có từ thời Trung cổ vào thế kỷ XII, về sau dưới thời vua Louis XIV được xây dựng lại. Ngày nay lâu đài này là trung tâm truyền bá việc bảo vệ môi trường thiên nhiên của tỉnh Hérault, còn là nơi tổ chức các sinh hoạt hội hè, triển lãm, các buổi trình diễn v.v..



Và người dân cư ngụ ở Prades-le-Lez vẫn còn giữ truyền thống đi dự thánh lễ vào ngày chủ nhật, họ mặc quần áo xinh đẹp như những ngày lễ hội. Khi tan lễ, họ tản bộ ra chợ mua các thức ăn đã dọn sẵn mang về nhà cùng quây quần sum họp với gia đình. Bà Jeanne cũng không thoát ra khỏi thông lệ đó. Buổi sáng chủ nhật sau khi dùng điểm tâm, bà cùng tôi đi len lỏi qua các con đường nhỏ hẹp cổ xưa trong cổng thành, từ phía Bắc xuống phía Nam đến nhà thờ Saint Jacques-le-Majeur dự thánh lễ rồi cùng nhau băng qua bên kia đường phố chính, gặp buổi chợ phiên bán các món đặc sản của người dân quê sống quanh vùng, các thứ rau cải tươi, rượu vang, phó mát, quần áo v.v... Sau buổi ăn

trưa, tôi cùng bà Jeanne đến tìm bà Nöelle, hoặc đi dạo quanh khu vườn của lâu đài Restinclières hoặc đi dọc theo các đường lộ nhiều đá sỏi dẫn tới dòng sông Lez, mặc dù trời nắng gắt nhưng được ngồi dưới bóng mát của những tàng cây thơm mùi nhựa thông, nhìn nước xanh màu cẩm thạch chảy qua vài mồm đá cao lô nhô, dưới nước cá lội tung tăng, trên bờ chuồn chuồn bay dập dềnh đôi cánh mỏng, tiếng chim hót líu lo, ong bướm lượn nhõn nhõn. Thật là một quang cảnh an bình nhàn hạ, thích hợp cho chúng tôi quên đi những trắc trở ưu phiền của đời sống hằng ngày, nhất là bà Nöelle. Một người có cá tính rất trầm lặng, giọng nói trong trẻo ẩn chứa tiếng reo vui nhưng bà ít khi cười đùa, chỉ thích lắng nghe, nói khi nào cần nói. Tôi thật thương cảm khi nhìn bà ngồi dựa lưng trên một tảng đá, dáng vẻ cô đơn với thân hình cao gầy, hai chân buông thõng xuống bờ nước, lặng thinh đưa mắt ngắm khoảng trời xanh không gợn một chút mây, vài tia nắng quái xuyên qua kẽ lá rọi chiếu lên mái tóc vàng óng ả thời tuổi trẻ của bà bây giờ đã nhuộm màu xám bạc.

Tiếng chổi quét kê soàn soạt của người phu quét đường, tiếng nhả ga nóng nảy của một vài người lái xe phải đợi lâu nơi đèn đỏ, tiếng xe chạy mỗi lúc một nhiều hơn làm cho tôi thức giấc. Đã bắt đầu vào đông, tháng mười hai đêm dài ngày ngắn, bây giờ sáng nhưng trời hãy còn tối tờ mờ. Tôi mở toang cánh cửa sổ nhìn xuống đường, hơi lạnh tràn vào khiến tôi rùng mình

thèm trở lại giường cuộn mình trong chăn ấm, nhưng cuối cùng tôi quyết định vào bếp pha cho mình một ly cà phê nóng dùng bữa ăn sáng.

Bà Jeanne đến tìm tôi và hỏi:

- Chị Kim có muốn đi mua sắm cùng tôi không? Quán Café du Nord hôm nay đóng cửa, đúng lúc tôi bận đi tìm mua quà Noël cho các cháu của tôi nên không dự định ra quán.

Tôi do dự giây lát rồi trả lời:

- Tôi lười quá, không muốn đi đâu cả, nhưng tôi có thể đi với bà.

Người ta đưa chen đi mua sắm. Bao nhiêu dành dụm trong năm họ đổ ra tiêu xài trong chốc lát vì nghĩ rằng thứ nào cũng cần thiết. Trang hoàng nhà cửa, chuẩn bị thức ăn cho buổi tiệc, quà tặng cho bạn bè, thân nhân v.v.. Tôi đã trải qua nhiều năm không thấy Tết nên sống rất ơ hờ. Bà Jeanne hỏi tôi:

- Các con có về thăm chị Kim không?

- Không, chúng nó rất bận với công việc. Có lẽ vào dịp Tết Âm Lịch chúng sẽ về.

Bà Jeanne rất tinh tế mời tôi đến dự tiệc đón mừng Chúa Giáng Sinh cùng với gia đình bà vì không muốn nhìn thấy tôi lẻ loi buồn tẻ một mình vào những ngày cuối năm. Tôi vị nể nên không nỡ từ chối và tôi vui lây với không khí gia đình đầm ấm, bữa tiệc thịnh soạn cùng với những món quà dành riêng cho mỗi người. Chúng tôi trò chuyện khuya khoắt đến gần hai giờ sáng, nói về đời sống của người dân Pháp hiện tại liên quan đến kinh tế xã hội, nạn khủng bố, các người di dân, ô nhiễm môi trường, chênh lệch giàu

nghèo ở khắp nơi... Bà Jeanne thường khuyên con cháu của bà nên giúp đỡ người nghèo, bà nói phải biết thương người nghèo nếu ta có nhiều may mắn hơn bởi không biết vì lý do gì, định mệnh nào, hoàn cảnh nào đã đưa đẩy họ tới nơi chốn làm than ấy, không cửa không nhà, ở ngoài trời sương gió giữa mùa đông lạnh lẽo. Khi từ già bà Jeanne trở về nhà trọ, ánh đèn đường hắt vào soi lối đi ngang qua khu vườn hoa, tôi vẫn vợ suy nghĩ tới lời nói của Đức Giáo Hoàng François mà bà Jeanne thuật lại cho tôi nghe: «Có rất nhiều nghèo đói trên thế giới và là một điều nhục nhã khi có quá nhiều của cải và tài nguyên để chia sẻ. Chúng ta phải tự hỏi mình làm thế nào chúng ta có thể trở nên nghèo đi một chút».

Tôi quý mến bà Jeanne vì bà chân thật có tấm lòng nhân ái, nhẫn nại chịu đựng và quan tâm đến người khác. Tôi nâng niu may cho bà những chiếc áo đẹp, tuy bà hơi ngại ngần nhưng tôi không dám nói ra ý nghĩ của mình. Tôi muốn bà luôn được trẻ trung để hy vọng giữ bà ở lại lâu hơn với cuộc đời. Bà thường nói cứ tối đến lên giường nằm thấy sống thêm được một ngày là vui mừng. Tôi lại nói cứ sáng thức dậy thấy mình còn sống là cảm ơn Chúa. Thật hạnh phúc khi có được một người bạn như bà để cảm thông và chia sẻ. Jean de La Fontaine, thi sĩ Pháp nổi tiếng với các bài thơ ngụ ngôn Les Fables đã nói về tình bạn: «Tình yêu thật sự đã hiếm, tình bạn thật sự còn hiếm hơn».

Nghĩ rằng chỉ ở tạm một thời gian ngắn nhưng tôi cư ngụ nơi đây cả một

thời gian dài lâu hơn dự tính, tôi quen dần với đời sống an nhàn theo bốn mùa. Nắng gắt gắt. Mưa dai dẳng.



Những hàng cây ngô đồng mùa thu về rụng từng chiếc lá vàng nâu, lột mảnh vỏ trên thân cây, rơi xuống đất, lăn theo gió, cho đến mùa đông nó chỉ còn trơ xương trắng. Khi mùa xuân đến, những con chim én kéo nhau về tụ thành từng đàn bay liệng trên không trung, nó bay lượn không ngừng nghỉ, phát ra tiếng kêu thật chói tai, đôi khi nó lại đâm sầm vào cửa kính «tự vẫn» hoặc bay thẳng vào nhà «ngự» trên ghế salon ngoắc ngoải không tìm được lối ra. Tôi sợ đôi chân nhỏ bé mỏng manh nhưng bén nhọn của nó song cũng phải giúp nó lê dần đến cửa sổ để nó được tiếp tục tự do bay lượn, hít thở không khí mát mẻ của mùa xuân trong khoảng trời xanh bao la. Tôi học được tính yêu thiên nhiên, lòng yêu thú vật của bà Jeanne, bà thương cả con chó nhỏ bị bỏ hoang đi lạc đường, đến hồi từng nhà không ai nhìn nhận, bà đem về nuôi đặt tên nó là Athos, một nhân vật trong «Ba chàng

ngự lâm pháo thủ» của Alexandre Dumas. Có lẽ nó biết ơn nên rất quyến luyến gần gũi bà.

Vào mùa thu khi những chiếc lá ngô đồng bắt đầu trở màu vàng nâu héo khô, tôi thay đổi chỗ làm và dọn đi nơi khác. Ngày trao lại chìa khóa, nói lời từ giã, tôi thấy bà Jeanne rưng rưng nước mắt mặc dù đã quen nhiều với những cảnh chia ly. Tôi hứa sẽ trở lại thăm bà. Có người nói: «Người bạn tốt thật sự khó tìm, khó rời xa và không thể lãng quên». Tôi đã trải qua những ngày sống êm đềm ở Prades-le-Lez với ít nhiều kỷ niệm, thật tình tôi không dễ lãng quên. Hồi tưởng lại ba năm trước, khi đến nhận ngôi nhà trọ, bà Jeanne tiếp đón tôi với nét mặt tươi cười niềm nở, tôi nghe tiếng sỏi dưới chân và mùi thơm của các thứ hoa.

Nguyễn Mây Thu

(Montpellier, 01-01-2019)

XUÂN VÀNG NHÀ

Xuân về qua cửa tối hôm qua

Nàng hẳn quên ta

chẳng ghé nhà!

Xác pháo - xin Em đừng quét vội

Kẻ hồn ta đó gió bay xa!

VƯƠNG ĐỨC LỆ

* Sài Gòn 1991

LỤC BÁT NGÀY XUÂN

Ngày Xuân bên áo lụa hồng
Em về chợt nhớ hừng đông hoa quỳ
Chiều tàn nhẹ gót chân đi
Sạch mùi cay đắng,
nghe thì thâm hương.

Mai vàng rực rỡ đơm hoa
Nụ cười bất nhả đang là búp sen
Trắng nghiêng trải bóng bên rèm
Chữ tâm, chữ nhẩn từ phen luân hồi.

Ai người đã dệt vần thơ
Gió Xuân vừa mới tới bờ nguyệt minh
Chân chồn, dừng bước đặng trình
Tiếng chuông chùa gọi,
tự mình thiện tâm

Giọt sương lấp lánh tơ trời
Xuân đi còn lại nửa đời u minh
Muôn trùng là cõi tâm kinh
Hư không rồi cũng như hình bóng trôi

Đêm Xuân ủ mộng quỳnh hương
Có còn hay mất diệu thường xót xa
Nàng Xuân phơi phới ngọc ngà
Đời người một thoáng...rồi ra bụi trần.

Nguyễn Hậu Bùi Thanh Tiên

BÊN EM CHIỀU MƠ



Ta ngắt hoa cài mái tóc em,
Tìm dư hương cũ thuở êm đêm.
Gọi mùa xuân đến ôi xa quá!
Vạt nắng hanh chiều theo gió lên.

Ta thích xuân về trong mắt em,
Ngăn ngày tháng ứa rụng bên thềm,
Cho ta đừng bước chân luân lạc,
Trả gánh phong trần bên dáng em.

Ta muốn tìm quên trong mắt em,
Ru đời say đắm nụ môi mềm,
Buông xuôi dĩ vãng thành mây khói,
Mặc ánh sao trời đua bóng đêm!

Ta cố tìm vui trong ý thơ,
Nhặt sầu quặng xuống đáy mong chờ,
Bỏ rơi ảo mộng vào quên lãng,
Rồi tự ôm tim khóc chiều mơ.

Đỗ Bình (France)



ME CHỒNG NGƯỜI BẮC

** Ngọc Hạnh **

Chồng tôi là người Bắc, quê ở Hà đông. Anh nói tiếng Bắc đặc, dù gia đình vào Nam lập nghiệp đã lâu. Thoạt tiên, tôi quen với cháu anh nên gọi anh là chú. Rồi khi đã làm vợ anh, thỉnh thoảng tôi vẫn quen miệng gọi anh là chú. Vì thế, mẹ chồng tôi phải nhắc tôi đổi cách xưng hô. Lời nhắc nhở của bà nội các cháu khiến tôi nhớ lại hồi mới gặp anh. Khi đó, tôi ở chung nhà với một bà chị họ. Bà thấy tôi kêu anh bằng chú thì tưởng lầm anh đi tu. Bà khuyên tôi nếu anh là người tu hành, dù đạo Chúa hay đạo Phật cũng phải... "buông tha" anh, không nên dụ dỗ anh vào con đường mê hoặc tục lụy. Tôi chỉ cười mà không nói gì. Nhưng trong bụng, tôi thầm nghĩ: "Ai đưa ai vào vòng tục lụy đây?" Rồi chỉ một thời gian ngắn sau, anh tỏ tình và xin... bàn tay tôi.

Khi đã về làm vợ anh, tôi được biết bà nội các cháu rất ngạc nhiên trước quyết định hỏi vợ của anh. Cụ có thành kiến rằng con gái Nam không biết căn cơ, chỉ quen tiêu xài hoang phí.

Sau đám cưới, tôi về làm dâu bà nội các cháu ngay. Từ nhà tới sở làm đi bộ khoảng 5 phút. Đó là một trường trung học di cư từ Bắc vô. Trường đã có tiếng đào tạo được nhiều học sinh giỏi.

Vì chưa có cơ sở riêng, trường phải học tạm ở một trường Tiểu học vào buổi chiều. Lúc đó tôi là tham sự hành chánh, nhưng bằng lòng làm một chân thư ký, trông coi thư viện nho nhỏ cho

trường. Lẽ ra tôi có thể được bổ nhiệm về Bộ Tài Chánh hay cơ quan nào khác, lương bổng cao hơn chút ít. Nhưng được cái nợ mất cái kia. Tôi muốn có thì giờ để tiếp tục học cho xong Đại học.

Công việc thư viện nhà trường rất thích hợp cho tôi vì tôi có thể đọc sách khi rảnh rỗi. Trong thời kỳ này, buổi sáng tôi đến Đại học Văn khoa, buổi chiều đến trường làm việc. Bài vở của trường Văn Khoa khá nhiều, thế mà ông Hiệu trưởng cũng còn xếp cho tôi dạy 6 giờ 1 tuần ở các lớp nhỏ. Dù chỉ có 6 giờ tôi cũng phải soạn và chấm bài nên mất rất nhiều thì giờ. Đêm nào tôi cũng phải thức thật khuya. Nhà tôi đi ngủ sớm, rồi nếu nửa đêm thức giấc mà thấy còn đèn sáng, thế nào anh cũng trách: "Em phải quyết định chọn một việc, đi học hay đi làm, không thể ôm đồm như vậy được." Bây giờ nghĩ lại, tôi cũng thấy tôi cứng đầu. Với lương

giáo sư đệ II cấp, nhà tôi có thể nuôi tôi đi học cho đến khi tôi học xong đại học.

Khi chúng tôi ở chung với bà nội các cháu, tôi thật là người vô tích sự. Tôi chẳng giúp Cụ được gì, mà đôi khi chính Cụ lại sai chị giúp việc lo sẵn cho chúng tôi thức ăn điểm tâm như bánh mì thịt, xôi, bánh cuốn hay phở... Vì thức khuya nên dậy muộn, tôi vội vã ra đi nên không kịp ăn sáng. Cụ chỉ nhẹ nhàng bảo: "Nên dậy sớm một chút, ăn uống tử tế, nhịn đói dễ mất sức." Nếu ở với Mẹ ruột, chắc chắn tôi sẽ bị Cụ la.

Mẹ chồng tôi là người Bắc cổ xưa. Cụ vẫn khăn, răng nhuộm đen. Lúc chúng tôi về sống chung, Cụ thường chỉ dạy các tập tục, cách xưng hô theo miền Bắc, có phần khác biệt với miền Nam. Thí dụ: gọi người con trai lớn nhất trong nhà là anh Cả, người em gái kế cận là chị Hai. Có những việc thông thường nhưng thực dụng cũng được Cụ chỉ dạy, như mua gà nên chọn gà có lườn đầy, đó là gà béo; mua cá nên lựa cá mắt trong mới là cá tươi. Nếu cá đã cắt sẵn từng khúc, nên chọn khúc chắc thịt. Mua trái cây chọn những trái còn cuống và lá xanh mới đẹp, dưa hấu chọn trái nào cuống hơi lõm một chút là dưa chín trái ấy sẽ ngọt, v.v...

Tôi nghe kể lại lúc trẻ Cụ vừa buôn bán, trông nom cửa hàng ở Saigon vừa đi lại quê nhà miền Bắc, chỉ huy cất nhà thật to, to như cái đình. Cụ định lúc

già sẽ trở về Bắc sống với họ hàng, thân thuộc. Chỉ có Cụ bà đi lại, chớ Cụ ông chẳng bao giờ về quê. Ông Cụ sống Saigon đến ngày qua đời. Sau 1954, ngôi nhà to lớn ấy bị chính quyền Cộng Sản lấy làm công sở. Cụ tự an ủi là tình trạng chung của đất nước, đành chịu thôi.

Lúc tôi về nhà chồng, Cụ ông mất đã lâu. Bà nội các cháu vừa nghỉ buôn bán, giao cửa hàng cho chị Cả chồng tôi trông nom. Chị cho biết lúc còn buôn bán, Mẹ chồng tôi tính toán rất nhanh, nhất là tính nhẩm. Trong lúc chị còn cộng cộng trừ trừ, Cụ đã có đáp số. Tuy không đọc sách nhưng Cụ thuộc nhiều ca dao tục ngữ, dùng đúng nơi, đúng chỗ. Người làng hay các cháu họ xa cần vốn làm ăn, Cụ sẵn sàng giúp đỡ. Nếu các con thắc mắc, Cụ thường nói: "Khó giúp nhau mới thảo, giàu tương trợ ai màng."

Vào những dịp lễ, Tết Cụ hay mua quà biếu họ hàng hay người quen. Quà Cụ mua thường tốt và ngon. Cụ bảo: "Mình ăn thì hết, người ăn thì còn. Đã biếu ai nên biếu loại tốt, cho quà xấu họ vất đi, tốn công, tốn tiền vô ích." Cụ cũng hay nói: "Lấy vợ xem tông, lấy chồng xem giống, gia đình ảnh hưởng con cái v.v..." Tuy được nhắc nhở nhưng con cháu không phải ai cũng nghe lời Cụ, nhất là các cô cậu sang Mỹ. Cụ cũng dạy: "Cố gắng trước, Trời giúp sau." Cụ đưa người làng vào

Saigon sinh sống, giúp vốn, họ chịu khó làm ăn, phần lớn thành công, có nhà có cửa tử tế.

Chúng tôi ở chung với Cụ đến khi có cháu đầu. Cụ đón tôi từ nhà bảo sanh về thẳng nhà riêng, nơi Cụ đã sắm sửa đầy đủ các đồ dùng cần thiết từ bàn ghế đến các dụng cụ nhà bếp, cả đồ dùng cho em bé. Tôi rất cảm động về sự ân cần chăm sóc ấy. Nói thật, nếu chính tôi lựa chọn, chưa chắc tôi chọn được thứ tốt và chắc chắn như Cụ. Không những thế, Cụ còn tìm cho tôi một chị giúp việc. Chị này vừa trông em bé, vừa lo cơm nước cho chúng tôi. Thế mà ngày nào Cụ cũng đến tắm em bé để chị vú học hỏi. Bao giờ chị vú thông thạo mới giao em bé cho chị trông nom.

Khi tôi còn ở trong nhà bảo sanh, ngày nào Cụ cũng vào thăm tôi ít nhất một lần cho đến khi tôi về nhà. Cụ mua sẵn mấy quày dừa xiêm, loại dừa trái nhỏ và ngọt đậm. Mỗi quày từ 10 đến 12 quả, dặn chị vú mỗi ngày phải cho tôi rửa mặt bằng nước dừa, vì theo Cụ, nước dừa làm da dẻ hồng hào, mịn màng. Da tôi sau này ít bị mụn có lẽ cũng nhờ nước dừa? Cụ còn cho tôi uống thuốc Bắc mỗi ngày một thang, để mau lại sức và tránh được các bệnh hậu sản. Lúc sắc, mùi thuốc thật thơm, nhưng uống thì thật đắng. Tôi không thể nào uống hết ngay nên phải chia làm hai, sáng nửa chén, chiều nửa

chén. Uống được 2 ngày tôi thừa với Cụ là thuốc Bắc vừa đắng vừa nhiều, nên sợ quá. Cụ khuyên tôi nên cố gắng uống đủ 10 thang thì da dẻ sẽ hồng hào và khỏe mạnh. Trong khi đó bà ngoại các cháu cho rượu con mèo (Dubonet), loại rượu ngọt uống trước bữa ăn chừng 2 muỗng canh, đỡ ngán hơn.

Cụ trả hết các chi phí nhà bảo sanh mặc dù lúc ấy chúng tôi đều đi làm. Chị Cả bảo tôi đừng bận tâm nhiều, vì chị sanh 6 con, lần nào Cụ cũng trang trải mọi chi phí dù anh chị có 2 cửa tiệm buôn bán và giàu có. Lúc chị dâu Cả và tôi sanh, ngày nào Cụ cũng đến thăm 1, 2 lần cho đến khi chúng tôi về nhà, thường từ 7 đến 10 ngày. Vậy mà khi chị ruột và em gái nhà tôi đi sanh, Cụ chỉ vô thăm có một lần. Tôi thắc mắc, Cụ giải thích: “Con gái là con người ta, nữ nhân ngoại tộc...” Ngày nay thì ngược lại, nhất là ở hải ngoại, con gái gần gũi chăm sóc cha mẹ hơn con trai. Tôi nghe kể lại Cụ và họ hàng về quê ở ngoài Bắc cưới vợ cho anh Cả chồng tôi. Chị Cả xinh đẹp, lại là con nhà khá giả trong làng. Đám cưới rất linh đình. Chú rể và cô dâu chỉ được gặp nhau lần đầu khi đón dâu vào Saigon. Trước kia, hai anh chị biết nhau qua hình ảnh. Anh có học, có cửa tiệm ở Saigon nhưng cũng nghe lời Mẹ, cưới vợ “hàm thụ”, có lẽ cũng vì chị Cả tôi đẹp và đảm đang. Nhớ lại ngày xưa, nhà Cụ

tôi thường hay có giỗ và con cháu họ hàng đông. Một mình chị Cả tôi chỉ huy nấu cỗ. Mấy chị chúng tôi chỉ đưa lễ trái cây mà thôi. Chị Cả không cho chúng tôi làm gì hết, chỉ “ngồi chơi xơi nước” thôi. Chị có nhiều người giúp việc và biết ý mẹ chồng tôi thích nấu cỗ như thế nào.

Từ khi Cụ nghỉ buôn bán, đưa con bé nhất của anh chị Cả ngủ với bà Nội hầu chị được ngủ trọn giấc để hôm sau còn dậy sớm mở cửa tiệm...

Nay sống nơi quê người, nhớ đến các Cụ ngày xưa mà tôi còn thấy lòng bồi hồi. Bà ngoại các cháu đã quá lo lắng khi gả tôi cho người Bắc. Cụ sợ tôi không sống chung hòa bình với nhà chồng được vì Cụ biết tính tôi vô ý vô tứ, trong khi người Bắc, nói chung, rất khó khăn, cẩn thận, từ việc ăn mặc, nói năng, v.v... Tôi muốn thừa với Ngoại là làm dâu người Bắc không có gì hãi hùng hết. Tôi đã sống an bình trong tình thân thương đại gia đình nhà chồng và chàng rể Bắc kỳ của Ngoại cũng đàn hoàng, dễ yêu, dễ mến. Cụ Nội cũng thương nàng dâu Nam kỳ vì tôi cũng biết chiều chồng, nuôi con, cố gắng để đời sống gia đình được hạnh phúc tốt đẹp như những gia đình khác. Tôi xin nói thêm là sau đó Cụ lại còn cưới một cô gái Nam kỳ cho đưa cháu ruột gọi Cụ bằng Cô. Thím là con nhà giàu chỉ biết đi học nhưng khi có gia đình cũng học cách nấu ăn theo kiểu

Bắc kỳ, rồi cũng biết làm cỗ ngon, khéo, cư xử đâu ra đấy, ai cũng khen và tất nhiên Cụ tôi rất hài lòng. Tôi biết ngày nay không còn phân biệt Nam, Bắc nhất là ở hải ngoại, chỉ còn tên chung là người Việt Nam tuy cách phát âm có đôi chút khác biệt.

Còn tôi, sau khi tốt nghiệp đại học, tôi trở thành Đốc Sự hành chánh. Gia đình bảo tôi trở về làm việc Tổng Nha Công Vụ cho gần nhà, có xe đưa đón đàn hoàng, có văn phòng riêng, tương lai xán lạn hơn gõ đầu trẻ, lương ba cọc ba đồng. Nhưng tôi biết Cụ tôi thích nghề dạy học vì con các anh chị giáo, cháu gọi Cụ bằng dì đều ngoan ngoãn và học hành thành đạt. Riêng tôi, sau những năm gần gũi học sinh và sống chung với nhà tôi là một nhà giáo giản dị, tôi chuyển hẳn sang ngành giáo dục. Tôi đã làm vừa lòng Cụ, lại được sống bình an không cạnh tranh. Một vài người bạn cho tôi là khờ. Tôi tiếp tục dạy ở trường học di cư cho đến lúc rời quê hương, nơi có đồng nghiệp, đồng sở và các học sinh thân yêu. Tất cả cư xử với nhau tốt đẹp như một đại gia đình.

Theo tôi, bà nội các cháu là bà mẹ chồng **tuyệt vời**, **hiếm có** được mọi người thương mến, kính nể và ao ước.

Ngọc Hạnh

Virginia, tháng 1 năm 2000

BỐN MÙA

Trần Quốc Bảo dịch cổ thi: TỨ THỜI

Tứ Thời

*Xuân du phương thảo địa
Hạ thưởng lục hà tri
Thu ẩm hoàng hoa tửu
Đông ngâm bạch tuyết thi*

Cổ Thi (khuyết danh)

Bản dịch 1: **Bốn Mùa**

*Xuân thăm miền cỏ thơm
Hạ ngắm hồ sen biếc
Thu uống rượu hoàng hoa
Đông ngâm thơ bạch tuyết*

Bản dịch 2 (thể Lục-Bát): **Bốn Mùa**

*Xuân thăm miền cỏ thơm lành
Hè về, thưởng ngoạn sen xanh ao nhà
Thu sang, uống rượu hoàng hoa
Đông, ngâm vịnh cảnh tuyết sa trắng trời.*

Trần Quốc Bảo
Richmond, Virginia

TỨ THỜI

Cổ Thi

四時

春遊芳草地

夏賞綠荷池

秋飲黃花酒

冬吟白雪詩

古詩

GIẢI ĐIỆU NHẠC VÀNG

** TÔN NỮ MẶC GIAO **

(Nhớ về Bình An bên kia bờ tự do, cô "em gái" mắt một mí, má phúng phính, người tôi thương ngày nào)

"Tôi đi trong lá thu vàng úa, cứ ngỡ là muốn lá tình thu". (Tà Áo Cưới của Hoàng Thi Thơ) Ôi! giai điệu êm đềm, xa vắng, lời ca nhẹ nhàng, sâu lắng, len sâu vào tâm hồn người. Thế mà có kẻ nay cho hát, mai cấm nghe (cấm lưu hành). Sao mà thô bỉ và vô liêm sỉ đến thế! Âm nhạc không chỉ là một loại hình nghệ thuật đáp ứng nhất thời nhu cầu người nghe, mà nó có thể còn là dĩ vãng chìm sâu trong ký ức của cả đời người. Nó là những kỷ niệm vô giá, không bao giờ lặp lại. Mỗi con người có riêng một cảm nhận, rất riêng, về một tác phẩm âm nhạc nào đó phù hợp theo từng hoàn cảnh và số phận của mình. Một buổi trưa hè, có chàng thiếu niên dừng xe đạp bên đồi dương, giữa tiếng dương reo, tiếng rì rào của sóng biển, một giọng hò Huế văng vẳng từ chiếc radio ở xa vọng lại. Lời ca thiết tha, giọng hò ngọt ngào, cao vút lên tận trời xanh. Thế là chàng nhớ suốt đời giai điệu và lời ca ấy. Đó "trời" có thể "cấm" được cảm xúc của chàng trai về những kỷ niệm riêng tư. Đã có vô vàn ví dụ như vậy vì âm nhạc là một phần "hồn" trong đời sống con người.

Như anh bây giờ chẳng hạn (một ví dụ cụ thể nhất). Anh cứ tìm về kỷ niệm ngày thơ, cứ đi lang thang qua lại khắp nẻo đường ngày xưa đi em đi (đèo em bằng Honda thì đúng hơn). Nhưng viết văn thì mình phải tả sao cho nó lãng mạn, dùng chữ sao cho nó nhẹ nhàng nên thơ một chút, đúng không em? Chứ ai lại viết một cách thực tế trắng trợn như vậy: "Giữa trưa trời nắng chang chang, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, tôi lái Honda hùng hục đèo nàng trên những con đường đầy ổ gà nảy tung tung" nghe không lọt tai một chút nào, phải không? Em là người cầm bút chắc em hiểu rõ hơn ai hết (cho nên anh có xạo một chút cũng đừng la làng lên nhé!). Anh đi em đi giữa hai hàng cây rợp bóng mát tình yêu, hai vạt áo dài em bay theo chiều gió, quán quít lấy chân anh như muốn trói buộc đời anh vào với em (lại "ba sạo" nữa rồi). Vì anh nhớ ngày xưa em chỉ mặc mini jupe khi đi chơi với anh mà thôi! Em có cặp đùi đẹp nên muốn khoe anh phải không? Nói thật với em ngày đó anh rất thích ngắm em mặc mini jupe mà không dám nói, nhưng mà thôi! Vì viết

văn nên anh cứ tả như thế đấy! Ai muốn hiểu sao thì hiểu.

Anh cứ đi trên những con đường ngày xưa của chúng mình mà bên tai cứ ám ảnh văng vẳng lời ca của "Tà Áo Cưới"... "*Những tà áo cưới tiễn em đi, em đi lấy chồng...*". Nghe nhớ em nhiều quá Bình An ơi! (anh gọi tên em trong tiềm thức). Ngày tiễn em đi lấy chồng, thú thật anh cũng không biết trong lòng mình nghĩ cái gì nữa. Bởi trên thực tế anh đã "trót đại" lỗ miệng nhận mình là con nuôi của bố mẹ em rồi, cho nên suốt đời chỉ được làm anh trai đứng nhìn "em gái" của mình đi lấy chồng mà thôi. Anh còn nhớ ngày xưa em với anh bằng tuổi nhau (có lẽ em hơn tháng tuổi anh), em đã đề nghị:

- Bây giờ cho Trọng Tín chọn đó! Nếu chọn làm em thì phải kêu bằng chị đang hoàng, sẽ được Bình An "cưng", chiều chuộng như một đứa em trai ruột. Còn nếu chọn làm anh thì phải chiều lại cô em gái bướng bỉnh này, dám hông?

Anh đâu có "ngu" mà chọn làm em, (anh ma giáo quá phải không em?). Anh chọn làm anh để được chở em đi chơi (chứ chẳng lẽ làm em trai mà lại rủ chị gái đi chơi coi sao được?), chở em qua khắp nẻo đường, dìu em đi khắp công viên, khắc tên em trên đá trên cây. "*Cành xưa anh viết, anh khắc tên em, còn xanh lá cành, ghi dấu kỷ niệm những ngày mình yêu nhau...*" (Hải Trộm Hoa Rừng của Hoàng Trang).

Gặp người quen anh giới thiệu đây là em gái, mình cứ mập mờ "tình trong như đã mặt ngoài còn e" như vậy đó mà con tim ngây ngất, đê mê gì đâu. Chỉ tại em thích bài "Chân Trời Tím" cho nên "*anh biết muôn đời muôn kiếp sau, em với anh không hề đến gần nhau...*". Và anh lại hát bài "Người Em Sầu Mộng" cho nên "Em chỉ là em gái thôi...", ngày xưa nếu biết và tin những câu hát như thế sẽ vận vào cuộc tình chúng mình thì... "bồ bảo" anh cũng không dám hát, để cho hai đứa thành đôi thì bây giờ không hiểu chúng mình ra sao nhỉ?

*Nếu xưa đừng lỡ duyên thề
Để cho hai đứa được kề bên nhau
Ngày nay ai biết ra sao
Yên vui đắm ám hay sầu vương mang?*

Nhưng thôi cuối đời còn được gặp lại nhau là vui rồi phải không em? Tuy anh không nói nhiều (viết nhiều thôi), nhưng nhìn vào mắt anh chắc em hiểu và thấy được muôn ngàn lời yêu thương dành cho em mà anh chỉ muốn dấu riêng tận đáy lòng không nói ra, tội mình có cái giác quan thứ 6 của người cầm bút cho nên không cần phải nói nhiều em nhỉ? Chỉ cần "nhìn nhau, nhìn nhau mà lòng vẫn vui...". Anh đang thương em mãnh liệt Bình An ơi!). Đừng cười anh tại sao gặp em không nói gì, nhưng khi em trở về Mỹ rồi thì ngọn sóng trong lòng anh lại dâng trào "mãnh liệt" như vậy, (biết rõ lòng anh

rồi thì đừng có bắt nạt anh nữa nghe không?) Thế rồi một ngày pháo nhuộm đường hoa, anh tiễn em đi lấy chồng:
*Em đi pháo đỏ nhuộm đường
Tìm anh thôn thức
vấn vương bóng hình
Nụ cười "em gái" xinh xinh
Theo chồng hạnh phúc
băng trinh ngọc ngà.*

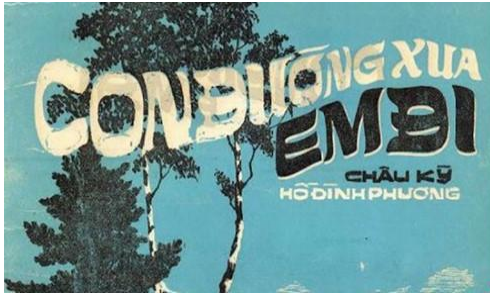
Ôi! Kỷ niệm xưa đã qua đi nửa thế kỷ nhưng vẫn còn in đậm trong anh qua lời ca tiếng nhạc. Trận đại hồng thủy năm xưa đã chia cách chúng mình mỗi đứa một nơi, em đi anh ở lại. Mừng cho em hạnh phúc muôn vàn mà không phải ai cũng có được. Anh ở lại làm văn nghệ, cầm bút giống như em. Chúng ta may mắn có được một điểm chung là viết văn nên dễ thông cảm nhau hơn, đã là người cầm bút thì những rung cảm, xúc động về phần hồn rất là vô cùng quan trọng. Cho nên, cứ viết thoải mái đi em nhé! (ai muốn hiểu sao thì hiểu). Bình An luôn "chê" anh viết văn khô cằn sặc mùi chính trị, sự rung cảm của "phần hồn" ngày xưa ấy đã biến đi đâu mất hết rồi. Nói thật, những kỷ niệm xưa về hai đứa anh đã dấu kín sâu thẳm tận trong cái "phần hồn" thiêng liêng đó từ lâu lắm rồi, nhưng chỉ vì em quay trở về đã làm cho trái tim anh "không ngủ yên".... "*Về làm chi, rồi em lặng lẽ ra đi. Gom góp yêu thương quê nhà, dâng hết cho người tình xa....*" (Tình Bơ Vơ của Lam

Phương). Ôi! lại nhớ em nữa rồi..."*Nhắm mắt, cho tôi tìm một thoáng hương xưa, cho tôi về đường cũ nên thơ, cho tôi gặp người xưa ước mơ...*" (Nửa Hồn Thương Đau của Phạm Duy). Còn nói anh khô cằn nữa thôi!

Thật ra, văn chương, hội hoạ, âm nhạc đều nằm trong phần hồn của con người. Trong sáng tác cũng như thưởng thức đều đòi hỏi tinh thần phải được tự do. Có tự do cảm xúc, mới có được sự rung động chân thật của tâm hồn (em may mắn có được sự tự do đó mà anh thì không có).

Đã từ lâu, những người làm ngành quản lý văn hoá nghệ thuật ở VN luôn luôn muốn xiềng xích luôn cái "phần hồn" ấy. Cái màn đêm u ám của vụ án "Nhân Văn Giai Phẩm" hơn nửa thế kỷ trước vẫn còn bàng bạc khắp nơi. Có một câu chuyện nhỏ thôi, cũng giúp cho nhiều người thấy ngày nay chuyện ấy vẫn còn.

Tháng tư năm 2017, Cục Nghệ thuật Biểu diễn (Bộ Văn Hóa-Thông Tin và Du Lịch-Việt Nam) ra lệnh cấm lưu hành 5 ca khúc sáng tác trước 1975 ở miền Nam (trong đó có ca khúc "Con đường xưa em đi" của Châu Kỳ - Hồ Đình Phương).



(Ảnh bìa nhạc phẩm Con đường xưa em đi)

Thật ra lâu nay những bài hát ấy vẫn được phổ biến rộng rãi trong người dân cả nước. Hầu hết bài hát có giai điệu nhẹ nhàng, ca từ dễ nhớ, gần gũi với tình cảm con người và không vi phạm quy định của Nhà Nước. Nhưng rồi, không biết vì sao tự nhiên các lãnh đạo sở VH TT- TP HCM trình lên ông Cục trưởng Cục Nghệ thuật Biểu diễn ra quyết định cấm lưu hành. Thế là cả nước dấy lên phong trào phê phán quyết định ấy. Cuối cùng lệnh cấm được hủy bỏ, ông Cục trưởng bị mất chức. Nói là không biết nguyên nhân vì sao cấm lưu hành dù ông Cục trưởng đã giải thích nhưng không ai tin. Thật ra thực tế cũng không khó hiểu: do trình độ thấp, lẩy diễm với cấp trên, muốn chứng tỏ là người có quyền lực hay thực hiện chủ trương của đảng cầm quyền?

Chúng ta thử nghĩ xem, nếu các nước trên thế giới đều quản lý lãnh vực văn hoá, nghệ thuật như VN thì làm gì có được những tác phẩm để đời cho

loài người. "Quản lý phần hồn"! phải bỏ ngay ý tưởng phi nhân ấy đi. Đừng xem con người là một công cụ mà anh muốn ban phát gì cũng được. Và hãy nhớ rằng chính con người anh cũng chỉ là một công cụ nằm trong tay kẻ khác mà thôi.

TÔN NỮ MẠC GIAO (NTL)

Tham khảo:

Thực hư việc cấm vĩnh viễn bài 'Con đường xưa em đi'

04/04/2017 - Thông tin cấm vĩnh viễn 'Con đường xưa em đi' khiến nhiều người yêu nhạc hoang mang.

<https://vietnamnet.vn/vn/giai-tri/nhac/tam-dung-luu-hanh-5-bai-hat-sang-tac-truoc-nam-1975-360839.html>

Hội Nhạc sĩ lên tiếng việc tạm dừng lưu hành "Con đường xưa em đi"

14/04/2017 - Hội Nhạc sĩ Việt Nam vừa công văn gửi Hội đồng Lý luận phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương về việc Cục Nghệ thuật Biểu diễn (Bộ VH TT & DL) ban hành văn bản yêu cầu tạm dừng 5 ca khúc sáng tác trước năm 1975.

<https://vietnamnet.vn/vn/giai-tri/nhac/con-duong-xua-em-di-bi-tam-dung-luu-hanh-hoi-nhac-si-len-tieng-366828.html>

CHỦ THUYẾT BUSH DƯỚI LĂNG KÍNH PHÁP LÝ * NGUYỄN VĂN THÀNH 23 *

Sau khi Chiến Tranh Lạnh chấm dứt vào năm 1991, chủ thuyết răn đe (deterrence) và be bờ (containment) không còn hữu hiệu nữa đối với mối đe dọa mới trong thế kỷ 21: chủ nghĩa khủng bố toàn cầu. Cuộc tấn công không tặc vào nội địa Hoa Kỳ ngày 11.09.2001 phá hủy Trung Tâm Mậu Dịch Thế Giới tại Nữu Ước, đã giết chết trên 3.000 người, gây thiệt hại nặng cho Ngũ Giác Đài tại Hoa Thịnh Đốn, làm thay đổi hẳn quan niệm an ninh quốc gia của Hoa Kỳ.

Chỉ cách có 6 tuần lễ sau tai biến trên, Đạo Luật Chống Khủng Bó USA Patriot Act ra đời cho phép Cục Trung Ương Tình Báo (CIA) và Cơ Quan Điều Tra Liên Bang (FBI) nhiều quyền hạn trong cuộc điều tra và truy tầm những kẻ nằm trong các mạng lưới hoặc tổ chức khủng bố ở trong nước cũng như ở ngoài nước trải dài trên 60 quốc gia khác nhau. Tiếp theo vào ngày 20.09.2002, Tổng Thống George W. Bush đã đọc trước Quốc Hội một bản báo cáo liên quan đến “Chiến Lược” và “An Ninh Quốc Gia” của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Trong bản báo cáo, Tổng Thống đã tuyên bố: “Hoa Kỳ phải duy trì sức mạnh vô song của mình để thắng cuộc chiến tranh khủng bố và chống Vũ Khí Giết Người Hàng Loạt đang đe dọa nền an ninh của xứ sở... Chúng ta phải diệt hiểm họa khủng bố trước khi nó đến gần bờ cõi đất nước của chúng ta...”

Trong khi chúng ta kiên trì vận động sự ủng hộ của cộng đồng thế giới, chúng ta sẽ không ngần ngại nếu phải hành động đơn phương để thực thi quyền tự vệ chính đáng, bằng cách đánh phủ đầu, để ngăn chặn bọn khủng bố gây tác hại cho dân tộc và tổ quốc... Chúng ta đã phải mất một thập kỷ để hiểu rõ được bản chất đích thực của hiểm họa mới đây. Và khi hiểu được mục tiêu của bọn khủng bố và các quốc gia không lương thiện (rogue states) thì Hoa Kỳ sẽ không thể ngồi chờ để chỉ phản ứng sau khi tai họa đã xảy ra như trong dĩ vãng...” (1).

Chiến Lược An Ninh Quốc Gia của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ ra đời ngày 17 tháng 9, 2002. Theo Chương 5, khái niệm đánh phủ đầu và hành động dự kiến nằm trong tiêu đề: “Phòng ngừa những Kẻ thù của chúng ta đe dọa Chúng ta, Đồng minh của chúng ta, và Thân hữu của chúng ta bằng những Vũ Khí Tàn Phá Hàng Loạt” (Prevent Our Enemies from Threatening Us, Our Allies, and Our Friends with Weapons of Mass Destruction). Khái niệm trên còn quy định thêm nhiều chi tiết trong Chiến Lược mới tạo thành Chủ Thuyết Bush gồm có:

- Tự vệ dự kiến (Anticipatory Self-Defense)
- Đánh phủ đầu (Preemptive Use of Military Force) hay Ra Tay Trước (Strike First)
- Hành động phòng ngừa (Preventive

Action) hay Chiến tranh phòng ngừa (Preventive War)

Chủ thuyết đánh phủ đầu không có gì mới lạ, đã có từ nhiều thế kỷ trước và sau ngày thành lập Liên Hiệp Quốc vào năm 1945. Điều mới lạ gây kinh hoàng trên khắp thế giới là chính quyền Bush đã đơn phương đem chủ thuyết đó ra thực hành tại Iraq, không thông qua Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, để tiến hành trận chiến nhằm diệt hiểm họa khủng bố và ngăn chặn các nước nằm trong trục ác quỷ (axis of evil) như Iraq, Ba Tư và Bắc Hàn đe dọa nền an ninh quốc gia Hoa Kỳ bằng vũ khí giết người hàng loạt. A Phú Hãn là một mặt trận quan trọng nhưng Iraq mới là trung tâm của cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu.

Không một ai có sự nhận xét thức thời hay một quốc gia nào trong thế giới văn minh lại phản đối nỗ lực ngăn chặn mối hiểm họa chung để diệt khủng bố và cấm phổ biến vũ khí giết người hàng loạt. Do đó, một số quốc gia và trên 70% dân chúng Mỹ đã ủng hộ cuộc chiến tại Iraq. Nhưng tại sao ta đã chứng kiến làn sóng công phẫn của hàng triệu người trên thế giới đã xuống đường chống đối cuộc chiến đó? Mà trước đây, các quốc gia và những người biểu tình đó đã hăng hái ủng hộ và tích cực tham gia vào trận chiến Vùng Vịnh lần thứ nhất vào năm 1991 đánh tan quân đội của nhà độc tài Saddam Hussein xâm lăng Kuwait, và cuộc hành quân tiêu diệt hang ổ của mạng lưới khủng bố quốc tế tại A Phú Hãn sau biến cố 11/9.

Nay họ phản đối vì chủ thuyết đánh phủ đầu đơn phương đem ra thực hành

đã vi phạm trầm trọng những nguyên tắc căn bản của luật pháp quốc tế và xâm phạm thẩm quyền của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc trong việc duy trì và văn hồi hòa bình an ninh trên thế giới được quy định ở điều 51 Hiến Chương cấm đánh phủ đầu ngoại trừ trường hợp tự vệ chính đáng để chống lại cuộc tấn công vũ trang. Và quan niệm tự vệ chính đáng phòng ngừa (légitime défense préventive) không được công nhận trong luật pháp quốc tế.

Trái lại, phía ủng hộ chủ thuyết Bush cho rằng những mối đe dọa thường trực về nạn khủng bố của thời nay chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt, cho phép đánh phủ đầu không những cần thiết mà còn hợp lý, công bằng và đúng nhất.

Quyền này không phải là một “quy luật” nhưng có thể chánh đáng, coi như biệt lệ của Hiến Chương LHQ cấm sử dụng vũ lực nếu không được phép của Hội Đồng Bảo An. Biệt lệ này sẽ ngăn chặn bọn khủng bố ra tay trước để chúng không thể tái diễn thảm họa như đã xảy ra ngày 11/9.

Để tìm lời giải đáp thích đáng, thiết nghĩ cần trình bày 3 vụ lớn tiêu biểu cho chủ thuyết đánh phủ đầu, xảy ra trên thế giới trước và sau ngày thành lập LHQ, để xem các vụ đó đã được giải quyết dựa trên cơ sở pháp lý nào giữa các quốc gia và tại Hội Đồng Bảo An LHQ? Sau đó, chúng tôi sẽ đề cập chủ thuyết Bush và luật pháp.

BA VỤ LỚN

1- Vụ đánh chìm tàu Caroline (1837)

Vào đầu thế kỷ 19, một cuộc nổi dậy đã xảy ra tại Gia Nã Đại nhằm lật đổ chính quyền Anh. Trong khi đó, hai nước Anh và Mỹ đều có mối giao hảo hữu nghị. Tuy nhiên, có một chiếc tàu Caroline thuộc quyền sở hữu của công dân Hoa Kỳ, đã tiếp tế vật liệu cho quân phiến loạn Gia Nã Đại. Vào đêm tối trời ngày 19.12.1837, quân đội Anh vượt qua con sông Niagara tấn công tàu Caroline đang đậu neo trên bờ sông nằm sâu trong lãnh thổ Hoa Kỳ. Lực lượng vũ trang Anh lên tàu giết hết công dân Mỹ, đốt tàu rồi đẩy chiếc Caroline qua thác Niagara cho chìm luôn.

Chính quyền Anh viện dẫn họ đã sử dụng sức mạnh quân sự để tự vệ. Tổng Trưởng Ngoại Giao Mỹ Daniel Webster cực lực phản đối vì sự tự vệ đó không hội đủ hai tiêu chuẩn sau: “sự cần thiết để tự vệ và sự tương xứng với mối đe dọa.”

Thứ nhất, quốc gia muốn sử dụng sức mạnh quân sự để tự vệ cần phải chứng minh “sự cần thiết của sự tự vệ đó phải tức thời, không thể không chống lại, không còn sự lựa chọn nào khác, và không có thời gian để thảo luận.”

Thứ hai, quốc gia sử dụng sức mạnh quân sự để tự vệ “cần phải tương xứng với mối đe dọa tức không thể vượt quá giới hạn của sự cần thiết.”

Như vậy, quyền tự vệ chỉ có hiệu lực khi sự đe dọa cấp thiết đang tiếp diễn. Nếu quốc gia nào không trả đũa ngay lập tức mối đe dọa đó hay cuộc

tấn công vũ trang ngay vào lúc đó, sẽ mất quyền tự vệ. Chiếc tàu Caroline đã đậu neo trên sông Niagara thuộc lãnh thổ Hoa Kỳ, mối đe dọa thiết bách tiếp tế chất nổ và vũ khí cho quân phiến loạn Gia Nã Đại không còn nữa; việc tấn công và đánh chìm tàu Caroline đã vượt quá giới hạn của sự cần thiết để tự vệ.

Vì không hội đủ hai điều kiện trên, và sau nhiều cuộc tranh luận gay gắt giữa Tổng Trưởng Ngoại Giao Mỹ Daniel Webster và Lord Ashburton, Đại diện Anh Quốc tại Hoa Kỳ, cuối cùng chính phủ Anh phải xin lỗi và bồi thường về vụ đánh chìm tàu Caroline (2).

Tóm lại, chủ thuyết Caroline không minh thị cấm đoán việc sử dụng quyền tự vệ dự kiến (anticipatory self-defense) nhưng đòi hỏi phải có sự đe dọa hiển hiện mới có thể dùng sức mạnh quân sự ra tay trước để tự vệ (preemptive selfdefense). Luật lý này tuy không thành văn coi như tục lệ của luật pháp quốc tế được các quốc gia hội viên LHQ chấp nhận thường đưa ra tranh luận trong các vụ khủng hoảng nghiêm trọng nhất trên thế giới tỷ như vụ khủng hoảng hỏa tiễn tại Cuba, Do Thái phá hủy lò nguyên tử Osirak tại Iraq.

2- Vụ khủng hoảng hỏa tiễn tại Cuba (1962)

Vào ngày 16.10.1962, Tổng Thống John F. Kennedy lần đầu tiên nhìn những không ảnh của Cục Trung Ương Tình Báo CIA chụp được các giàn phóng hỏa tiễn và những máy bay chiến lược IL-28 của Liên Xô đặt ở

nhiều địa điểm tại Cuba. Có một số hỏa tiễn đang được lắp ráp. Liên Xô đã đưa vào Cuba 80 hỏa tiễn tầm trung (1.100 miles) và 24 hỏa tiễn tầm ngắn (dưới 650 miles) với mục đích để bảo vệ Cuba, và còn đưa thêm hỏa tiễn tầm xa vào nước này để hủy diệt các thành phố lớn tại Bắc Mỹ. Tất cả có 16 giàn phóng hỏa tiễn được xây cất tại nhiều vị trí. Một kho chứa đầu đạn hạt nhân được cất trong kho gần địa điểm đặt giàn phóng.

Hội Đồng An Ninh Quốc Gia (Excomm) họp khẩn cấp suốt 6 ngày đưa ra khuyến cáo Tổng Thống Kennedy phải có hành động chống lại mối đe dọa đó.

Vào ngày 28.10.1962, một mặt, Tổng Thống Kennedy loan báo chính thức áp đặt sự kiểm soát mọi tàu bè đưa vũ khí tấn công vào vùng biển ở các địa điểm đặt giàn phóng hỏa tiễn. Đây là một hình thức phong tỏa rất hạn chế để cô lập vùng duyên hải tiếp giáp với các vị trí trên vì nếu phong tỏa tất cả nước Cuba sẽ là một hành động chiến tranh. Và mặt khác, Tổng Thống Kennedy yêu cầu Hội Đồng Bảo An LHQ họp khẩn cấp để cứu xét vụ khủng hoảng hỏa tiễn tại Cuba. Trong khi đó, em của Tổng Thống, Robert Kennedy, thay mặt Tổng Thống, đưa ra tối hậu thư buộc Liên Xô phải rút tất cả hỏa tiễn ra khỏi Cuba trong vòng 48 tiếng đồng hồ, nếu không Hoa Kỳ sẽ loại bỏ tất cả các hỏa tiễn đó. Đồng thời, Tổng Thống Kennedy ra lệnh 56 tàu chiến bao vây Cuba, 12 tàu ngầm Polaris mang đầu đạn hạt nhân tiến gần vào vùng duyên hải Liên Xô, Bộ Chỉ Huy Máy Bay Chiến Lược được

báo động, và nhân viên quốc phòng sửa soạn hơn 200 hỏa tiễn liên lục địa đặt tại nội địa Hoa Kỳ, sẵn sàng khai hỏa.

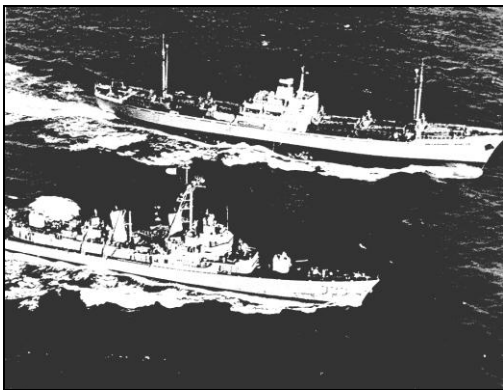
Thế giới nín thở đang đứng bên bờ vực thẳm của cuộc chiến hạt nhân có thể xảy ra từng ngày, từng giờ. Ông Tổng Thư Ký LHQ U Thant, qua đường giấy bí mật, liên lạc với Khrouchtchev và TT Kennedy, đề nghị Liên Xô rút hết hỏa tiễn ở Cuba về nước, và Hoa Kỳ cam kết không xâm chiếm Cuba. Đây là sự lựa chọn cuối cùng do LHQ làm trọng tài vô tư đưa ra giải pháp không bên nào mất thể diện cả. Ngoài ra, em của Tổng Thống, Robert Kennedy, đã bí mật gặp đại sứ Dobrynin bảo đảm, theo lời yêu cầu của Liên Xô, Mỹ sẽ rút hết hỏa tiễn đặt tại Thổ Nhĩ Kỳ hướng về Liên Xô, trong vòng vài tháng, nếu Liên Xô cũng rút hết hỏa tiễn đặt tại Cuba. Cam kết bí mật này chỉ được tiết lộ sau khi Liên Xô hoàn tất chở hết hỏa tiễn về nước.

Vào tháng 10 năm 1962, một tàu chiến Mỹ theo sát với thái độ thách thức, một tàu chở hàng Liên Xô trên đường đến Cuba. Đoàn tàu Liên Xô phải quay mũi trở lại. Nếu không, Hải Quân Hoa Kỳ sẽ khai hỏa - và mọi mục đích và nỗ lực làm trọng tài của LHQ đều trở nên vô ích - Đệ Tam Thế Chiến có lẽ đã bắt đầu bùng nổ.

Ngày 29.10.1962, Khrouchtchev loan báo sẽ rút hết hỏa tiễn khỏi Cuba khi Hoa Kỳ cam kết không xâm chiếm Cuba. Hoa Kỳ chấp thuận và cuộc khủng hoảng hỏa tiễn tại Cuba chấm dứt. Thế giới thở phào đã thoát khỏi cuộc chiến hủy diệt. Xem như vậy, vai trò của LHQ quan trọng biết là dường

nào để giải quyết vụ khủng hoảng nghiêm trọng nhất trên thế giới chưa bao giờ Hoa Kỳ phải đối đầu.

Theo sử gia Mỹ Micheal R. Beschloss, Hoa Kỳ có rất nhiều hỏa tiễn liên lục địa mang đầu đạn hạt nhân hơn Liên Xô với tỷ số 10 trên 1. Nếu chiến tranh xảy ra, chắc chắn Hoa Kỳ sẽ thắng trận nhưng chiến thắng đó sẽ trở nên Pyrrhic vì cả hai bên đều bị tàn phá khủng khiếp trong trận chiến hủy diệt.



(A Soviet SS-4 missile on parade in Moscow. The SS-4 was the nuclear missile deployed in Cuba.)

Về mặt pháp lý, một số đại diện các nước trong Hội Đồng Bảo An LHQ không có sự đồng thuận về chủ thuyết đánh phủ đầu cũng như chống đối chủ thuyết đó. Riêng đại diện Ghana cho rằng quan niệm tự vệ dự kiến có thể chấp thuận được nếu hội đủ điều kiện của sự cần thiết để tự vệ được nhìn nhận rộng rãi trong chủ thuyết Caroline. Vụ khủng hoảng hỏa tiễn tại Cuba chưa hội đủ điều kiện đó.

Giáo sư Anthony Clark, Giám đốc Viện Nghiên Cứu Luật Pháp Quốc Tế

tại Đại Học Georgetown, nhận xét “Thật khó khăn để kết luận cho rằng quyền đánh phủ đầu để tự vệ bị cấm đoán trong vụ khủng hoảng hỏa tiễn tại Cuba” (3).

3- Vụ tấn công lò sản xuất năng lượng hạt nhân Osirak (1981)

Vào năm 1981, cuộc tấn công của Do Thái phá hủy lò sản xuất năng lượng hạt nhân Osirak do người Pháp xây dựng gần thủ đô Baghdad nhằm ngăn chặn Iraq có thể, trong vài năm tới, chế tạo vũ khí hạt nhân chống Do Thái.

Vụ nói trên được đưa ra Hội Đồng Bảo An LHQ. Do Thái viện dẫn sử dụng quyền tự vệ quy định ở điều 51 Hiến Chương LHQ, để chứng minh hành động quân sự dự kiến của mình.

Tất cả các nước trong Hội Đồng Bảo An, trong đó có Hoa Kỳ, đều bác bỏ luận cứ của Do Thái và lên án việc sử dụng sức mạnh quân sự của Do Thái không có chỗ đứng trong luật pháp quốc tế cũng như trong Hiến Chương LHQ. Hành động quân sự đó đã vi phạm chủ quyền của quốc gia Iraq. Ngoài ra, theo tục lệ của luật pháp quốc tế, quyền tự vệ dự kiến trong vụ nói trên cũng không hội đủ tiêu chuẩn đòi hỏi của chủ thuyết Caroline được các quốc gia đem ra áp dụng trong thực tế tức phải có cuộc tấn công của Iraq vào nước Do Thái hay có mối đe dọa thiết bách đối với Do Thái (4).

CHỦ THUYẾT BUSH VÀ LUẬT PHÁP

1- Giải thích rộng rãi và nhiều cách

Chính quyền Bush đã đưa khái niệm quyền ra tay trước, phòng ngừa và hành động dự kiến lên hàng đầu có tầm quan trọng như nhau về chiến lược an ninh quốc gia. Tuy nhiên, mỗi khái niệm đều dùng chữ có ý nghĩa khác nhau. Các cuộc tranh luận công khai thường dùng những chữ “đánh phủ đầu” và “phòng ngừa” thay thế cho nhau. Cho nên, các nhà nghiên cứu, học giả và luật gia lỗi lạc tỷ như F. Heisbourghay Anthony Clark Arend, cảnh giác ta phải để ý tới chiến lược an ninh quốc gia đang tiến hành có thể sẽ thay đổi hoặc điều chỉnh lại sao cho phù hợp với quyền lợi của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Chiến lược trên được chính quyền Bush giải thích hết sức rộng rãi và nhiều cách để dễ dàng đối phó kịp thời với kẻ thù và còn nhằm thuyết phục thân hữu cùng đồng minh chia sẻ chiến lược an ninh mới của Mỹ. Do đó, nếu ta dùng sai chữ, sẽ gây rối rắm, mơ hồ và khó hiểu đưa tới cuộc tranh luận dễ gây ra sự ngộ nhận đáng tiếc, tỷ như “Anh nói quyền ra tay trước, Tôi nói phòng ngừa - Người khác khẳng định không có thuyết đánh phủ đầu mà chỉ có phòng ngừa mà thôi” (You Say Preemption, I Say Prevention-Prevention, Not Preemption).

Vì các lý do trên, các nhà nghiên cứu và luật gia tên tuổi khuyến cáo ta cần xem xét cẩn trọng để tìm hiểu ý nghĩa chiến lược mới đó được một trong số các Trung Tâm Nghiên Cứu Chiến Lược nổi tiếng tỷ như The Washington Quarterly làm sáng tỏ như sau:

a/ Dấy lên trận chiến đánh phủ đầu hay tự vệ dự kiến đều đòi hỏi điều kiện tiên quyết phải chứng minh có mối đe dọa cấp thiết (imminent threat). Theo tinh thần của Điều 51 Hiến Chương Liên Hiệp Quốc, đơn phương sử dụng sức mạnh quân sự đánh phủ đầu, không có mối đe dọa thiết bách, hiển nhiên là phi pháp.

b/ Chiến tranh phòng ngừa hàm ý có mối đe dọa trực tiếp hay gián tiếp chưa đến mức độ thiết bách, có thể tránh cuộc chiến đó bằng cách giữ và ngăn chặn không cho cuộc khủng hoảng đang tiếp diễn hay mối đe dọa đó xảy ra qua các cuộc thương thuyết hòa bình, đường lối ngoại giao, áp lực kinh tế, chính trị, quân sự. Nếu tạo ra cái có casus belli để khởi xướng cuộc chiến phòng ngừa tỷ như Do Thái tấn công phá hủy lò sản xuất năng lượng nguyên tử Osirak tại Iraq hay hạ bệ nhà lãnh đạo độc tài hoặc đi xa hơn nữa thay đổi chế độ, rõ ràng đã xâm phạm “sự toàn vẹn lãnh thổ” và “độc lập chính trị” của các quốc gia hội viên Liên Hiệp Quốc được qui định ở điều 2, khoản 4 Hiến Chương Liên Hiệp Quốc.

Tóm lại, sử dụng sức mạnh quân sự đánh phủ đầu, tự vệ dự kiến và chiến tranh phòng ngừa không có phép của Hội Đồng Bảo An LHQ bị coi như phi pháp, ngoại trừ trường hợp tự vệ chính đáng để chống trả cuộc tấn công vũ trang (armed attack).

2- Trắc nghiệm “Quyền ra tay trước”

Do hậu quả trực tiếp của thảm họa khủng bố ngày 11/9, các kiến trúc sư của Chủ Thuyết Bush đặt ưu tiên hai hiểm họa sau lên hàng đầu cần phải

ngăn chặn và triệt tiêu để tránh hậu họa: phổ biến những Vũ Khí Giết Người Hàng Loạt và Chủ Nghĩa Khủng Bạo Toàn Cầu. Chính Quyền Bush cũng thừa hiểu rằng đem thực hành thuyết “Quyền ra tay trước” chắc chắn sẽ vấp phải trở ngại lớn nhất là điều 51 Hiến Chương LHQ, luật tối cao trên hành tinh, cấm sử dụng vũ lực ngoại trừ trường hợp tự vệ chính đáng để chống trả cuộc tấn công vũ trang cho đến khi Hội Đồng Bảo An ban ra những biện pháp thích nghi. Áp dụng điều luật này được 55 nước soạn thảo tại San Francisco cách đây 58 năm, theo đường hướng của Anh Mỹ, nay không còn thích hợp với chiến lược an ninh mới của Hoa Kỳ ở thế kỷ này nữa. Sự xuất hiện các loại vũ khí tối tân của thời nay như bom hạt nhân, sinh học và hóa học làm thay đổi hẳn bản chất của hiểm họa khủng bố, cho thấy điều 51 không thực tế và khó khả thi. Do đó, thuyết răn đe áp dụng trong Chiến Tranh Lạnh được thay thế bằng thuyết đánh phủ đầu tỏ ra hữu hiệu hơn đối với hiểm họa trên nằm trong chiến lược an ninh quốc gia 2002 của Hoa Kỳ được giải thích như sau:

Hoa Kỳ không sợ các quốc gia có hàng trăm hỏa tiễn mang đầu đạn hạt nhân tỷ như Nga nhưng lo ngại nhất nếu các loại vũ khí giết người hàng loạt rơi vào tay các nước gây rối hay trục ác quỷ hỗ trợ mạng lưới khủng bố quốc tế, sẽ trở nên mối đe dọa thường trực đối với nền an ninh của quốc gia Hoa Kỳ.

Theo điều 51 trên cũng như chủ thuyết Caroline, phải chờ cuộc tấn công vũ trang xảy ra trước rồi mới có thể chống trả để tự vệ thì quá trễ. Giả thử

như cuộc tấn công không tặc vào Nữ Ước ngày 11/9 nếu Hoa Kỳ biết trước ngày 10/9, chắc chắn sẽ ra tay đánh trước diệt bọn khủng bố không thể chờ đợi sự chấp thuận của Hội Đồng Bảo An cũng như đặt điều kiện cần thiết hay không cần thiết của chủ thuyết Caroline.

Vì vậy, cần phải thay đổi luật cũ sao cho bớt chặt chẽ để dễ dàng thực hành thuyết đánh phủ đầu diệt hiểm họa khủng bố trước khi nó đến gần bờ cõi Hoa Kỳ.

3 - Tạo một tiền lệ

Nhiều trung tâm nghiên cứu chiến lược an ninh quốc gia hầu như đồng thuận cho rằng quyền ra tay trước trong Chủ Thuyết Bush bám sâu vào gốc rễ của các luật chiến tranh dựa trên những nguyên tắc pháp lý của tục lệ và các hiệp ước có từ thế kỷ 17 được các Đại Cường chấp thuận. Luật lệ này cho phép quyền khởi động cuộc chiến để tự vệ (Jus ad bellum) và sức mạnh quân sự áp dụng theo phương cách nào (jus in bello) được chính quyền Bush phục hồi đưa vào chiến lược an ninh quốc gia 2002.

Các kiến trúc sư của Chủ Thuyết Bush có tham vọng đưa ra một “tiền lệ về quyền ra tay trước” rút ra từ cuộc chiến tại Iraq để thực hiện vào các giai đoạn kế tiếp nhắm vào Bắc Hàn và Ba Tư. Tham vọng chỉ là tham vọng. Khởi động cuộc chiến đó mắc phải sai lầm ngay từ đầu vì đã dựa vào một phần rất lớn về tài liệu tình báo không chính xác, thậm chí có tài liệu giả, nên khó có thể tạo ra một biệt lệ hay một tiền lệ nào có giá trị cả. Theo thủ tục điều tra tư pháp,

cơ quan xét xử không coi tài liệu của cảnh sát, an ninh và tình báo là bằng chứng mà chỉ coi các tài liệu đó như những chỉ dẫn để mở cuộc điều tra hợp pháp tìm ra sự thật và chỉ có sự thật mà thôi.

Theo các học giả uyên thâm, sử gia, chuyên gia danh tiếng về chiến lược an ninh quốc gia và luật pháp quốc tế, tỷ như bà Madelaine Albright, cựu Tổng Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ cùng các chuyên gia như David Rivkin, Lee Easey, Gu Guoliang... đều nhận định cuộc chiến tranh tại Iraq là cuộc chiến lựa chọn, chứ không phải cuộc chiến cần thiết (a war of choice, not of necessity). Các chuyên gia đó đưa ra kết luận nhấn mạnh thuyết quyền ra tay trước gây nhiều rủi ro không phù hợp với sự phát triển của luật nhân đạo quốc tế hiện nay nhằm bảo vệ tối đa mạng sống của thường dân vô tội trong mọi cuộc xung đột vũ trang, lớn hay nhỏ, dù được chứng minh hay không, xảy ra trên quả địa cầu.

KẾT LUẬN

Cuộc chiến tại Iraq đặt ra một thử thách lớn đã đưa LHQ vào khúc rẽ quan trọng nhất, kể từ ngày thành lập năm 1945 cho đến nay, buộc phải xét lại toàn bộ cấu trúc của tổ chức quốc tế này sao cho phù hợp với nhiều mối đe dọa xuất hiện vào thế kỷ 21. Ông Tổng Thư Ký LHQ Kofi Annan và nhiều nhà lãnh đạo uy tín trên thế giới, kêu gọi trên diễn đàn LHQ, phải cải tổ LHQ, tỷ như mở rộng Hội Đồng Bảo An và đổi phó như thế nào để đưa ra nghị quyết

về quyền ra tay trước mà Hoa Kỳ thực hành tại Iraq.

Nếu lý thuyết này được thừa nhận, nó có thể đặt ra nhiều tiền lệ phát sinh sự sử dụng sức mạnh, dù có hay không có lý do biện minh. Đây là một trong những vụ khủng hoảng nghiêm trọng nhất mà Hội Đồng Bảo An và LHQ phải đưa ra một quyết định quan trọng không thua gì năm 1945 là năm LHQ được thành lập, nếu không tổ chức quốc tế này sẽ rơi vào sự nghi vấn và bất định (5).

Quả những biến cố xảy ra tại Iraq ảnh hưởng tới tất cả mọi người và gây ra nhiều điều lo lắng về chức năng của tổ chức LHQ, thể hiện qua các câu hỏi sau:

- Chúng ta có cần LHQ không?
- Làm thế nào để tránh các cuộc chiến bất công và làm sao diệt tận gốc nhiều mối đe dọa, trong đó có nạn khủng bố?

1- Ngăn chặn các cuộc chiến bất công

Trong 58 năm hoạt động, tổ chức LHQ đã đối đầu với 291 vụ xung đột vũ trang giữa các quốc gia hội viên. Hầu hết các nước đều nhân danh quyền tự vệ quy định ở điều 51 Hiến Chương LHQ để khởi động cuộc chiến bất công đã giết hơn 22 triệu thường dân vô tội không được bảo vệ.

Trong số 291 vụ đó, chỉ có hai lần Hội Đồng Bảo An cho phép sử dụng sức mạnh để chống trả cuộc tấn công vũ trang để tự vệ, hoàn toàn đúng nghĩa nhất được quy định ở điều 51 Hiến Chương LHQ. Đó là cuộc chiến tranh tại Triều Tiên năm 1950 và cuộc chiến Vùng Vịnh ở Kuwait 1991.

Hoa Kỳ với sức mạnh vô song đã được Hội Đồng Bảo An cho phép, cả hai cuộc chiến tỷ như ở Nam Hàn, chỉ huy Liên Quân gồm 21 nước tham gia đổ bộ vào Incheon, gần thủ đô Nam Hàn Seoul, chặn đường rút lui của quân đội cộng sản Bắc Hàn gần suốt chừng Nam Hàn khiến đạo quân này phải tháo chạy hỗn loạn từ Pusan trở về vĩ tuyến 38 chia đôi Nam Bắc Triều Tiên.

Theo các sử gia, nếu không có sự quyết định sáng suốt và cương quyết của Hội Đồng Bảo An và nếu không có quân đội tinh nhuệ của Hoa Kỳ dưới sự chỉ huy tài ba của Đại Tướng Mac Arthur, Nam Hàn đã rơi vào tay cộng sản Bắc Hàn. Điều này sẽ khuyến khích các tiểu bá và đại bá cộng sản thôn tính các nước khác trong thế giới tự do. Như vậy, khó tránh khỏi Đệ Tam Thế Chiến (6).

Qua sự trình bày ở trên, ta thấy vai trò của LHQ quan trọng và cần thiết biết chừng nào. Tuy không có quân, có súng, nhưng LHQ có tiếng nói không kém phần quan trọng như súng đạn. Đó là tiếng nói của lương tâm nhân loại, của đạo lý chính trị, và của sự chánh đáng.

2- Diệt gốc rễ các mối đe dọa

Cuộc chiến tại Iraq làm nổi bật hai mối đe dọa: khủng bố và vũ khí giết người hàng loạt. Theo nhiều nhà nghiên cứu nổi tiếng như Gu Guoliang, Lawrence Freedman, nhận xét thuyết quyền ra tay trước không có hiệu quả đối với 2 mối đe dọa trên. Về mặt thực hành, thuyết đó không phải là giải pháp hữu hiệu, về nguyên tắc, đã phá vỡ tất cả luật lệ hiện hành. Vụ phá hủy lò sản

xuất năng hạt nhân Osirak tại Iraq đã chứng minh điều đó. Hiện nay thế giới phải đối đầu, không phải chỉ có hai hiểm họa nói trên, mà còn có nhiều hiểm họa khác như phá hoại môi sinh gây nguy hại cho bầu khí quyển, nghèo khó, chết đói, buồn lậu ma túy trên đường dây quốc tế, bệnh liệt kháng (AIDS) đang lan tràn. Muốn giải quyết tận gốc các hiểm họa đó, không một siêu cường nào tự mình giải quyết được mà cần phải có sự hợp tác của 191 quốc gia trong tổ chức LHQ mới mang lại kết quả mong muốn.

Những cuộc thăm dò dư luận tiếp tục cho thấy 78% dân chúng Mỹ cho rằng Hoa Kỳ vẫn cần LHQ và đa số đáng kể nghĩ rằng Hoa Kỳ cần phải xin phép Hội Đồng Bảo An trước khi sử dụng vũ lực và nên hợp tác với các quốc gia khác trong tổ chức quốc tế này để nhỏ tận gốc các mối đe dọa trình bày ở trên.

Kết thúc bài viết này, chúng tôi xin ghi lời tuyên bố của Tổng Thư Ký LHQ Kofi Annan, trả lời gián tiếp cuộc phỏng vấn về cuộc chiến tại Iraq, khi ông tới Đại Học William and Mary ở Williamsburg để nhận Bằng danh dự do Tiến Sĩ Henry A. Kissinger, cựu Ngoại Trưởng Hoa Kỳ, đại diện trường trao tặng. Tiếp xúc với các sinh viên, ông tuyên bố như sau: "Liên Hiệp Quốc là chúng ta: các bạn và tôi... Khi sự lãnh đạo của Hoa Kỳ vững mạnh, thể hiện qua đường lối ngoại giao thuyết phục kiên trì và qua sự tạo lập liên minh, Liên Hiệp Quốc thành công cũng như Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ thành công vậy... Tôi xin tất cả những người Mỹ

hiện diện nơi đây hãy ghi nhận cho điều đó.” (“The United Nations is us: you and me... When there is strong U.S. leadership, exercised through patient diplomatic persuasion and coalition-building, the United Nations is successful and the United States is successful... I ask all Americans present to keep this in mind.”)

NGUYỄN VĂN THÀNH 23

Chú Thích:

(1) A Work in Progress = The Bush Doctrine and Its consequences by F. Heisbourg - Center for Strategic and International Studies - The Washington Quarterly-Spring 2003 - Volume 26 number 2 (Trích bản dịch trong bài viết Chính sách đối ngoại mới của Mỹ: Chiến lược Đánh phủ đầu của Nguyễn Cao Kỳ).

(2) The Caroline case by Mikael F. Nabati- Current History - A Journal of Contemporary World Affairs - May 2003 - Volume 102, No 664

(3) The Cuban Missile Crisis by Amos Yoder - The Evolution of the United Nations System - Second Edition - Organizations That Help The World - United Nations by Michael Pollard

(4) The Attack on the Osirak (1981) by Anthony Clark Arend - The Washington Quarterly - Spring 2003

(5) Tham khảo tổng hợp tin tức và nhật báo The Washington Post ngày 09.02.2003 và 24.09.2003 (6) The

Korean War, no more Manchurias - The United Nations: The First Fifty Years by Stanley Meisler

NỬA KHỔ TÌNH

*Đời lữ vương mang nửa khối tình
Trải dài sông núi thuở đao binh
Bao nhiêu ngày tháng thời trai trẻ
Trao trọn quê nghèo đủ nhục vinh.*

*Đau thay! Vận nước
khôn lường được
Bỏ súng buông gươm
chịu nhục hình
Đất Bắc lưu đầy cùng chiến hữu
Đòn thù thân xác nghĩ mà kinh.*

*Gia đình tan nát người đôi ngả
Quốc phá gia vong, tử phạm mình
Bỏ nước ra đi, đời dựng lại
Thân già còn nặng gánh mưu sinh.*

*Đất khách quê người đau dễ sống
Đường về quê mẹ vẫn chông chênh
Tuổi đời cánh hạc chờ theo gió
Còn mãi vương mang nửa khối tình.*

Texas – 2018

Đăng Nguyên

Bút ký ảnh:
PHỞ XƯA

*Đã lâu lắm em mới về Hà Nội
Đi trên viên gạch tuổi thơ ngây
(TMT)*

**** Bài viết: Ý Nguyễn - Ông kính: Phạm Bá ****

Tôi bồi hồi bước trên những con phố xưa giữa lòng Hà Nội 36 phố phường và Sài Gòn hoa lệ để chứng kiến những đổi thay, những phát triển, những sáng tạo bát nháo, những nhớ nhãng, những giàu sang lẫn lộn trong cái vất vả nghèo nàn khốn khó của lớp người dân lao động đang giẫy giụa trong vũng lầy văn minh lai căng từ các quốc gia Âu, Á hội nhập. Xin được chia sẻ cùng quý bạn đọc vài cảm nhận của một người đi xa trở về thành phố.

Mấy ngày đầu ở Hà Nội, chúng tôi tạm nghỉ tại một khách sạn ở cuối đường Đào Duy Từ thuộc khu phố cổ, thường đi bộ loanh quanh trong các con đường gần quen thuộc, hoặc bước ra chợ Đồng Xuân hay Bờ Hồ mất độ năm mươi phút. Sáng sáng chúng tôi cuốc bộ đến tiệm “*Phở Gia Truyền*” nằm trên đường Bát Đàn. Thời tiết vào độ cuối Thu, hơi se da, được ăn một tô phở bò đang bốc khói, kể cũng thú vị thật. Tiệm phở đặc biệt này mở cửa từ 6 giờ sáng tới trưa là hết, y chang tiệm phở Dậu trên đường NKKN (Công Lý) Saigon, khách đến sau đó phải tui nghỉu bước ra. Bị trễ



một lần là nhớ mãi. Phải công nhận phở ở tiệm này ngon thật; bánh phở tươi, mềm, nước dùng trong veo có vị ngọt của xương bò, thơm mùi phở, thịt chín vừa miệng, không có mùi hoa hồi và quế chi như phở trong Nam, ăn đáng đồng tiền; giá 50,000\$/một bát - khoảng \$2.5 USD. Mỗi lần đến đây, đã thấy khách ngồi chật kín cả 5 cái bàn trong nhà và một dãy bàn dài kê ở vỉa hè phía trước tiệm. Thiên hạ xếp hàng nối đuôi nhau trả tiền trước khi nhận tô phở của mình. Cạnh thùng nước dùng lớn tổ chẳng sôi sùng sục, khói xông lên nghi ngút, một rổ bánh phở đầy ắp và hai khay thịt bò tái/chín thái sẵn được nhà hàng sắp xếp vào tô phở và luôn tay trao cho khách hàng đứng đợi đến lượt mình. Thực khách hầu hết là

những nhân viên công sở. Nhiều ông ăn mặc khá tươm tất chỉnh tề, cũng như nhiều bà nhiều cô chững chạc đầm đìa đủ mốt, trên tay đều bưng một bát phở còn bốc khói, ngó quanh ngó quẩn có chỗ trống là ngồi xuống liền, chẳng cần giữ kẽ ngại ngùng e thẹn gì cả. Họ vội vã ăn cho xong tô phở để kịp giờ đi làm. Thường thức mùi vị của tô phở Hà Thành khỏi chê, nhưng xin đừng để ý đến phòng ốc chật chội, bàn ghế nhợt nháp, sàn nhà phủ đầy giấy lau tay, vỏ chanh, tấm xĩa răng... vì quan tâm đến những điểm này chắc chắc tô phở của quý vị sẽ giảm mất hương vị của nó. Ở Việt Nam những tiệm ăn bình dân thường là thiếu vệ sinh như thế cả.



Lúc mới về Việt Nam lần đầu tiên, chúng tôi cũng hơi khó chịu. Vào tiệm vài lần dường như đã quen với môi trường ăn uống này, cũng vì muốn ăn đành phải làm ngơ, thế thôi. Có ai bắt buộc mình đâu. Thực ra nếu cứ bị ám ảnh bởi “phụ gia của Tàu” hoặc cá thịt ướp chất hóa học thì chắc chắn chẳng

dám ăn uống gì ở Việt Nam lúc này. Mình là người Việt Nam, ăn món ăn của người Việt đã đành, vậy chứ người ngoại quốc họ ăn bữa phở chả sợ dơ dáy mất vệ sinh, thế mới phục. Đầu hè, xó chợ chỗ nào có quán ăn Việt Nam, thế nào cũng có mặt họ. Vợ chồng, con cái ngồi tấp bên hè sát cạnh cống rãnh, thùng rác dơ dáy hôi hám mà chẳng ghê sợ gì thế mới lạ, ăn uống tinh bơ, thấy họ mà nể quá đi chứ. Cũng như thế, tại một quán phở gà trên đường Hàng Bạc, một cặp vợ chồng trẻ, người Pháp, cô vợ bế đứa con độ một tuổi; thằng bé kháu khỉnh mũm mĩm như con búp bê, hai má đỏ hồng vì nắng; ngồi xà xuống bên cạnh chúng tôi, anh chồng ăn tô phở xong đứng lên bế con cho vợ ăn, trông như cảnh Việt Nam mình, hay ghê. Có nhiều món đồ ăn tôi không dám đụng tới, vậy mà đối với họ hình như “điếc không sợ súng”. Xin nói thêm, phở gà Hà Nội bắt buộc phải có nhúm lá chanh thái thật nhỏ rắc lên trên. Chính gia vị này đã làm tăng hương vị của tô phở gà quý vị ạ. “Con gà cục tác lá chanh...” là ở chỗ đó. Lại nữa, lúc này ở Việt Nam, từ ngoài Bắc cho tới trong Nam phở lại có thêm món “quẩy” (dầu chí quẩy) ăn kèm, cũng là một biến chế là lạ, thêm hương vị và dĩ nhiên thêm tiền.

Sáng nào không ăn phở chúng tôi đi bộ ra đầu phố lùng tìm các món khác ăn thay đổi. Chẳng hạn như bánh

“Khúc” nóng ở đầu phố Cầu Gỗ rất đặc biệt. Mỗi người ăn một cái thêm một hũ sữa chua là no phính bụng. Có cả bánh gai, bánh giò, bánh giầy đậu, hoặc bánh đúc lạc (đậu phộng) v.v... chúng tôi chẳng cần phải đi đâu ăn trưa, mua vài món này về khách sạn là yên tâm khỏi bụng. Hoặc có vài món khác như xôi vò, chè đậu đen, bánh chay, bánh trôi bán quanh quần đảo đó gần khu khách sạn, thật tiện lợi. Ngoài ra, sáng sáng còn có những người bán bắp, khoai, sắn luộc đi ngang qua cửa khách sạn, ới một tiếng là có ngay. Chưa kể đến các gánh hàng bán bún riêu cua, bún ốc, bánh chưng rán đi bán rong khắp khu phố Cổ. Món nào trông cũng hấp dẫn còn việc mình dám ăn hay không lại là chuyện khác. Ngày xưa lúc còn bé ở Hải Phòng tôi thích món chè đậu xanh “lục tàu xá” và món chè vừng (mè) đen “chí mại phù” của mấy chú Tàu gánh đi bán rong trong ngõ, lần này về đây tôi nhâm nhi mấy lần rồi, rất được. Trong Nam có món tàu hũ nước đường, làm bằng đậu nành, ngoài Bắc gọi là “tàu phù phá” mà tôi thường bị lôi cuốn chẳng thể làm ngơ. Nhiều khi chỉ ăn lật vạt những món này mà đến trưa không còn bụng đâu để chứa thêm nữa; cứ như thế bảo sao không lên ký cơ chứ!

Một sáng nọ bắt gặp một tấm bảng hiệu đề “Bánh cuốn Thịt Nướng Phủ Lý”, tự nhiên sự tò mò của hai đứa tôi



lại dấy lên. Thông thường bánh cuốn người ta ăn với giò lụa, chả quế hoặc đậu rán, bây giờ họ lại vẽ ra ăn với thịt nướng chắc là đặc biệt. Đây không phải là một quán ăn theo đúng tiêu chuẩn của nó. Khi được mời vào phòng ăn nằm thụt vào phía trong ngõ, tôi hiểu ngay đây là căn nhà của chủ quán, gia đình người chủ ở trên lầu, nhà dưới được dùng làm tiệm ăn với đôi ba cái bàn nhựa và ghế nhựa thấp lè tè, hai góc nhà gắn hai cái máy quạt quay liên tục, khá thoải mái. Một cái lò than khá lớn để nướng thịt nằm chênh ềnh ngay bên hông cửa ra vào, với những xâu thịt ba chỉ đặt nướng ở phía trên. Than quả bàng cháy đỏ hồng, thịt nướng reo vui xèo xèo thơm phức. Một thầy một trò. Ông chủ quán lo mời khách và tiếp khách ở đầu ngõ, còn chú bồi bàn lo nướng thịt và mang đồ ăn đến cho khách. Chú nhỏ này trông cũng giống như những cô cậu tôi gặp bán hàng rong trên hè phố, đi đánh giầy, đi bán vé số quanh Hồ Hoàn Kiếm

cũng như làm thuê chạy bàn cho các tiệm ăn. Các em tuổi khoảng chừng mấy đứa cháu nội của tôi, vậy mà các em đã phải lam lũ cực nhọc để đổi lấy miếng ăn. Tuổi trẻ và tương lai của các em đã bị cướp đi ngang nhiên, cũng bởi gia đình nghèo túng bố mẹ không đủ khả năng lo cho ăn học, cho nên có được một việc làm như thế cũng là may mắn lắm rồi... Mời cô chú xơi bánh cuốn cho nóng: Tiếng mời của chú bé cắt ngang khoảnh khắc suy tư chớp nhoáng của tôi. Thoắt cái, chú nhỏ đặt hai phần bánh cuốn trên bàn. Chúng tôi nhâm nhi món ăn biến chế. Ngon thiệt, mùi vị rất lạ miệng. Được biết đây là một đặc sản của tỉnh Phú Lý. Cũng trong khu phố này chúng tôi tìm được một quán “Bún Mắm Đậu” khá hấp dẫn. Sau bao nhiêu năm chinh chiến, bây giờ món ăn này mới xuất hiện trở lại, đã trở nên quen thuộc và rất được cư dân Hà Thành ưa chuộng. Một món ăn bình dân, không mắc lắm, gồm có đậu hũ rán giòn, thịt ba rọi luộc chín mềm và chả cốm thái mỏng. Đặc biệt là phải ăn với mắm tôm Bắc pha loãng, bún rế cùng một vài loại rau thơm, rau sống. Đúng là món ăn quốc hồn quốc túy các bạn ạ! Ngon cách gì đâu, khó mà diễn tả nổi cái hương vị đặc biệt của mùi mắm tôm Bắc vắt chanh và ớt cay thái nhỏ. Thừa vâng, quốc hồn quốc túy ở chỗ các phần ăn được chủ quán bày biện gọn ghẽ thanh lịch trên một cái mẹt tre đan khi đem ra cho khách. Coi

ra có vẻ mới mẻ, khác lạ. Ở Sài Gòn chúng tôi cũng phát hiện ra một quán bán “Bún Mắm Đậu” ở ngay trong con



hẻm đối diện với khách sạn nơi chúng tôi ở và thêm một tiệm khác nữa nằm trên đường Hàm Nghi/Pasteur. Hương vị đều rất ư là Bắc, và lẽ đương nhiên ăn ở trong hẻm chắc chắn là chi tiền nhẹ nhàng hơn là ăn ở trong tiệm.

Có lần đi ngang qua một tiệm bán bánh đúc nóng, tự nhiên tôi cảm thấy thèm món ăn nhà quê này làm sao. Sau khi thưởng thức món bánh đúc nóng hành mỡ, tôi rất thất vọng vì bây giờ người Hà Nội biến cải món ăn này khác hẳn với món bánh đúc nóng thuần túy ngày xưa. Khi bà hàng đưa bát bánh đúc cho tôi,



thấy như bát bột loãng đút cho em bé; thiếu hẳn mùi vôi nên đâu có thể gọi là bánh đúc được. Có thể qua bao thế hệ, chúng tôi đã lỗi thời đối với món ăn này nên không vừa ý, trong khi đó chung quanh chúng tôi, mấy em sinh viên ngồi vây kín ăn uống rất thoải mái. Bắt chuyện với các em mới biết các cô các cậu đều từ vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh ra Hà Nội trọ học, là sinh viên Đại Học năm thứ hai thứ ba ngành kinh tế, môi trường và du lịch vì đó là những ngành dễ kiếm việc nhất hiện nay tại Việt Nam. Tuy nhiên khi tốt nghiệp đại học kiếm được việc hay không còn tùy vào sự quen biết, nếu không bằng cấp cũng chẳng giúp được gì cho các em. Xã hội Việt Nam bây giờ người ta quan niệm rằng: “Trọng người có học. Nể người có tiền và sợ người có quyền.” Nhưng thực tế vẫn là: “Nhất liên hệ, nhì tiền tệ, ba mới đến trí tuệ” quả là đúng?

Đọc quảng cáo về món “Chả Rươi” trên phố hàng Buồm thấy hấp dẫn quá. Trưa hôm đó bắt chọt đi ngang qua đây, chúng tôi sà vào ngay, định ăn thử cho biết, nhưng khi nhìn thấy những con rươi còn sống, đỏ hồng, loi ngoi bơi trong chậu nước như những con giun con đĩa đôi lúc nhúc, tôi rùng mình khiếp sợ không dám nhìn chứ đừng nói đến ăn. Ông xã bạo phôi hơn nên anh order một phần chả rươi chiên trứng với rau thì là. Ăn xong anh nói chẳng có gì đặc biệt, giống như món trứng

tráng thịt vậy thôi. Thế mà cứ ao ước mãi!



Nói đến các hàng quà bán dạo trong khu phố cổ, phải kể đến những chiếc xe đạp chở đầy dừa (trái thơm) của mấy cô gái què đi bán lòng vòng trên đường phố. Một cái khung gỗ đặt trước mũi xe trên để nhiều quả đã gọt sẵn đựng trong những túi nylon. Ngoài ra còn thấy một số dừa chưa gọt treo lủng lẳng ở hai bên ghi đông xe đạp trông sao mà nặng nhọc quá. Bán hết chỗ dừa này cũng chặt vật lắm chứ bộ. Chao ơi! sao mà khó khăn và nhọc nhằn so với những thân hình ốm yếu gầy gò của các cô. Mỗi lần chúng tôi ghé mua, cô hàng chọn vài quả mắt to, chín vàng; cô đưa con dao bén nhẩy lướt quanh quả dừa nhanh thoăn thoắt trông thật gọn ghẽ đâu vào đó, rất sạch sẽ vệ sinh các bạn ạ vì cô ta mang bao tay nylon đàng hoàng chứ không để tay không. Ông xã tôi thường mua vài quả gọt sẵn để vào tủ lạnh trong khách sạn, trưa ngủ dậy làm vài miếng, quả là

tuyệt vời. Những quả dừa chín mùi này được biết là từ Thanh Hóa, Ninh Bình hay Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh). Tuy nhiên người sành sỏi sẽ lựa loại dừa Quảng Ninh vì có vị thơm đặc biệt. Cắt quả dừa ra là ngửi thấy mùi thơm phức, ăn vào miệng chất ngọt như mật ong toát ra từ lõi dừa, ngon khỏi chê. Nói chung loại dừa này là một đặc sản của miền Bắc, quả dừa lớn hơn nắm tay, vàng óng, có vị ngọt sắc, giá một quả từ hai tới ba nghìn, rẻ mạt, cỡ 10 tới 15 xu. Ở trong Nam cũng có nhiều loại dừa ngon, trái rất to, nhưng ngược lại không mấy “juicy” như dừa ngoài Bắc.

Vòng theo con đường chạy quanh Hồ Hoàn Kiếm, du khách có thể tìm thấy nhiều hàng bán rong khác như bánh rán mật (bánh cam), mía xâu, ổi ngâm nước cam thảo, xoài xanh ngâm, sấu dầm v.v... Quả thực tôi cũng muốn thử món sấu dầm cam thảo để nhớ lại hương vị của thời cấp sách xa xưa, nhưng lại sợ bụi bặm nên đành làm ngơ luôn. Đây đó vài ba cô bán kẹo mạch nha ngồi kéo kẹo luôn tay trông thật lạ mắt. Mạch nha được đựng trong một cái chậu sành khá lớn, màu kẹo giống như màu mật ong, dẻo quẹo, rất dính. Sau vài phút kéo đi kéo lại bằng cặp đũa tre cho lớp mạch nha đổi thành màu trắng đục, quẹo vào nhau, cô hàng cuộn kẹo vào trong hai thanh tre nhỏ rồi kẹp hai miếng bánh đa mỏng phía ngoài để khách cầm ăn



không bị dính tay. Giá 10 ngàn một phần. Tôi nhớ ngày xưa kẹo mạch nha không ăn với bánh đa như bây giờ. Kẹo mạch nha ở đây không ngọt lắm lại có vị thanh thanh, thơm mùi lúa non, ăn kèm với bánh đa rất lạ miệng. Do đó, mỗi lần đi hóng mát bờ Hồ thế nào tôi cũng phải mua ủng hộ mấy cô bán kẹo một phần. Trông thì đơn giản như vậy đó, nhưng tìm hiểu về xuất xứ của món kẹo này, quả là một quá trình sửa soạn rất công phu. Được biết kẹo mạch nha là đặc sản của tỉnh Quảng Ngãi làm từ hạt lúa non và gạo nếp thơm đặc biệt. Từ kẹo mạch nha các nhà sản xuất đã chế biến ra rất nhiều loại kẹo khác nhau như kẹo mè xừng, kẹo lạc, kẹo gừng v.v... Có những lần chúng tôi đang đợi cô hàng kẹo kéo đưa kẹo cho mình thì xe công an ập tới, thế là cô hàng thu vén khay kẹo chạy vắt giò lên

cổ trước sự ngỡ ngàng của chúng tôi. Buôn bán hàng rong trên hè phố vất vả như thế đấy, tội ghê! Không hiểu mấy người bán hàng rong này một ngày kiếm được bao nhiêu tiền, nhưng họ thực vất vả vì nắng gió có khi không trốn chạy khỏi mấy ông công an ráp bố tóm lên xe là mất hết cả vốn liếng.

Nói về các món ăn bên đường, không phải món nào tôi cũng đều chiều cổ, vì có món tôi dám ăn có món không, tùy theo món ăn và tùy theo cách họ chế biến. Chẳng hạn như món chả rươi khi chiên lên thơm phưng phức vậy mà bố bảo tôi dám đụng tới.



Trái lại món bánh đa kê chúng tôi không thể làm ngơ mỗi khi có tiếng rao trước cửa khách sạn, thế nào cũng phải gọi để mua ăn cho đỡ thèm. Món ăn dân giã này chỉ bắt gặp trên hè phố mà thôi. Ở bên Mỹ cũng có hột kê và tôi đã từng làm thử nhưng ăn không giống bánh đa kê chính hiệu của miền Bắc, vì thiếu cái vị nùng nùng rất đặc biệt của mùi vôi ở trong kê.

Khi nào đi tour thì thôi, nhưng trở về Hà Nội, buổi chiều chúng tôi thường tìm đến Quán Cơm Phở Cổ nằm ngay cuối phố Đào Duy Từ. Tiệm ăn này là quán ăn bình dân nhưng phòng ốc khang trang, sạch sẽ, nhân viên tiếp khách đơn giản. Món ăn thay đổi mỗi ngày. Có đến gần hai chục món ăn nấu sẵn khác nhau bày trong quầy kính, không hẳn toàn là món ăn Bắc, có nhiều món của miền Nam chẳng hạn như canh hũ hoa nhồi thịt, trứng kho thịt nước dừa, ốc lạng sào dừa v.v... Thực khách thích món nào, chỉ món đó, duy có món thịt quay thực độc đáo phát mê, nên lần nào ghé vào chúng tôi cũng đều order một đĩa nhỏ với dưa cải chua, chấm với nước mắm nguyên chất có vị cay cay của ớt xanh. Rất hài lòng quý vị ạ, vì da heo mỏng, giòn khêu thơm gì đâu. Món canh rau đay nấu với cua đồng, gạch cua nổi lên trên mặt, đôi khi có cả rau rút, ăn với cà pháo chấm mắm tôm Bắc loăng, vắt chanh ngon làm sao, đúng hương vị Bắc Kỳ. Tuy nhiên cua đồng chắc gì bảo đảm, thôi thì cứ nhắm mắt mà thưởng thức cho đỡ nhớ vậy thôi. Thiết nghĩ, lâu lâu mới được ăn một lần, không bị sôi bụng là mừng, có lẽ vì trùng Mỹ đã “triệt hạ” được vi trùng nằm vùng, các bạn ạ. Thực khách vào đây có nhiều người Âu Châu, họ có vẻ chịu món ăn thuần túy Việt Nam thì phải, vả lại giá cả tương đối nhẹ nhàng. Phần đông là họ order theo menu cơm phần chứ

không dùng những món ăn nấu sẵn như chúng tôi. Và đương nhiên họ không chiếu cố món cà pháo mắm tôm. Chúng tôi tạm thấy yên tâm khi tìm được quán ăn này, vừa hợp khẩu vị vừa hợp túi tiền.



Cuối cùng, chúng tôi không thể quên không nói đến tiệm “*Bún Chả Hương Liên*”, nằm trên đường Lê Văn Hưu, khá xa với khu phố Cổ. Chính vì sau ngày Tổng Thống Barrack Obama ghé ăn tại đây, tự nhiên tiệm bún chả này được mang danh hiệu mới là “*Bún Chả Obama*” và bỗng nhiên nổi tiếng như sóng cồn. Cũng vì tò mò nên chúng tôi đã tìm đến tận nơi cho rõ lẽ. Mới đứng ở phía ngoài cửa tiệm nhìn vào mà đã thấy khách hàng ngồi chật kín phía trong. Chúng tôi phải xếp hàng đợi sau nhiều người để được mời vào bên trong. Nhưng rồi, sau khi ăn

hết phần order Nem Rán Cua Bể và Bún Chả, chúng tôi thấy chẳng có điểm gì gọi là đặc sắc như tin đồn. Rất bình thường... Chẳng qua người Việt mình hay thổi phồng câu chuyện và có tính hiếu kỳ, cứ nghe đồn là đổ xô nhau tới, làm giàu cho chủ tiệm vậy thôi. Bún chả Hà Nội phải ăn với rau muống chẻ, bắp chuối bào và các loại rau thơm mới phải vị, đằng này chúng tôi lại quá “thô đế” không dám ăn rau sống thì làm sao tìm được hương vị đặc biệt của món ăn tại chốn “ngàn năm văn vật” quý bạn nhỉ?

Sở dĩ chúng tôi thích la cà, ghé vào các tiệm ăn bình dân trong khu phố cổ cốt để nhâm nhi những món ăn thuần túy Bắc Kỳ, tìm lại kỷ niệm ngày nào cùng là thăm dân cho biết sự tình. Có tiếp xúc với mọi tầng lớp khác nhau mới hiểu thấu nếp sinh hoạt của họ ra sao. Thực ra chúng tôi sinh trưởng ở miền Bắc nên bây giờ nghe cách phát âm mới của người Hà Nội tuy có thay đổi, lạ tai nhưng vẫn hiểu nhau không đến nỗi như Hoa Kiều, người phía Bắc và phía Nam khó thể nói chuyện với nhau dù rằng họ cùng đọc một thứ chữ. Thế nhưng ở Hà Nội bây giờ có nhiều từ ta phải để ý lắng nghe kẻo dễ bị hiểu lầm. Hiện nay ngôn ngữ phố chợ đã được sử dụng tối đa, nhiều khi nghe thực buồn cười. Chả là khi bước chân vào một tiệm ăn nọ, cô tiếp viên xinh xắn tươi cười ra tận cửa mời chào: “Thưa... *minh* mấy người ạ?” Nhìn

trước nhìn sau không thấy ai ngoài chúng tôi, ông xã hiểu liền, nên tùm tùm nói với cô: “Vâng... chỉ hai đứa mình thôi”... Tôi đứng sát bên tức cười muốn chết, nhưng phải bậm môi để không phát ra tiếng.



Ngày xưa Hà Nội 36 phố phường, hàng Mật, hàng Đường, hàng Muối trắng tinh... Bây giờ thì bát nháo hết cả, cho nên du khách khó có thể tìm lại được những món hàng theo tên đường như cũ. Chẳng hạn lúc xưa đường Hàng Mắm bán mắm, Hàng Khay bán khay, Hàng Mành bán mành mành, Hàng Hòm bán hòm (rương), bán tiểu sành đựng cốt v.v... Có điều khách sạn và hãng du lịch lại rất nhiều, bất cứ phố nào chúng tôi đi qua đều thấy sự có mặt của hai dịch vụ thương mại này. Kế đến là tiệm Foot Massage/Spa vô số kể, thường là nằm ngay trong khách sạn. Khu phố cổ giờ đây đương nhiên trở thành khu phố du lịch. Du khách đi bộ mãi cũng cần cho đôi chân được chăm sóc cho nên tiệm Foot Massage coi như kiếm ăn được. Chúng tôi cũng

vậy, đi bộ nhiều quá nên cảm thấy đôi chân của mình cần được relax nên đã ghé vào làm massage thư giãn vài lần thoải mái, rẻ thôi, cỡ 100,000 (5 đô). Sau cùng là quán ăn, tiệm Café, nhà hàng thì phố nào cũng có dăm ba tiệm, không kể đến những quán cóc bên hè, trong ngõ hẻm. Nhiều chiếc xe ba bánh cũng được trang bị như một gánh hàng buôn bán đủ mọi thứ rau quả đi lưu động trong khu phố Cổ. Tại một vài góc phố tôi phát hiện những sạp bán thịt heo, bán sò ốc tôm cá dành cho khách hàng ngại đi ra chợ. Những thực phẩm tươi này làm sao bảo đảm có chất lượng và được kiểm nhận cho nên việc buôn bán như thế vẫn chỉ là lén lút bất hợp pháp. Và nếu có chuyện gì nguy hại đến sức khỏe thì khách tiêu thụ hứng trọn gói.

Cơm chiều xong, chúng tôi thường tà tà ra bờ hồ hóng mát. Nếu vào chiều cuối tuần thứ Sáu, thứ Bảy hoặc Chủ Nhật khu xung quanh bờ hồ và khu phố cổ sẽ có nhiều chương trình giải trí. Khu vực này cùng mấy con phố nhỏ dẫn vào khu phố cổ đều bị chặn hết để dành đường cho người đi bộ. Từ khu Tràng Tiền chạy tuốt xuống nhà Thủy Tạ, hai đầu đường cũng bị chặn không cho xe cộ qua lại. Có một điều rất ngạc nhiên là cả một thành phố được mệnh danh là Thủ Đô mà chẳng thấy có môn giải trí, hay trò chơi nào coi ra có vẻ văn minh tiến bộ. Quanh quẩn chỉ là những trò chơi dân dã như các em

thanh thiếu niên tụ năm tụ bảy xúm nhau *nhảy giây, nhảy lò cò, đánh ô, kéo chấu* (giây thờng) hoặc từng nhóm trai gái chơi chơi quay vòng tròn hát nhạc trẻ với những cây guitar đơn độc, giàn âm thanh đơn giản.



Hà Nội cũng muốn tỏ ra văn minh và quan tâm đến người dân nên mới đặt ra khu đi bộ như thế này, chúng tôi nhận thấy quê mùa, lạc hậu làm sao mặc dầu Thăng Long Thành đã trải qua hơn bốn mươi năm “đổi mới”... Có thể nơi đây dành cho những gia đình trẻ trung, sau một tuần lễ làm việc cực nhọc vợ chồng con cái đưa nhau ra đây giải trí lành mạnh không tốn phí nhiều, do đó hàng ăn bán rong tuy bị cấm nhưng vẫn xuất hiện khắp mọi nơi. Vào ba ngày cuối tuần khu phố cổ và khu ven bờ hồ thiên hạ du chơi như ngày hội. Lúc này đang sắp sửa vào mùa Lễ Thanksgiving nên đường phố càng đông đúc hơn. Trai gái ăn mặc theo thời trang đúng mốt. Hầu hết là thanh

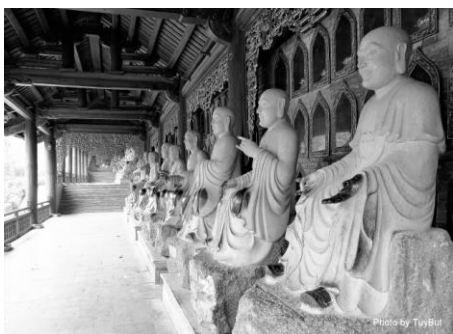
thiếu niên mới lớn rất đông, cao niên như chúng tôi thấy rất ít.

Rời khu Bờ Hồ, chúng tôi đi sâu vào các khu chợ Đồng Xuân, Hàng Đào, Hàng ngang, Hàng Bạc v.v... những nơi này đều có những chương trình văn nghệ dân gian như hát Cung Vãn, hát Chèo, hát Quan Họ v.v... Về Hà Nội mà không được thưởng thức những màn Ca Trù quả thực là một thiếu sót, do đó trong ba ngày cuối tuần nếu có mặt tại Hà Nội thế nào chúng tôi cũng phải ghé vào những khu giải trí này. Những âm thanh huyền hoặc của điệu đàn cung vãn cùng tiếng ca luyện láy của các nghệ sĩ như có một sự gọi nhớ quen thuộc đưa chúng tôi trở về với Hà Nội cái thời xa xưa một thuở.



Trong thời gian này, chúng tôi cũng thu xếp thời giờ để kịp cho chuyến Tour thăm khu Tâm Linh Bái Đính. Nhóm chúng tôi dừng chân tại La Hán Đường để chiêm ngưỡng 500 Tôn Tượng A-

La-Hán rồi sau đó theo hướng dẫn viên tới khu du lịch sinh thái Tràng An.



Chuyến tham quan tuy ngắn ngủi trong ngày nhưng đã ghi lại trong tôi ít nhiều phong cảnh kỳ thú của hang động cùng hình ảnh cực nhọc của các cô lái đò, cong lưng khua mái chèo rẽ nước, len lỏi lái chiếc thuyền tam bản lách theo tám hang động, có cái chiều dài tới hơn 300m. Tưởng như hồn mình đang lạc vào cõi Thiên Thai!



Sau những ngày viếng thăm Vịnh Hạ Long, về làng Yên Cư bản quán ăn giỗ

các cụ, chúng tôi trở lại Thành Phố Hoa Phượng Hải Phòng gặp mấy người họ hàng và bạn học thuở xưa. Từ Hải Phòng chúng tôi đi thăm Cát Bà không xa Hải Phòng là mấy, đi tàu cánh ngầm mất độ một giờ đồng hồ. Hôm ấy thời tiết tốt, có nắng nhưng không gắt nên thấy dễ chịu. Vì là ngày thường nên phố xá vắng vẻ, ít xe cộ qua lại. Chúng tôi ghé vào khách sạn Hạ Vi tại trung tâm du lịch dùng cơm trưa và nghỉ lưng ít phút, sau đó thuê một xe du lịch đi thăm thương thành phố, viếng ba bãi tắm nổi tiếng ở đây: Bãi Cát Cò 1, Cát Cò 2 và Cát Cò 3. Cả ba bãi tắm này không thể so sánh với bãi biển Nha Trang hay Vũng Tàu với những hàng phi lao hay dứa nước ngọt xanh rợp bóng cho du khách ngồi nghỉ mát. Nhưng bãi biển Cát Bà đã tự hào với cảnh trí thiên nhiên của nó, rất hiền hoà tĩnh lặng trong một vùng cát trắng mịn màng phẳng lặng, nằm phoi mình đón nhận từng lớp sóng lăn tăn nhẹ nhàng, đùng đỉnh lướt vào bờ. Xa xa loáng thoáng những hòn đảo nhỏ nhô lên trên mặt nước. Vài ba chiếc thuyền buồm lênh đênh trên mặt biển tạo cho cảnh sắc vùng biển Cát Bà trở nên khá quyến rũ. Một số đông du khách nằm tắm nắng, bơi lội trong vùng nước trong vắt. Để ý lối ăn mặc và cách giao tiếp, chúng tôi đoán họ hầu hết là du khách từ Âu Châu. Thị xã Cát Bà nằm trong quần thể Vịnh Hạ Long, gần với Hải Phòng. Thành phố này mới được mở



mang sau này biến một vùng biển hoang sơ thành một khu du lịch khá hấp dẫn. Nghe nói vào những ngày cuối tuần hay ngày lễ, các khách sạn ở đây đều đầy ắp không còn phòng trống. Danh từ mới bây giờ là “cháy phòng”. Ở Việt Nam cái gì hết hay không còn đều gọi là “cháy”, kiểu hết tiền thì gọi là “cháy túi”, lạ thật!

Tạm biệt thành phố biển, chúng tôi trở lại khu “Phố Xưa”. Một buổi chiều, sau bữa ăn, chúng tôi đi tản bộ ven bờ hồ, gặp mấy bác xích lô theo sát mời chào, nể quá, chúng tôi leo lên xe để bác xe đưa đi một vòng quanh hồ. Chúng tôi chỉ dùng xe xích lô khi chiều đến, xe cộ thưa vắng hơn để họ không phải vất vả đạp xe trong những giờ đông nghẹt những xe là xe. Một giờ đồng hồ lái quanh Hồ Gươm bác xe đòi 100,000 VND (\$5 USD), chúng tôi chẳng cần mặc cả và khi xuống xe đã trả gấp đôi cho bác. Chắc hẳn bác ta hài lòng vì đã kiếm được món khách sộp. Đối với sức lao động của họ, số

tiền này quả là rẻ mạt so với bên Mỹ. Chúng tôi chẳng thể làm giàu với 10 đô la, trong khi đó với số tiền nhỏ bé này người dân lao động đã có một món tiền đủ để chi dùng cho gia đình trong ngày. Bác xe cho chúng tôi hay một ngày kiếm được ba bốn món khách như vậy là bác rất mãn nguyện. Như vậy mới mong cấp dưỡng cho vợ con đang làm công việc đồng áng cực nhọc ở dưới quê. Bác khoe có hai đứa con đang học bậc trung học, mà công việc vất vả hàng ngày của bác rất bấp bênh, nên sự lo lắng về tương lai cho hai đứa nhỏ quả là một vấn đề quá lớn lao tới với bác. Tối đến bác ta phải đi về nhà trọ tại một vùng ngoại ô xa thành phố cùng với một số anh em lao động khác, họ thuê chung phòng ngủ chật chội, chen chúc với nhau, miễn là có chỗ chui ra chui vào, có nơi tắm gội. Những lúc đi xe buýt, xe taxi hoặc xe xích lô như thế chúng tôi ít khi bỏ lỡ cơ hội chuyện trò thăm hỏi về đời sống cá nhân của họ. Tất cả đều có cùng một mẫu số chung là cực nhọc và nghèo khổ. Nghe họ kêu ca mới biết người nào cũng oán thán và bất mãn với cuộc sống hiện tại. Họ than phiền đã hơn 40 năm “giải phóng” đất nước, nhưng người dân vẫn nghèo nàn khổ khó, một xã hội bát nháo bất công, bao nỗi thiệt thòi cay đắng đều đổ lên đầu người dân. Chúng tôi là du khách không muốn bị liên lụy, hơn nữa mình cũng chẳng biết rõ họ là ai, thực hư như thế nào, hay họ lại là

những người công an kín thì phiền phức lắm, chẳng đại gì mà bày tỏ quan điểm của mình, nên chúng tôi nghe để mà biết thế thôi, vậy mà vẫn cảm thấy buồn trong lòng khi phải nghe những lời than phiền thương cảm như thế.

Vào miền Nam lần này, chúng tôi vẫn ở tại một khách sạn Mini, bình dân thôi cũng vì đã quen với cô chủ nhiều năm nên cảm thấy yên tâm hơn; hơn nữa khách sạn này nằm ngay góc đường Hàm Nghi và Hồ Tùng Mậu, ngay giữa trung tâm thành phố, rất tiện lợi khi muốn đi bộ ra những khu phố chung quanh như phố đi bộ Nguyễn Huệ, chợ Bến Thành, đường Pasteur, Lê Lợi, Catinat, bến Bạch Đằng và trạm xe buýt Hàm Nghi. Khách sạn tuy không đồ sộ sang trọng nhưng có đầy đủ tiện nghi như máy điều hoà không khí, có TV, tủ lạnh mini, nước nóng nước lạnh, có cầu thang máy lên xuống bất cứ lúc nào. Tương đối rất hợp với túi tiền của khách du lịch không dám hoang phí như chúng tôi. Nhân viên phục vụ trong khách sạn này gồm hai nữ tiếp tân thay phiên nhau ca ban ngày và một nam tiếp tân trực ban đêm. Một chú bảo vệ lo việc an ninh cho khách sạn cũng như giúp mang những hành lý cho khách hàng lên phòng. Hai người bồi phòng lo việc dọn dẹp, lau chùi và thay ga giường mỗi ngày. Những nhân viên làm việc ở đây với một đồng lương ít ỏi, do đó người nào cũng phải kiếm thêm việc ở ngoài.

Hai cô tiếp tân đều nhỏ tuổi, cỡ dưới 30. Một cô có bằng đại học nhưng không kiếm được việc làm đành phải vào khách sạn này làm tạm để chờ thời. Cô ta người vùng Nam Ngãi gì đó, giọng nói đôi khi hơi khó nghe. Lúc mới đến cô ta nói gì tôi chẳng hiểu. Chữ “a” cô ta phát âm là chữ “e”, nên cô gọi tôi là “béc béc” nghe ngộ quá! Cô ta chỉ dẫn tôi cách bấm vào máy điện thoại cầm tay, cô nói: “Béc bém vèo nút đen bẹ...”, ý cô ta bảo tôi: Bấm vào nút danh bạ. Hiểu ra tôi buồn cười nôn ruột. Ở Việt Nam hiện giờ các sinh viên ra trường đại học kiếm công ăn việc làm cho đúng với bằng chuyên môn của mình rất là khó. Do đó cô gái này tốt nghiệp ngành ngân hàng mà chẳng thể nào kiếm ra việc. Tình trạng khó khăn này là một vấn đề nan giải chung cho lớp thanh niên sinh viên đại học hiện nay. Để thi đậu vào đại học đã là khó, khi ra trường không có việc làm lại là vấn đề khó khăn khác khiến họ rất bất mãn, họ đành phải nhận một công việc ngoài ngành học chỉ mong giải quyết được vấn đề tài chánh tạm thời. Như trường hợp cô gái này nộp đơn xin làm tiếp tân tại mấy ngân hàng tư nhưng vì kém phần ngoại hình (bé con và không đạt tiêu chuẩn chiều cao – cô than thở thế) nên bị từ chối thẳng thừng. Thế cho nên, có bằng cấp chưa hẳn là đủ mà phải có ngoại hình tươi tắn và phải có nâng đỡ mới mong có cuộc sống vững vàng. Thử hỏi làm sao

những cô gái non trẻ ham phú quý xa hoa không sa đọa cho được. Sự kiện này chỉ có thể xảy ra ở Việt Nam? Không biết trên thế giới này có nơi nào bất công hơn thế.

Saigon xưa được mệnh danh là “Hòn Ngọc Viễn Đông” và đối với lớp trẻ mới lớn sau này thì Saigon quả là lộng lẫy và hùng vĩ, nhưng trong cái lộng lẫy ấy người ta có cảm tưởng rằng hòn ngọc tại thời điểm này đã bị soi mòn, rạn nứt và hoen màu thì phải? Những lúc hai đứa tôi bị bõm lội mưa, tắm nắng giữa đường phố Saigon, tôi chợt nhớ tới một tác phẩm tuyệt vời của nữ sĩ Nguyễn thị Ngọc Dung “*Saigon Nắng Nhớ Mưa Thương*” tự nhiên thấy lòng mình như vấn vương như nuối tiếc cái thời hoa mộng của Saigon ngày nào. Vâng, Saigon vẫn nắng vẫn mưa nhưng không biết người dân Saigon bây giờ còn nhớ còn thương mặc dầu nắng vẫn thênh thang trên hè phố và mưa vẫn tràn ngập lối về khiến tình trạng môi trường đã trở nên rất phức tạp. Mỗi khi trời mưa là có lụt lội tại nhiều khu phố buôn bán sầm uất. Khách bộ hành lội bì bõm di chuyển, các cô gái chơi chơi váy vấn lên quá đầu gối để lộ những cặp giò trắng nõn nà gợi cảm, bên cạnh những người đi dắt xe Honda ị ạch trong vùng nước ngập. Đâu đây có tiếng hát nhái của lũ trẻ choai choai: “Sài Gòn mùa này nắng cũng như mưa...”. (Nguyên từ bài hát “Hà Nội mùa này vắng những

cơn mưa”). Nói chung các loại xe cộ gồm cả xe vận tải, xe taxi, xe nhà điều ngập nước đến nửa xe như bơi trong sông ngòi giữa thành phố với các toà building cao ngất ngưỡng dọc hai bên đường. Đường phố lúc nào cũng thấy sửa chữa, mặc kệ những dự án làm đẹp thành phố, cống rãnh vẫn bị tắc nghẽn tứ tung, bị ngập lụt nhiều hơn. Hàng ngày sở vệ sinh thành phố cho người đi móc từng đồng chai lọ từ dưới cống lên, như thế làm sao mà nước có thể thoát được mỗi khi trời đổ mưa. Thử nghĩ thành phố không lụt sao được khi người dân không ý thức được vấn đề rác rưởi do chính họ tuôn xuống cống rãnh hàng ngày như thế. Ngày xưa Saigon chưa từng có hiện tượng này. Thời đó những trận mưa tầm tã đổ xuống như trút nước mà chúng tôi một bọn nữ sinh đi học về bằng xe đạp vẫn thênh thang trên đường lộ, đội mưa, lũng bùng trong những chiếc áo mưa, thanh thoi lái xe về đến tận nhà có sao đâu. Nghĩ lại thấy thích thú làm sao! Trái lại thời gian sau này, người Sài Gòn được nghe câu về nhái từ bài thơ Lữ Bước Sang Ngang của Nguyễn Bính: “*Bao năm xây dựng cơ đồ, Sài Gòn nay đã “Thành Hồ chứa mưa.”* Tuyệt!

Về phương diện giao thông trong thành phố, xe cộ bây giờ nhiều lên gấp bội so với những năm trước, tạo ra cảnh nghẽn đường muốn ngập thờ. Nhất là trong những giờ cao điểm,

đường phố tắc nghẽn, xe Honda chạy lên cả hè phố, chẳng ai muốn nhường ai, có nhiều lúc đèn đỏ mà xe vẫn chạy phoong phoong, hết chỗ nói. Những ai mới về thăm Việt Nam lần đầu tiên chắc chắn không dám băng qua đường một mình. Tôi nhớ hôm ở Hà Nội, tôi đã phải giúp một người nước ngoài đi qua đường ngay ở Bồ Hồ Hoàn Kiếm. Phải nói sự thật nếu bạn chưa quen với lối giao thông mất trật tự tại Việt Nam trong lúc này. Chỉ ngồi trong xe nhìn qua cửa kính đã cảm thấy như muốn lên máu chứ đừng nói nếu phải lái xe đi như mọi người chắc là muốn điên. Khiếp quá đi! Lúc xưa người ta dùng taxi thông thường (hiện nay gọi là taxi truyền thống) trong phương tiện di chuyển, nhưng lúc này hai loại xe taxi mới như Uber và Grab được tung ra thị trường để cạnh tranh với loại taxi cũ. Khách hàng bây giờ hầu như đều dùng loại taxi Uber hoặc taxi Grab vì giá cả tương đối rẻ hơn và an toàn hơn; ví dụ khi gọi một chiếc Uber hoặc chiếc Grab khách hàng sẽ biết trước giá cả, tên người tài xế, số xe để đôi khi sơ ý có quên đồ trên xe vẫn có hy vọng tìm lại. Điểm lợi nữa cho khách hàng là dù đường bị kẹt xe vào những giờ tan sở, tài xế phải chạy lòng vòng vậy mà giá cả vẫn không thay đổi. Trong khi đi taxi truyền thống đồng hồ tính tiền nhảy lên vùn vụt, chưa kể chạy cuộc ngắn, tài xế điều chỉnh đồng hồ, khách lãnh đủ. Có một

lần đi xe taxi truyền thống từ phi trường Tân Sơn Nhất về khách sạn chúng tôi phải trả tới 400,000 VN đồng trong khi đi taxi Grab hoặc Uber sau này họ tính có 120,000 VN đồng, một sự sai biệt quá chênh lệch khó mà tin. Tài xế chạy taxi truyền thống là người phải thuê xe của hãng, chạy theo ca, phải lái suốt 24 giờ rồi mới xuống ca, rất mệt. Hiện thời xe taxi truyền thống và xe taxi Uber và Grab đang gặp một cạnh tranh lớn mà chính phủ chưa biết phải giải quyết ra làm sao cho ổn thoả. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ gây thiệt thòi cho tài xế taxi truyền thống là thành phần lao động không có đủ điều kiện để tự làm chủ chiếc xe của mình chạy cho hãng Uber hoặc hãng Grab. Chúng tôi nghe mấy ông taxi truyền thống than van, ế ẩm, phải chạy xe tà tà mời khách bên đường trong khi đó hai loại taxi Uber và Grab lúc nào cũng có khách, chạy liên tục. Cuộc sống khó khăn là ở chỗ đó. Tài xế Uber hay Grab thường là người đã về hưu, hoặc làm một nghề gì đó, muốn kiếm tiền thêm thì đăng ký với hai hãng này. Đúng là nghề tự do, muốn kiếm tiền mở máy ra để nhận order, muốn nghỉ thì tắt máy đi. Rất đơn giản. Cũng có nhiều chú tài xế trẻ tuổi đã đăng ký cả hai hãng Uber và Grab, khi chạy cho hãng này thì tắt phôn hãng kia đi. Khi không có khách thì mở cả hai phôn. Hãng nào gọi tới thì chạy khách cho hãng đó. Láu cá hết chỗ nói! Thực ra mánh mung này cũng

là chuyện đương nhiên trong cuộc sống bon chen của một xã hội bất công hiện nay tại Việt Nam! Nghe nói còn nhiều mảnh lói tệ hại khác nữa kìa, chẳng qua cũng chỉ vì mật ít ruồi nhiều, vì sự nghèo khó đã khiến con người ta không còn nghĩ đến lương tri đạo đức. Bây giờ người ta có thể dùng mọi thủ đoạn bất lương để hại nhau, miễn sao có lợi cho cá nhân mình.

Đây không phải là lần đầu về Việt Nam, do đó chúng tôi đã khá thông thạo các tuyến đường nên phương tiện di chuyển đối với chúng tôi không là điều khó khăn. Có nhiều trường hợp chúng tôi phải dùng taxi, như gặp khi trời mưa, hoặc là đi đâu gấp rút về buổi chiều tối. Ban ngày khi cần đi đâu một mình ông xã tôi gọi xe UberBike.



Những cuộc đi xa, thường thì chúng tôi dùng xe Bus, vé xe rất rẻ so với bất cứ loại xe chuyên chở nào, taxi, xe ôm hoặc xe xích lô. Không những vậy đi xe buýt rất an toàn, không bụi bặm và

mát mẻ vì xe có máy điều hòa. Thường là chúng tôi chọn giờ giã thuận tiện không phải vào giờ đi làm hoặc giờ tan sở để tránh tình trạng phải đứng chen chúc. Có lẽ chúng tôi là người may mắn có sức khỏe nên mới dám xông xáo bạo dạn như thế là vì lên xuống xe buýt cần nhanh chân lẹ tay chứ không thể tà tà được. Có nhiều người nói đi xe bus dễ bị móc túi nên chúng tôi cũng dè dặt và để ý cái hầu bao của mình cho yên tâm. Tôi tự hỏi không biết đã có quý vị nào ở nước ngoài về dám xâm mình như chúng tôi chưa? Dám đi xe buýt như chúng tôi chưa? Đừng nói là chúng tôi hà tiện nên đi xe buýt. Nhưng đi xe buýt thì quả thực là quá rẻ quý vị ạ. Mỗi chuyến đi chúng tôi chỉ phải trả 5-6 ngàn một người, cỡ 30 cents. Sau nhiều lần về thăm quê hương, chúng tôi đã khám phá ra phương tiện giao thông tiện lợi và an toàn nhất là đi xe buýt. Đôi khi chúng tôi lên xe buýt vào giờ đồng khách lại được các em học sinh, sinh viên nhường chỗ. Thực ra nhìn ngoại hình, trông chúng tôi cũng không đến nỗi nào, nhưng vì bộ râu bạc trắng dài lưa thưa của ông xã, hóa ra lại có lợi. Chính ra chúng tôi còn đủ sức đứng và không muốn ngồi để “tỏ” cho người Sài Gòn biết là mình còn sung sức, vậy mà cứ bị nhường ghế mời ngồi, thế mới phiền phức! Riêng chúng tôi, nói thực, đã đi xe buýt nhiều lần nên quá là quen thuộc và cảm thấy rất thoải mái an

toàn. Mỗi lần muốn đi đâu chúng tôi đã có tờ lộ trình trong tay, chỉ cần gọi điện thoại cho tổng đài xe buýt là xong ngay. Họ sẽ cho mình biết xe buýt số mấy cũng như phải đón xe ở bến nào và xuống xe ở trạm nào. Quá đơn giản quý vị ạ.



Bàn về vấn đề ăn uống ở miền Nam thì khỏi chê. Nhiều không kể xiết. Từ hang cùng ngõ hẻm cho tới những đường phố sang trọng, đâu đâu người ta cũng đều thấy hàng ăn quán nhậu. Khi nào muốn ăn bánh cuốn tráng hơi, chúng tôi tạt vào chợ Bến Thành và chỉ ăn tại một sạp đặc biệt của mẹ con cô Lan Anh mà thôi. Tại khu ăn uống này, du khách có thể tìm thấy nhiều món ăn đặc biệt khác của miền Nam. Thèm phở bò chúng tôi ghé vào phở Dậu nằm trên đường Công Lý cũ, xế chùa Vĩnh Nghiêm. Thèm cơm Bắc ghé vào quán “Bà Cả Đợi” nằm trên đường T.T. Thiệp. Đôi lúc muốn ăn phở gà chúng tôi chỉ đi vài bước từ khách sạn tới góc đường Hồ Tùng Mậu và Hàm Nghi là có một tô phở ửng ý, có rắc lá chanh

tươi theo yêu cầu, khỏi chê. Sáu chục ngàn một tô có gì là mắc, ngon tuyệt các bạn ạ. Tại tiệm này có bán cả xôi chiên phồng, bánh chưng rán ăn rất được. Nhiều lúc không biết phải ăn gì, chúng tôi ghé vào mấy tiệm Hamburger hoặc KFC (Kentucky Fried Chicken) mà lại thấy ngon mới lạ. Chúng tôi phát hiện một khu ăn uống tập thể đặc biệt mới được thành lập ngay gần khu “Tây Ba Lô Bùi Viện”. Rất lớn, nằm tụt dưới mặt đất. Chúng tôi ghé xuống thăm thương cho biết, nhưng cũng chẳng thấy có gì đặc biệt ngoài những món ăn thông thường như Phở, Hủ Tiếu, Hải Sản, Nem Nướng, Chả Giò... cùng các đồ nhậu đủ loại v.v... Thiên hạ ngồi ăn đông quá là đông. Nhìn cảnh tượng này ai dám bảo Saigon nghèo đói cơ chứ. Sau hơn 40 năm, người Saigon lúc này trông tốt tướng đáng sợ, không còn mảnh khảnh như thời kỳ phải ăn bo bo trước đây. Một tối thứ Bảy chúng tôi đáp xe buýt tới khu Bùi Viện vì nghe nói khu này vào những ngày cuối tuần có nhiều mục giải trí đặc biệt? Đặc biệt thật quý vị ạ vì là khu dành cho khách du lịch loại “du mục” mà người Saigon gọi là khu “Tây Ba Lô”, được hiểu rằng khu phố này có nhiều nhà trọ rẻ tiền cỡ 10 đô la một đêm. Tối đến hàng ăn quán nhậu bày biện khắp hai dãy phố, đèn đuốc sáng trưng, nhạc sống tưng bừng, quán rượu bia tràn ngập. Vẫn chỉ là ăn với nhậu! Trước các nhà hàng ăn sang trọng, các cô gái trẻ trung xinh

đẹp nhìn như mời chào du khách chẳng khác gì cảnh tượng thời người Mỹ ở Việt Nam trước năm 1975. Họ ăn mặc kiểu cách thời đại, thiếu vài hết chỗ nói. Lẫn lộn trong cái phung phí ăn uống nhậu nhẹt đó đã có không biết bao nhiêu người nghèo khổ buồn thúng bán bưng, bán từng gói kẹo chewing gum, thuốc lá lẻ v.v... Có một điều chúng tôi phải bật mí với các bạn rằng người dân Việt Nam mình từ hồi Saigon thay tên đổi chủ, họ e ngại nhau ít dám chửi bới, gây lộn như thời Việt Nam Cộng Hòa, người bán hàng không còn chanh chua làm khó khăn với khách hàng như lúc xưa. Đã biết lối tiếp thị, khá tiến bộ quý bạn ạ! Lại nữa, quá thực ngạc nhiên khi ăn uống trong các chợ không thấy một con ruồi lai vãng khiến chúng tôi nghĩ người ta sẽ không chết vì bị ruồi muỗi truyền bệnh nhưng lại có thể bị nhiễm độc hoặc chết vì thuốc xịt lên các đồ ăn rau cỏ, thịt thựa bày bán trong chợ?

Trở lại với vòng ẩm thực cao cấp ở những thành phố lớn như Sài Gòn hay Hà Nội chắc chắn là chúng tôi không dám phung phí vì nghĩ rằng không cần thiết. Các bạn có thể tưởng tượng một bữa ăn tự chọn (buffet) tại một khách sạn ở Saigon họ chém tới 75 đô la một phần, thử hỏi du khách cỡ tép riu như chúng tôi làm sao dám nghĩ tới. Điều này có thể đúng là vì khi ở Hà Nội,

chúng tôi vào một nhà hàng của một khách sạn 5 sao, đứng trước một bể cá và tôm hùm còn sống, hỏi cô tiếp viên về giá cả nên được biết là một con tôm hùm nặng cỡ hơn 3kg giá tới một triệu rưỡi, cỡ 75 đô la. Chu choa! tiền đâu mà phí phạm như thiên hạ!



Ở Việt Nam bây giờ cuộc sống chênh lệch như thế đấy, ai giàu có thì phung phí, kẻ nghèo khổ thì không góc đầu lên nổi. Riêng chúng tôi, ăn gì hoặc tiêu gì cũng đăn đo thật kỹ lưỡng. Chúng tôi không muốn lãng phí đồng tiền một cách vô lý giữa lớp người nghèo khổ vất vả kiếm sống khắp mọi nơi trong thành phố. Sự dè xèn của chúng tôi là để san sẻ cùng những người dân nghèo mà chúng tôi gặp hàng ngày trên đường phố Hà Nội cũng như Saigon mặc dầu bây giờ không còn thấy họ đi xin ăn như lúc xưa, cũng vì chính quyền muốn giữ thể diện là “Chương trình xóa đói giảm nghèo” đã được thực hiện (?).



Chẳng hạn tôi gặp các cụ già ốm yếu trên tay cầm một xấp vé số đi bán dạo, tôi mua vé số cho họ và tặng thêm ít tiền mà tôi nghĩ đó cũng là một hình thức tương trợ để chia sẻ với họ.

Cũng như thế, chúng tôi từng tìm gặp mấy người thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa cụt tay cụt chân lê lét trên hè phố xung quanh khu chợ Saigon để bán vé số, chúng tôi đã chân tình giúp đỡ họ vì nghĩ rằng việc bán vé số chỉ là hình thức, sự thực là một cách họ đi xin ăn trá hình mà thôi. Thông thường chúng tôi hỏi rõ về thân thể và tình



cảnh của những người thương phế binh này để sự giúp đỡ của mình được bảo đảm phân minh đúng cách.

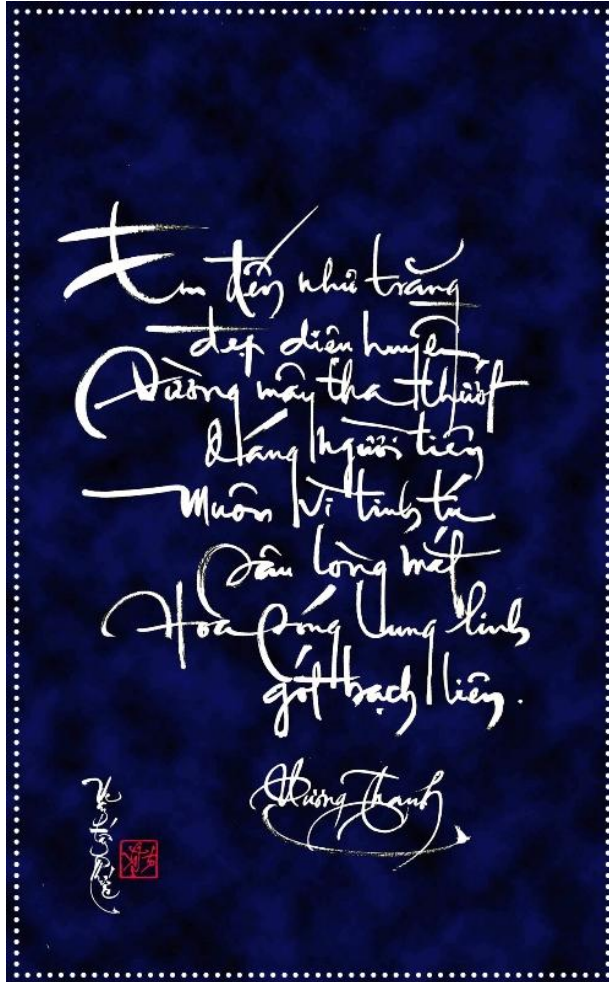
Bút Ký Ảnh ngắn ngủi về Việt Nam như trên kể sao cho hết trên vài trang giấy đơn sơ này, tác giả chỉ vội vàng ghi nhận những điều mắt thấy tai nghe và những hình ảnh do chính mình mục kích để chia sẻ cùng những ai chưa từng về Việt Nam, những người không muốn về Việt Nam hoặc những người chỉ nghe kể chuyện lại hay chỉ đọc tin tức trên internet và báo chí. Phải về tận nơi và chứng kiến tận mắt chúng ta mới thấu hiểu rõ được sự tình và hoàn cảnh của người dân nghèo đang sống trong một xã hội bất công và chênh lệch như thế nào cũng như có cơ hội để giúp đỡ họ một cách trực tiếp và thiết thực hơn.

Thôi thì “Trăm nghe không bằng một thấy”. Các cụ chúng ta dạy thế, thưa quý bạn đọc!

Ỡ Nguyễn & Phạm Bá

Maryland - Hạ 2018





EM ĐẾN

*Em đến như trăng đẹp diêu huyền Đường mây tha thướt dáng người tiên
Muôn vì tình tú sâu lòng mắt Hoa sóng lung linh gót bạch liên*

Thơ: **Vương Thanh**

Thư họa: **Văn Tấn Phước** (Paris)

NĂM HỢI NÓI CHUYỆN HEO

**** Nguyễn Quý Đại (Germany) ****

Người Việt ngày nay sinh sống trên khắp thế giới, dù ở quốc gia nào ngày Tết theo Âm lịch mọi gia đình Việt Nam đều lo cúng rước ông bà, tổ tiên về vui Tết. Cúng Tết để nhớ về quê hương, cội nguồn theo truyền thống dân tộc. Những người đi lao động cũng dành thời gian này về đoàn tụ với gia đình vui chơi ngày Tết.



Mỗi năm cầm tinh một tên khác theo Thập-địa, Can-Chi năm 2018 là năm Kỷ Hợi, mừng một Tết là ngày 5 tháng 2 dương lịch. Người Việt gọi Hợi là heo hay lợn. Quan niệm của người Việt, người Hoa, Đại Hàn... người sinh ra năm nào thì lấy tên con giáp đó như: Dần, Mẹo, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý, Sửu. Mười hai con vật được sắp xếp thứ tự theo 6 cặp dương (+) âm (-): chuột (+), trâu (-); cọp (+), mèo (-); rồng (+), rắn (-); ngựa (+), dê (-); khỉ (+), gà (-); và chó (+), heo (-). Không biết người xưa đã căn

cứ trên tài liệu, sự tích nào để sắp xếp 12 con vật theo thứ tự trên.

Ngày nay người Trung Hoa thảo luận nhiều về vấn đề 12 con giáp và có người đề nghị thay các con “chuột, rắn, gà, heo” bằng những con vật khác là “sư tử, cá, phượng hoàng và chim hạc”. Lý do trong dân gian người Hoa luôn có một số quan niệm không tốt về những con vật trên. 12 con vật trong lịch của Việt Nam không giống với 12 con vật trong lịch của Trung Hoa (thử, ngựa, hổ, miêu, long, xà, mã, dương, hàu, kê, khuyển, trư). Ví dụ như chuột thì hay ăn vụng, gặm nhấm đồ vật, còn rắn thường có tâm địa xấu xa, heo thì tạp ăn biếng làm, gà kém may mắn hay đói như năm Ất Dậu 1945, ngoài Bắc xảy ra nạn đói chết người? Năm nào mang tên 4 con giáp trên là kém may mắn. Trong khi đó sư tử oai phong chúa tể của loài thú; chim phượng hoàng biểu tượng may mắn, còn chim hạc có đời sống trường thọ, ...

Nếu người Trung Hoa hay Việt Nam thay đổi tên con giáp không quan trọng, nhưng thay đổi lịch là một vấn đề cần phải nghiên cứu lại. Mỗi quốc gia ảnh hưởng tùy theo thời tiết, phong tục, bản sắc văn hóa riêng. Tết dương lịch bắt

đầu sau lễ Giáng Sinh từ ngày 31/12, các nước Tây phương áp dụng sớm nhất vào đầu thế kỷ thứ 16 và các thế kỷ tiếp theo, nước Ý năm 1522, Đức 1544, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha 1566, Tô Cách Lan 1600, Anh Quốc 1752, Nga 1918, Nam Tư và Rumania 1919. (theo Calendopaedia - Bách khoa chuyên lịch)

Nhật Bản từ cuối thế kỷ XIX năm 1873 thời Minh Trị Thiên Hoàng (明治天皇 Meiji-tennō) ăn Tết theo dương lịch, để công việc sản xuất, các ngành kỹ nghệ phù hợp theo nhu cầu với các nước Tây phương. Các nước Thái Lan, Lào, Ấn Độ... ăn Tết theo Phật lịch (ngày Phật Đản). Người Việt Nam, Trung Hoa phần lớn sống nghề nông nghiệp, ảnh hưởng theo quy luật thời tiết thiên nhiên từng mùa trăng, mùa nước... Kinh nghiệm năm Ất Sửu 1985 Việt Nam từng đổi lịch ăn Tết sớm hơn một tháng, đã làm xáo trộn đời sống nông nghiệp.

Dòng họ nhà heo theo khoa học

Về nguồn gốc của heo, theo tự điển các động vật (Das grosse Tier Lexikon nhà xuất bản Dorling Kindersly). Thời tiền sử, heo rừng bị con người bắt về nuôi thuần hóa tên khoa học (Sus scrofa domesticus hay sus domesticus). Năm 1830 lần đầu tiên ở tiểu bang Ohio nhờ khí hậu ấm, phối

giống loại heo Yorshi từ Anh quốc và Landrassen ra loại heo lớn trung bình, lông dài và da đều trắng lấy tên US Yorkshire. Đến năm 1895 cũng tại Hoa Kỳ, phối giống heo Đan Mạch thành công ra loại heo màu trắng, thân hình dài, tai lớn, thịt có phẩm chất ngon.



Heo US Yorkshire.

Ở Đức, giữa thế kỷ thứ 19 vùng bắc Đức đã tạo được loại heo lông đen trắng có chấm đỏ Baldinger Tigerschwein. Năm 1926 vùng Angeln tiểu bang Schleswig-Holstein lai giống loại heo Angler Sattelschwein. Việt Nam đồng bằng sông Cửu Long có loại Ba Xuyên thân, chân ngắn lông đen trắng nặng khoảng 100 kilo. Trung Hoa có loại heo đen Beijing Black. Các quốc gia khác tìm được các giống như: Bantu, Banza Pig, Arawpawa Pig, Auckland Pigs, Black Salaonian, British Landrace, British Lop, British Saddleback, Belarus Black Pied, Belgian Landrace, Berkshire Pig, Bindenschwein Sus scrofa Vittatus...

CỎ THƠM

Đáp ứng nhu cầu cung cấp thực phẩm, heo được nuôi ở các trang trại lớn trên khắp thế giới (ngoại trừ khối Hồi Giáo), thức ăn được biến chế theo công nghiệp, người nuôi heo không cần phải nấu cám, hái rau vớt bèo, heo nuôi rất mau lớn, trọng lượng từ 180 đến 250 kilo. Được chuyên viên Thú y chăm sóc sức khỏe nên tránh được những bệnh dịch gây thiệt hại về kinh tế.

Tại Đài Loan, họ gây giống được ba con heo, phát ra ánh sáng màu xanh lá cây từ đầu đến đuôi. Các con heo phát ra ánh sáng này được tạo ra từ một phôi thai heo bình thường và được cấy thêm gene từ một loài động vật khác. Tại Nhật cũng công bố thành công gây giống heo từ trong ống nghiệm. Các loại heo rừng sống ở Á Châu, Âu Châu và Bắc Mỹ. Họ của heo danh từ khoa học là Suidae là một họ sinh học, được các nhà khoa học chia làm nhiều loại khác nhau. Vì ảnh hưởng khí hậu nên loài heo có sự khác nhau về hình dáng và sức nặng. Loài heo không có tuyến bài tiết mồ hôi nên heo thường thích sống nơi ẩm ướt, đặc tính dùng mõm ủi đất tìm kiếm thức ăn và khứu giác rất nhạy cảm, nhiệt độ cơ thể của heo từ 38 đến 39,5 độ C. Các loại heo rừng thuộc loại heo hươu/ *Babirusa babyrussa* và heo Phi châu/ *Phacochoerus aethiopicus*. Loại heo hươu sống trên các đảo của Indonesia,

SỐ 83



sống dưới các bụi rậm rừng nhiệt đới trong các bụi lau sậy bên bờ sông hồ nước, lớp da lốm đốm màu nâu và xám lông thưa, hai cặp răng nanh trên và dưới đều khác nhau, cong ngược và uốn về phía sau rồi uốn ngược lại phía trước. Heo rừng Phi châu/ *Hylochoerus* chia nhiều loại như *Hylochoerus meinertzhageni* sống khu vực xích đạo, loại u mắt / *Phacochoerus africanus* hay *Phacochoerus aethiopicus*.

Heo lông rậm *Potamochoerus larvatus*, heo lông đỏ *Potamochoerus porcus* ở sa mạc Sahara... heo tai chổi / *Potamochoerus*. Heo Giant Forest Hog là loại heo lớn nhất trong dòng họ gia đình heo, con đực dài 2m, cao 110cm, nặng 250 kg, được bao phủ lớp lông màu đen, lớp lông sát da là màu cam đậm, tai lớn và răng nanh nhỏ hơn loại warthog & bushpig, giống heo này tìm thấy ở vùng rừng mưa nhiệt đới West & Trung tâm Africa Kenya và cao nguyên Ethiopian. Giant Forest Hog chỉ ăn cỏ và những cây trên mặt đất, không dùng mõm đào đất tìm thức ăn như các heo khác (Red River Hog Heo đỏ)

Babirusa hay pig-deer xuất hiện lâu đời nhất trong họ nhà heo, thường sinh sống ở vùng nhiệt đới dọc theo bờ sông và hồ. Giống heo này hiện nay nằm trên danh sách có nguy cơ tuyệt chủng. Bearded Pig *Sus barbatus* ở vùng Đông Nam Á -Sumatra, Borneo, và Đông Phi luật Tân. Red River Hog sống ở rừng mưa và vùng núi Africa, Heo cân nặng từ 55-80 kg, lông nâu, chân đen, mõm đen trắng, chúng sống từng đàn từ 6-20 con.

Các loại heo ở Việt nam có tên khoa học *Sus bucculentus*, bao gồm nhiều giống heo bản địa, giống heo nhập cảng và các giống lai. Nhưng có nhiều tên gọi bình dân: heo nái, heo sữa, heo hạch (heo đực đã thiến), heo nọc (heo đực không thiến), heo lang (lông đốm đen trắng), heo mọi, heo cỏ... Mỗi vùng có nuôi một giống heo, thích hợp với khí hậu thức ăn... các giống heo ngoại nhập đa dạng được nuôi tại Việt Nam là: Yorkshire, Landrace, Pietrain, Duroc và các loại heo lai giống. Tuổi trưởng thành của heo cái từ 9 tháng, Một con heo nái có thể đẻ từ 10 đến 12 heo con/lứa sau khoảng thời gian có chửa là 114 ngày và trong điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng tốt thì heo nái một năm sinh hai lần, heo con mới sinh nặng khoảng 1,5 kilo bú sữa mẹ, heo nái thường có 14 đầu vú hai bên (7 x2) heo mẹ uống mỗi ngày 10 lít nước, heo con

uống 1,5 lít. Tất cả các giống heo đều ăn rất tạp đủ thứ động vật, thực vật, rau cám, cỏ vv... Heo là loài gia súc dạ dày đơn, cấu tạo bộ máy tiêu hoá của heo bao gồm miệng, thực quản. Dạ dày của heo trưởng thành có dung tích khoảng 8 lít, ruột non có độ dài khoảng 18-20 mét, ruột già và cuối cùng là hậu môn. Tùy theo giống heo, nuôi trên 6 tháng con đực nặng 300 - 370 kg, con cái nặng 250 - 280 kg.

Heo trong đời sống và văn học

Người đời thường chê heo là lười, ngu, bần thiù, lòi thối léch thếch, cái gì xấu đều ám chỉ con heo! Trong ngôn ngữ Đức có những câu chửi như “diese Sau hat wieder alles voll gekleckert/con heo ấy đã bôi bẩn khắp nơi, hay diese verdammte Sau hat mich betrogen/ con heo ấy đã lừa tôi rồi! “to make a pig of oneself”. Ngược lại nói “có con heo/ Schweine gehabt/ that’s a bit of luck, có nghĩa là may mắn.

Đời sống của heo cũng thông minh, dễ dạy, khứu giác rất nhạy bén. Ở Nga, người ta cũng tổ chức “piglets seek Moscow Olympic glory” cho heo chạy đua, bơi trong những hồ nhỏ hay chơi banh, heo dùng mõm đẩy banh. Các loại heo choai choai được ưa thích từ các nơi: Mykola của Ukraine, Nelson của Nam Phi châu và Kostik của Nga”.

Ở Việt Nam, ngoài trường đua chó lớn ở Vũng Tàu, cũng có trường đua heo ở một vài nơi?

Phim con heo, người ta thường liên tưởng đến các loại “phim cochon” khiêu dâm, nhưng có loại phim con heo hoạt hoạ: Pig is pigs, Porky Pig, Petunia pig, Looney Tunes được nhiều người hâm mộ, hiện nay các rạp đang chiếu phim Schweinchen Wilbur und seine Freunde/ “heo con Wilbur và người bạn”. Âm nhạc có nhiều nhạc phẩm như: Pigs on the Wing của Pink Floyd năm 1977, War Pigs của Black Sabbath năm 1970.



Tác phẩm Animal Farm là một tiểu thuyết trào phúng chỉ trích sự tha hóa của giới lãnh đạo chính trị của nhà văn Anh sinh tại Ấn Độ tên là George Orwell (1903-1950). Tiểu thuyết không chỉ đề cập tới sự tham nhũng bởi các lãnh đạo bị tha hóa mà còn cả việc làm

sao sự đòi bại, dừng dừng, lãnh đạm, ham danh lợi và thiên cận có thể tiêu diệt bất kỳ khả năng nào của một xã hội mới tốt đẹp và bình đẳng hơn. Tuy tiểu thuyết này thể hiện giới lãnh đạo tham nhũng như là sai lầm của cách mạng, nó cũng cho thấy nguy cơ để sự dừng dừng và lãnh đạm, dân trí thấp kém của những người dân bên trong một cuộc cách mạng có thể dẫn tới sự thất bại của nhà nước mới nếu sự chuyển tiếp êm đẹp sang một chính phủ với những người xứng đáng không được diễn ra. Lãnh tụ là chú heo đực già tại trại Manor kêu gọi các loài vật khác trong trại tới một cuộc họp, tại đó nó so sánh con người với những kẻ ăn bám và dạy các con vật một bài hát cách mạng, (Beasts of England/ những súc vật của nước Anh). Khi chú heo già chết ba ngày sau đó, hai con heo trẻ, Snowball và Napoleon, nắm quyền chỉ huy và biến giấc mơ của lãnh tụ thành một triết lý đầy đủ...

Loại cá thông minh được Hải quân huấn luyện để chống đặc công là loại cá heo, quốc gia Cuba có vịnh Con Heo năm 1962 sắp xảy ra chiến tranh Nga-Mỹ dưới thời tổng thống J. F. Kennedy và chủ tịch N.S Chruschtschow. Lịch sử Hoa Kỳ năm 1859 xảy ra vụ tranh chấp các vùng biên giới giữa Anh (Canada) Mỹ. Heo từ vùng này chạy sang ăn khoai tây

vùng khác bị bắn chết gây tranh cãi “keep your pigs out of my potatoes!” - hãy giữ heo các anh ngoài ruộng khoai chúng tôi, “keep your potatoes out of my pigs” - hãy giữ khoai các anh đừng đựng tới heo chúng tôi... Nếu không được dàn xếp thì hai bên đánh nhau toi bời cũng tại vì heo! Hiện nay một số trường học, Đại học Arkansas lấy logo là con heo rừng Razorbacks.... (Sus scrofa) cho đội thể thao của trường. Ở Đức nhiều nơi chọn hình heo con quảng cáo, biểu tượng cho sự may mắn và phát tài. Đức, Việt Nam và có thể nhiều quốc gia khác cũng có loại heo đất bỏ tiền tiết kiệm.



Trong truyện Tây Du Ký của Trung Hoa có nhân vật Trư Bát Giới, đệ tử của thầy Huyền Trang có hình dạng nửa người nửa heo, Người Hoa cũng với tục lệ trong lễ cưới, có con heo quay đầy đủ đầu đuôi, sau đêm động phòng hoa chúc, nếu người con dâu không còn trinh trắng trước khi về nhà chồng, nhà trai cắt lỗ tai con heo quay đó trả lại cho nhà gái. Tục lệ đó, không biết ngày nay có còn tồn tại hay không?

Heo lành ai nữ cắt tai

Gái ngu chồng bỏ, khoe tài nổi chi?

Trong thiên tình sử Odysseus của Homer thủy thủ đoàn bị nữ thần Circe biến thành heo. Thời xa xưa, Hy Lạp dùng heo để tế nữ thần Demeter. Tại Việt Nam nếu ai ở gần lò thịt, buổi sáng sớm nghe tiếng eng éc của heo bị chọc tiết, nhưng ở Đức các lò thịt dùng điện châm vào tai heo điện giật heo bất tỉnh bị chọc tiết... có chuyên viên khám gan và thịt trước khi đóng dấu cho bán ra chợ, không ai được phép tự giết heo ở nhà.

Do Thái giáo và các quốc gia theo Hồi giáo kiêng ăn thịt heo, lý do ngày xưa chiến tranh ở các nước Á Rập, nhiều người chết, xác chết không được chôn cất bị heo ăn sinh bệnh dịch, người ăn thịt heo bị truyền bệnh không có thuốc chữa trị, nên Giáo chủ Mohamed kêu gọi đừng ăn thịt heo vì heo là con vật dơ bẩn..., từ đó trở thành thói quen. Dù ngày nay người ta nuôi heo ở các trại chăn nuôi, đầy đủ tiêu chuẩn, có thức ăn biến chế, nếu phát hiện các bệnh dịch như long móng lở mồm... thì đàn heo đó bị đốt để tránh bệnh truyền nhiễm. Thiếu số người Thổ theo đạo Hồi, sống ở vùng ngoại ô Munich lén mua cừu hay bê làm thịt lậu, họ ăn thịt phải giết con vật theo nghi thức Hồi giáo, họ phải tự chặt đầu con vật sống... ngược lại Phật Giáo thì cấm sát sanh.

Ở thôn quê ngoài việc canh tác, ruộng vườn để thu hoạch ngũ cốc, người ta thường nuôi heo quanh năm, trong chuồng hay thả ngoài vườn, không tốn kém nhờ rau cám, chuối cây... phân heo dùng để bón ruộng lúa. Tháng chạp người ta bán heo để có tiền chuẩn bị ăn Tết, mua sắm quần áo mới cho con cháu. Có nhiều nơi những ngày cuối năm, vài gia đình, cùng làm thịt một con heo để chia nhau, ngoại trừ cái đầu heo dành cho gia chủ. Đầu heo giá trị của nó như một con heo trong việc cúng kiếng hay đi biếu người nào đó đã mang ơn.

Ba thập niên trước ở Đức, vào tiệm thịt khó có thể tìm được đầu hay chân heo, Người Việt thích bao tử làm phá lấu, chân, đuôi để nấu bún bò Huế, đầu heo để cúng, làm giò thủ, muốn có phải vào lò thịt họ cho không lấy tiền. Thời nay kinh tế khó khăn nên các siêu thị ở Đức đều có bán: đầu, đuôi, chân heo cả móng, bao tử và ruột heo, có thể đặt con heo quay cỡ 5-10 kilo, giá vị do họ ướp, không được phép bôi màu đỏ ngoài da như heo quay bên quê nhà. Bởi vậy lễ cưới người Việt ở Đức còn nhiều gia đình theo phong tục Việt Nam đều có heo quay. Tuy nhiên các vùng biên giới Đức-Tiếp hay Ba Lan có người Việt phần lớn gốc Bắc, đi lao động trước kia, được phép ở lại sau khi chế độ CS Đông Âu sụp đổ. Họ buôn

bán chợ trời, mùa hạ nắng ấm thì họ trồng rau muống, rau thơm, làm lậu thịt dê, gà, heo, bê, có đủ bộ lòng... Người Á Châu thích ăn các bộ lòng heo, bò... Nhưng người Tây phương họ không thích ăn, người nào bệnh gout ăn bộ lòng sẽ bị đau nhức sưng ở các khớp ngón chân cái vì quá nhiều Acid Uric/Harnsäure trong máu...

Đề cập đến thịt heo, những người lớn tuổi đều ngại thịt heo vì nhiều mỡ, nhưng không thể quên, xứ Quảng Nam ngoài đặc sản mì Quảng còn món thịt heo ba rọi luộc quần bánh trắng rau sống, chấm nước mắm ngon không chê vào đâu được, giống heo cỡ loại nhỏ nuôi ở quê ăn cám, chuối cây, rau thức ăn thiên nhiên nên thịt ít mỡ thơm ngon. Trong Nam vùng Trảng Bàng cũng có món thịt heo luộc, quần bánh trắng phơi sương với bún, đủ loại rau thơm và những đọt lá non như trâm bầu, xoài, cóc... thêm món bánh canh giò heo cũng nổi tiếng. Riêng ở Munich du khách vào nhà hàng Đức, gọi cái đùi heo nướng "Schweine haxe", với cục bột "Knödel" hay rau cải trắng chua uống ly bia, ăn một bữa no hơn một ngày.

Ở Việt Nam sống tại thành phố, nếu nhà có vườn rộng, người ta cũng làm chuồng nuôi heo, "chuồng heo ở dưới, chuồng gà ở trên", nhưng sau năm 1975 đất nước thống nhất một thời heo

về thành phố, ngồi ở phòng khách, nằm ở cầu thang, cũng ăn hạt bo bo giống người...Heo không ngu; trái lại, heo rất thông minh, dễ dạy và thân thiện. Chúng ta cảm thấy con heo gần gũi mà hình ảnh của nó đã đi vào thi ca dân gian và là biểu tượng văn hóa. Trong thi ca bình dân, heo được nhắc đến qua câu hò tiếng hát, mà chúng ta đã nghe dưới ánh trăng thanh, bên lũy tre xanh con đường làng bé nhỏ.

*Em về thưa với mẹ cha
bắt heo đi cưới, bắt gà đi cheo
Đầu heo lớn hơn đầu mèo
Làng ăn không hết, làng treo đầu đình
Ông xã đánh trống thỉnh thỉnh
Quan viên núu áo ra đình ăn cheo*

Để diễn tả sự chênh lệch của hai giai cấp này, trong đó người ta lấy con "heo" hay "lợn" làm biểu tượng cho sự giàu có sung túc qua các lễ hội, đám đình vì thế dân gian Việt đã đặt ra bài ca dao sau đây:

*Anh là con trai nhà nghèo
Nàng mà thách thế anh liều anh lo
Cưới em anh nghĩ cũng lo
Con lợn chẳng có, con bò thì khôn
Tiền gạo chẳng có một đồng
Thiên hạ hàng xứ cũng không đỡ đần
Sớm mai sang hiệu cầm khăn
Cầm được đồng bạc
để dành cưới em...*

Cuộc sống hôn nhân ở thôn quê không kiêu sa đài các, chỉ có ước mơ bé nhỏ trở thành vợ chồng thật đơn giản, lễ cưới không cần đầu heo mâm thịt, hay vàng bạc châu báu. Con heo đôi khi là một tài sản lớn của nhà nông nghèo! Họ chỉ cần một cặp vịt đôi bông làm sánh lễ. Tình yêu không đến với con người bằng ý nghĩ lý luận mà bằng sự giao cảm giữa 2 con tim, đem lại nguồn sống thanh bản và chung thủy.

*Người ta giàu thì đầu heo mâm thịt
Hai đứa mình nghèo thì
cặp vịt đôi bông
Người ta thách lợn, thách gà
em thách cưới, một nhà khoai lang*

Quanh năm trên đồng ruộng vườn rau, nên quan niệm về hôn nhân của giới bình dân đơn sơ, mộc mạc làm sao đủ tiền để nộp cheo cho làng khi «rước nàng về dinh». Lập gia đình so sánh giống như nuôi heo phải vớt bèo... hoặc chọn một người vợ phải xem dòng họ đó ra sao? Theo văn học hiện đại thì các câu tục ngữ dùng chữ mua gái chọn dòng không có tính nhân bản, bởi vì tình vợ chồng không dùng chữ mua mà phải chữ “dạm” có nghĩa chọn lựa:

*Nuôi heo thì phải vớt bèo
Lấy vợ thì phải nộp cheo cho làng
Lựa được một con dâu sáu con mắt
Mua heo chọn nái,
mua (dạm) gái chọn dòng*

Phản ảnh một phần nào sinh hoạt của xã hội bình dân, thi ca trào phúng đưa giá trị con heo lên để so sánh.

- *Mẹ tôi tham thúng xôi rền
Tham con lợn béo,
tham tiền Cảnh hưng
Ai đã bảo mẹ rằng: «đừng»
Mẹ hằm, mẹ hứ mẹ bụng ngay vào.*

- *Nước chảy dưới đèo
Bà già lật đật mua heo cưới chồng
Cưới về chồng bỏ chồng đông
Bà già mới tiếc ba mươi đồng mua heo*

- *Còn duyên anh cưới ba heo
hết duyên anh đánh ba heo đuổi đi*

- *Đang khi, lửa cháy, cơm sôi
Lợn kêu con khóc, chồng đòi tòm ten
Bây giờ lửa đã cháy rồi
Lợn no, con nín, tòm tem thì tòm*

Dưới chế độ phong kiến, cảnh đàn ông năm thê bảy thiếp, cho nên tâm tư của người đàn bà bình dân lúc nào cũng phảng phất chống đối hờn dỗi ghen tương

Một vợ nằm giường lèo

Hai vợ nằm chèo queo

Ba vợ ra chuồng heo mà nằm

Hoặc than thân trách phận vì không cưới được người yêu giống như cảnh con heo bị chủ bỏ đói để rồi mừng rỡ khi ước mơ thành sự thật:

- *Yêu nhau chả lấy được nhau
Con lợn bỏ đói buồng cau bỏ già*

*Bao giờ sum họp một nhà
Con lợn lại béo cau già lại non.*

Người bình dân quanh năm sống với ruộng đồng, gieo mạ, trồng rau, họ đã từng trải cách ăn uống ở miền quê hay thiên tai bão lụt, theo kinh nghiệm họ có thể đoán trước thời tiết sẽ xảy ra:

- *Con gà tục tác lá chanh
Con heo ủn ỉn mưa cho đồng hanh
Con chó khóc đưng khóc ngồi
Bà ơi đi chợ mua tôi đồng riêng*

- *Trông mặt mà bắt hình dong
Con lợn có béo thì lòng mới ngon*

Theo kinh nghiệm người nhà nông có thể đoán trước thời tiết sẽ xảy ra:

*Gió heo may chẳng mưa dai
thì bão giạt*

Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão

Gió heo may mía bay lên ngọn

Gió heo lành lạnh thổi về

Thương người quan ải lòng tê tái sầu

Theo tục lệ, hằng năm ở Hà Tây vào ngày mùng 7 tháng Giêng tổ chức lễ Hội “chạy lợn” nhắc lại sự tích vào đời Hùng Vương thứ 18, có một vị tướng tên húy là Nguyễn Hiễn, hành quân qua đây để đánh đuổi giặc. Các bộ lão trong làng xin làm cổ khao quân, vị tướng yêu cầu phải làm nhanh để binh sĩ lên đường hành quân đánh giặc. Vào ngày lễ hội trên, con lợn được đem ra

lễ hội "chạy lợn" phải được nuôi hết sức cẩn thận. Trước lễ hội 10 ngày, chỉ cho ăn cháo gạo nếp, tắm rửa bằng nước lá thơm sạch sẽ mỗi ngày. Dân làng mở hội "chạy lợn" để nhớ về một truyền thống có ý nghĩa về tình quân dân cá nước thời xa xưa. Nhóm nào làm thịt nhanh mâm cỗ đầy đủ đầu, đuôi, bộ lòng sẽ được thưởng.

Sự tích cây huyết dụ, theo truyền thuyết ngày xưa ở gần Chùa, có người chuyên làm thịt heo buổi sáng đem ra chợ bán, thời đó chưa có đồng hồ báo thức, buổi sáng Chùa thường đánh chuông, tiếng Đại hồng chung ngân xa. Người làm thịt heo nghe tiếng chuông thức dậy giết heo, nhưng đêm đó thầy Trụ Trì nằm chiêm bao thấy con heo nái tới vang xin ngài đừng đánh chuông buổi sáng, để người giết heo ngủ quên, heo sắp đẻ một đàn con, nếu giết mẹ thì chết cả con... Thức giấc thầy Trụ Trì không đánh chuông sáng, người chuyên làm thịt heo ngủ trễ, không thể thịt con heo đã nhốt trong chuồng để bán buổi chợ sáng, người đó đến Chùa la lối tại sao Thầy không đánh chuông sáng? Thầy kể lại cho người đó nghe giấc mơ đêm qua, ông ta về nhà thấy con heo nái mình định làm thịt để được chực heo con. Ông ta ân hận, bởi con vật đều có sự sống, ông mang con dao sử dụng hàng ngày tới cắm ở sân

Chùa, thè không sát sanh nữa, từ chỗ con dao mọc lên cây huyết dụ.

Trong dân gian còn có chuyện cổ tích Trạng Lợn. Trạng Lợn xuất hiện như một nhân vật trào phúng, đời vua Lê Thánh Tông đã kích những thói hư tật xấu của bọn quan lại... Ngược lại quan thiên heo, người Bắc gọi là quan hoạn lợn Đỗ Mười (1) năm 1977 làm Phó Thủ tướng kiêm nhiệm Trưởng ban Cải tạo Công thương nghiệp tại miền Nam. Theo ký số X1, X2 và X3. Ngày 23-3-1978 tất cả các cơ sở kinh doanh, buôn bán, nhà hàng, cửa hàng, kho tàng, trung tâm dịch vụ bị niêm phong. Nhà cầm quyền CS đánh tư sản tịch thu nhà cửa, đuổi người ta đi kinh tế mới là một hình thức ăn cướp tài sản của người dân miền Nam. Cả năm hàng đoàn xe tải bị bưng, nối tiếp nhau chở hàng về miền Bắc, làm cho người dân miền Nam đến tận cùng khổ đau, nghèo đói... Sau chiến dịch X3, hàng ngàn gia đình cán bộ CS miền Bắc đã vào Sài Gòn sinh sống trong những ngôi nhà được tịch thu để rồi cả heo và người sống chung trong phòng. Làm nghề thiên heo, phu đồn điền cao su, y tá... không ai chê trách, nhưng chỉ chê thành phần học vấn ít, và cuồng tín lãnh đạo đất nước để rồi bán nước cầu vinh.



Những câu chuyện cổ tích hay huyền thoại trong dân gian, đều nhắc nhở con người sống phải có đạo đức, phải có đức tin. Nếu sống theo chủ nghĩa vô thần, họ không tránh được những hình phạt, không đời này thì cũng tới đời con cháu. Nhìn lại lịch sử Việt Nam trong 43 năm qua biết bao nhiêu đổi thay tình người bị đánh mất, đạo đức suy đồi... Giai cấp cầm quyền tranh giành quyền lực đấu đá, thanh trừng phe nhóm, xảy ra những cái chết với những bệnh vì “virus lạ”, nhiễm phóng xạ... Nhiều người đã qua đời nhưng vẫn bị người đời nguyên rủa, đúng như tục ngữ:

Trăm năm bia đá thì mòn

Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ

Những cái chết bất thường hay bị “đốt lò” cũng làm các “đồng chí” của họ còn nắm quyền cai trị nên bớt tham quyền cố vị... Đời người vô thường và mong

manh, sống phải có đức cho con cháu được nhờ theo luật nhân quả thì “ai gieo gió thì gặt bão”.

Năm con heo đến hy vọng nước Việt chúng ta có “ngọn gió đổi thay”. TT Donald Trump nói trước Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc ngày 25/9 kêu gọi các nước trên thế giới “*chống lại chủ nghĩa xã hội và những đau khổ mà nó đã gây ra cho mọi người*”. Dân tộc Việt phải noi gương tiền nhân chống lại giặc Tàu để bảo vệ biển đảo, bỏ chủ nghĩa CS, để Việt Nam có Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền...

Nguyễn Quý Đại (Germany)

Tài liệu tham khảo:

- 1/ “Đêm giữa ban ngày” của Vũ Thư Hiên viết: Đỗ Mười làm nghề hoạn lợn
 - 2/ Bách khoa toàn thư Wikipedia
 - 3/ Tiere und Lebensräume của wissensbibliothek
 - 3/ Tuyển tập tục ngữ ca dao Việt nam nhà Xb Văn Học.
- (Thành thật cảm ơn các tác giả, và tôi xin mạn phép copy hình tài liệu các loại heo rừng được phổ biến trong tự điển)

4/
<https://www.youtube.com/watch?v=kF0iPHQsmCA>

NỖI NIỀM VONG QUỐC

**** Hạ Thái Trần Quốc Phiệt ****

(Họa bài **Lưu Vong Hành** của Nguyễn Kinh Bắc)

Đại dương cách biệt cả ngàn trùng
Ngồi tận trời Tây nhớ cõi Đông
Hồn vọng miên man về cố quốc
Niềm đau khôn thể nói cho cùng!

Nhớ xưa kinh sử chong đèn sách
Nào ngỡ phận mình vương kiếm cung
Vào chốn giang hồ hành hiệp khách
Tắm thân ngang dọc trải bao vùng.

Gian nguy trận mạc chưa hề nản
Canh cánh bên lòng lý tưởng chung
Bão táp phong ba ghim vững lái
Mặc thây lửa đạn cứ sôi bùng

Trải bao chiến tích thời xuôi ngược
Vẫn được an bình dẫu cát hung
Chất ngất ngút trời mùa lửa đỏ
Góp trang hiển hách sử kiêu hùng

oOo

Cuộc cờ trở thế đành thu kiếm
Ngựa quy rừng khuya lạc bật rung
Trăng gọi cồn hoang sương buốt lạnh
Tan đàn sẩy ghé bước đường cùng!

Xưa cùng đồng đội từng lâm trận
Lắm kẻ nương thời đợi rụng sung

Những kẻ ngồi yên chờ gió lộng
Nghe không tiếng trống giục thì thùng!
Thân đà cam phận tù xa xứ
Ngày tháng giãn co khó đếm đong
Tủi nhục đói no hồn nặng trĩu
Xa xăm biển biệt bật tin hồng!
Bỗng dưng hóa kiếp loài rừng rú
Chiếu đất màn trời ... tất cả không!
Phá rẫy dẫn cây xây lán trại
Gian nan tiếp tiếp chất cao chông

Lá rừng nước suối cùng khoai sắn
Ổ rạ liếp tre rán ghé lưng
Quốc giục u hoài rền vách núi
Trăng xuyên sương lạnh
xuống khe mừng

Cùng chung cảnh ngộ thêm son sắt
Tổ Quốc ghi lòng tận nghĩa trung
Giữa chốn lao lung không chuyển dịch
Lời thề danh dự dễ chi chùng.

Trăm ngàn nỗi khổ chưa hề hán
Vững chí kiên trì giữ đỉnh chung
Đổi diện triển miên muôn sự ác
Lần ranh cách biệt khó tương đồng

oOo

*Thuyền từ đở bến trời mong ước
Đốt nén nhang trầm khấn bái vong
Đồng đội bỏ mình thời khổ nạn
Điếu văn tạ biệt xót xa lòng!*

*Chán thay lắm kẻ cùng chung phận
Sống ở quê người lại láo lung
Cái bã hư danh gây đối nghịch
Trẻ môi uốn lưỡi hót mông lung ...!**

*Bày trò kết nhóm gây bè cánh
Bắn mắt nhân quần ghé luận công
Áo mào cân đai màn kịch cớm
Nhờn nhờ như mặt bọ lên đồng.*

*Văn chương bát nháo tung hô hoàng
Múa bút học hần kiểu nổi xung
Trắng cuội vẽ tô màu sắc ảo
Hung hăng như dã thú sẵn lòng.*

*Giữ gìn trong sáng nguồn ngôn ngữ
Chớ hát ngang
chàng ngược ngọn phong
Vẽnh mặt khoa trương cho thỏa thích
Chưa phai nổi nhục đã chao lòng!*

*Vẽ tô chính kiến bày ra lễ
Đã hết thời rồi ngọn bút lông!
Hãy quảng đi ngay trò dị hợm
Vị chua son phấn tưởng hương nồng*

*Vọng vang tiếng thét người cùng khổ
Đang chịu đọa đày bởi xích gông
Khúc "Hậu Đình Hoa" đừng hát nữa
May ra sớm có cuộc tương phùng. **

*Còn đau đớn lắm nhìn thân phận
Mãi đứng làm gì thẹn núi sông!
Ngựa quy gươm cùn trắng nhạt bóng
Buồm căng chằng kíp nước xuôi dòng*

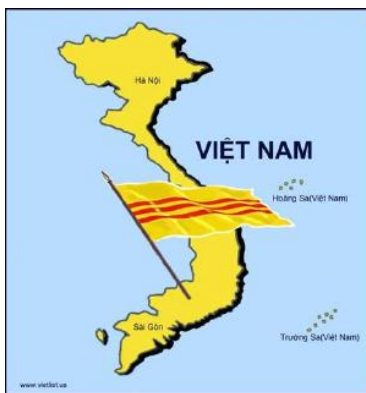
*Lơ phơ xỏa tóc chiều mây bạc
Chén rượu hồ trường chứa cạn xong
Vó ngựa chồn chân xa Ải Bắc
Nhìn ra hải đảo biệt muôn trùng!*

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

Dec /01/ 2018

* Thay 2 vận "ngùng", vì ngùng đi với âm bằng là tử vận.

Trong lúc toàn bài tôi muốn họa đối vận với nguyên bản.



MON AMIE LA ROSE

On est bien peu de chose
Et mon amie la rose
Me l'a dit ce matin
À l'aurore je suis née
Baptisée de rosée
Je me suis épanouie
Heureuse et amoureuse
Aux rayons du soleil
Me suis fermée la nuit
Me suis réveillée vieille
Pourtant j'étais très belle
Oui j'étais la plus belle
Des fleurs de ton jardin

On est bien peu de chose
Et mon amie la rose
Me l'a dit ce matin
Vois le dieu qui m'a faite
Me fait courber la tête
Et je sens que je tombe
Et je sens que je tombe
Mon cœur est presque nu
J'ai le pied dans la tombe
Déjà je ne suis plus
Tu m'admiraais hier
Et je serai poussière
Pour toujours demain

On est bien peu de chose
Et mon amie la rose
Est morte ce matin
La lune cette nuit
A veillé mon amie
Moi en rêve j'ai vu
Éblouissante et nue
Son âme qui dansait
Bien au-delà des nues
Et qui me souriait
Crois celui qui peut croire
Moi, j'ai besoin d'espoir
Sinon je ne suis rien
Ou bien si peu de chose
C'est mon amie la rose
Qui l'a dit hier matin

**Cécile Caulier &
Jacques Lacombe**



BÔNG HỒNG BẠN TÔI

*Có gì đâu chuyện sắc không
Hãy nghe tâm sự bông hồng bạn tôi
Sáng nay hồng kể chuyện đời
Minh sinh ra đúng lúc trời bình minh
Hoa hồng tên đặt cho mình
Nở khoe thắm sắc diễm tình thom hương
Đầy vui sướng, ngát yêu đương
Ướt trong tia sáng vừng dương huy hoàng
Đêm về khép cánh mơ màng
Đê rồi thức dậy bề bâng già đi
Minh từng đẹp nhất ai bi
Trong khu vườn bạn hoa chi sánh cùng*

*Chuyện đời cũng chẳng lạ lùng
Hãy nghe tâm sự bông hồng bạn tôi
Sáng nay hồng kể chuyện đời
Hãy xem Trời chuyển hóa nơi hồng này
Khiến mình rũ ngọn xuống ngay
Và mình cảm thấy thân gầy nhẹ rơi
Tâm hồn trống rỗng đơn côi
Chán trong phần mộ cuộc đời trôi nhanh
Còn đâu nhan sắc nguyên trinh
Bạn từng chiêm ngưỡng dáng mình hôm qua
Minh cùng cát bụi tan ra
Ngày mai mình mãi lìa xa cõi trần*

*Chuyện đời đơn giản vô ngần
Bạn tôi hôm trước muôn phần đẹp tươi
Cánh hồng phở sắc tuyệt vời
Sáng nay lá ngọn, lìa đời buồn thay
Vắng trắng sáng toả đêm nay
Chăm lo đón bạn hồng đầy thân thương.
Riêng tôi trong giấc mộng thường
Thấy hồng rụng rở non nường sắc phở
Hồn theo vũ điệu thiên thu
Tầng cao lơ lửng đêm tô mây trời
Trao cho tôi một nụ cười
Lòng tin ai có xin người vững tin
Tôi cần hy vọng triển miên
Nếu không tôi chẳng đáng nên tự hào
Chuyện đời có đáng chi nào
Bạn tôi hồng đẹp uá màu nát tan
Sáng qua tâm sự khổ than
Vô thường sớm nở tối tàn đời hoa*

Tâm Minh Ngô Tăng Giao
(chuyên ngữ)

Nghe Françoise Hardy hát:

<https://www.youtube.com/watch?v=nYJYhpXG-wQ>

THƯ

** tiểu thu (Canada) **

Sau khi trở thành cô Tú 1, Thư và Ái Châu, cô bạn thân nhất lớp, lo sửa soạn hành trang để đi vào cuộc sống mới. Hai cô bé sẽ rời cái tỉnh bé nhỏ nhưng thật thơ mộng của miền Cao nguyên để xuống Sài Gòn học tiếp. Lần đầu tiên phải sống xa gia đình, xa vòng tay mẹ, các cô cảm thấy hơi lo lắng. Thư từng theo mẹ về Sài Gòn, nhưng sau đó đi Vũng Tàu, Đà Lạt chơi chứ không ở Sài Gòn lâu. Mẹ và Thư đi chợ Sài Gòn để sắm quần áo, giày dép, ra bến tàu vừa ngắm những con tàu khổng lồ vượt đại dương vừa ăn sò huyết nướng. Ôi chao, trong làn gió hiu hiu mát rượi, thưởng thức những con sò ngọt lịm chấm muối tiêu chanh, ăn một lần không bao giờ quên được.

Có một lần mẹ dẫn Thư đến rạp Olympic xem đoàn Kim Chung ca cải lương. Nhưng thật tình Thư không thích lắm. Xem ciné thích hơn nhiều. Con bé không khỏi bật cười khi nhớ đến những lần cùng với Ái Châu đi xem phim Ấn Độ. Kontum nhỏ nên trần si có một rạp hát kê bên chợ. Phía trước là một dãy bán đủ thứ quà để người vào xem hát mua đem theo nhâm nhi. Cóc, ổi, bắp nướng, khoai lang nướng, khô mực nướng... Vì vậy mà sau những xuất hát, rác đầy sàn rạp!

Nhà Ái Châu có phần hùn nên khi vào xem, hai cô không cần trả tiền vé. Những hôm rạp chiếu phim Ấn Độ thì đông nghẹt không có chỗ ngồi, dù chiếu hai xuất. Chủ rạp tha hồ hốt bạc.

Các bà, các cô đi ra người nào mắt cũng đỏ hoe vì khóc. Hôm nào chiếu phim Âu Mỹ thì rạp vắng như chùa bà Đanh. Lỡ te tua! Cũng nhờ xem những phim Âu Mỹ này, dù phim cũ rích, chiếu chán chê ở Sài Gòn rồi mới bò lên tới xứ Thượng, Thư cũng lỏm bẻm quen mặt mấy cô đào nầy lửa Brigitte Bardot, Sophia Loren, Elizabeth Taylor, Claudia Cardinal, Sylvana Mangano... Các tài tử đẹp trai Robert Taylor, Rock Hudson... Thật là những kỷ niệm thật êm đềm. Nó vẫn theo Thư mãi đến cuối đời!

oOo

Chiếc Air Việt Nam đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất trong cái nóng oi ả của Sài Gòn. Thư và Ái Châu theo đoàn người rời khỏi phi cơ, đi vào phòng đợi. Dẫn đầu là một cô tiếp viên hàng không mặc áo dài xanh màu thiên thanh, hai bên bầu áo trước cổ có thêu hình con rồng. Thư nghe đồn phải có quen lớn mới vào được ngành này. Kể cũng lạ. Cùng làm nghề tiếp viên, mà hành nghề dưới đất thì không được kính nể cho lắm. Ngược lại hành nghề trên không trung lại được trọng vọng, ước mơ!

Một người đàn bà có vẻ quê mùa, tay nắm một đứa trẻ độ hai tuổi, tay kia xách một xách khá nặng. Bà ta đi có phần vất vả. Thư muốn giúp, nhưng hai tay cũng đã có hai túi to đùng. Mẹ bắt

xách lĩnh kính đủ thứ xuống biểu nhà chú Kiên. Thư còn chưa biết tính sao, đột nhiên ông Trung Úy Bác sĩ đi cạnh Thư lên tiếng gọi người đẹp áo xanh đang đi hai tay không:

-Này cô! Phận sự của cô là giúp đỡ hành khách. Vậy cô chờ gì mà không giúp bà này một tay?

Ban đầu người đẹp hơi ngỡ ngàng. Khi thấy nhiều ánh mắt chiếu vào mình với vẻ không mấy thiện cảm, cô nàng miễn cưỡng cầm cái xách nặng chình chịch của bà nọ, sau khi ném một cái nhìn bén ngót cho ông Trung Úy. Ông ta tỉnh bơ. Thư thì thấy khoái, nhe răng cười với ông Trung úy. Ít nhất trên đời cũng còn những kẻ có lòng. Thư nghĩ ông này là một ông thầy thuốc tốt đối với bệnh nhân.

Xe bus chở hành khách về trạm Hàng không trên đường Phạm Ngũ Lão. Sau khi lấy hành lý, Ai Châu được bà dì ruột đón về nhà. Hưng, con trai chú Kiên ra đón Thư. Hưng hơn Thư một tuổi, năm nay sẽ lên Đại Học. Nó chọn Văn Khoa vì yêu văn chương thi phú. Mới hai năm không gặp mà anh chàng trông lạ hẳn. Nhưng Thư càng ngạc nhiên hơn khi Hưng xách hành lý ra chỗ đậu xe. Người thanh niên đang đứng cạnh chiếc Coccinelle màu vàng nhạt thấy hai chị em vội đi tới xách bót dùm hành lý. Hưng giới thiệu:

- Anh Nhân là con dì Hai em. Bữa nay em phải nhờ xe anh ấy để ra đón chị Thư đó. Anh Nhân là Quản lý một hãng nước ngọt trong Chợ Lớn.

- Chào cô Thư. Tôi nghe các em nhắc cô hoài, hôm nay mới gặp.

Thư không biết nói gì, chỉ lí nhí :

- Chào anh Nhân. Thư làm phiền anh quá.

- Được gặp Thư tôi vui lắm. Không phiền tí nào. Nói xong Nhân cười, lộ hàm răng trắng đều. Nụ cười hiền. Cặp mắt một mí nhưng to và ảm áp. Yên vị xong, Nhân đề nghị:

- Thư đói bụng không? Hay ta đưa Thư đi ăn cái gì trước khi về nhà nhé. Hùng nghĩ sao?

Hùng chưa trả lời, Thư vội từ chối:

- Cám ơn anh. Lúc này trên máy bay có cho ăn nhẹ nên Thư không đói. Anh cho về nhà kẻo chú thêm mong.

Trên đường đi, chỉ có Nhân và Hùng nói chuyện. Thỉnh thoảng Nhân hỏi gì Thư mới trả lời. Cô bé thấy anh chàng dễ mến. Chỉ tội chiều cao hơi khiêm tốn. Chắc chỉ đến một thước sáu. Thua thẳng Hưng cả nửa cái đầu.

Nhà chú thiêm Thư ở đường Trần Xuân Soạn, bên kia cầu Chữ Y. Tới nhà, Hưng mở cổng cho xe chạy vào sân. Nhà thật sâu vào trong, có cả một sân rộng tráng xi măng. Chung quanh sân trồng nhiều khóm hoa và sau nhà thấp thoáng vài cây dừa. Tàn lá phất phơ vì sau nữa là cánh đồng chạy dài ra xa, lò mờ một hàng cây xanh thẳm. Gặp lại Thư chú thiêm rất mừng. Nhà có ba gái ba trai. Cô gái đầu lấy chồng Không quân. Thứ nhì là Hưng và cô thứ ba tên Vy nhỏ hơn Thư một tuổi. Thư thân với con bé này nên những ngày ở đây nàng sẽ ngủ chung phòng với Vy. Còn hai đứa nhỏ đang học Trung học Đệ nhất cấp.

Xách hành lý vào phòng, Thư lấy cái gùi nhỏ xíu ra tặng cho cô em họ. Vy thích lắm, cầm ngắm nghía mãi. Đột nhiên con bé cười:

- Chị Thư biết tại sao bữa nay anh Nhân đi đón chị không?

Thư ngạc nhiên:

- Thì tại Hưng nhờ anh ấy.

- Cũng có một phần. Nhưng em tiết lộ chuyện này cho chị nghe nha. Cách đây hai tháng anh Nhân qua đây chơi. Anh ấy lật album ở phòng khách ra xem. Thấy tấm hình chị chụp đứng trên cầu Dakbla, mắt mờ màng nhìn về rặng núi xa xa, tóc thề bay theo gió...chị gửi tặng em năm ngoái đó. Thế là chàng bị coup de foudre!

Nói xong Vy cười khoái chí. Thư cốc đầu con bé:

- Xạo đi. Anh ấy đâu biết gì về chị mà bị ...

- Chặc! Chặc! Thì anh ấy hỏi tụi em là biết liền chứ khó gì. Anh Nhân còn hỏi em chị đã có người yêu chưa? Em nói chưa!

- Con nhỏ xíu xọn này! Thư cười trừ, lắc đầu chào thua.

Tiếng bà Kiên gọi ra ăn cơm nên cả hai vội vàng đi ra. Chú thiếu Thư mời Nhân ở lại ăn cơm chiều với gia đình. Bữa cơm ấm cúng và vui. Nhân tỏ ra lịch lãm. Nói chuyện khôi hài ý nhị khiến Thư không cảm thấy lúng túng khi ngồi trước mặt chàng. Nhưng những câu trêu chọc bóng gió của Vy đôi khi làm Thư đỏ mặt, không dám nhìn Nhân. Trước khi từ giã, Nhân nói với Thư khi nàng đưa Nhân ra cửa để nói lời cảm ơn:

-Khi cần giúp bất cứ chuyện gì, Thư cứ cho anh biết. Nhớ nhé.

Thư cố nhịn cười khi nhận thấy khoảng cách giữa hai người đã rút ngắn lại với tiếng "anh" thân mật,

nhưng chỉ dịu dàng đáp lại như một con mèo nhỏ ngoan hiền:

- Dạ. Thư sẽ nhớ.

Đêm đó hai con bé rủ rỉ rừ rì tới khuya. Vy kể chuyện Vân, chị lớn của Vy, mới đi đánh ghen ông chồng không quân hào hoa phong nhã. Có vợ đẹp như tiên mà vẫn còn đeo bông bồ bịch khắp bốn vùng chiến thuật. Vân đẹp nảo nùng, nhưng hiền ít ai bì kịp. Anh chàng không quân theo đuổi Vân từ năm con bé mới lên mười sáu. Chàng gặp nàng ở trước cổng trường và trồng cây si bất kể nắng mưa. Dù gia đình phản đối vì Vân còn quá trẻ, con bé vẫn cứ nhất định lấy chàng không quân. Về sau khổ quá nhưng không dám thổ lộ với gia đình. Chỉ thỉnh thoảng tâm sự chút chút với em gái cho vui bớt niềm đau. Vy nói:

- Thấy chị Vân khổ vậy em đâm sợ đàn ông chị Thư ạ. Ngày nào còn thế non hẹn biển. Nếu lấy nhau không được thì quyết nắm tay nhau cùng chết...chùm. Thế mà khi bướm chán ong chê thì trở mặt như người ta trở bánh phồng!

Đang ngậm ngùi trước sự bất hạnh của cô em họ, Thư bật cười:

- Trời! Hôm nay Vy nói chuyện giống bà cụ non.

- Thì mẹ em nói vậy mà. Đàn ông đáng sợ thật phải không chị?

- Chị đâu có biết. Chị chưa yêu, chưa gặp người để yêu nên chưa có kinh nghiệm. Nói vậy anh Nhân của Vy cũng đáng sợ hả? Thư trêu.

- Không. Không. Anh Nhân em đang hoảng lắm. Vy chống chế.

- Chị đùa thôi. Bây giờ ngủ. Hai mắt chị mở hết nổi rồi.

oOo

Sáng sớm hôm sau, Thư nhờ Hưng đèo xe gắn máy theo địa chỉ tìm nhà Thái. Thái là anh hàng xóm của Thư. Hai bà mẹ thân nhau nên cũng muốn hai đứa nên duyên cầm sắt. Có ngờ đâu chàng ta lại yêu Ái Châu tha thiết. Thái đang học trường Kỹ sư Phú Thọ. May quá, anh chàng đã mặc quần áo sắp ra cửa. Thấy Thư, Thái mừng rỡ, vội vàng mời hai chị em vô nhà. Hưng và Thái bắt tay nhau. Thư đưa mắt quan sát. Đây là một căn gác khá rộng. Có một cái giường đơn và một bàn viết. Quần áo máng lủ khủ trên vách. Thái hơi ngượng nói:

- Thư đừng cười. Con trai độc thân nên bê bối lắm. Anh ăn cơm thánng với chủ nhà ở tầng dưới. À, chị bạn anh ở Régina Pacis trả lời là có chỗ cho Thư rồi đó. Đầu tháng dọn vào ngen. Chỉ còn hơn 1 tuần nữa thôi. Bây giờ tụi mình đi qua nhà dì Ái Châu để thăm nha.

Thư biết tâm trạng nôn nóng gặp người yêu của Thái nên nói:

- Chắc Thư phải gặp bạn anh để hỏi xem thế nào...

-Được rồi, được rồi. Thái cắt ngang. Sau khi qua thăm Ái Châu, anh sẽ đưa Thư đi gặp chị Bích. Chị chưa? Bây giờ mình đi.

-Trời ơi, anh Thái làm gì mà như chạy giặc vậy? Ái Châu sẽ ở đây luôn chứ có đi Tây đi Tàu gì đâu mà anh cứ quỳnh lên không sợ cậu Hưng cười cho à?

Có nghe Thư kể sơ về chuyện của Thái và Ái Châu, nên Hưng cười:

- Không sao đâu anh Thái. Hưng thông cảm với anh. "Nhất nhật...bất diện như thiên thu hề"! Hưng cũng có người yêu nên hiểu rõ lắm. Nào ta đi.

Thư chỉ còn nhìn hai ông tướng, lắc đầu ngao ngán. Không ngờ thằng em còn "ché" ra nho chùm! Cả ba đến đường Hòa Hưng. Trước khi đến cổng khám Chí Hòa độ trăm thước rẽ tay phải, vào một con hẻm tráng xi măng, sau đó rẽ tay trái. Nhà dì Ái Châu xây giống dạng villa, có rào sắt bao quanh. Thư bấm chuông, chị người làm ra mở cửa mời ba người vào phòng khách. Phòng khách chưng bày sang trọng với salon, tủ thờ, tranh ảnh đều cẩn xa cừ lông lánh. Bà dì Ái Châu từ nhà trong đi ra. Tướng bà sang trọng trong bộ đồ gấm màu đỏ rượu chát. Cả ba vội đứng dậy chào. Hôm qua có gặp Thư và Hưng nên bà cười vui vẻ với cả hai, rồi đưa mắt nhìn Thái. Thư vội giới thiệu:

- Thừa dì, đây là anh Thái. Hàng xóm ở Kontum với Ái Châu và cháu. Anh Thái cũng là bạn học với anh Chương. Anh Thái đang học trường Kỹ Sư Phú Thọ.

Thấy lý lịch của gã con trai lạ mặt không đến nỗi tệ lắm nên bà dì của Ái Châu cũng mỉm cười với Thái. Anh chàng mừng thầm. Nói dăm ba câu, dì của Ái Châu đứng lên đi vào nhà trong, sau khi đã dặn bọn trẻ cứ tự nhiên trò chuyện. Kỳ đà đi rồi Thái thở phào, quay nhìn Ái Châu bằng cặp mắt thật tha thiết, nồng nàn:

- Em có khỏe không? Lạ nhà khó ngủ lắm hả? Chắc nhớ nhà lắm phải không?

- Từ từ! Thư xen vào. Để cho Châu nó thở với chứ. Anh hỏi một lèo nó biết

đường nào mà trả lời. Ủa, mà em cũng giống y chang như nó, sao không thấy anh hỏi câu nào hết vậy kìa!

Thái quay nhìn Thư ngược ngệu:

- Thì tại...thì tại vắng hai tuần nên...nhớ quá mà! Anh nói thiệt đó Ái Châu. Ngày nào anh cũng trông em. Vừa nói cu cậu vừa chồm qua Ái Châu.

Ái Châu chỉ ngồi mồm mỉm cười. Thư liếc vô trong, đưa tay lên miệng suyt một tiếng, rồi hạ giọng:

- Nhỏ nhỏ thôi. Đừng quên đây là nhà của bà dì con Châu. Coi chừng bả nghi này nọ rồi cấm cửa thì phiền cho anh lắm đấy. Người Huế và người Bắc kiểu cách chứ không giống Nam kỳ của anh đâu ạ!

Thái nghe nói cũng hết hồn, ngồi ngay ngắn lại, đưa cặp mắt đăm đũa nhìn người yêu:

- Vậy khi nào tụi mình gặp nhau? Tới đảng nhà trọ của anh nha.

- Trời! Châu ơi, mi đến đó tao không bảo đảm đâu nhé. Thư đùa.

Ái Châu nói:

- Thong thả đã anh. Chừng nào em thấy tiện thì tụi mình gặp nhau. Dì em khó tính lắm. Hơn nữa mẹ em viết thư gởi gắm nên dì càng canh gắt!

Thái nhăn nhó:

-Vậy thì chết anh rồi. Thư ơi giúp anh với.

- Dễ thôi mà. Thư trả lời tình bơ. Mỗi ngày anh đứng trồng cây si trước cửa trường là gặp "Em" ngay chứ khó gì!

Thái chột nhó:

- À mà hai cô định ghi tên trường nào vậy?

Thư trả lời:

- Em nghe nói Régina Pacis gần trường Văn Học. Ngày mai em sẽ đi ghi danh. Ái Châu, bồ có muốn học trường đó với tở không? Anh Thái và Hưng thấy trường Văn Học thế nào?

- Hưng có mấy thằng bạn học Chu Văn An bị rớt, tụi nó ra Văn Học học lại Đệ Nhất và khen lắm. Ban giáo sư giỏi.

- Vậy ngày mai Hưng chờ chị ra đó ghi tên nhé. Anh Thái, gặp mặt người ta rồi, bây giờ về được chưa? Anh hứa dẫn Thư đi lại Régina gặp chị Bích. Nếu còn thì giờ Thư muốn đi mua vải may áo dài.

- Anh nghe nói học sinh trường Văn Học không cần mặc áo dài mà.

- Nhưng Thư quen mặc áo dài đi học rồi anh ạ. Nhà quê mà!

Thái muốn kéo thêm thời gian ở gần Ái Châu. Nhưng khi thấy hai người kia đứng lên Thái đành đứng lên theo.

- Ngày mai Ái Châu có cần anh đưa tới trường Văn Học để ghi tên không? Sáng mai anh tới đón. Tụi mình hẹn gặp Thư và Hùng đảng trường Văn Học nha.

Thái nhìn người yêu với đôi mắt đầy vẻ khẩn cầu khiến Ái Châu cảm thấy áy náy. Cô ngần ngừ:

- Thôi anh đừng đến đây sợ dì rầy. Châu sẽ gọi xích lô đến trường. Hẹn gặp lúc chín giờ được không?

Thái mừng như mở cờ trong bụng. Chưa chi trong trí anh chàng đã phác họa chớp nhoáng một chương trình hấp dẫn cho ngày mai. Lúc ba người tới Régina Pacis, may quá cô Bích vừa từ dưới quê Long An lên. Bích gần ba mươi nhưng trẻ đẹp và còn độc thân. Cô làm ở Bộ Y tế. Thái quen vì Bích là cháu của chủ nhà nơi Thái ở trọ. Lâu

lâu Bích mới về quê. Thường thường cuối tuần cô ra nhà người bác ăn cơm nên mới quen với Thái.

Mới tiếp xúc lần đầu mà Thư cảm thấy mến Bích. Một người con gái thật đơn sơ, không chút điệu đà. Bích căn dặn Thư những điều cần thiết cho đời sống nội trú nơi đây. Bích sẽ thưa với soeur Madeleine và Chúa Nhật tuần tới là đầu tháng, Thư cứ xách valise vào. Đã có chỗ dành cho Thư rồi. Con bé cảm ơn chị Bích rồi rít, bảo có chị Bích đỡ đầu là em yên tâm. Cả ba bàn nhau và mời Bích đi ăn phở nhưng Bích từ chối. Thế là ba người ra tiệm phở gà Hiền Vương ăn trưa. Kontum chỉ lèo tèo hai ba tiệm phở, nên mọi người thấy phở Phi Trường ngon xuất sắc, nhưng so với phở Sài Gòn còn thua xa. Đúng ra, giữa một khung cảnh nên thơ, bụng đói và tiết trời lành lạnh, một tô phở nóng hổi bốc khói chắt chắt khiến ta có cảm giác ngon lành.

Tô phở gà được bưng ra đặt trước mặt ba người. Những cọng bánh phở trắng ngần, thịt gà trắng phau, những lát hành tây xắt mỏng, thêm vài cọng hành trần xanh xanh, nước dùng trong vắt bốc khói thơm phưng phức. Chỉ nhìn thôi là Thư cũng thấy bụng đói cồn cào, ứa nước miếng! Cả ba vừa ăn vừa nói chuyện vui vẻ. Thư dành trả tiền, nói để trả công cho Thái và Hưng. Thái đưa:

- Nếu biết Thư trả công, anh đòi đi ăn cơm gà Siu Siu mới đáng.

- Ngày mai có Ái Châu, em cho phép anh mời tụi em đi ăn cơm gà Siu Siu trong chợ An Đông. Thư có đi ăn với mẹ rồi. Ngon thật.

- Cô này khôn thiệt nha. Được rồi, ngày mai anh bao.

Bỗng nhiên Thái đổi giọng lo lắng:

- Thư à, bộ người Huế khó lắm phải không?

- Thì em nghe vậy mà. Ngay cả lúc ở Kontum, Ái Châu ít khi được phép ra cà đi ăn kem, đi ăn bò viên, chè...với đám bạn cùng lớp. Khi nào có Thư đến nhà xin phép thì mẹ Châu mới cho đi. Thấy Thư oai không? Gia đình người Huế kín cổng cao tường lắm. Anh nhớ khi gặp dì nó phải hết sức lễ phép, thưa dạ cẩn thận. Không thì mất người yêu đó.

Thái nhái giọng Bắc của Thư:

- Biết rồi! Khổ lắm, nói mãi!

Đến phiên Hưng nhái giọng Nam của Thái:

- Anh Thái ơi, hông có gì phải lo. Níu mà người " Quế" khó quá thì xù luôn đi nhen. Thằng em này có một con em gái "ngộ" lắm. Nhỏ hơn chị Thư một chút hịu hà. Để em giới thiệu cho anh. Em thấy anh thiệt thà em thương.

Thư đập lên vai Hưng một phát:

- Bậy nào! Định phá đám, chia uyên rẽ thúy người ta hả? Anh tin nó là bán thóc giống. Thôi tụi em về. Ngày mai gặp trước trường Văn Học nhé.

- Hưng ơi, Cảm ơn lòng tốt của em. Nhưng trong tim anh chỉ có hình ảnh cô Tôn Nữ Ái Châu mà thôi. Long trọng thề!

Cả ba cười vui vẻ. Chia tay và hẹn ngày mai gặp. Trên đường về Hưng nói:

- Chị Thư, hôm qua trước khi về anh Nhân có nói tối nay sẽ qua nhà rủ mấy chị em mình đi ăn chè Hiền Khánh. Chị nhận lời nhé. Em thấy anh

Nhân có vẻ thích chị lắm. Có chị tụi em mới được đi ăn ké.

Thư bắt bẻ:

- Thì ra tôi bị máy đũa em lợi dụng! Thôi Hưng ơi, tự nhiên đi ăn rồi người ta tưởng chị cũng có cảm tình với người ta thì nguy to.

- Chị cứ lo xa! Bây giờ chị chưa cảm thấy gì. Biết đâu mai mốt thấy gì thì sao? Anh Nhân có một cô bạn học đeo ráo riết mà anh ấy cứ trốn đấy. Với lại nếu sau này chị không có cảm tình với anh Nhân cũng chẳng sao. Mình xem như có bà con đi mà. Chị là cháu bố em, anh Nhân là cháu mẹ em. Tối nay đi ăn chè nhé. Chị nhé.

Biết không từ chối nổi với cậu em họ, Thư đành ừ cho xong. Hưng khoái chí rú ga cho cho chiếc Suzuki dọt lên khiến Thư hốt hoảng vòng tay qua eo, ôm bụng Hưng chặt cứng. Về đến nhà đã thấy anh Tiến của nàng ở đó. Gặp anh, Thư mừng lắm. Mấy tháng rồi Tiến mắc công vụ không về thăm mẹ và em nên Thư cũng nhớ anh. Thấy Tiến có vẻ gầy Thư xót xa. Tiến nói lúc này phải bay nhiều. Lắm phi vụ rất nguy hiểm, thần kinh căng thẳng. Vừa rồi có một bạn thân mới rút máy bay, Tiến buồn quá chẳng thiết ăn ngủ. Vì thế mà gầy đi.

Chàng chỉ xuống chiều nay thăm em, tối phải trở lên căn cứ Biên Hòa. Chàng gửi gắm em gái cho chú thêm. Hẹn chừng nào Thư vào nội trú sẽ cố gắng thăm thường. Thỉnh thoảng được ăn bữa cơm gia đình. Giữa tiếng cười nói, trêu chọc của lũ em họ Tiến cảm thấy hạnh phúc dạt dào. Trong căn cứ, ngày ngày ăn cơm ở Câu Lạc bộ, giữa những người bạn đồng đội, tuy có vài

khuôn mặt thân quen, nhưng không khí vẫn thiếu sự ấm áp của tình gia đình. Những lần về phép thăm mẹ và em Thư ở Kontum chàng được mẹ chiều chuộng tối đa, được ăn những món ngon do chính tay mẹ nấu. Con em thì ra sức đòi hỏi, làm nũng anh đủ điều khiến mỗi lần từ giã là lòng chàng xốn xang khó tả, chỉ mong mau đến lần đi phép tới!

Thư vẫn trêu:

- Mẹ à, bây giờ anh Tiến chưa có "ai" làm chủ trái tim, chứ mai mốt có "ai" rồi, chừng nào anh ấy mới còn nhớ tới mẹ và con!

Tiến cốc đầu em gái:

- Mẹ đừng có tin con nhỏ xíu xọn này! Trong lòng con chỉ có mẹ là nhất! Mẹ nấu ăn ngon nhất, mẹ hiền nhất, mẹ đảm đang nhất. Sau này cô nào phải giống mẹ con mới chịu!

Bà Luân mắng yêu:

- Nói phải nhớ lời đấy nhé. Tôi chỉ sợ khi có vợ rồi, làm chuyện gì cậu cũng phải xin phép vợ thì chết tôi!

Tiến ưỡn ngực ra:

- Trời! mẹ xem thường thẳng con trai của mẹ quá! Dân phi công chỉ có gái mê thôi chứ không hề mê gái!

Thư bĩu môi:

- A! Để em ráng chống mắt lên chờ xem ông anh hào hùng của em sẽ trị vợ như thế nào! Em nghe nói các chàng phi công lái máy bay. Còn các bà vợ thì lái phi công đấy. Anh liệu mà giữ mình.

Cả ba mẹ con cùng phá lên cười. Hạnh phúc rộn ràng. Hạnh phúc long lanh như sương sớm, ấm áp như nắng mai. Như có thần giao cách cảm. Hai anh em cùng nhớ đến mẹ, đưa mắt nhìn nhau, lòng rưng rưng buồn. Lúc

trước Tiến đi xa còn có Thư hủ hỉ. Giờ Thư cũng rời mẹ mà đi, chắc bà cô đơn lắm. Tội nghiệp mẹ lúc nào cũng vất vả buồn bán để các con không thua kém bất cứ ai.

Cả nhà dùng cơm chiều xong thì Nhân lái chiếc Citroen Deux Cheveaux đến đậu trước cửa. Hưng giới thiệu Tiến với Nhân. Hai người chưa từng gặp, vì khi Tiến xuống Sài Gòn học thì Nhân đang du học bên Nhật. Hai người bắt tay. Nhân mời Tiến đi ăn chè với các em nhưng Tiến thoái thác nói phải về Biên Hòa ngay. Chàng kín đáo dúi vào tay em một món tiền. Thư không lấy nhưng thấy anh trừng mắt dọa thì lật đật bỏ vào túi. Tiến cười, xoa đầu em, âu yếm như hồi Thư còn bé.

Cả đám con gái và thằng Út chui hết vào chiếc Cocchinelles của Nhân. Vy đẩy Thư ngồi băng trước, con bé lẻo mép nói vì Thư là "khách" của anh Nhân nên ưu tiên. Hưng chở một đứa em trai chạy theo sau. Thư ngồi cạnh Nhân mà ngượng nghịu nhìn thẳng ra phía trước. Nhân ghé qua nói nhỏ:

- Thư cứ tự nhiên. Đừng căng thẳng quá như thế mất vui. Anh không ăn thịt đâu mà sợ!

Thư đỏ mặt chống chế:

- Thư đâu có sợ anh, nhưng ngồi đây kỳ quá!

Nhân chỉ cười rồi phóng xe đi. Xe lên dốc cầu chữ Y, đột nhiên Vy hỏi:

- Anh Nhân và chị Thư có thấy cây cầu này có hình dáng lạ lùng không?

- Dáng chữ Y thì có gì lạ lùng? Nhân hỏi.

Vy tặc lưỡi:

- Mọi ngày anh thông minh lắm mà. Chữ Y là chữ đầu của chữ Yêu. Anh

không thấy lạ sao? Anh không thấy đây là một dấu hiệu...

Đến đây thì Thư đã đoán ra con em họ muốn nói gì rồi, nên chặn ngang:

- Nhỏ này lộn xộn quá! Tại sao phải là chữ Yêu? Có thể là Yêu, là Yếu, là Yến, là Ý...phải không anh Nhân?

- Anh đồng ý với cách giải thích của Vy. Chữ Yêu là đúng nhất. Nhân vừa nói vừa đưa mắt nhìn sang Thư. Ánh mắt thật nồng nàn. Con bé chỉ còn nước ngồi im, ngậm tằm. Và cố ý nhìn ra ngoài cửa xe, xem phong cảnh. Sài Gòn ban đêm đèn đỏm xanh đỏ lấp lánh. Nhân cố ý lái một vòng ra tận đường Nguyễn Huệ cho Thư ngắm cảnh nhôn nhịp của thành phố về đêm, trước khi vòng qua Tự Do thẳng qua đường Hùng Vương. Vào tiệm chè, cả nhà chiếm một bàn rộng. Tụi nhỏ tíu tít chọn món. Nhân hỏi Thư muốn dùng gì. Thư trả lời:

- Nơi đây có chiêu bài thạch chè, mình cứ gọi mấy ly thạch chè chắc chắn ngon.

Mấy nhóc tí nhao nhao đòi ăn thêm bánh ngọt. Nhân bảo:

- Hôm nay anh bao. Cứ ăn thả giàn những món tụi em thích. Thư tự nhiên nhé em.

Vy ghé tai Thư thì thầm:

- Bữa nay anh Nhân muốn lấy le với chị Thư. Tụi em phải nhân cơ hội móc túi anh ấy cho bồ công qua tận đây. Chị phải lựa món nào đắt nhất đi.

Thư bật cười:

- Anh ấy có lòng tốt mời mình mà sao em tính toán kỹ vậy?

- Xời, nhờ chị thôi. Mọi ngày đâu có hào phóng đến thế.

-Này, hai cô thì thầm nói xấu gì anh đấy? Thư ơi, em đừng bao giờ tin lời bé Vy nói xấu anh.

Vy nheo mắt cười cười:

- Bây giờ em hỏi thật. Anh Nhân muốn em nói tốt hay nói xấu anh với chị Thư đây?

Nhân làm ra vẻ hốt hoảng:

- Ấy, ấy! Hôm nay bé Vy muốn gì anh cũng chịu. Đừng làm mất điểm anh tội nghiệp!

Nói xong Nhân đưa mắt nhìn Thư. Chao ơi, nhìn ngoài thấy còn xinh hơn trong hình. Hôm nay Thư mặc cái áo màu xám đậm, có thêu một nhánh hồng đỏ một bên ngực. Màu áo tôn nước da trắng hồng của cô bé càng thêm trắng. Mái tóc đen mềm xỏa ngang vai, trông vừa ngây thơ vừa đáng yêu. Chỉ mới gặp hôm qua thôi mà xem chừng hình bóng cô bé khó mà thoát ra khỏi trái tim chàng. Nghe Vy nói Thư chưa có người yêu Nhân thấy hy vọng lắm. Thật tình ở tuổi hăm sáu, Nhân cũng từng quen, đi xi nê, đi ăn với một hai cô bạn gái, nhưng chưa bao giờ chàng cảm thấy trái tim mình rung động như lần này. Gia đình đang thúc chàng lấy vợ. Lần này gặp Thư chắc chắn tìm đúng đối tượng rồi. Nhân thấy lòng thật rộn ràng. Vui như chưa bao giờ vui thế!

Sau khi đưa các em về đến nhà. Biết Chúa Nhật tới Thư vào nội trú, Nhân rủ Thư, Vy và Hưng thứ bảy tới đi ăn cơm nhà hàng Thanh Thế, sau đó đi xi nê. Eden đang chiếu một phim tình cảm rất hay. Phim Angélique Marquise des Anges. Thư ngần ngại, nhưng Hưng và Vy nhận lời ngay. Vy năn nỉ Thư một lúc, nàng đành phải ừ!

Lên giường rồi Vy chưa chịu ngủ, qua sang kể cho Thư nghe đủ thứ chuyện về Nhân:

- Chị Thư biết không, nhà dì Hai em có ba anh và hai chị. Nhưng tụi em thương anh Nhân nhất. Anh ấy rất đàng hoàng. Thương và săn sóc, giúp đỡ tụi em nhiều lắm. Hiện thời có một chị tên Kim theo anh ấy quá trời. Chị Kim yêu anh Nhân từ lúc hai người còn học chung trường Hưng Đạo. Bây giờ chị ấy là Dược sĩ. Không biết mắc gì mà chị Kim cứ đeo theo anh Nhân. Anh sợ chết khiếp luôn. Chị ta tới nhà kiểm hoài mà anh Nhân trốn biệt. Dì em thấy chị ấy là Dược sĩ cũng muốn ghép vào. Nhưng anh Nhân em một mực lắc đầu. Em có hỏi tại sao? Anh nói không biết. Nhưng gần cô ấy, anh không cảm thấy mấy may rung động. Cứ y như gần một thằng bạn trai! Buồn cười quá hả chị? Nhưng từ khi anh ấy gặp chị thì khác hẳn. Em thấy anh ấy vui vẻ, cười luôn miệng. Em hỏi thật, chị thấy anh Nhân em thế nào?

- Chị mới gặp anh ấy có hai lần. Phải có thời gian mới nhận xét đúng chứ. Lòng người khó biết lắm em ạ.

- Nhưng em bảo đảm anh Nhân em là người tốt. Nếu không em đâu dám để anh ấy quen với chị.

- Dĩ nhiên rồi. Bây giờ thì chị xem anh ấy như anh Tiến của chị được chưa? Thôi ngủ đi cô nương. Mai chị phải đi ghi danh học rồi. À, hay mai Vy đi với chị. Sau đó chị em mình ra chợ Sài Gòn cho chị mua vài khúc vải may áo dài đi học.

- Được rồi. Mai em đi với chị. Em biết chỗ may áo dài đẹp lắm. Để em đưa chị đi may luôn.

Vy ngũ rồi mà Thư vẫn còn thao thức. Nàng nhớ mẹ, nhớ Kontum. Xứ thượng nhỏ và buồn, nhưng với Thư là cả một trời kỷ niệm. Nhớ con đường với hai hàng phượng vĩ rợp bóng của mái trường thân yêu. Con sông chảy ngược hình vòng cung ôm gọn cái thị trấn nhỏ bé. Nó có thể hiền hòa, chảy lững lờ vào mùa khô và cuộn cuộn hung hãn vào mùa lũ. Giòng nước phẳng phẳng cuốn trôi cả làng mạc, gia súc hai bên bờ. Thư nhớ vào những năm Đệ Lục Đệ Ngũ theo đám bạn ra bờ sông rình xem những cô sơn nữ tắm khóa thân. Các cô hồn nhiên nô đùa trong giòng nước trong veo, không một chút ngưng ngưng, phô bày những thân hình tuyệt mỹ. Những cuối tuần cả bọn đạp xe vào làng Thượng chơi. Mùa đông, những em bé trần truồng ngồi quanh đống lửa sưởi ấm. Mặt mày lem luốt, mũi dãi lòng thòng thây mà thương. Thời nào thì đám người thiểu số này cũng đáng thương cả. Con người tàn ác nhất trong mọi loài. Càng ngày, bản làng người Thượng càng lùi sâu vào trong núi. Người Kinh ta thì "khai phá". Nhưng người dân tộc thiểu số không thích sống chung với quân "xâm lăng" nên cứ lùi dần, nhường đất cho người Kinh. Đôi khi Thư tự hỏi "Trên đời này có thiên lý không nhỉ?" Nếu có thì tại sao những bất công muôn đời vẫn tồn tại? Câu hỏi không bao giờ có câu trả lời thỏa đáng! Thư chìm dần vào giấc ngủ...

tiểu thu (Canada)

THÁNG CHẠP

*tháng Chạp rồi sao? Ô sắp Tết
một năm đi, thêm một tuổi về
còn lại chi, những gì sẽ hết
trong cuộc đời lữ khách xa quê?
tháng Chạp đến, Đào Mai chớm nụ
thôn xóm vui chợ búa rộn ràng
mùi bánh mứt thơm lừng góc phố
trẻ con khoe áo mới đầu làng!*

*tháng Chạp về, những ngày giáp Tết
thương quá chừng, nhớ lắm quê ơi
những nỗi nhớ chưa hề biết mệt
trong tâm tư suốt một đời người!
cám ơn ai nhắc ta tháng Chạp
để không quên vị Tết quê nhà
dẫu thế sự thăng trầm đã khác
đất chôn nhau ấm lạnh trong ta!*

Cao Nguyên



XUÂN MƠ

Mùa Xuân xưa thuở đầu đời,
Thích thơ yêu nhạc từ thời trẻ cơ.
Bắt đầu đi học ước mơ,
Lớn làm Thầy giáo đơn sơ bên Trò.

Ngày Xuân theo bạn xuống đò,
Sông Cầu trảy hội hẹn hò Hội Lim.(1)
Lời ca rung động con tim,
Đàn Anh, đàn Chị cùng tìm đến nhau.

Thời gian một thoáng qua mau,
Quê hương khói lửa,
thương đau xóm làng.
Từng đoàn trai tráng lên đàng,
Ra đi cứu nước sẵn sàng đầu quân.

Cuộc đời như thể phù vân,
Nhà tan, nước mất, triệu dân cơ cầu.
An dân, bảo quốc hàng đầu,
Tạm xa làng xóm lòng sầu miên man.

Đường lên xứ Thượng quan san,
Đêm khuya trăng sáng
không gian mơ màng.
Vẳng nghe tiếng hát rộn ràng,
Các nàng sơn nữ
"bản làng" mừng Xuân.

Đón chào chiến sĩ dừng quân,
Đào mai chớm nở báo Xuân đang về.
Nhớ xưa dưới ánh trăng thề,
Bên người yêu dấu làng quê thuở nào.

Cùng nhau đi dạo vườn Đào,
Nhật Tân, Đào nở
khác nào Thiên Thai. (2)
Nhìn Đào gợi nhớ đến Mai,
Chợ Hoa Nguyễn Huệ
cùng ai đêm nào?

Tóc Em hương tỏa ngọt ngào,
Lòng mơ Xuân cũ dạt dào thiết tha.
Bao mùa Xuân đẹp đã qua?
Tan mơ, Xuân mộng lòng ta nhớ hoài.

Thái Hưng

(1) Sông Cầu và Hội làng Lim thuộc tỉnh Bắc Ninh nổi tiếng về "hát quan họ"
(2) Hoa Đào "Nhật Tân" của Thăng Long Hà Nội nổi tiếng từ lâu



VỢ CHỒNG ANH MỠ

** TT-Thái An **

Khi tôi còn bé, khoảng bảy, tám tuổi trở đi, thỉnh thoảng mẹ đã kể chuyện đời xưa cho tôi nghe. Trẻ con đứa nào cũng thích nghe chuyện đời xưa, vì thế tôi chú ý lắng nghe. Trong suốt nhiều năm, có nhiều chuyện mẹ kể đi kể lại mà tôi vẫn thích nghe. Tôi nghe mà hình dung ra được những nhân vật mẹ đang kể, cứ như là tôi cũng quen biết với họ.

Mẹ tôi người làng Tây Hồ. Thời của mẹ, những năm 1930, làng này còn ở ngoại thành Hà Nội. Mẹ có người bác họ tên Trần, con chú con bác với ông ngoại tôi. Ông này có vợ và một con gái lớn hơn mẹ khoảng bảy hay tám tuổi. Ông Trần đi buôn bán trên Việt Trì, gặp người đàn bà khác nhan sắc mặn mà nên cưới thêm bà này làm vợ hai và ở hẳn trên đó.

Vợ cả của ông Trần nuôi con một mình rất cực khổ. Bà phải đem con lên Phúc Yên làm thuê làm mướn, đến mùa cấy, mùa gặt thì đi cấy thuê, gặt thuê. Cũng có khi đi bện chổi cho mấy nhà làm chổi. Tuy nghèo khổ vất vả, mỗi năm bà cũng cố gắng dắt con về làng thăm nhà, thăm họ hàng ít nhất một lần. Khi chị Trà, con gái bà được mười sáu tuổi, có người làm mai cho anh Mỡ, người cùng làng Tây Hồ, nhà rất nghèo. Thời buổi phong kiến đó,

nghèo thì lại lấy nghèo vì “Môn đăng hộ đối” mà!

Cũng như bao nhà khác trong làng, nhà anh Mỡ có nghề kéo chỉ màu bằng tơ tằm. Bà Trần bằng lòng gả con gái cho người cùng làng, vì đó là niềm ao ước của bà. Bà mong sao con bà yên nơi yên chỗ, không phải theo bà đi làm thuê ở Phúc Yên nữa.

Thế là năm chị Trà mười bảy tuổi, chị được mẹ gả cho anh Mỡ. Đám cưới đơn sơ, mời họ hàng đôi bên đến chứng giám, đãi tiệc đúng phép đúng lệ. Sau đó bà Cả Trần lại về Phúc Yên đi làm thuê. Chị Trà ở lại với nhà chồng, trong một căn nhà tranh vách đất.

Nhưng chỉ ba hôm sau, chị Trà đã bỏ về Phúc Yên với mẹ đẻ. Họ hàng đôi bên và cả làng ngơ ngác chẳng hiểu tại sao. Hỏi anh Mỡ, anh cũng không biết tại sao.

Một năm sau chị Trà trở lại Tây Hồ thăm họ hàng. Mỗi lần về Tây Hồ, chị hay đến nhà mẹ tôi ở nhờ, vì chị gọi ông ngoại tôi là chú. Có khi chị ở vài ngày, có khi cả tuần lễ. Lần này, vài bà trong họ xúm lại khuyên chị Trà trở lại với anh Mỡ vì đã là vợ chồng rồi thì phải ở chung mới phải. Một bà tình nguyện dắt chị về nhà anh Mỡ. Chị

theo bà đi. Nhưng chỉ ba ngày sau chị lại bỏ về Phúc Yên.

Một năm sau chị lại trở lại Tây Hồ, đến ở nhờ nhà mẹ tôi. Vài bà trong họ lại đến khuyên chị trở lại với anh Mỡ. Lần này một bà khác tình nguyện dắt chị về. Chị cũng bằng lòng theo bà đi. Nhưng cũng chỉ bốn ngày sau chị lại bỏ về Phúc Yên.

Một năm sau nữa, chị lại từ Phúc Yên về Tây Hồ. Lại đến ở nhà mẹ tôi. Các bà trong họ lại đến khuyên chị trở lại với anh Mỡ. Một bà nói: “Về với anh Mỡ đi, tội nghiệp anh ấy vẫn còn chờ cháu, chưa lấy ai hết”. Nhưng chị vẫn lặng thinh, không trả lời. Mẹ tôi lúc đó khoảng mười hai tuổi, le te đề nghị:

- Hay là để em đưa chị về?

Các bà kia không ai tình nguyện đưa chị Trà về nhà anh Mỡ nữa vì sợ không được hên như mấy lần trước. Vì thế, khi thấy mẹ tôi xung phong, họ đồng ý ngay. Cả chị Trà cũng không phản đối. Thế là mẹ tôi đưa chị Trà về nhà anh Mỡ. Mẹ nắm tay chị Trà dắt vào nhà, gặp thầy mẹ anh Mỡ, mẹ chào hai bác. Mẹ thưa với hai bác:

-Thưa hai bác, cháu đưa chị Trà về.

Hai bác bảo mẹ ngồi lại chơi. Mẹ ngồi lại một lúc rồi ra về.

Không ngờ từ đó chị Trà ở lại hẳn với anh Mỡ, không bỏ về Phúc Yên nữa. Vì thế ai cũng khen mẹ tôi mát tay, dắt chị đi về nhà chồng mà đậu. Thỉnh thoảng mẹ ghé nhà anh Mỡ thăm

chị Trà vì chỉ cách nhà của mẹ một đoạn đường làng.

Thỉnh thoảng chị Trà đi chợ về tạt qua nhà mẹ tôi trước khi về nhà chồng. Chị mua bún đậu (bún ăn với đậu phụ nướng chấm mắm tôm) ở chợ không dám đem về nhà ăn nên ghé nhà mẹ tôi. Chị rủ mẹ ăn với chị. Ăn xong chị vội vã ra về.

Thời đó, có lẽ dầu ăn đắt tiền nên người ta nướng đậu phụ (đậu hũ). Người bán đậu gánh rong, hai bên là hai thúng, một bên để đậu phụ sống ngâm trong thau nước, một bên để đậu phụ nướng bày trên cái mẹt.

Vì thế, khi tôi còn bé, thỉnh thoảng thấy mẹ mua mấy bìa đậu rán và ít bún tươi về ăn, chấm với mắm tôm chanh ớt, kèm với rau kinh giới. Lần nào ăn mẹ cũng nhắc đến chị Trà và món bún đậu. Lúc còn bé tôi không thích ăn đậu phụ nên tôi chỉ ngồi nhìn mẹ ăn và nghe mẹ kể chuyện chị Trà với anh Mỡ.

Anh Mỡ không biết chữ nên thỉnh thoảng qua nhà ông ngoại tôi nhờ biên thư hộ. Anh thưa với ông tôi rất lễ phép:

-Thưa chú, xin chú biên hộ cháu bức thư cho bác này bác kia, v v

Thỉnh thoảng anh rủ mẹ tôi đi chợ phiên với vợ chồng anh. Anh đến trước nhà mẹ gọi vào:

- Châu ơi! Đi chợ Bưởi với anh chị không?

Thế là mẹ đi ngay, vì lúc đó mẹ còn bé, chỉ chờ có người lớn rủ đi chợ

phiên là đi theo. Làng Bưởi ở bên kia hồ Tây, đối ngang với làng Tây Hồ. Nếu đi bộ thì hơi xa vì phải đi vòng gần nửa cái hồ. Vì thế đi đò thì nhanh hơn. Thời đó có một gia đình ở ven hồ làm nghề chèo đò, người con trai lớn chuyên đưa đò cho khách. Làng Bưởi có chợ phiên, mỗi tháng họp sáu lần vào những ngày mùng 4, mùng 6, 14, 16, 24 và 26 âm lịch. Dân chúng ở bảy cái làng chung quanh hồ Tây và những làng ven sông Hồng gần đó đều thuộc lòng những ngày có phiên chợ.

Ngày ấy, chợ Bưởi có lồng chợ sơ sài, mái lợp tôn, nền xi măng. Phía trước là bãi trống bán trâu bò, gà, vịt, lợn. Bên trong chợ bán các thứ rau, thịt, cá và nhiều hàng quà.

Mẹ thích đi chợ Bưởi ăn bún riêu và xôi vò chè đường. Mẹ bảo quà ở chợ Bưởi ngon hơn quà ở chợ Đồng Xuân. Ngon hơn và rẻ hơn vì họ làm thật thà kiểu nhà quê, không màu mè kiểu thành phố mà ăn không ngon bằng.

Thế rồi chị Trà cũng sinh cho anh Mỡ được mấy người con vừa trai vừa gái.

Khi mẹ tôi được mười lăm tuổi thì theo ông ngoại tôi ra Hà Nội ở hẳn. Đến đầu năm 1955 thì di cư vào Nam, để lại họ hàng và làng Tây Hồ mà mẹ có linh tính sẽ không bao giờ gặp lại.

Đến cuối tháng Tư năm 1975 bố mẹ tôi lại bỏ Sài Gòn ra đi, dắt theo mấy chị em tôi. Từ đó bố mẹ lang thang qua nhiều nước và không bao giờ trở lại Việt Nam.

Năm 2007, lần đầu tiên tôi trở lại Việt Nam sau 32 năm xa Sài Gòn. Mẹ hay tin nhắn với tôi rằng khi về đến Sài Gòn nhớ mua vé máy bay ra Hà Nội thăm bà cô ruột của mẹ, là em út của ông ngoại tôi, hãy còn sống. Tôi nghe lời mẹ mà lòng hồi hộp lắm vì tuy là họ hàng gần mà chưa gặp bao giờ. Tôi lại đi có một mình đến nơi lạ, gặp và ở trong nhà “người lạ”.

Tôi đến sân bay Nội Bài ở Hà Nội được các cậu con bà cô ra đón rước ân cần. Họ đem theo tấm bằng viết tên tôi để tôi nhận ra họ. Cô em họ con của cậu P đem bó hoa tươi thật đẹp, có nhiều loại hoa và vài cái hoa lan thật lớn trao cho tôi. Tôi cảm động biết bao vì được bao bọc bởi tình họ hàng ruột thịt. Các cậu bao xe từ Quảng Bá đến phi trường Nội Bài, bảo xe chờ rồi đưa chúng tôi trở lại Quảng Bá. Xe chạy hơn cả giờ mới về đến nhà, trời đã tối khuya. Bà còn thức chờ tôi về để gặp mặt.

Nhà dì Loan là căn biệt thự xây theo kiểu Tây, chỉ mới xây khoảng mười năm nay thôi. Nhà các cậu ở ngay cạnh đấy, cũng nhà cao cửa rộng, xây cùng một loạt. Ngày xưa, đất đai ngoại thành không đáng gì, nhưng những năm gần đây do mở cửa kinh tế, dân chúng có đất được mượn tiền nhà băng để cất nhà cho người nước ngoài thuê. Vì trong thành cổ Hà Nội chẳng còn đất để xây nhà mới. Khách thuê đa phần là nhân viên ngoại giao của

nước ngoài, vì thế giá cho thuê ngang ngửa với giá thuê nhà bên Mỹ, tính bằng tiền đô la Mỹ. Nhờ thế đời sống kinh tế của gia đình các cậu và di Loan con bà cô khá ra.

Qua sáng hôm sau, các cậu chở tôi về làng Tây Hồ thăm họ hàng bên ông ngoại tôi. Giờ đây làng Tây Hồ và mấy cái làng quanh Hồ Tây được gom lại thành quận Tây Hồ. Và quận Tây Hồ đã sáp nhập vào thành phố Hà Nội.

Căn nhà đầu tiên cậu K đưa tôi đến là nhà bác Mỡ. Đó là căn nhà lầu bốn tầng rộng rãi khang trang, bên trong lát gạch hoa láng bóng. Bên hông căn nhà này có cái cổng sắt cao lớn, sơn màu xám nhạt. Sau cái cổng này là cái sân dài lát gạch đỏ đưa đến ba căn nhà lầu bốn tầng. Mỗi căn đều có sân và cổng sắt cao. Tất cả là của bác Mỡ. Bác ở căn bên ngoài, ba căn này bác cho thuê, mỗi tháng một căn thu vào gần hai ngàn đô.

Cậu K giới thiệu tôi với bác Mỡ, một người đàn ông khoảng tám mươi tuổi, dáng thấp bé, nhưng còn minh mẫn, khỏe mạnh. Bác mặc cái quần short màu kaki và cái áo sơ mi trắng cộc tay. Cậu hỏi bác còn nhớ mẹ tôi là cô Châu không. Bác nhìn tôi rồi nói ngay:

- Làm sao bác quên cô Châu được. Cháu giống mẹ cháu lắm. Mẹ cháu có về được không?

Tôi trả lời:

- Mẹ cháu yếu lắm, không ngồi nổi trên phi cơ cả gần 24 tiếng đồng hồ. Vì thế

mẹ cháu bảo cháu phải về Tây Hồ thăm lại họ hàng thay cho mẹ cháu.

Bác Mỡ lại nói:

- Tiếc quá, bác gái (chị Trà) vừa mất năm ngoài nên cháu không gặp được bác gái. Cháu cho bác gửi lời thăm mẹ cháu nhé. Nói với mẹ cháu rằng bác hết nghèo rồi, bây giờ bác giàu rồi. Nói thế để mẹ cháu mừng cho bác.

Tôi trả lời:

- Vâng! Cháu sẽ nói cho mẹ cháu hay. Mẹ cháu chắc chắn sẽ rất vui khi biết bác hết nghèo và đang được sung túc với các con, các cháu.

Bác Mỡ gọi cháu dâu, và các chất ra chào tôi. Cháu trai bác đi làm nên không có nhà.

Bác mời tôi ở lại dùng cơm trưa, nhưng vì chương trình đi thăm họ hàng còn dài mà thời gian tôi ở lại Hà Nội rất ngắn nên tôi xin phép ra về.

Bác Mỡ vui thỏa tuổi già sau nhiều năm gian nan vất vả. Tôi hân hạnh được gặp mặt bác Mỡ, người mà tôi đã nghe mẹ kể chuyện từ ngày xưa. Chỉ tiếc là tôi không có cơ hội gặp “Chị Trà” vợ bác Mỡ.

Hơn nửa năm sau, bác Mỡ đã qua đời. Cậu K gọi điện thoại báo tin cho mẹ tôi hay.

Chưa hết, tôi có ông bạn ruột già người Nam Bộ. Vào những năm 1991 – 2010, lúc còn khỏe mạnh ông hay về Việt Nam mỗi năm vài lần. Mỗi lần ông đi hết tỉnh này sang tỉnh nọ. Đi đến đâu ăn đến đó. Tỉnh cò ông ăn được món

bún đậu ở vỉa hè Hà Nội. Khi gặp tôi ông kể ngay:

- Có lẽ ở dưới chế độ cộng sản nghèo khổ quá mà dân Hà Nội phát sinh ra món bún đậu. Rẻ mà ngon.

Tôi hỏi lại:

- bún đậu ăn ra làm sao?

Ông bạn nói ngay:

- Chỉ có đậu hũ chiên ăn với bún tươi, rau kinh giới, chấm mắm tôm chanh ớt mà ngon quá chừng!

Tôi chợt nhớ đến câu chuyện chị Trà mua bún đậu ở chợ ghé nhà mẹ tôi ăn trước khi về nhà chồng mà bật cười nói ngay:

- Món bún đậu ở ngoài Bắc có từ lâu đời lắm rồi. Nó là món ăn của người nghèo, rẻ hơn những món bún riêu, bún măng, bún mọc, bún chả. Nhưng có lẽ dưới thời bao cấp, dân chúng phải xếp hàng cả ngày để mỗi tháng được mua một vài lạng thịt thì món bún đậu được lên ngôi hoàng hậu trên hè phố Hà Nội.

Những năm gần đây, do mở cửa kinh tế cho dân buôn bán, ai có tiền thì có thể mua thịt tự do. Vì thế nhà hàng, tiệm cơm bán toàn là món ngon, thịt cá không thiếu gì. Nhưng món bún đậu vẫn tồn tại trên vỉa hè Hà Nội vì nó vẫn đáp ứng nhu cầu của người nghèo hoặc của các học sinh, sinh viên ít tiền. Nhưng trong Sài Gòn, đã xuất hiện nhiều cửa hàng trưng bày bán bún đậu. Sài Gòn đâu thiếu gì món ngon vật lạ, nhưng món bún đậu lại được

nâng cấp vào nhà hàng vì nó đáp ứng được nhu cầu của những người muốn ăn cho khỏe.

Tôi thầm cảm ơn mẹ đã kể chuyện đời xưa cho tôi nghe để tôi có câu trả lời về lai lịch món bún đậu cho ông bạn.

TT-Thái An

7/21/2018

BUỒN CHIỀU XUÂN

*Lòng buồn dằng dặc buổi xuân sang
Nhớ Mẹ già nua vẫn dịu dàng
Con trẻ bạc phai màu tóc cũ
Xứ người sương gió
ngậm ngùi mang*

*Đại dương xa cách nỗi niềm thương
Đón Tết tha phương vọng cổ hương
Tha thướt ngày xưa tà áo đỏ
Cô em nhỏ nhỏ ửng môi hường*

*Tâm hồn lạnh giá buổi chiều đông
Trông đợi Xuân sang thấy lạnh lòng
Đêm vắng thương về bao kỷ niệm
Thuở nào áo trắng mãi chờ mong*

*Dòng thơ ý nhạc có gì vui
Rộn rã phút giây chợt ngậm ngùi
Đón Tết xứ người hồn lặng lẽ
Tay nâng ly rượu sầu khôn nguôi*

ĐT Minh Giang



Bướm Bướm

Nàng là hoa nở hóa thân bay
Mang cả bảng màu với bút say
Đạo rực trong tim nguồn cảm hứng
Vỡ lòng châu phá nét tuyệt vời

Tím đỏ vàng xanh in mộng đời
Trên đời cách đẹp chập chùng bay
Lấy màu thiên nhiên họa sắc sống
Động nét vui buồn tế vô cây

Thanh Trí

Tranh & thơ của họa sĩ **Thanh Trí**

Ca sĩ **Quỳnh Giao** hát "Bướm Hoa" của Nhạc sĩ **Nguyễn Văn Thương**:

<https://www.youtube.com/watch?v=35idetPj8Tc>

THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH

(Đề tưởng nhớ người bạn đời, R.A.S. của tôi)

- **NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG** -

(Dịch từ những lá thư 50 năm cũ. Tiếp theo Cỏ Thơm số 82)

Sài Gòn 05 tháng 07, 1970

Anh yêu,

Tối qua, em làm tiệc sinh nhật của em tại nhà. Em mời 30 người, nhưng hơn 40 đã tới. Đa số là các cô làm trong Hãng RMK. Đàn ông cũng là những người quen biết của các cô. Họ có về lịch sự. Mọi người đều vui thích và khen, coi như buổi tiệc thành công.

Hầu hết khách đến đem quà và hoa tặng em. Chỉ thiếu quà của anh thôi. Em nghĩ tới anh nhiều khi nghe bài hát "Honey" mà anh chép lời cho em trước đây.

Em xin lỗi và mong rằng anh thông cảm, gần đây em đã không viết nhiều cho anh. Nhưng em hứa rằng sẽ đi US với anh nếu anh trở về cưới em và đem em theo.

Như đã nói với anh trong một lá thư gần đây, em nài nỉ gia đình cô em gái, em rể và hai đứa con nhỏ đến ở với em sau sinh nhật em. Và họ đã dọn tới sáng nay. Em có ý định đó từ lâu nhưng lại thôi vì nghĩ sau ba tháng anh sẽ trở lại thăm em và có chỗ ở tạm. Nhưng đến nay đã sáu tháng rồi, mọi chuyện chưa đi đến đâu, nên em mời gia đình cô em đến ở trên lầu. Năm mẹ con em và người làm ở dưới nhà. Có hai lý do về sự kiện này. Lý do thứ nhất, gia đình cô em sẽ là hàng rào ngăn cả những cám dỗ đến với em khi em cô đơn. Em muốn giữ trung thành với anh nếu em phải sống cô đơn thêm

bốn tháng nữa hay chưa biết đến bao giờ. Lý do thứ hai, nếu bất ngờ em có thể đi theo anh tạm thời ít lâu thì vợ chồng cô em gái sẽ coi Hân và Phong cho em. Em vẫn yêu anh và muốn được sống với anh.

Em không đồng ý anh bỏ việc hiện tại để về Việt Nam sống với em. Tình yêu và cuộc sống phải song song. Tình yêu là lãng mạn và cuộc sống là thực tế. Em hãnh diện anh có chức vụ và cuộc sống của chúng ta không giàu nhưng được bảo đảm. Em không muốn trở lại cuộc sống hạn hẹp, lo âu. Yêu em thì ráng chiều em, để ngồi bút của anh viết thư tình cho em suốt đời anh nhé.

Như đã viết cho anh, em đã đổi sang phòng Cost Accounting từ một tháng nay. Em bận làm việc sở cả ngày, cả tuần. Em không viết cho anh ở sở được nữa ngoại trừ giờ ăn trưa. Ông boss mới của em là người Mỹ, có vợ người Spanish và bốn đứa con rất xinh đẹp. Ông rất nghiêm khắc nhưng cũng hay khen ngợi các nhân viên làm việc tốt.

Hôm kia, em đến J. lấy hình của anh và em mà J. chụp. Em để trong ngăn bàn làm việc và ngắm anh hoài. Em nhớ anh.

Từ ngày có việc mới em bị xuống ký, nhức đầu, nhức mắt với các con số. Các cô cùng phòng với em cũng than phiền thế và yêu cầu ông boss mượn

cho hai nhân viên nữa. Ông ta chỉ nói, "có thể" mà thôi.

Em sẽ nghỉ học VAA vì em không có thời giờ học. Sau một ngày làm việc, em rất mệt khi về nhà và chẳng muốn học gì nữa. Khi về Washington với anh, em sẽ học English lại.

Anh yêu, nếu anh không nhận được thư em nhiều, cũng đừng lo, đừng buồn. Em kể chuyện đi chơi cũng đừng ghen nghe. Em luôn luôn trung thành với anh. Tuy nhiên, em vẫn muốn nhận được thư anh mỗi tuần ít nhất là hai cái, nếu không em có thể quên anh đấy.

Yêu anh.

Dung.



Sài Gòn 07 tháng 07, 1970

Anh yêu,

Hôm qua, thứ hai, em nhận được 4 thư của anh một lúc ở sở. Em định viết cho anh ngay tối đó. Nhưng có bạn đến chơi ngồi nói chuyện đến 11 giờ đêm, em buồn ngủ không viết cho anh được.

Đây là lá thư thứ nhất em viết trong sở từ khi em có việc mới. Ông boss vừa ra về lúc 5 giờ thiếu 15. Anh ạ, sau khi đọc những thư mới nhận được của anh, em vẫn muốn giữ ý định cũ. Chúng ta không nên gặp nhau nữa trước khi việc ly dị của anh kết thúc và anh được Bộ Ngoại Giao cho phép cưới em. Em không muốn đời sống của em bị xáo trộn mỗi lần anh đến rồi anh lại đi. Thời bồng bột của một người đàn bà cô đơn qua rồi. Em thương anh, nhưng muốn được sống

chính thức với anh. Mong anh hiểu em vẫn yêu anh và nhớ anh. Lòng em không thay đổi.

Chiều qua em đến Hội Việt Mỹ xem kết quả thi lớp 7. Em đậu và trong sổ học bạ được khen "Học trò tốt". Em rất tiếc không tiếp tục học được nữa. Em mong trong tương lai anh sẽ dạy em English và chúng mình cùng nhau ôn lại French.

Em mong thư này không làm anh buồn nhiều và đừng chờ thư em mỗi ngày.

Yêu anh. -- Dung. ♥



Công Trường Duy Tân, phía sau là Dinh Độc Lập, góc đường bên mặt là Hãng RMK, nơi Ngọc Dung làm việc.



Washington, Tuesday, July 7, 1970

11 p.m.

My dear,

Luật sư nói việc ly dị của anh sẽ ra tòa 2 hay 3 tuần nữa. Anh sẽ gửi giấy tờ để điền cho giấy phép cưới. Anh sẽ viết cho em luôn luôn. Em nói em sẽ chỉ viết cho anh mỗi tuần một thư thôi. Thư mới nhất của em đề ngày 25 tháng

6. Anh không hiểu tại sao em viết rất ít. Sự giải thích của em không rõ ràng. Anh nghĩ rằng em cũng muốn anh đừng viết nhiều cho em.

Anh thử gọi điện thoại cho em nhiều lần để chúc sinh nhật em, nhưng không được. Tuần trước anh hỏi em gọi cho anh cuối tuần. Anh ở nhà đợi em gọi, nhưng anh biết thế nào em cũng sẽ không. Em hiểu anh buồn lòng đến thế nào.

Cho đến tháng trước anh có thể ở nhà đợi thư em mỗi 2 hay 3 ngày. Có lần anh nhận được 3 cái một ngày. Nhưng bây giờ anh cũng muốn tìm người nói chuyện và cũng muốn đi party. Nếu anh không cưới em, anh cũng sẽ chẳng cưới ai. Anh muốn đi chơi như em đi, không chỉ với đàn ông. Em nghĩ thế nào? Người như H. rất là bận. Anh gặp H. một hay hai lần từ khi anh tới Washington. Anh mong rằng em không phiền nếu anh mời một phụ nữ đi ăn trưa. Như anh đã nói, anh hiểu cảm giác của em, nhưng em có các con em và bạn. Anh không có ai, không có cả cái thư của em. Không, anh không đi tìm bạn gái. Nhưng anh giận em viết cho anh rất ít.

July 9, 1970

My dearest,

Anh mới nhận được một thư của em viết sau tiệc sinh nhật. Bây giờ anh vui hơn, vì em viết cho anh một thư dài. Anh tự giận anh đã viết cho em lá thư trên.

Em yêu, có thể chính phủ sẽ gửi anh đi Sài Gòn vài ngày vào khoảng 22 tháng 7 này. Việc này chưa chắc chắn. Anh phải làm việc ở cả Manila vài ngày

trước đó. Anh sẽ ở khách sạn hay với bạn. Ngày mai anh sẽ biết chắc.

Đừng lo về chuyện anh nói anh đi party ở đây. Anh không có thời giờ. Bên cạnh điều này, anh yêu em như một kẻ điên (Comme un fou). Em biết từ ngữ này chứ?

Bob.



Sài Gòn 13-07-70

Anh yêu,

Chúc mừng sinh nhật anh. Em nhớ sinh nhật anh 21 tháng 7. Em mong thư này sẽ đến anh ngày 20 hay 21. Anh biết em vẫn nhớ tới anh hoài chứ? Hôm qua chị em từ Biên Hòa đến chơi. Chị nhận được thư anh và nói anh viết rất lịch sự và dễ thương. Chị em hỏi về dự định của em với anh. Em nói em sẽ đi Mỹ nếu anh cưới em. Anh sẽ trở lại tháng 9 để bàn về tương lai của hai đứa.

Từ hai hôm nay, em không nhận được thư anh. Nhưng em vẫn viết thư này thăm anh. Anh có thể gọi cho em ở số mỗi thứ năm vào khoảng 12 giờ trưa. Em sẽ ngồi ăn trưa tại bàn và chờ anh gọi.

Em không muốn gặp anh bây giờ vì không muốn lại phải chia tay chào tạm biệt anh. Em sợ lại buồn và cô đơn hơn. Nếu em gặp lại anh em không muốn xa anh một bước nữa.

Yêu anh.

Dung.



Washington, July 14 evening, 1970

My dearest,

Anh viết nhanh thư này cho em. Anh cố gọi em gần như mỗi buổi tối (buổi sáng ở sở em).

Anh có công tác ba tuần tại vài nước Á Đông kể cả Việt Nam. Anh không biết sẽ ở Sài Gòn bao lâu. Điều đó tùy ở em.

Anh rất nôn nóng gặp em, một mình em hay với ai em muốn. Anh hiểu và sẽ không làm em phải ngại ngùng với hàng xóm và sẽ không đến nhà em. Anh không muốn làm em mất vui. Anh rất mong em sẽ muốn gặp anh. Nếu em không muốn anh ở Sài Gòn, anh sẽ không ở lâu.

Tối nay anh được mời ăn tối. Anh vội phải đi.

Anh yêu em. Anh có quà cho em.

Bob.



Saigon, Sunday morning, July 23, 1970

My dear Dung,

Những giờ phút bên em trôi đi quá nhanh. Thời dài như vô tận khi anh xa em.

Tối qua anh rất thất vọng không được gặp em. Anh nói chuyện với em gái và em rể của em rằng anh yêu em và anh muốn cưới em. Anh ngồi nghe nhạc đến 11 giờ 30. Rồi buồn bã ra về không cả chào hai người. Anh đi bộ một quãng thật dài, hy vọng sẽ gặp em trên đường em về từ nhà mẹ.

Em nói rằng bây giờ em không muốn cưới anh nữa. Xin em, trước khi em

quyết định từ chối anh, chúng ta phải gặp nhau nhiều lần. Chúng ta đã yêu nhau lâu dài và anh đã nói anh muốn cưới em. Anh đã gọi em là bà xã tôi. Em không thể đổi ý nhanh chóng như vậy. Em mệt mỏi nhưng em phải nghĩ rằng anh yêu em biết chừng nào. Em lo lắng người ta nghĩ em là đàn bà xấu vì em có anh. Nhưng anh sẽ nghĩ em là đàn bà xấu nếu em thay đổi về anh thật nhanh chóng. Vợ chồng không nên làm như thế.

Anh muốn gặp em chiều qua, nhưng sợ em ngủ. Em bảo anh đến vào buổi tối. Anh đã định đến, nhưng lại đi gặp một người bạn Việt Nam hỏi về việc xin passport cho em.

Anh đau khổ vô cùng và lo lắng em đã thay đổi. Anh đáng bị đau khổ vì anh đã làm em buồn từ lâu. Nhưng anh biết chúng ta có thể sống hạnh phúc với nhau. Mỗi ngày xa em, anh nghĩ nếu Dung của anh ở đây, chúng ta có thể làm cái này, cái nọ. Chúng ta sẽ có nhiều bạn bè.

Em nói rằng hãy quên em đi. Nhưng anh đã coi em như là vợ anh từ lâu, anh đã yêu em quá nhiều.

Anh rất buồn em đã không đi dự tiệc tiếp tân với anh. Vài người hỏi thăm em. Họ biết chuyện chúng ta và chuyện em với người y sĩ kia nữa.

Trong một giờ anh sẽ gặp em. Hay có thể em sẽ lại không có ở nhà, anh sẽ làm gì lúc đó?

Em gái của em nói với anh rằng tối qua em đến nhà mẹ. Vậy tại sao em không có nhà lúc 11 giờ 30? Cô ấy nói em nói chuyện với mẹ về anh. Có đúng không, my dear? Anh biết em quá lâu nên anh viết cũng như em.

Anh muốn đưa em tới viếng ngôi chùa mà chúng ta đến đó khi anh mới gặp em. Nhưng bây giờ trời đang mưa. Em hãy nghỉ làm hai ngày và chúng ta sẽ đi chơi biển, em nhé.

Anh thông cảm với sự phiền muộn mà em đang có. Nhưng đó là quá khứ và nó sẽ qua. Anh sẽ đi Singapore. Anh sẽ mua quà cho các con em. Em nói rằng em sẽ đưa cho anh tên các món đồ.

Anh yêu em rất nhiều. Anh không muốn đi ngày mai dù anh sẽ trở lại sau hai ngày nữa.

Anh muốn làm thơ tặng em.

Thời gian trôi thật chậm khi anh phải chờ đợi em.

8:00 sáng.

Đêm qua anh ngủ có chừng 5 giờ. Anh mong em ngủ được nhiều hơn.

Ôi, một ngày mây trời u ám.

Nhưng em có thể làm bất cứ ngày nắng nào cho anh.

Bà thầy bói của em đã nói gì về tương lai của chúng ta. Nếu bà ta nói chúng ta sẽ cưới nhau, bà ta là người thông minh. Nếu bà ta nói chúng ta không

cưới nhau, bà ta là người ngu và giả dối.

Anh không viết một thư nào, gửi một tấm thiệp nào tại Sài Gòn. Chỉ cho em. Anh tự rất giận mình, vì anh đã không cưới em từ lâu. Nếu anh cưới em, anh đã được hạnh phúc thay vì đau khổ như bây giờ.

Anh nên nói từ lâu với em gái và em rể của em rằng anh yêu em. Thì có lẽ em đã không nghi ngờ anh mà lo lắng nhiều. Sang Singapore anh sẽ mua nhẫn cho em. Chúng ta sẽ làm lễ đính hôn khi anh trở lại. I love you, my dear.

Bob



Ngọc Dung & Bob Senser



HƯƠNG TẾT

*Nửa đêm thức giấc đón xuân sang,
Tuyết trắng đầy sân nổi bẽ bàng.
Chẳng thấy đào mai hương Tết cũ
Bên ngoài tuyết đổ mới sầu loang!*

Đỗ Bình

NHỚ TẾT NĂM XƯA – Nguyễn Túc

Mừng Xuân này băng giá
tuyết rơi tàn canh
Mừng giao thừa hiu hắt
xác sớ cây cành
Còn đâu ngày Xuân mới
cùng nhau vui Tết?
Đường phố nhạc hát vang
đàn bé đùa giỡn ngoan,
cùng chào đón
Xuân sang

Nhớ tiếng pháo Tết
ngày xưa
Trong đêm ba mươi
rền vang
Nhớ phong bao tiền ông

mừng cho con cháu
Nhớ đêm khuya bên nồi
luộc bánh chưng xanh

Nhớ tiếng chúc Tết
đầu năm
Chúc bước tiến mới
thành công
Chúc thư sinh đại khoa
rạng danh đất nước
Chúc cô em đương thì
tiệc cưới trong năm

Còn đâu tìm cho thấy
Tết vui ngày xưa?
Cùng khung trời hoa lá

ngát hương say sưa
Đàn chim vờn ong bướm
cùng nhau tung cánh
Rượu ngát nồng
nhấp say,
ngàn cánh hồng ngát
ngây niềm hạnh phúc
dâng đầy.

**MONG TRỞ LẠI TẾT XƯA
CÙNG NHAU HÁT CA
MỪNG TẾT QUÊ HƯƠNG,
VIỆT NAM YÊU DẤU...**



**Nhạc sĩ
Nguyễn Túc**

Mỹ Dung hát Nhớ Tết Năm Xưa:

<http://www.cothommagazine.com/nhac/NguyenTuc/NhoTetNamXua-NguyenTuc-MyDung.mp3>

NHỚ TẾT NĂM XƯA

Đề ca trong dịp Tết hải ngoại
Nhớ lại những Tết vui xưa ở quê nhà

Nhạc : NGUYỄN TỨC
Lời : NGUYỄN TỨC & HẠNH PHÚC
Hòa âm : Nhật Bằng & Peter Touque

WALTZ (Moderato)

Mừng xuân này băng giá, tuyết rơi tàn cảnh -
Mừng giao thừa hiu hắt xác xơ cây cảnh -
Còn đâu ngày xuân mới cùng nhau vui Tết
Đường phố nhạc hát vang. đàn bé đùa rộn ngoan, cùng chào đón xuân
sang Nhớ tiếng pháo Tết ngày xưa -
Trong đêm ba mươi rền vang - Nhớ phong bao tiền

F G7
 ông mừng cho con cháu. Nhớ đêm khuya bên nồi luộc bánh chưng
 C Dm D7
 xanh... Nhớ tiếng chúc Tết đầu năm.
 G7 C C7 F
 Chúc bước tiến mới thành công. Chúc thư sinh đại
 khoa rạng danh đất nước. Chúc cô em đương thi tiệc cưới trong
 C C Em Am
 năm... Còn đâu tìm cho thấy Tết vui ngày xưa? -
 Dm G7 F C
 Cùng khung trời hoa lá ngát hương say sưa.
 Đàn chim vờn ong bướm cùng nhau tung cánh. Rượu ngát nồng nhấp
 G7 C D.C. al Coda
 say, ngàn cánh hồng ngát ngày, niềm hạnh phúc dâng đầy...
 CODA C Em Dm7 G7
 Mong trở lại Tết xưa: cùng nhau hát ca - mừng Tết quê hương Việt
 C Fm6 C
 Nam yêu dấu

CON CHÓ BÍ BO !

**** Diễm Châu (Cát Đơn Sa) ****

Bây giờ bà Tuất mới thấy càng già, tưởng đâu sẽ không còn ghen tuông, tình cảm sôi nổi... thì việc giữ chồng không cần thiết, ai dè ngày càng mệt mỏi hơn, bởi vì bà không có thú đam mê tình dục nữa!! trong lúc đó ông Bính, chồng bà thì đầy nhiệt huyết, tâm hồn ông vẫn còn “trao lư” như ngày nào, đi ra ngoài thì mắt liếc mày đưa, trông thấy là lộn ruột!

Ở cái tuổi hơn bảy mươi, mà lúc nào nhìn ông cũng đom đống. Những dịp đi ăn cưới, sinh nhật, hai người cùng tuổi mà bà diện ít còn ông thì diện nhiều! ông đi nhuộm tóc, cắt móng nữa trời ạ! rồi “shopping” tìm bộ cánh mới, giày mới...

Những điều như vậy làm cho bà càng cáu tiết, nên bà hay mỉa mai:

- Ăn tiệc thôi mà, làm gì mà sửa soạn như đám cưới của ông vậy!
- Lâu lâu mới có dịp ăn diện, mình phải cho thiên hạ lác mắt chứ!
- Có lác hay ghê thì ông cũng là một ông già thôi, ích gì!
- Bậy, bà quan niệm vậy là sai! Tui ra ngoài còn nhiều cô mê lắm nha!
- Xí... mê mấy bài thơ của ông thì có! mấy mụ lẳng mạn đó chỉ vui chơi bên ngoài thôi, về nhà thì hồng bét!
- Đó, nhiều đó đủ rồi, vui chơi bên ngoài thôi, đem về nhà làm cái giống gì!

Bà Tuất bắt bẻ:

- Ừa... nếu như tui vui chơi kiểu đó, thì ông có chịu không?
- Sao không? tui biết có mấy thằng già dịch nó khoái bà lắm đó... chỉ tại cái mặt bà hình sự nên mấy chả sợ... vui lên thì có chết thằng Tây nào đâu!

- Thằng Tây không chết nhưng có thằng Việt Nam là chết đó!

- Thằng nào đâu, bà nói tui nghe coi, bộ bà để ý đến thằng nào rồi hả? Nếu thằng đó biết văn nghệ văn gừng thì tui kéo nó vào hội luôn cho vui.

- Hội gì?

Ông Bính trợn mắt:

- Thì hội “Quý Nôn Nường” chứ hội gì!

- Chờ, chờ... tên gì nghe tỏm! sao không lấy là “Các Anh Chường” cho đủ bộ!

- Thôi đi, tên gì kệ người ta, bày đặt chề chề... bà biết làm thơ không mà chề!

- Thơ con cóc ai làm chẳng được!

Câu trả lời của bà Tuất làm cho ông Bính tức ngang xương. Thuở nay ở ngoài ai gặp ông cũng đều ca ngợi ông làm thơ hay, chỉ có bà vợ là dám phê bình thơ con cóc! Đúng là đàn bà đá không qua ngọn cỏ! Đang bực bà còn buông thêm một câu:

- Nói cho ông biết, những người thích tui họ không già khăng như mấy bà già đeo theo ông đâu.

- Chảnh chọe vừa thôi bà nội!

Mỗi khi đuối lý thì ông hay kết luận bằng câu đó, ý là bà cũng già rồi, đừng có mơ nữa bà nội ơi! Ông Bính nói không sai vì bà có tới hai đứa cháu nội rồi! Nhưng bà Tuất tức... bà lắm bầm:

- Có ngày tui sẽ cho ông biết tay!

Chẳng biết là sẽ làm gì, nhưng giờ nói cho đã miệng!

Tính của bà Tuất vốn hiền lành, khi xưa nổi tiếng gái ngoan nên ông Bính lò dò đi theo cả năm trời mới cưới được. Sau đó

thì phải cưới vợ liền tay, nếu để lâu ngày sẽ có thằng tha mất! thế là bà Tuất về nhà ông Bính với lời hứa của ông nghe hấp dẫn không chịu được:

- Anh sẽ yêu thương bảo bọc em đến trọn đời, em sẽ là một cô dâu sung sướng nhất trên đời, không phải ở với mẹ chồng hay em chồng gì cả!

Thì ra ông Bính chỉ còn cha và hai ông anh. Cha và hai anh của ông đều đã có gia đình riêng, mạnh ai nấy sống nên bà Tuất cũng đỡ khổ, chẳng phải hầu hạ ai, chỉ hầu mỗi mình ông chồng cũng đủ mệt mình mẩy!

Có ai ngờ mà ông bề ngoài coi cũng hào hoa phong nhã mà lại làm biếng nhốt thây! Đúng là “con nhà lính tính nhà quan”!

Cha ông ngày xưa đóng lon Trung Sĩ Y Tá chứ có phải quan quyền gì mà lúc nào ông cũng khoe là Trung Tá Y Sĩ. Mẹ ông thì cứng thẳng con trai út quá nên nó lười biếng như hủi! Chỉ được cái ăn rồi bày ra đó cho thiên hạ dọn! Mà còn ai vô đây, lúc ở nhà mẹ dọn. Khi mẹ mất một năm sau lấy vợ, thì bà vợ của ông bao thầu chứ ai!

Bà Tuất đã không ưa cái tính nói dối, cộng thêm sự làm biếng của ông Bính khiến bà chán nản! Nhiều khi bà nhìn những ông chồng sợ vợ, tuân lời vợ răm rắp mà tủi cho phận mình! Nhưng bà chỉ làm bộ tủi chút xíu để đưa duyên với đời, chứ không đại gì mà sầu khổ! Bởi vì bà đã chịu đựng ông được bốn mươi năm rồi... thì coi như “sắt thép đã luyện thành đồng”!

Ông muốn bay nhảy, tán tỉnh ai bên ngoài cũng được, nhưng phải cho khuất mắt chứ đừng có trêu người, và đừng mang “của nợ” về nhà này là ok. À

không, bà cũng phải trừ ra căn phòng chứa dàn máy computer của ông, nhiều khi thấy “chit chat” với cả mấy cô 1 lượt mà lòng ngao ngán! Mấy người kia mà biết chắc cũng sẽ cầu xé ông!

Bà biết chuyện đó bởi nhiều khi ông Bính ngồi “chat” lâu quá, mấy tiếng đồng hồ mắc đái mà không đứng lên được! Cho đến khi không chịu nổi phải chạy ù vào phòng tắm mà xả bể khổ trầm luân cả mười lăm phút, thì bà Tuất đi vào liếc qua màn ảnh là thấy ngay!

Ồi thôi, bà thấy hình mấy em già có, mập có, đồng bóng cũng có... vậy mà “anh” vẫn chấp nhận đầu khẩu qua lại mới hay!

Chồng mê máy thì bà Tuất cũng phải kiểm gì đó mà chơi cho qua ngày tháng... Hay nuôi một con chó, một con mèo? Con nào ít phá mà dễ bảo, dễ chăm sóc thì mới nuôi. Nếu không mà rước phải “của nợ” về hầu càng thêm mệt cho cái thân già chứ ích gì!

Một ngày bà Tuất lái xe đến nhà cô em gái để nhờ cô lên “on-line” mua cho bà một con mèo! Con mèo bà ưng nó có màu trắng đốm đen như nhà bà bạn. Nghe nói lũ mèo nó ị vào thùng cát, và tắm bằng cách tự liếm lông, khi gần chết tự đi tìm một nơi hẻo lánh chết ở đó... nghe mà tội nghiệp! Như thế thì dễ hơn con chó phải huấn luyện và tắm cho nó!

Mới nghĩ lời, cô em reo lên:

- Chị thích nuôi mèo hả? Nhà bạn em có mèo mới đẻ ba con, để em xin cho chị một con

- Mà chị thích màu trắng đốm đen cơ

- Con mèo của bạn em màu xám sọc trắng, không biết con của nó màu gì... Hay mình tới coi xem, chị thích coi màu thì đi.

- Ok.

Thế là sau khi coi mèo, bà Tuất liền chọn con mèo bé bỏng nhất vì nó xinh quá, con này có màu lông xám, riêng bốn cái chân thì lại màu trắng như mang vớ!

- Con đó đẹp nhất nhưng nếu chị thích thì em tặng chị. Mấy đứa con em nó dành mỗi đứa một con, đi học về em nói dối là con mèo chạy lạc mất rồi...

Nuôi nhiều mệt lắm chị ạ! Nhà này một con với ba đứa trẻ là đủ rồi.

Bà Tuất thích chí bế mèo về. Con mèo còn bé nên chỉ ăn sữa, ăn xong nó cuộn tròn ngủ trong chiếc chăn cũ thật dễ thương. Bà Tuất sữa soạn mua hộp cát để cho mèo ị, rồi thức ăn đủ cả. Con mèo còn bé tí mà bà chuẩn bị thật đầy đủ, đâu vào đó, đặt tên cho em nó là Miu.

Giang sơn của Miu là ở trong phòng Family room, ngoài ra nó không được vào phòng ngủ hay ra phòng khách, nhưng được vô bếp và ra sau vườn nằm phơi nắng ở ban công.

Ông Bình cũng lạ, từ ngày thấy bà Tuất có niềm vui bên con mèo, tự nhiên tháng sau cũng tha về một con chó. Con chó này chẳng phải là chó kiểng, mà nó nhìn như chó để người ta làm thịt thì đúng hơn! Bà chê:

- Chó gì mà xấu quá, đen thùi lùì, ở đâu ra mà ông xách về đây?

- Bà đưa về nhà con mèo xui quẩy, tui phải kiếm con chó bù vào cho nó cân bằng!

- Xúi quẩy làm sao?

- "Mèo đến nhà thì xui", bởi vậy tự nhiên có đứa nào vác lên xe tui con chó, tui đem về nuôi cho hên cửa hên nhà!

- Vô duyên, nhưng con này xấu quá lấy làm gì? Sao không kiếm ai đó trả lại?

- Nó đã vác vô sau xe mình còn đứng đó cho mình trả hả? Bà có thấy người ta bỏ con ngoài chợ rồi đứng đó dòm không?

- Nhưng không phải chó của mình sao ông không bắt nó bỏ lên chiếc xe khác?

- Bà xúi dại tui hay sao chứ? Rủi tui đang làm mà ai quay phim được là tàn đời! Đi tù như chơi!

- Mình cho đi chứ có lấy bớt đâu mà tù!

- Ở Mỹ này làm những hành động gì không đúng thì đều bị hỏi thăm. Thôi, không nói nữa. Con chó này là của tui, tui thích...

- Ai cho thì nói đại cho rồi. Con mụ nào? "chó để" cho ông chứ gì! Được rồi, chó của ông thì ông hầu, nhớ lấy!

- Cái gì mà chó để?

- Chó nhà mụ ấy để không gọi chó để thì là gì!

Xong, ai ưng gì thì tự lo lấy! Bà Tuất nói vậy mà cũng có ý manh nha bóng gió chửi ai đó đã dục con chó cho ông Bình, nhìn nó đâu phải chó con mà là chó choai choai, tuổi này hay phá phách! nên đã kịp thời khi nói câu đó với chồng.

Công nhận trong vài ngày đầu thì ông Bình cũng để ý đến con Bí Bo của ông mà cho nó ăn uống, mỗi ngày một lần ông lấy đồ ăn và đổ đầy nước cho chó. Nhà của nó trong phòng giặt, Miu và Bí Bo không lo đụng chạm nhau!

Bà Tuất bắt ông phải mua sẵn thức ăn chó, ngày hai lần sáng và chiều đúng giờ mở cửa cho nó ra ngoài để đi tiêu tiểu, những việc này vô tình bà đã tiếp tay mà giúp ông lúc nào không hay! bởi vì ông chỉ có thể mở cửa buổi sáng trước khi "đi làm", còn buổi chiều ông về bất thường sao nó nhịn chờ nổi!

Lần đầu thấy con chó ị và đái ra trong phòng giặt, bà Tuất hét lên và la nó một trận, khiến con chó hoảng kinh càng nhảy tứ tung, dẫm lên cứt đái be bét ghê gớm! lại còn cạ vào chân khiến bà cũng bị dính caca luôn!

Thế là bà phải hạ hoả mà lau dọn vì có tặc cũng không có ông Bính ở đó mà cần nhân! Bà thì sợ những thứ thú tha trong nhà, làm sao cứ để đó mà chờ ông về dọn cho được, nhà giặt cạnh nhà bếp nhìn và ngửi mùi chịu gì thấu! Mà ông có dọn cũng không bao giờ sạch được như ý bà!

Trước khi thu dọn, bà Tuất nhìn như một nhân viên tẩy uế thứ thiệt vì bà cẩn thận mang đôi giày “boot” tưới cây, mang găng tay ny long và không quên cái mặt nạ che mũi miệng, đeo luôn cặp kính lên cho đủ bộ và thấy đường rõ hơn mà chùi rửa. Con chó bà đã tóm cổ nó kéo ra ngoài sân, cột vào một chỗ để sau khi thu dọn chiến trường, bà sẽ lấy vòi nước xịt vào nó cho dơ dáy trôi đi!

Đúng là về hưu số khổ! Người ta thì vợ chồng được đi du lịch đó đây hưởng cảnh an nhàn, cứ nghe họ tương đắc kể chuyện tay trong tay du hành đến xứ này xứ nọ mà nuốt nước miếng xoa dịu trong lòng!

Nhưng rồi bà lại nghĩ cũng có những bà bạn “vô phước” hơn bà, như là bà Tú chẳng hạn... Tội nghiệp cho bà Tú! chồng về Việt Nam chơi thường xuyên rồi cuối cùng ẵm luôn một em bằng tuổi con cháu, nhất định đòi ly dị vợ để cưới em ấy đàng hoàng qua Mỹ!

Dù bà Tú là người có anh em, con cái họ hàng đông, nhưng lúc nào có dịp gặp mặt, thì cũng chỉ thấy bà thui thủi ngồi một mình, bởi vì bà luôn tới rất sớm.

- Anh em thì ai ở nhà nấy, con cái thì chúng nó biết chuyện giận ba chúng, rồi bỏ ra ngoài ở hết cho đỡ bực! Đưa thì còn đi học, mình cũng không muốn người ta bị phiền toái về chuyện của mình nên thôi, phải tập cho quen bà ạ!

- Rồi ông ấy đã đưa con bé ấy qua chưa?

- Qua sao được mà qua, đang chờ giấy tờ ly dị về... nhưng nghe nói con ấy đã có bầu bà ạ! họ lại muốn cho nó đẻ con bên Mỹ, nên ông đang lo cho nó qua đây theo diện du lịch, cũng không khó, cứ chi tiền cho nhiều vào thì việc gì cũng được tuốt!

- Nhưng mà có phải là con của chồng bà không?

- Tôi nào biết! Bà mà hỏi ông chắc lão ấy cũng không biết như tôi, chỉ có cách là chờ nó đẻ rồi đi thử máu mới biết chính xác... lúc đó thì gạo đã nấu thành cơm rồi! Mà ông còn dám nói với tôi là cho nó ở trong nhà tôi, thử hỏi có điên tiết không!

- Phải, tôi nghe nói mấy người đàn bà bên Việt Nam ghê lắm, nhất là mấy cô trẻ đâu có chịu ông già, khi có thể xanh là họ cứ chọc cho ông chồng nổi điên lên, chửi mắng, có khi đánh đập bầm mặt mày một chút là đi bác sĩ lấy giấy chứng thương, để nếu có chia tay thì lỗi không do cô ấy, còn được chia của nữa đó.

Bà Tú chau mày:

- Bởi vậy tôi cũng lạ là đàn ông họ cũng biết những điều đó, vì báo chí truyền thông đã vạch mặt những vụ này khá nhiều... nhưng có lẽ....

Bà Tú ngưng lại mỉm cười gượng gạo, bà Tuất hỏi:

- Nhưng sao?

- Thì có gã đàn ông nào mà chẳng “be he” hả bà!

Câu nói của bà Tú hôm nào khiến bà Tuất tự nhiên nhớ lại: ông chồng bà cũng nghĩ hươ như bà mà có mấy lúc ở nhà. Ông toàn là xách xe đi đây đi đó. Ông lấy cố là giúp cho một tờ báo về mục Thơ Văn, nên thường xuyên có mặt ở toà soạn.

- Họ có trả lương không mà ngày nào ông cũng đi như thế?

- Lương thì có bao nhiêu, vấn đề chính là tôi cần đầu óc thanh thản, thư giãn... đây là một điểm lớn cho người cao tuổi sống tốt.

- Nói vậy chứ tôi ở nhà hoài thì sao? Không có ông tôi buồn thì tốt à?

- Bà đâu có cần tôi, bà cần con Miu là đủ rồi!

Ồi, câu nói của ông nghe hồng lợt lổ tai mà nó đúng! Có con Miu bà cảm thấy lòng mình dịu lại khi ngồi ôm nó, còn với ông chồng thì nói với nhau mấy câu đã thấy chõ ý nhau rồi! Rốt cuộc người bỏ ra phòng khách, người thì vào bếp! Hồng biết cứ tình trạng như vậy ông Bính có về Việt Nam để tìm một cô be bé lẻo mép để làm cho “cõi lòng” của ông ấm áp như chồng bà Tú không!

Nhưng hiện tại trong khi ông thơ thới bên ngoài vui vẻ với các mợ, các em, còn bà thì quần quật tắm chó, lo việc nhà... là điều bà rất ghét! Chẳng lẽ bà lại bảo ông thôi đừng có ăn cơm nhà để bà khỏi mất công nấu nướng, thế thì còn gì là một gia đình nữa! Dù sao thì bà cũng không phải “gái goá” hay “ế chồng”!

Phải bắt ông có trách nhiệm với con chó của ông mới được!

Con Bí Bo là một con chó hư từ nét ăn cho đến nét ở! Bà Tuất thường gọi nó là

con Chó Thúi! Bởi nó hay lèn chạy ra đường bươi rác, hay sục đầu vào những chỗ bùn đất để đào xới, chơi đã nó lang thang về nhà với đầu mình lấm lem... Mà công nhận nó cũng hay, biết chỗ rào ở đâu để lách ra ngoài, rồi đào thêm cái hố nhỏ là thoát thân dễ như trở bàn tay... thiệt y hết tính của chủ nó! Nhưng mà con này ở gần bà nhiều hơn mà sao không giống tính bà! thế mới lạ!

- Đồ xấu trai! Cái mặt chần dần đáng ghét! Sao không đợi chủ mày về mà xuất hiện cho chả thấy hả thằng kia? bắt tao hầu mày mãi thế này!!!

Bà Tuất mắng vào mặt con chó xối xả cho hả giận khi gặp nó ngoài vườn. Biết bà chủ không thích mình, Bí Bo cúi mặt đi thật lúi mấy bước. Bà Tuất hét lên:

- Ngồi xuống đó, mày mới chạy đi đâu về hả con quý kia?

Con chó sợ hãi ngồi xuống theo lệnh chủ. Vừa nói bà vừa túm lấy cái vòng cổ của nó xích lại, rồi đánh một cái vào đít nó, xong chạy vào nhà mang boot, đeo kiếng, mặt nạ, găng tay để lấy vòi nước xịt tắm cho chó!

Con Bí Bo biết lẩn nín khe không dám rên lên một tiếng dù rằng nước lạnh! Cũng lạ, nó đứng yên không dám nhúc nhích, cái mặt cúi gằm xuống như kẻ tội lỗi! Lần này tắm cho nó, tự dưng bà Tuất thấy tội nghiệp! bà nghĩ:

- Con chó này tội nghiệp hơn chủ của nó. Mình tắm nước nóng đôi khi thấy cũng sợ hổng chi con chó phải tắm nước lạnh ở ngoài đây! Thôi, lần sau chắc cho nó vào trong nhà tắm nước ấm vậy!

Chà xà phòng, lau rửa kỹ xong, bà lấy một khăn lông lớn vắt xài để lau cho chó, khi khô khan, bà còn chạy vào nhà

lấy máy xấy tóc để xấy cho nó mau khô, bớt lạnh. Con chó giờ thì bộ lông đen đã thơm tho sạch sẽ, bà lấy chén thức ăn chó và tô nước bưng ra ngoài, chỉ tay lên tấm thảm gần cửa bảo:

- Nằm đó, không được chạy đâu nữa nghe không. Khi nào ba mày về thì mở cửa cho vô nhà ngủ. Nhớ đừng cho lũ chuột vào nhà nghe không!

Con chó ngó bộ cũng mệt rồi, ngoan ngoãn chậm rãi đi đến nơi bà Tuất vừa chỉ nằm xuống lim dim đôi mắt! Chẳng biết nó có hiểu điều bà vừa nói không? Nhưng bà Tuất thấy nó nghe lời mình thì thương, cho nó một miếng khô bò mà bà đã cầm sẵn trên tay, định thưởng cho nó nếu biết nghe lời. Con chó hí hửng vừa nằm vừa nhai ra chiều thích thú.

- Mày cũng khôn há, biết thích khô bò mà không thích đồ ăn chó! Đúng là thằng ranh!

Trước khi vào nhà, bà còn nói lớn:

- Nhớ bắt chuột cho hay nghe chưa, chị Miu của mày không thích mấy con chuột thúí như mày đâu! Nghe chưa!

Hai con vật bà không biết con nào lớn hơn, nên tính theo cách con Miu đến trước là chị, thằng Chó Thúí vào sau là em.

Ở trong nhà bà Tuất biết đôi khi có chuột nhất! Bà không biết chúng đến từ đâu, có lẽ ở mấy cái lỗ thông hơi từ cửa bếp mà ra! Dù bà đã làm bẫy đôi lần, nhưng vẫn lâu lâu thấy chúng xuất hiện! Ghét, nhưng bà không biết làm sao cho tiệt hẳn mấy con chuột! Sẵn có thằng chó Thúí, bà giao nhiệm vụ cho nó!

- Mẹ mày hầu hạ tắm rửa cho mày, thì mày cũng phải bắt chuột cho tao để trả ơn chứ, chỉ có nhiều đó thôi, nhớ không!

Cứ mỗi lần bà Tuất dọn dò hay răn đe nó điều gì, thì cái bản mặt xấu trai của thằng Chó Thúí cứ gục xuống, làm như bị oan uổng lắm vậy. Đúng là cái thứ “giả Nai” y như thằng cha mày!

La thằng chó Thúí xong, bà Tuất vào tìm em Miu để bông ẵm em một chút! Cái mặt của em mỗi ngày một xinh hơn, giờ thì lông xù hơn và mập mập thấy thương. Đúng là mỗi “người” sinh ra có một số phận riêng rẽ. Đứa thì con nhà hoàng phái, đứa chạy rong ngoài đường, dù chúng ở chung một “gia trang”!

Mới đó mà đã gần đến Tết, con chó Thúí nay cũng lớn bộn, cao lớn, mạnh mẽ và đỡ xấu trai một tý! Có lẽ bà Tuất nhìn nó quen mắt thì đúng hơn. Bà đang ở vườn sau coi mấy người làm cỏ thu dọn vườn nhà kể bên đã mấy ngày nay thì ông Bính gọi về. Ai gọi bà cũng bấm “speaker” lên nghe, vì áp sát phôn vào tai khiến bà nhức đầu. Tiếng ông hỏi hả:

- Bà ra ngay nhà băng lấy tiền mặt trong hộp an toàn mười ngàn đô giùm tôi được không?

Bà Tuất cao giọng:

- Mười ngàn đô! Lấy chi mà nhiều vậy ông?

- Cứ lấy về đi, làm việc này có lời ngay mà phải tiền mặt mới được. Tối tôi về nói chuyện.

- Lúc nào ông cũng làm bất ngờ không à! Mười ngàn cũng nhiều chứ có ít đâu!

Cúp phôn, thấy con chó đang nhìn, bà cúi đầu nó một cái:

- Làm như tao ở đợ cho cha con mày không bằng!

Con chó tiu ngưu cúi đầu hứ hứ trong cổ họng. Bà la:

- Đi bắt chuột đi...

Kể ra thì nó cũng khá, từ khi bà dạy nó phải bắt chuột, thì lâu lâu bà cũng thấy một con chuột chết ngoài sân, nhưng trong nhà thì hầu như không còn chuột nữa! Hay là có sự hiện diện của bé Miu mà chuột không dám vào đây!

Thôi không cần biết, miễn hết chuột là được rồi!

Đi nhà băng lấy tiền về, bà Tuất không hề biết có cặp mắt cú vọ của tên làm vườn đang theo dõi và suy tính. Hấn ta là người Việt, vào nhóm cắt cỏ của Mễ vì cần tiền, có thành tích bắt hảo nên không ai mướn, đời sống đầy mưu toan! Bà Tuất không biết có người cùng tiếng nói của mình vì hấn luôn đội mũ sụp xuống mặt! Tình cờ nghe sự đối thoại của vợ chồng bà Tuất, biết bà có số tiền lớn trong nhà khi đi nhà băng về! Hấn muốn phải cướp cho bằng được!

Làm thế nào để cướp được số tiền đó trước khi ông chồng về đến. Ở đây ba ngày rồi nên hấn ta biết chỉ một mình bà Tuất ở nhà, còn ông chồng thì không thấy mặt đâu! Cho đến bốn giờ toán làm vườn đi về, vẫn chưa bao giờ thấy xe của ông ta cả! Như vậy là ông chồng có nhà khoảng sau 5 giờ! Phải hành động sau khi toán làm vườn vừa đi về.

Buổi chiều, tên làm vườn trở lại căn nhà bà Tuất gần bốn rưỡi. Lúc đó bà Tuất mở cửa sau ra vườn để kiểm con chó chạy đâu mất tiêu từ trưa! Có lẽ nó lên ra ngoài khi bà lái xe đi nhà băng. Không bỏ lỡ cơ hội, hấn ta xông vào nhà trói bà Tuất lại bằng cuộc giầy mang theo sẵn bên mình, rồi bịt miệng bà bằng tape dán thùng cứng ngắt... xong hấn ta vớ lấy cái xách tay của bà đang bỏ trên bàn, mở toạc ra và lôi số tiền ở nhà băng mới lấy về bỏ túi, cùng ít tiền, vòng vàng của

bà trong bóp, đeo trên tay... bỏ vào cái túi ny lông mà hấn đem theo. Nhìn quanh coi còn thứ gì đáng giá để cướp, nhưng vì sợ ông chủ nhà về bắt chọt, nên hấn đành tiếc rẻ đi ra.

Hấn nghĩ không ngờ ăn cướp dễ dàng như thế, lần này thì tha hồ tiêu, vào sòng bài trước tiên vì hấn nhớ lắm rồi!

Nhưng không may cho hấn... bởi khi vừa từ cửa sau bước ra ngoài, hấn bị con Bí Bo nhảy chồm vào tấn công một cách mãnh liệt! Hấn té nhào xuống đất, người và vật quần thảo nhau, con chó cắn vào tay hấn đau điếng khiến hấn phải buông cái túi đựng tiền bạc và trang sức rơi rớt đầy sân. Con chó này quá can trường, nó quyết gặm kẻ xấu không tha... cho đến lúc những người hàng xóm trông thấy gọi cảnh sát đến, thì tên trộm mới được chó nhả ra để đưa tay vào còng Cảnh Sát!

Khi bà Tuất được giải cứu, thì con Bí Bo cũng phải vào nhà thương thú vật, vì nó bị tên trộm đâm cho như tử sái quai hàm! Tuy thu hồi lại tiền bạc và nữ trang, bà Tuất vẫn chưa hoàn hồn khi nhớ lại bị tên trộm bẻ quặt tay bà ra sau để trói, cũng như dán băng keo vào miệng bà đau điếng! Mặt bà cũng bị bầm tím ở trên môi!

Ông Bính về trễ được hàng xóm kể lại câu chuyện, và xe cảnh sát vẫn còn đậu ở ngoài. Ông chưa thể nói chuyện với bà, vì bà đã được nhân viên cứu cấp cho uống thuốc an thần để ngủ. Còn con Bí Bo thì mai mới được thăm vì nó đang được nhóm chăm sóc đặc biệt cứu cấp. Ngày mai khi mặt trời ló dạng, mọi vật tươi sáng. Ông Bính thức dậy sớm lần đầu đi ra vườn sau nhìn ngắm, tưởng tượng đến con Bí Bo hôm qua đấu võ

với ăn trộm nơi đây. Ông trông thấy những mảnh vải quần bị xé rách còn ở dưới đất, có vết máu không biết của chó hay người. Một cái lu nước được bà ghi rõ: “Nước tắm chó, phải pha thêm nước ấm” tự dưng làm ông cảm động! Cũng vì số tiền ông cần gấp gây nên chuyện, mà việc ấy thì họ đã “xù” rồi, không làm nữa! Lâu nay ông cứ để mặc bà xoay trở trong nhà mà đi ra ngoài vui thú một mình quá ích kỷ! Có lẽ bà ghi những dòng này vì thương con chó của ông cũng cô độc như bà! Lúc sau ông rón rén vào phòng, thấy bà nhượng mắt nhìn, ông hỏi:

- Bà khỏe chưa? Có sao không? Thăng chó Thúi nó...

Bà nhăn mặt, thì thào:

- Đừng có kêu nó là Chó Thúi, nó là Bí Bo, thăng Bí Bo giỏi, nó cứu tôi...

- Nó bị trẹo và bề quai hàm nặng, một là chích thuốc cho ngủ luôn, hai là chữa lại thì tốn tiền...

- Phải chữa cho nó lành, dù chữa xong có xấu trai tôi cũng chịu, quen rồi ông à!

Ông Bính nhìn vợ, không biết bà có quen cái mặt của mình không!

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)



Tím Mơ – Tranh: Cát Đơn Sa

TRAI GÁI TÁN TÌNH, TỎ TÌNH QUA CA DAO (phần 1)

Tiếp theo Chương 12: Đời sống có văn hóa trong sách
“Ca Dao Con Đường Văn Hóa” của Nguyễn Văn Nhiệm

Việc tán tình, tỏ tình của trai gái ở nông thôn cũng mang màu sắc văn hóa rất đặc biệt. Câu hò có thể do cảm hứng mà ứng khẩu, cũng có thể mượn từ kho tàng ca dao phong phú, mà hầu hết là những câu đầy tình tự của trai gái trong không gian phóng khoáng của đồng quê bát ngát, phần nhiều có tính lãng mạn như nước ruộng đầy ắp muốn tràn bờ:

*“Nước lên khỏa bực tràn bờ
Anh về viếng mẹ bao giờ anh sang?”*

Nước đã đầy ắp thì phải thông mương (đào mương). Đó là lẽ Đạo, cho nên việc trai gái hẹn hò, tỏ tình, yêu đương rồi tiến đến hôn nhân là lẽ tự nhiên. Trong quá trình đó cũng có đôi lúc trắc trở do mương bị nghẹt hoặc chưa được đào thông hẳn hoi, thì bằng cách nào đó người ta lại nỗ lực dẹp bỏ chướng ngại để mọi sự được hanh thông:

*“Nói thương mà chẳng thấy thương
Nước thì muốn chảy
mà mương không đào
- Đào thì em cũng muốn đào
Biết rằng nước chảy
có vào mương không?
- Vào thì anh cũng muốn vào
Vào cửa em đóng, leo rào mắc gai
Hay là em đã có ai ?”*

Hôn nhân là hòa hợp nữ nam, âm dương hòa hợp, là bình thông nhau

cho nước vào trọn trong mương theo nguyên lý quân bình.

Tuy có tin phần nào vào duyên phận, nhưng người bình dân không quá mê tín. Ông Tư, bà Nguyệt chẳng qua chỉ là hình ảnh dùng để thi vị hóa mối tơ duyên. Giới trai gái ở nông thôn đã từng hoài nghi về mối duyên tiền định nên đã từng bắt tín nhiệm ông Tư:

*“Gặp ông Tư lật nón xá liền
Biểu chỉ giùm chỗ khác,
chỗ có chồng rồi sao ông lại xe.”*

Đôi khi giới trẻ còn tỏ thái độ dứt khoát và hành động mạnh tay:

*“Bắc thang lên đến tận Trời
Bắt ông Nguyệt Lão
đánh mური cẳng tay.”*

Họ chọn cho mình phương thức hành động hợp nhân bản, có văn hóa, văn nghệ là hát hò để qua đó từng bước đi tìm hạnh phúc. Bước đầu tiên phải nói ngay là việc ve vãn, tán tình nhau, ai chậm chạp, do dự, lừng khừng sẽ mất cơ hội:

*“Cam sành lột vỏ còn the
Thấy em còn nhỏ anh ve để dành.”*

Ve vãn, tán tình là để tỏ tình với nhau. Về phương diện này, trai gái đã làm phong phú kho tàng ca dao nhờ sức phản ánh trung thực và cao độ nguồn sống tình cảm say mê, nhiệt tình của tuổi yêu đương qua nhiều phương cách

khác nhau.

Tỏ ra lịch sự, hào hoa với phái đẹp,
nịnh đầm:

“Anh thấy em nhỏ nhỏ,
lại có hương nhan
Chân mày em loan,
con mắt em phượng
Anh đi nội lục tỉnh này
mà ừng bụng chỉ có mình em.”

“Ai làm cái nón quai thao
Để cho anh thấy cô nào cũng xinh.”

“Mù u bông trắng, lá quắn, nhụy quỳnh
Bà ngoại đẻ má,
má đẻ mình dễ thương.”

“Răng đen ai nhuộm cho mình
Cho răng mình đẹp cho tình anh say.”

“Tóc em dài lại cài hoa thiên lý
Thấy miệng em cười
thăm ý anh thương.”

“Hoa thơm cái cuốn cũng thơm
Em xinh khi giận khi hờn cũng xinh.”

Đã gọi là tán tỉnh thì làm sao không có
đôi chút cường điệu:

“Gối chần gối chiếu chẳng êm
Gối lụa chẳng mềm bằng gối tay em.”

“Một chờ hai đợi ba trông
Bốn thương năm nhớ
bảy tám chín mong mười tìm.”

Tán tỉnh bằng cách nói bóng, nói gió:
“Lộc còn ẩn bóng cây tùng
Thuyền duyên đợi khách anh hùng
vãng lai.”

“Tới đây mướp lại gắp dưa
Bầu kia gắp bí sao chưa chung giàn.”

“Mấy lâu nay ăn phở với cao lâu
Bữa nay anh ăn một bát canh bầu
cho mát chân răng.”

“Nước mắm ngon Tân Thủ
Thả miếng đu đủ ăn tận tinh
Thiếu chi người anh không muốn,
chỉ muốn một mình em thôi.”

Cường điệu để chứng tỏ tình yêu
say đắm:

“Cơm sôi, lửa cháy,
gạo nhảy tung bưng
Anh thương em như lửa nọ cháy phừng
Dầu cho lửa núi, tan rừng cũng thương.”

“Phụ mẫu đánh anh quặt quạ quặt quại
Đem treo anh tại nhánh bần
Rủi đứt dây mà rớt xuống
Anh cũng lần mò kiếm em”

Kể lể để đánh động con tim:

“Bởi thương nàng anh chịu đòn oan
Năm roi sáu rắc rõ ràng còn đây.”

“Nhớ hiền lương anh mang bệnh dữ
Cảm thương thực nữ, quân tử ốm gầy
Em chẳng tin, giang tay vào cổ,
anh giờ âu áo này cho coi.”

“Kiếng xa bồn kiếng lại héo queo
Anh xa người nghĩa
như lồng đèn treo hết dầu.”

Đôi khi tán tỉnh có pha lẫn chút hóm
hỉnh:

“Tiếc công anh vạch lỗ chun rào
Thăm không đặng bậu mà

hàng rào nó cào trầy lưng.”

*“Gá duyên chẳng đặng hội này
Tôi chèo ghe ra sông Cái,
nước lớn đầy...tôi chèo vô.”*

*“Hò ơ...(chớ) sông sâu
kiếm chẳng đặng đò
Muốn qua thăm bậu... (ờ)
Hò ơ...(chớ) muốn qua thăm bậu,
mà sợ hụt giò chết trôi.
- Hò ơ... bớ này anh nó ơi,
nếu anh có lỡ hụt giò...(ờ)
Hò ơ...(chớ) nếu anh có lỡ hụt giò,
thì em sẽ lội xuống đặng mò anh lên.”*

Nhiều khi tưởng chừng như có thật:
*“Ghe tôi tới chỗ cắm sào
Nghe bậu có chón tôi muốn nhào
xuống sông.”*

Chỉ muốn thôi, chứ chưa nhào xuống sông đâu mà lo. Tâm trạng của chàng trai trong câu ca dao sau đây có thể tin được là chân thật:

*“Gió lao xao tân cau ngã liệt
Nghe em lấy chồng,
anh rũ rột tay chân.”*

Ve vãn, chinh phục qua viện dẫn những hình ảnh lý tưởng:

*“Qué càng già càng tốt
Mía càng đốt càng ngon
Anh thương em đặng nghĩa vuông tròn
Mấy sông cũng lội, mấy hòn cũng leo.”*

*“Lạt này gói bánh chưng xanh
Cho mai lấy trúc cho anh lấy nàng.”*

Bánh chưng bánh dày và vuông tròn đều có cùng ý nghĩa triết lý lưỡng hợp thái hòa.

Tán tình, thuyết phục qua trưng dẫn huyền thoại về duyên tiền định:

*“Con chim manh manh nhẩy quanh bụi
ót, rót xuống bụi riêng
Thương sao thấy mặt thương liền
Cũng như ông Tư bà Nguyệt
nói duyên mình thưở xưa.”*

Cả con ếch cũng hưởng ứng, nói vô:
*“Con ếch ngồi dựa gốc bưng
Nó kêu cái “quyệt” biểu ưng cho rồi.”*

Được thể, chàng trai cao hứng tiến tới bước nữa:

*“Nước trong ai chẳng rửa chân
Cái má trắng ngần ai cũng muốn hôn.”*

Không phải ai cũng bạo gan, bạo phổi như vậy, mà có những chàng trai mới lớn hã còn rụt rè:

*“Thò tay mà ngắt cọng ngò
Thương em đứt ruột giả đờ ngó lơ.”*

Chẳng những rụt rè, mà nhiều khi gặp mặt con gái không biết sao cứ run như bị sốt rét:

*“Đèn nào sáng bằng đèn Sa Đéc
Gái nào đẹp bằng gái Nha Môn
Anh thả ghe câu lên xuống mấy lần
Thương em đứt ruột,
nhưng tới gần lại run.”*

Nếu gặp cô gái nào đã có tình ý rồi thì cũng đỡ khổ cho những người con trai này:

*“Trâm vàng giắt chặt còn rung
Em thương anh, em kề mặt
cho anh hun thỏa lòng.”*

Thường thì khi trai gái thương nhau rồi thì ai mà cản cho nổi:

“Đôi mình mới gặp hôm nay
Cho hôn một chút em Hai đừng phiền
- Có hôn thì hôn cho liền
Đừng có làm bộ lảng giềng cười em.”

Ướm hỏi:
“Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng
Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?
- Đan sàng thiếp cũng xin vâng
Tre vừa đủ lá non chăng hỏi chàng?”

“Bần che bóng mát,
cá thác lác quẫy đục ngầu
Qua hỏi thăm bậu
đã có chỗ nào hay chưa? “
“Khúc sông quanh thuyền
qua Vàm Thấp
Chèo mỗi mề miệng ngáp tiếng hò
Thấy cô cây rẫy buồn xo
Cùng anh kết nghĩa
chuyện trò được chăng?”

“Em thương thầy mẹ đã biết chưa?
Hay là tình đẹp ý ưa một mình?
- Em thương anh thầy mẹ biết rồi
Cậu cô chú bác một lời như nhau.”

Ướm hỏi, kêu gọi, mời mọc, đề nghị
(đủ kiểu cách):
“Mặt trời đã xế về Tây
Hỡi cô cắt cỏ bên đầy bên vơi
Cô còn cắt nữa hay thôi?
Cho anh cắt với làm đôi chung tình.”

“Con ve kêu trên cành mít mục
Con sùng nó đục trên nhánh cây đa
Bớ người có mẹ không cha
Vô đây kết nghĩa giao hòa cùng anh.”
“Anh thương ai núp bụi núp bờ
Sớm trông đồ ngược tối chờ đồ xuôi
Thuyền em đậu bến lâu rồi

Sao anh không xuống mà ngồi với em?”

“Anh đã có vợ con hay chưa
Mà anh ăn nói đầy đưa ngọt ngào
Mẹ già anh ở nơi nao
Để em tìm vào hầu hạ thay anh.”

“Bạn ơi, ơi bạn vô đây
Tội chi đứng ở ngoài đường
Sương sa nhỏ xuống
Cảm thương hàn không ai lo.”

“Bớ chiếc ghe sau chèo mau em đợi
Kẻo trận giông tối đèn, bờ bụi tối tăm
- Ghe em nhỏ ván, mà bóng lảng nhẹ chèo
Xin em bớt mái, mà xả lèo đợi anh.”

“Thuyền ai trôi trước
Cho tôi lướt tới cùng
Chiều đã về trời đất mông lung
Phải duyên thì xích lại
cho đỡ nã nùng tuyết sương.”

Nói gần nói xa:
“Đường xa thì thật là xa
Mượn mình làm mối cho ta một người
Một người mười tám đôi mươi
Một người vừa đẹp vừa tươi như mình.”

Nhiều khi các chàng trai cứ tưởng tán tỉnh chơi qua đường cho vui vậy thôi:
“Bong bóng bay như nhựa dầu lai
Nói chơi đôi chuyện, nhà ai nấy về.”

Nhưng đôi khi tưởng vậy mà không phải vậy:
“Đêm nằm gác tay lên trán
Mồ hôi lai láng ướt chiếu ướt giường
Anh thường nói chơi mà bỏ qua đường

*Hay đâu ông Trời khiến, anh đem lòng
nhớ thương.”*

Nhớ thương:

“Anh đi Lục tỉnh giáp vòng

Đến đây Trời khiến

đem lòng nhớ thương.”

Có cô gái nhỏ chưa từng biết nhớ
thương là gì:

“Mưa sa giọt nhỏ, giọt ngừng

Tuổi em còn nhỏ

chưa từng nhớ thương.”

Cô thắc mắc:

“Quạ kêu nam đáo nữ phòng

Người dung khác họ

đem lòng nhớ thương.”

Rồi có lúc cô mới biết nhớ thương là
làm sao:

“Mịt mù gió thổi cát bay

Một lời giao ngãi,

ngàn ngày nhớ thương.”

Rồi sẽ bịn rịn lúc chia tay:

“Ra về mới đến nửa đồng

Nón che, tay ngoắt,

trong lòng nhớ thương.”

Gọi nhớ kỷ niệm những lúc bên nhau:

“Nhớ ai dải nắng dầm sương

Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.”

“Bước chân xuống ruộng dưa gang

Lòng tưởng nhớ chàng

gieo hạt hôm xưa

Đôi tay em nắm trái dưa

Nhớ khi tát nước giữa trưa chung gàu.”

Rồi lại ước mơ sống cùng chung một
nhà để khỏi phải xa cách:

“Ước sao ăn ở một nhà

Ra vào đụng chạm

kẻ mà nhớ thương.”

Chừng nào được ở chung một nhà sẽ
hay, còn bây giờ chàng nhớ thăm thiết
phải mài mực viết bức thư tình:

“Chim chuyền bụi sậy,

con cá quây bụi từng

Anh thương em thăm thiết vô cùng

Dứt nghiên mài mực

tạm cùng bức thư.”

“Giấy hồng đơn bán mấy

Cho anh mua mấy tờ

Viết thơ quốc ngữ

Dán trên trái bưởi

Thả xuống giang hà

Bớ cô gánh nước bên bờ

Xuống sông vớt bưởi để mà xem thơ.”

Nhắn tin yêu cũng chưa đủ, mà còn
phải hẹn hò để gặp mặt mới được:

“Trời mưa cá lóc lên gò

Biết em còn nhớ hẹn hò hay không?”

“Trời mưa tron trọt bờ đình

Lỡ lời hò hẹn, tôi phải dầm mình ra đi.”

Lỗi hẹn thì người bạn tình giận lắm:

“Một trăm con bướm trắng

Nó cắn đứt dây đèn

Đứt dây hò hẹn,

con bạn hờn trăm năm.”

Những cặp tình nhân hẹn hò thường
chọn nơi vắng vẻ, họ muốn có một
không gian riêng biệt:

“Bờ sông khúc lở, khúc bồi

Kiểm nơi vắng vẻ trao lời với anh.”

Hẹn hò ban đêm tưởng chắc như yên
tĩnh rồi, ấy vậy mà cũng bị quấy rầy bởi
con chó ở đầu làng:

*“Đầu làng con chó sủa dai
Năm canh anh viếng bậu,
nó sủa hoài suốt đêm.”*

Rồi lại con gà nữa:
*“Trách con gà gáy vô tình
Chưa vui sum họp, đã đành chia phối.”*

Bịn rịn, dận dỏ:
*“Anh về em nắm cổ tay
Em dặn câu này anh chớ có quên
Đôi ta đã trót lời nguyện
Chớ xa xôi mặt mà quên mảng lòng.”*

Tục ngữ đã có nói: “Xa mặt cách lòng”
Đối với cha mẹ cũng vậy, người con
gái nhắc nhở người con trai cái qui luật
gần xa :
*“Nắng mưa thì giếng nắng đầy
Anh nắng đi lại, mẹ thầy nắng thương.”*

Trai gái hẹn hò trong xã hội xưa không
phải hoàn toàn phóng túng, mà cũng
phải để ý đến dư luận:
*“Em nghe họ nói mong manh
Đường như họ biết
chúng mình với nhau.”*
Và nhất là phải để ý đến cha mẹ:
*“Đôi ta nặng nghĩa nặng tình
Biết cha với mẹ hay chuyện chúng
mình ra sao?”*

Rồi người con gái dặn dò người con
traí nên thận trọng, kín đáo:
*“Phình phình ở giữa lớn ra
Mẹ ơi con chẳng ở nhà được đâu
Ở nhà làng bắt mất trâu
Cho nên con phải cúi đầu ra đi.”*

Ở thời buổi trọng nam khinh nữ, nếu
xảy ra bất trắc, con gái phải chịu bao
nỗi đắng cay, xấu hổ. Trái lại, con trai ít
ai để ý, nên không cần dè dặt:

*“Đi qua nhà nhỏ
Thấy đôi liễn đỏ có bốn chữ vàng
Thạnh suy anh chưa biết,
chớ thấy nàng anh vội thương.”*

Tình yêu chớp nhoáng này của chàng
traí vượt ngoài tầm lý trí, không cần suy
tính, mà chỉ theo tiếng gọi của con tim.
Mới thấy mặt mà vội thương, người ta
gọi là tiếng sét ái tình. Hiện tượng này
thường dễ đưa đến tình trạng tương tư,
nhớ thương da diết:

*“Nhớ ai ra ngán vào ngờ
Nhớ ai ai nhớ, bây giờ nhớ ai?”*

*“Từ ngày ăn phải miếng trầu
Miếng ăn môi đỏ, dạ sầu tương tư.”*

*“Ai làm cho bậu âu sầu
Ăn cơm chẳng đặng,
ăn trầu giải khuấy.”*

*“Bậu buồn qua dễ chẳng buồn
Cá dưới sông biếng lội,
chim trên ngàn biếng bay.”
“Chim chuyền nhanh ớt lú lo
Mảng sầu con bạn, ốm o gầy mòn.”*

Tương tư là chuyện thường tình:
*“Nắng mưa là bệnh của trời
Tương tư là chuyện của tôi yêu nàng.”*

Mưa nắng là hai cái đối lập nhau, hai
yếu tố âm dương trong thiên nhiên
cũng tương tự như chuyện gái với trai.
Nắng mưa điều hòa thì ruộng vườn
xanh tốt, cây cối đơm bông kết trái. Gái

traì hòa hợp thì cũng tiến tới giao hòa cùng nhau:
“Anh về thưa mẹ cùng cha
Sắm cho đủ lễ giao hòa cùng em.”

Khi lòng khao khát tiến tới giao hòa tột độ mà chưa được thỏa đáng thì sanh ra tương tư:
“Đèn Bạc Liêu sáng rỡ,
đèn chợ Sở sáng lòà
Anh gặp mặt em đây chưa kịp giao hòa
Gà kia vô ý gáy chân trời hừng đông.”

Có phải như thế này gọi là tương tư?
“Bóng cam bóng quít sau nhà
Bóng trắng rọi lại,
anh tưởng là bóng em.”

Tương tư cũng có thể gọi là thất tình vì tính hài hòa của tình yêu chưa đạt tới hay đã đạt rồi nhưng lại mất đi:
“Dọn cơm chống đũa ngồi nhìn
Mảng sầu người nghĩa,
thất tình quên ăn.”

Bởi vì nắng mưa, trai gái khác biệt, cho nên bên cạnh khuynh hướng hút còn có lực đẩy nhau. Cho nên con đường tiến tới hòa hợp, giao hòa cũng có lúc trắc trở.
Nghĩ ngờ, hạch hỏi:
“Khăn lòng bốn mí, vắt chí chơn mày
Em lại đây anh hỏi,
mấy ngày rày em đi đâu?”

Trách móc, đổ thừa:
“Bản gie con đóm đậu sáng ngời
Lỡ duyên tại bậu, trách trời sao đang.”

Giận dỗi:
“Không thương em hồng có cần
Trầm hương khó kiếm,
chớ đước bần thiếu chi.”

“Ngãi nhờn nay giận mai hờn
Lòng anh ở thẳng như đèn lên giầy.”
Phân trần:
“Đó than thờ sao không mắc cở,
còn lại phân trần
Đó chê đây duyên nợ không gần
Đó kiếm nơi chốn khác,
sao còn lần tới đây.”

“Tay cầm bó mạ sót hai
Em nửa anh nửa kẻ vai phân trần.”

Khuyên lơn nhau:
“Bầu non, bí mới tượng hình
Đôi ta mới ngộ, dứt tình sao nên.”

“Đũa mun một chiếc khó cầm
Thương nhau phải tính, âm thầm sao nên!”

Đũa mun quý mà chỉ có một chiếc lẻ loi, không đủ cặp thì không thể khai triển cái dụng của nó. Gái trai cũng phải đủ đôi, đủ cặp thì mới hợp lẽ Đạo. Đạo đó là Đạo hằng:
“Dấu thương anh em vẫn giữ đạo hằng
Anh về cậy mai tới nói, phụ mẫu bằng lòng em mới ưng.”

Sóng gió bao giờ cũng có, nhưng cần phải vượt qua và bao giờ gió đứng sóng êm thì thuyền sẽ về tới bến:
“Sông kia nước chảy lờ đờ
Con thuyền lơ lửng trắng mờ nào soi
Sông kia bên lở bên bồi
Bên lở lở mãi, bên bồi bồi thêm

*Bao giờ gió đứng sóng êm
Thuyền ai xuôi ngược qua đêm lại
về Với em trót nặng lời thề.”*

Thề thốt là để đánh tan mối nghi ngờ:
“Chiếc thuyền kia nói có
Chiếc ghe nọ nói không
Phải chi miếu ở gần sông
Em thề một tiếng kéo lòng anh nghi.”

“Đêm qua bỏ tóc qua mình
Thề cho bán mạng kẻ tình mình nghi.”

“Một lời đã quyết tâm giao
Dưới thề có đất, trên cao có trời.”

Để được Đạo hằng thì ngoài thề thốt
còn thành tâm van vái:
“Vái trời choặng vương tròn
Trăm năm giữ vẹn
lòng son cùng chàng.”

Rồi còn phải cam kết theo thủ tục hành
chánh của làng xã nữa:
“Khổ qua xanh, khổ qua trắng
Mắc nắng khổ qua đeo
Em có thương anh thì
làm giấy giao kèo
Lăn tay chỉ điểm mới phải
con mèo của anh.”

Sau cùng là tự bản thân mình phải chí
thành:
“Đêm khuya trăng tỏ gió thanh
Tứ bề vắng lặng cùng anh dựa kê
Cùng nhau cất một tiếng thề
Sơn cùng thủy tận chớ hề sa tâm
Nguyện cùng nhau hai chữ sắt cầm.”

Sắt cầm là hai thứ đàn cổ điển, ví hai
vợ chồng hòa hợp, gắn bó, cho nên
mới có câu chúc mừng cô dâu chú rể: “
Sắt cầm hảo hợp”.

Vợ chồng là đầu mối, là bước khởi đầu
của Đạo:

“Chữ rằng quân tử tạo đoan
Vợ chồng là nghĩa đá vàng trăm năm.”

Từ đó có Đạo thờ cúng tổ tiên, coi
trọng việc nối truyền giống nòi:
“Sơn Bình, Kẻ Gốm không xa
Cách một cái quán với ba quãng đồng
Bên dưới có sông
Bên trên có chợ
Ta lấy mình làm vợ nên chẳng?
Tre già để gốc cho măng.”

Trai gái tán tình, tỏ tình

Việc tán tình, tỏ tình của trai gái ở
nông thôn cũng mang màu sắc văn hóa
rất đặc biệt. Câu hò có thể do cảm
hứng mà ứng khẩu, cũng có thể mượn
từ kho tàng ca dao phong phú, mà hầu
hết là những câu đầy tình tự của trai
gái trong không gian phóng khoáng của
đồng quê bát ngát, phần nhiều có tính
lãng mạn như nước ruộng đầy áp
muốn tràn bờ:

“Nước lên khóa bực tràn bờ
Anh về viếng mẹ bao giờ anh sang?”

(còn tiếp)

Nguyễn Văn Nhiệm

2 HỌA SĨ NGUYỄN THỊ HỢP & NGUYỄN ĐỒNG



Trước Lễ Giáng Sinh năm 2018, Cỏ Thơm đã liên lạc được với 2 họa sĩ tài hoa của Việt Nam đó là **ÔB Nguyễn Thị Hợp & Nguyễn Đồng**, hiện cư ngụ tại miền Nam California. Tuy bận nhiều việc nhưng ÔB đã không quản ngại bỏ thì giờ để giới thiệu sữ mới nhất ở dưới và cho phép Cỏ Thơm dùng tranh, trong số đó có 2 bức tranh Cỏ Thơm hân hạnh dùng làm bìa trước và sau cho số 83 này. Cỏ Thơm cũng sẽ tiếp tục giới thiệu về 2 họa sĩ trên website và các tạp chí trong tương lai. Xin thành thật cảm ơn tính tình cởi mở dễ mến và thân chúc 2 họa sĩ nhiều an vui trong cuộc sống, tiếp

tục sáng tác những họa phẩm tuyệt mỹ và đầy tình tự dân tộc - **Phan Anh Dũng**



Nguyễn Thị Hợp

Tốt nghiệp trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn năm 1964.

Triển lãm cá nhân lần đầu tiên năm 1966 ở Taipei, Taiwan.

Từ 1968, tham dự và triển lãm đều đặn với nhóm Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam, Sài Gòn.

Từ 1979, triển lãm ở Bonn, Stuttgart, Munich và nhiều thành phố khác ở Đức.

Từ 1981-1985 triển lãm hằng năm tại Paris.

Từ khi sang Mỹ năm 1985, đã bày tranh tại Orange Coast College, Đại học UCLA, Đại học Minnesota, CSU Long Beach, Pacific Asia Museum, L.A. Artcore... và tham dự gần như hằng năm các triển lãm chung tại Người Việt, Việt Báo, Viễn Đông ở Little Saigon.

Năm 1993, Phân khoa Mỹ thuật Irvine Valley College tổ chức triển lãm "Images of Peace", nhìn lại tác phẩm Nguyễn Thị Hợp & Nguyễn Đồng 1980-1992.

Năm 1995-98, dự triển lãm lưu động "An Ocean Apart" qua 7 bảo tàng viện trong nước Mỹ do Viện Smithsonian tổ chức.

Năm 2011, dự triển lãm "On Being Human" do Picture Art Foundation tổ chức tại Cal State Dominguez Hills.

Gần đây nhất:

- Triển lãm tại Capitol Hill, Washington DC, 3 tháng 8, 2017.
- Triển lãm "VIET STORIES: Recollections & Regenerations" tại Nixon Library từ 17 tháng 2 tới 28 tháng 5, 2018.

- Triển lãm "50 Năm Nhìn Lại", tháng 5 tại Westminster, CA.
- Triển lãm "Vietnamese Art: An Overview" tháng 7 tại CSU Fullerton, CA.

Đặc biệt chuyên về tranh lụa. Đã minh họa nhiều sách xuất bản ở Việt Nam, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Pháp, Đức, Anh và Hoa Kỳ. Có hai tác phẩm trong Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Hà Nội.

Nguyễn Đồng

Học vẽ từ những năm cuối trung học tại xưởng họa tư của họa sĩ Nguyễn Cường, sau đó có học với tư cách dự thính một thời gian rất ngắn ở Trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn. Tốt nghiệp Trường Đại Học Sư Phạm Đà Lạt, ban Triết học, năm 1965.

Triển lãm tranh lần đầu tiên tại Sài Gòn năm 1965. Năm 1967, triển lãm tại Trung Tâm Văn Hóa Pháp Saigon.

Từ 1968, tham dự và triển lãm đều đặn với nhóm Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam, Sài Gòn.

Từ 1979, triển lãm ở Bonn, Stuttgart, Munich và nhiều thành phố khác ở Đức.

Năm 1981, trưởng ban tổ chức triển lãm "Vietnamesische Kunst" tại Trung Tâm Văn Hóa Thủ Đô Bonn, Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Từ 1981-1985 triển lãm hằng năm tại Paris.

Sang Mỹ năm 1985, bày tranh tại Orange Coast College, những năm tiếp theo, tại Đại học UCLA, Đại học Minnesota, CSU Long Beach, Pacific Asia Museum... và tham dự nhiều triển lãm chung đều đặn cho tới hiện nay.

Năm 1993, Phân khoa Mỹ thuật Irvine Valley College tổ chức triển lãm "Images of Peace", nhìn lại tác phẩm Nguyễn Thị Hợp & Nguyễn Đồng 1980-1992.

Có viết về mỹ thuật khi còn ở Saigon cho vài tờ báo (Tiền Tuyến, Tin Sáng) và tạp chí (Văn, Trình Bày), và ở hải ngoại (rất ít) cho tạp chí Văn Học, báo Người Việt...

Gần đây nhất:

- Triển lãm tại Capitol Hill, Washington DC, 3 tháng 8, 2017.
- Triển lãm "VIET STORIES: Recollections & Regenerations" tại Nixon Library từ 17 tháng 2 tới 28 tháng 5, 2018.
- Triển lãm "50 Năm Nhìn Lại", tháng 5 tại Westminster, CA.
- Triển lãm "Vietnamese Art: An Overview" tháng 7 tại CSU Fullerton, CA.

Sách có minh họa của Nguyễn Thị Hợp & Nguyễn Đồng:

- Thích Nhất Hạnh, The Dragon Prince
ISBN 978-1-888375-74-9, Parallax Press, Berkeley, California, 2007
- Thích Nhất Hạnh, Old Path White Clouds (Đường Xưa Mây Trắng, Lá Bối)
ISBN 0-938077-40-6, Parallax Press, Berkeley, California, 1991

- Thich Nhat Hanh, A Taste of Earth (Hương Vị Của Đất, Lá Bối)
ISBN 0-938077-66-X, Parallax Press, Berkeley, California, 1993
- Thich Nhat Hanh, Breathe! You are alive
ISBN 0-938077-38-4, Parallax Press, Berkeley, California, 1988
- Thich Nhat Hanh, El Nino De Piedra
ISBN 84-95456-30-3, Oniro, Barcelona, Spain, 2000
- Thich Nhat Hanh, Cita Con La Vida
ISBN 84-9754-123-5, Oniro, Barcelona, Spain, 2004
- Thich Nhat Hanh, Each Breath A Smile
ISBN 1-888375-22-1, Parallax Press, Berkeley, California, 2001
- Thich Nhat Hanh, Awakening of the Heart
ISBN 978-1-937006-11-2, Parallax Press, Berkeley, California, 2012
- Thich Nhat Hanh, The Heart of the Buddha's Teaching
ISBN 0-938077-81-3, Parallax Press, Berkeley, California, 2012
- Thich Nhat Hanh, The Stone Boy
ISBN 0-938077-86-4, Parallax Press, Berkeley, California, 1996
- Thich Nhat Hanh, Path of Compassion
ISBN 978-1-937006-13-6, Parallax Press, Berkeley, California, 2012
- Thich Nhat Hanh, Master Tăng Hội
ISBN 1-888375-13-2, Parallax Press, Berkeley, California, 2012
- Thich Nhat Hanh and the Global Plum Village Family, I Have Arrived I am home
ISBN 1-888375-25-6, Parallax Press, Berkeley, California, 2003
- Thich Nhat Hanh, Transforming & Healing
ISBN 0-938077-34-1, Parallax Press, Berkeley, California, 1990
- Thich Nhat Hanh, A Pebble for Your Pocket
ISBN 1-888375-05-1, Parallax Press, Berkeley, California, 1990
- Thich Nhat Hanh, A Pebble for Your Pocket
ISBN 81-7621-193-1, Full Circle, New Delhi, India, 2001, 2008, 2010
- Thich Nhat Hanh, Hermitage Among the Clouds (Am Mây Ngủ, Lá Bối)
ISBN 0-938077-56-2, Parallax Press, Berkeley, California, 1993
- Thich Nhat Hanh, Our Appointment with Life
ISBN 978-0-938077-36-7, Parallax Press, Berkeley, California, 1990
- Tien Huu, Das Schwein hat kein Vaterland,
Buchendorfer Verlag, Buchendorf, Germany 1983
- Tien Huu, Augen lachen Lippen blühen (Thơ Hồ Xuân Hương dịch sang tiếng Đức)
ISBN 3-88676-020-0, Verlag Simon&Magiera, München, Germany, 1985
- Tien Huu, Liebe im Reisefeld
ISBN 3-88676-028-6, Verlag Simon&Magiera KG, Nördlingen, Germany, 1987

- Tien Huu, Fernöstlicher Diwan
ISBN 3-88676-020-X, Verlag Simon&Magiera KG, Nördlingen, Germany, 1987
- De Van Nguyen, Das Land der vielen Abschiede,
ISBN 3-87502-142-8, Lutherhaus Verlag, Hannover, Germany 1982
- Duong T. Thanh Lien, Folk Tales and Legends told in Vietnam, California 1986
- Phong Thuyet Nguyen & Patricia Shehan Campbell, From Rice Paddies and Temple Yards
ISBN 0-937203-34-3, World Music Press, Danbury, Connecticut 1990
- Hop Thi Nguyen & Selina Yoon, Sing'n Learn Vietnamese
ISBN 1-888194-19-7, Asia for Kids, Master Communications Inc., Cincinnati, Ohio 1998
- Tazuko Inui & Selina Yoon, Sing'n Learn Japanese 1 & 2
ISBN 1-888194-23-5, Asia for Kids, Master Communications Inc., Cincinnati, Ohio 1999
- Asian Copublication Programme sponsored by UNESCO, More Festivals in Asia
ISBN 0-87011-273-2, Kodansha International Ltd., Tokyo, Japan 1975
- Asian Copublication Programme sponsored by UNESCO, Folk Tales from Asia, Book 1
ISBN 0-8348-1032-8, Asian Cultural Centre for UNESCO, Tokyo, Japan 1975
- Asian Copublication Programme sponsored by UNESCO, Folk Tales from Asia, Book 3
ISBN 0-8348-1034-4, Asian Cultural Centre for UNESCO, Tokyo, Japan 1976
- Vietnamese Children's Favorite Stories,
ISBN 978-0-8048-4429-1, Tuttle Publishing, Tokyo - Rutland, Vermont - Singapore, 2015
- My First Book Of Vietnamese Words,
ISBN 978-0-8048-4907-4, Tuttle Publishing, Tokyo - Rutland, Vermont - Singapore, 2017



Phóng viên TiTi Mary Tran, báo Người Việt online - ngày 8 tháng 9, 2017 - đã viết: "Nhà họ không có xưởng vẽ. Nhưng tranh và sách chiếm hết không gian và thờ hời vào trong cuộc sống hằng ngày của họ. Bút vẽ, những bức phác họa và màu sắc giành chỗ trên bàn ăn, phòng khách, phòng ngủ, nhà để xe và hầu hết các khoảng trống khác trong căn nhà đáng yêu của họ. Họ – đôi vợ chồng họa sĩ Nguyễn Thị Hợp, 74 tuổi, và Nguyễn Đồng, 77 tuổi – đã đạt tới đỉnh cao trong nghệ thuật cộng tác với nhau. Họ phác họa, vẽ, tô màu, triển lãm, làm việc và chung sống với nhau hơn 50 năm..."



XIN ĐỪNG ĐÁNH MẮT TÌNH YÊU

**** Hải Bằng.HDB ****

Anh yêu của em!

Em van gió đừng nổi cơn cuồng nộ
Em van mây đừng hùng hổ ngược xuôi
Em van nắng đừng bỏng sôi, gay gắt
Em van mưa đừng hiu hắt, dầm dề

*

Em muốn thế: để tình yêu tồn tại
Em muốn thế để tim không tê tái
Em muốn thế để mãi mãi yêu anh
Kỷ niệm ngày xanh & giấc ngủ an lành

*

Nếu anh hỏi...

Sao tình yêu mòn mỏi?

Em trả lời:

Anh hờ hững quá thôi!

Anh có riêng họa mi bên đời ca hát

Nhưng anh lại thường

bóp nghẹn tiếng chim

Anh có riêng bông pensée hồng tím

Nhưng anh không tìm ấp ủ bên mình!

Anh cũng có cả bình minh rực rỡ

Nhưng anh không chịu mở cửa tâm

hồn!

Anh cũng có cả hoàng hôn muôn sắc

Nhưng anh lại vương mắc khờm-píu-tơ

*

Anh có cả buổi thu về nên thơ

Nhưng lại để trí mờ trong chứng khoán

Anh có những món ăn và bầu bạn

Nhưng anh lại lơ đãng chẳng đoái hoài

Anh có riêng bản Yêu Ai tuyệt phẩm
Anh lại biến thành Tình Câm lạc điệu
Anh có cả một áng thơ tuyệt diệu

Nhưng rồi lại vô hiệu hóa hồn thơ!

*

Anh!

Anh đã làm tim em quá thần thờ!

Anh biết không

tim người phải thổn thức?

Anh biết không tâm hồn phải rạo rục?

Và đời không thể

vuông vức đóng khung!

*

Em vẫn mơ một ngày thật vui mừng

Đôi trái tim hòa hợp chung một nhịp

Đôi mắt ta nhìn chung một hướng

Đôi chân ta cùng bước một đường

Đôi tay ta nắm chặt trong Tình Thương

Cho em thấy

thiên đường ngay trước mắt!

Em là của anh,

N.T.H.H.



CÂY BÚT MÁY HIỆU PILOT

**** VUU VĂN TÂM (Germany) ****

Câu chuyện đã trên dưới 40 năm, nhưng mỗi khi nhớ đến, lòng tôi lại bùi ngùi. Cái dấu lặng đó được mạnh nha ít nhiều trong những năm sau mùa xuân binh lửa và cho đến hôm nay, thằng bé mũm-mĩm mê mẩn cây bút máy năm xưa đã hơn ngũ tuần, những sợi tóc bạc dần dần tiến đưa những sợi tóc xanh về miền dĩ vãng, bóng hoàng hôn của cuộc đời đã thấp thoáng thật gần ... vậy mà cái kỷ niệm năm nao sao vẫn còn vương vấn. Tôi vẫn luôn nhớ về người anh không biết tên, có duyên phận được quen biết anh giữa cái đất Sài-Gòn tươi xanh nắng gió ...



Một nhà báo có tiếng ở Sài-Gòn nói với tôi rằng ***ký ức của những người đi xa thường bị đóng băng, họ giữ lại được hầu hết những kỷ niệm nơi quê nhà.*** Hai bàn tay tôi chưa bao giờ chạm được ***tảng băng*** giá lạnh ấy, nhưng mỗi khi nhớ về đường xưa nẻo cũ, tôi không làm sao tránh được những cảm xúc bồi hồi, tiếc nuối.

Tiệm hớt tóc của ba tôi ngày ấy có đủ loại khách, già trẻ lớn bé, từ bình dân cho đến trí thức. Anh trung tá X (không hề biết tên) là một trong những khách ***ruột*** của ba. Dáng người anh cao ráo, da mặt trắng hồng, gương mặt hiền lành và đẹp như nghệ sĩ Thành Được. Anh nói chuyện vui vẻ với chất giọng miền Nam ấm áp và chân tình. Anh rất thường đến tiệm để cắt tóc, tóc chưa dài cũng cắt, hoặc chỉ để được .. cạo

râu hay ráy tai. Anh gọi ba bằng chú Tư, thỉnh thoảng tôi cũng nghe anh gọi bằng ba hay bố. Anh thích ***cổ*** nhạc và rất mê cây đàn tranh chạm trổ tinh vi bằng gỗ óc xà-cừ. Anh thường xuyên trò chuyện với ba về mọi đề tài trong cuộc sống, về ***cổ*** nhạc, về âm thanh của cây đàn tranh cũng như những nhạc cụ khác. Thiệt vậy, âm thanh của cây đàn tranh lạ lắm, không vui quá mà cũng không buồn quá. Đó là một cơn mưa xuân tưới lên những chồi non, hay một làn gió nhẹ thổi qua cánh đồng xanh tươi, bát ngát. Khác hẳn với tiếng đàn kim gọi cho ta những niềm cô đơn giữa đêm khuya thanh vắng hay tiếng đàn cò mang lại những u hoài, bi thảm.

Anh đã nhiều lần thuyết phục, cuối cùng ba tôi cũng đồng ý, đổi cây đàn

tranh đẹp nhất lấy một cái ti-vi hiệu Sanyo 17 inches mới toanh, trị giá 90.000 đồng tiền thời đó.

Năm 1974 khi biết tin tôi thi đậu vào trường Petrus Ký, anh rất vui mừng và dắt tay thẳng em đến tiệm sách Thanh Bình. Bà chủ tiệm giới thiệu với anh một loạt bút máy hiệu Pilot nằm xinh xắn trong tủ kính. Bà trang trọng đặt chúng lên một cái khay, đủ màu sắc cho anh em tôi chiêm ngưỡng.

Anh nói với tôi :- Em lựa đi, thích cây nào anh sẽ thưởng cho em.

Ngại ngừng một chút rồi tôi chọn cây bút đẹp nhất màu xanh dương, có mạ vàng trên nắp và chuôi bút. Bà chủ cũng cho biết, mình có thể khắc tên lên cây bút máy, nhưng phải đợi thêm một ngày.

Tôi nghĩ thầm một ngày thì lâu lắm nên nói với anh: - Em hỏng muốn khắc tên!

Nắm tay anh rời khỏi cửa tiệm mà trong lòng tôi hân hoan, rộn rã. Thăng nhóc tung tăng chân sáo với món quà từng ao ước bao năm đã thành sự thật. Vậy là từ nay mình không cần phải mang theo cái bình mực tòn-ten như hồi còn con nít, như thuở còn đi học ở trường tiểu học Bàn Cờ nữa. Má tôi cũng mua cho một bình mực màu xanh cùng hiệu Pilot. Nét bút thanh mảnh viết trên tập

giấy con nai "Cogido", ngộ đẹp đến mê hồn.

Rồi cơn bão mùa xuân 1975 kéo về, tiệm hớt tóc của ba được dời về quê. Anh trung tá cũng biệt tăm từ dạo đó. Các tiệm sách lớn nhỏ ở Sài-Gòn đều bị đóng cửa. Nhà sách Thanh Bình cũng không ngoại lệ. Tôi được biết gia đình ông bà chủ cũng đã kịp rời Sài-Gòn trên những chuyến bay cuối cùng. Kỷ niệm tuổi thơ của tôi với hiệu sách chỉ còn lại những dư âm.

Sau tháng tư năm ấy, mực để dùng cho bút máy rất khó tìm. Nếu có, tôi cũng không có tiền để mua. Tôi ghé tiệm tạp hóa sát bên nhà mua những hạt mực xanh nhỏ bằng đầu ngón tay út, đem về nghiền nát rồi pha với nước ấm. Sau một thời gian dài xài loại mực này, cây bút máy bị nghẽn mực. Tôi đã cố gắng dùng mọi cách lau chùi cây bút sạch sẽ, thông suốt để dùng tiếp, nhưng cũng đành chịu thua!

Một buổi sáng năm 1979, một người đàn ông trong bộ quần áo bà ba màu đen bước vào nhà và cất tiếng hỏi :
- Em ơi, em còn nhớ anh không? Trời ơi, giọng nói quen thuộc của ngày xưa. Anh trung tá oai phong của năm nào đây mà. Gương mặt anh sạm nắng và tiều tụy đi nhiều lắm.
- Ba có ở nhà không em?
- Dạ, ba em về quê rồi anh. Mỗi tuần

cứ chiều thứ bảy ba về nhà, rồi sáng sớm thứ hai lại đi.

- Anh muốn gặp ba một chút mà ... tiếc quá. Em nhớ hẳn lại với ba là anh có ghé thăm nha!

Tôi thấy được đôi mắt anh đỏ au và long lanh ngấn nước. Khi bước ra khỏi cửa, anh quay nhìn bên trái, bên phải rồi vội vã bước đi. Tôi dõi mắt nhìn theo bóng anh xa dần cho đến khi khuất hẳn giữa dòng người xuôi ngược. Theo tôi biết ở thời điểm đó chỉ có cấp "úy" mới hiếm hoi được về sum họp với gia đình. Nhưng ít nhất gia đình phải khá giả và có quen biết với người có thể lực trong chính quyền mới. Anh Oanh ở nhà hàng xóm mang cấp bậc "trung úy" là một thí dụ. Anh được thả vào giữa năm 1979.

Ba mươi chín năm trôi xa, kể từ hôm gặp anh lần cuối ở Sài-Gòn. Mỗi khi nghĩ lại ngày đầu tiên bước vào trung học, tôi nhớ đến cây bút máy và búi ngùi thương nhớ anh thật nhiều. Bây giờ anh đang ở đâu ? Anh có được mạnh giỏi không ? Không biết anh đã vượt biển thành công, đang định cư ở một đệ tam quốc gia hay vẫn còn lưu lạc chốn nào trên quê hương đã quá nhiều đau khổ. Số tuổi của tôi bây giờ đã nhiều hơn số tuổi ngày đó của anh và tôi cộng lại. Tóc tôi cũng thưa đi và phai phôi bởi màu thời gian. Vì không rõ được họ tên nên tôi không cách nào tìm ra tin tức của anh được. Tôi vẫn

mong gặp lại anh một lần nữa trong đời, cho dù trong giấc mơ. Cái ước mơ nhỏ nhoi đó mãi đến bây giờ vẫn chỉ là mơ ước. Anh ơi, dù đang ở nơi đâu trên cõi đời tạm bợ này, thẳng em năm xưa vẫn thường nghĩ đến anh và nguyện cầu cho anh cùng gia quyến luôn được bình an.

Vưu Văn Tâm (Germany)

MƠ XUÂN

*Ngẩn ngơ thiên lý một mình
Hành trang còn mối tơ tình
vấn vương
Trong tịch mịch những đêm trường
Ước mơ xuân đến
viễn phương mịt mờ
Nguyệt cảm lạnh những phím tơ
Bơ vơ lạc lối bên bờ sơn khê
Người đi sao chẳng thấy về
Mây hồng lãng đãng
bốn bề tịnh không
Chập chùng hư ảo mênh mông
Thoảng nghe như tiếng
gió đông thổi dài
Sương rơi hay lệ u hoài
Theo dòng nước chảy
trải dài chân mây
Hài xuân nhẹ bước đến đây
Ngàn hoa tươi thắm
hây hây nắng dào
Hương xuân quyện gió dập dào
Tùng đàn chim én
lao xao phiêu bồng.*

Quỳnh Anh

BÀI THƠ ẪN TẾT

Lại hết năm rồi, Tết đến chưa?
Kiến bò miệng túi, túi không xu
Mè nheo áo mới con vôi mẹ
Vợ ngó xiên chồng mãi tứ thơ!

Phường phố dập dìu quên cả Tết
Sắm sanh chợ búa thiết gì Xuân
Mai vàng mấy đóa cười vô vị
Nhà cửa tuềnh toang giải nắng khan

Ngó quẩn trong nhà không cái bán
Sớm chiều rền rĩ tiếng “ve chai”...
Thâm sơn, viễn khách ai hào phú?
Hèm cụt chân quen lạ mặt người!

Chao ôi! Cơm áo mùi thê tử
Sáu chục Xuân đời tóc trắng bay
Xót vợ, thương con lòng quặn thắt
Rượu sầu ai rót vị đời cay ?

Ngó quẩn, trách chi phường mắt trắng
Thôi đành nằm mộng ước mơ xanh
Cố quên đi nhé Xuân và Tết
Kết tứ thơ sau viết tặng mình.

Vương Đức Lệ

Sài Gòn 1981

TẾT LY HƯƠNG

Đêm mơ nghe tiếng pháo
Tưởng đón xuân quê nhà
Chợ Bến Thành đông đảo
Phố Nguyễn Huệ đầy hoa

Đêm giao thừa rộn rã
Đi hái lộc đầu năm
Kẻ đến chùa lạy Phật
Người vào Lăng* xin xăm

Mai vàng tươi hương sắc
Chào mùa Xuân thiêng liêng
Người người vui mở hội
Cùng đón xuân mọi miền

Trên bàn thờ ngày Tết
Đủ bánh, mứt, rượu, trà
Thịt kho tàu dưa giá
Hoa trái cúng ông bà

Chợ giạt mình tỉnh mộng
Giữa đêm trường quạnh hiu
Tết về trên Bắc Mỹ
Trời lạnh giá tịch liêu!

Hoàng Trùng Dương

(*) Lăng Ông Bà Chiểu



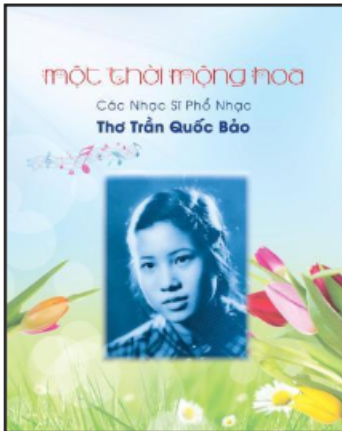
TỔ QUỐC XA

*Đất khách vời trông Tổ Quốc xa
Bên trời tóc trắng tuyết sương pha
Người đi khắc khoải niềm u uẩn
Tiếng cuốc sầu đưa nỗi nhớ nhà!*

KHAI BÚT GIAO THỪA

*Bích đào chúm chím nụ cười xuân
Tình Thôi Hộ biết mấy lần tương tư
Mai vàng mấy nhánh non tơ
Không giai nhân cũng ngần ngợ giấc tình*

Hoàng Song Liêm



CỎ THƠM HÂN HẠNH GIỚI THIỆU ĐẾN ĐỘC GIẢ VÀ THÂN HỮU KHẮP NƠI:

Tuyển tập “**MỘT THỜI MỘNG HOA**” của thi sĩ **Trần Quốc Bảo**, mới xuất bản vào đầu tháng 12, 2018. Sách dày 160 trang, khổ lớn 8.5” x 11”, bìa cứng, trình bày trang nhã. Giá ủng hộ: \$ 35 (bao gồm cước phí trong nội địa Hoa Kỳ).

Vui lòng liên lạc: **Trần Quốc Bảo**
1912 Rolfe Way - Henrico, VA 23238
Email: quocbao_30@yahoo.com

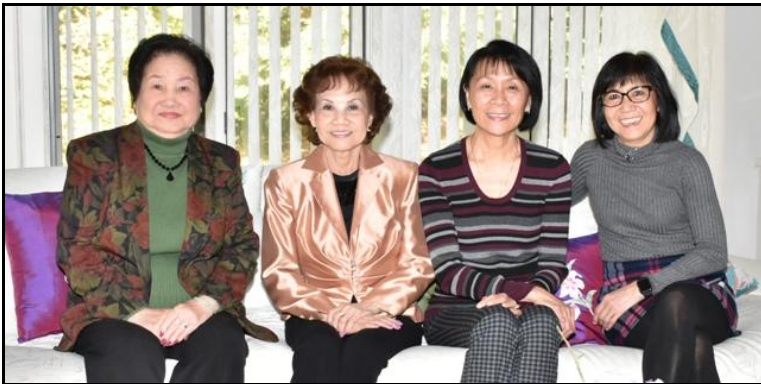
CỎ THƠM HỌP MẶT MÙA THU

28 THÁNG 10, 2018 – RICHMOND, VIRGINIA USA

Nhân dịp phát hành Cỏ Thơm số 82, một số tác giả và thân hữu đã họp mặt tại “tòa soạn mới” của Cỏ Thơm ở Richmond, Virginia (cũng là tư gia của Phan Anh Dũng & Tâm Hảo). Tuy đang trong mùa Thu và đã cuối tháng 10 nhưng lá chưa ngả vàng nhiều. Rất may mắn là thời tiết ngày họp mặt ấm áp, không mưa gió, nên được nhiều người ở xa từ tiểu bang Maryland và Bắc của Virginia đến tham dự. Đó cũng là nhờ những vị không quản ngại giúp lái xe đường xa: quý anh Bùi Cửu Viên, Vũ An Thanh, Nguyễn Văn Thành, Lê Minh Thiệp. Như các buổi họp mặt nhân ngày phát hành tạp chí Cỏ Thơm, mọi người cùng nhau đóng góp các món ăn ngon miệng và hăng hái tham dự chương trình văn nghệ với các bài hát, đàn solo, ngâm, diễn thơ, kể chuyện vui, ... Đặc biệt kỳ họp mặt này có giới thiệu 2 quyển sách: “Nhà văn, nhà thơ và tác phẩm” của biên khảo gia Phạm Văn Tuấn và “Hương Hoa Tình Thơ” của thi sĩ Hoa Văn (Ngô Văn Hòa). Mời quý vị xem một số hình ảnh sau đây từ ống kính của Việt Bằng, Phạm Văn Tuấn và Bùi Cửu Viên:



CỔ THƠM HỢP MẶT MÙA THU
28 THÁNG 10 2018



CỎ THƠM HỌP MẶT MÙA THU
28 THÁNG 10 2018



CÔ THƠM HỢP MẶT MÙA THU
28 THÁNG 10 2018

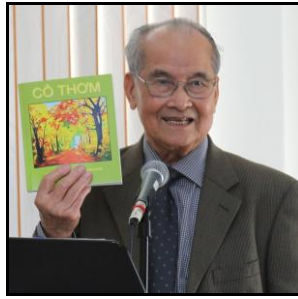


Đứng từ trái: Trần Quốc Bảo, TiênSha-Lê Luyến, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Lân, Phan Khâm, Tạ Quang Trung, Phạm Gia Hưng – Ngồi từ trái: Bà Nguyễn Phú Long, Bà Trần Quốc Bảo, Bà Hoàng Song Liêm, Thái Ninh, Ngọc Thanh, Ý Nguyễn

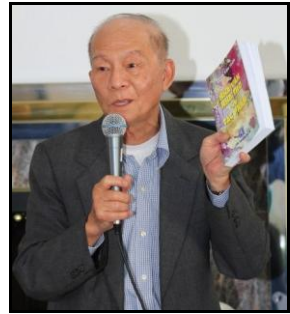


Đứng từ trái: Lê Minh Thiệp, Đàm Xuân Linh, Vũ An Thanh, Nguyễn Phú Long, Bùi Cừ Viên, Ngô Văn Hòa, Hoàng Song Liêm, Phan Anh Dũng – Ngồi từ trái: Minh Châu, NT Ngọc Dung, Thái Phượng, Thu Thủy, Tâm Hảo, Diễm Hoa, Mỹ Hạnh, Ngọc Trinh

CỎ THƠM HỢP MẶT MÙA THU
28 THÁNG 10 2018



CỜ THƠM HỢP MẬT MÙA THU
28 THÁNG 10 2018



PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Thi sĩ **Đào Nguyên**
Cụ **Nguyễn Văn Nguyễn**

đã qua đời vào ngày 19 tháng 11 năm 2018
tại thành phố Richmond, tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ

Hưởng thượng thọ 94 tuổi (âm lịch)

Nguyên cữu hương linh Cụ Nguyễn Văn Nguyễn

sớm được tiêu diêu nơi miền cực lạc.

Thành kính phân ưu cùng toàn thể tang quyến.

Cơ Sở Cổ Thơm & một số thân hữu:

*Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Trần Bích San, Đỗ Trùng Mỹ Hạnh,
Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngô Tăng Giao, Phạm Văn Tuấn, Trương Anh Thụy,
Nguyễn Thái Phượng, Trần Quốc Bảo, Nguyễn Phú Long,
Hoàng Song Liêm, Lý Hiếu, Bùi Thanh Tiên, Vũ Hối*



Cơ Sở Cổ Thơm họp mặt thường niên năm 2005 ở Falls Church, Virginia

NHỚ CỤ ĐÀO NGUYỄN (1925-2018)

Cụ Đào Nguyễn Nguyễn Văn Nguyễn sinh tại Bắc Ninh ngày 10 tháng 7 năm 1925, sống ở Hà Nội, Sài Gòn và Hoa Kỳ. Cụ và gia đình định cư năm 1975 tại thành phố Richmond, tiểu bang Virginia và vừa qua đời ngày 19 tháng 11, 2018 cũng tại thành phố này.

Cụ có bằng cử nhân Văn Chương từ trước 1975, dạy học, làm thơ, viết văn... đã để lại nhiều tác phẩm giá trị như Tuyển Tập Dân Ca Hán Ngụy Lục Triều, Tập Kiều, Lầy Kiều và rất nhiều tác phẩm viết về Truyện Thúy Kiều của Nguyễn Du. Nhận được Giải Thi Thơ Hồ Xuân Hương năm 1978; Giải thưởng Thơ: Ôn Tổ Quốc năm 1984. Cụ viết cho nhiều tạp chí ở Hoa Kỳ như Thi Đàn Hoa Tiên (OKC); Cỏ Thơm ở Virginia.

Nhóm Hoa Tiên có cụ Chiêu Đăng, nguyên quán Gò Công, hậu duệ bà Từ Dũ và đại thần Phạm Đăng Hưng, sinh cùng năm, song mất trước ở tuổi 80 nên hồi đó cụ Đào Nguyễn làm bài thơ dài 39 câu in nơi Hoa Tiên 18 / 2005 - xin trích một đoạn như vậy:

SỐ 83

Khóc Bạ

*...Tôi tám mươi cũng cùng tuổi bác
Tai nạn xe tường thác những ngày
Buồn chi bác vội đi ngay
Nhận tin tôi những đắng cay rã rời...*

Kính bái,

Bạn đồng niên canh: Đào Nguyễn

Cụ Đào Nguyễn là nhà nho, mộ đạo Phật, hiếu thảo, hiền hoà. Cụ là một trong mấy vị vận động đóng góp công sức tạo dựng ngôi chùa Huệ Quang trên nền đất rất đẹp tại thủ phủ Richmond của tiểu bang Virginia từ đầu. Là người rất chung thủy, cụ bà bệnh nằm trong viện thời gian dài, ngày nào cụ cũng lái xe vào thăm nom, nhân đó tôi đã có bài thơ như sau:

Thủy Chung Như Nhất (Tặng thi sĩ Đào Nguyễn)

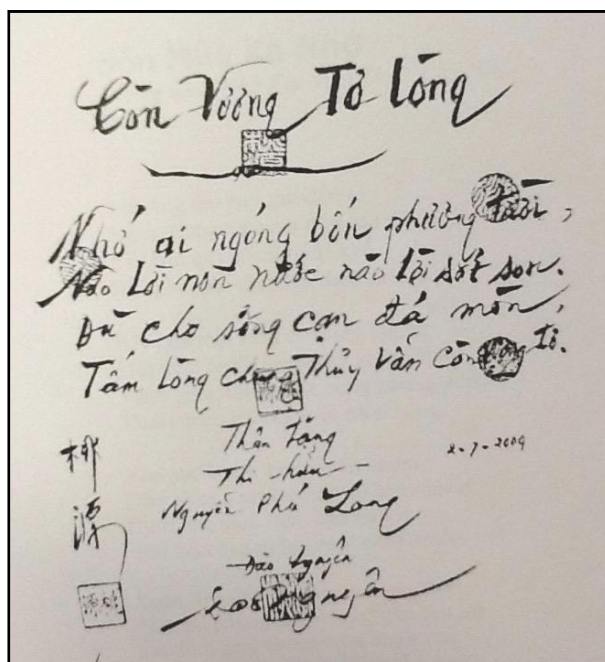
*"Chiều chiều lại cứ chiều chiều
Những là trộm dẫu
thăm yêu chốc mòng."**
*Thăm nhau nào quản tốn công
Để ai ngóng đợi chờ trông sao đành
Đi về đèn đỏ đèn xanh
Khi dừng lúc chạy bộ hành nơi nơi*

Như ai giữa lộ khơi khơi
Chẳng như ai, bỗng ...
leo chơi vệ đường!
Cũng may không tới nhà thương
Qua cơn hoạn nạn...
bình thường trước sau

Ông mừng thoát hiểm nhiệm màu
Tôi vui còn dịp nghe câu lầy Kiều
Chiều chiều lại cứ chiều chiều
Những là trộm dẫu
thâm yêu chốc mộng.
(Trong tập “Còn Vương Tư Lòng”,
2009)

Đề chấm dứt xin ghi lại bốn câu,
cũng như thắp một nén hương
viếng người đi trước:
Ai bỏ ai rồi... thực vậy sao?
Cũng thường thôi.
Nhưng rất nôn nao.
Hôm nay ai đó, ai mai một
Tiếp nối nhau đi tự thưở nào...

Nguyễn Phú Long



Trên đây là bút tự của cụ Đào Nguyên Nguyễn Văn Nguyễn tặng, đã in trong cuốn thơ Còn Vương Tư Lòng (Hoa Tiên xb. 2009).

停 牧 故 鄉
 蘇 滄

灰 送 樹 禮 麥 耕
 冥 逝 未 仕 料 術 故 鄉
 擲 慘 仗 景 棠 鄉 塘 以 病
 舌 圭 故 汶 趾 怒 邑 羅
 潤 秋 如 逆 干 怒 邑 羅
 墨 高 波 讓 汶 年 邑 羅
 鏡 斯 弟 別 塘 橋 夢 尼
 阻 悲 騎 贊 亮 依 芽 來
 誌 羅 苔 辰 阻 呼 芽 來
 翅 紅 聽 奉 絕 揚 長 昏 黃
 吞 吞 免 治 鷗 鐵
 短 美 醉 怒 定 昂 排 排
 亮 玲 淚 浩 印 志
 包 病 提 杯 才 吞 乾 乾
 况 輪 月 跌 才 接 粉 乾 乾
 祕 勻 蓮 命 衡 實 仗 傷
 粵 恣 艾 團 他 鄉 悴 悽
 肝 強 忽 慢 畔 強 悴 悽
 冬 冬 瞞 爭 呼 通
 愁 我 鼎 燬 冬 陪 遠 步
 魂 圭 跪 荒 靈 壽 斯 於 終
 蘇 蘇 騎 壯 暖 斯 於 終
 果 皮 人 記 深 滾 長 陰
 信 霜 陸 化 副 鏡 長 陰
 埃 兮 吏 合 汶 茹
 園 吞 汶 閣 底 碑 月 亮

THƯƠNG CỔ HƯƠNG

TẬP KIỀU

Quyết lời dứt áo ra đi
 Dân dầm rồi sẽ liệu về cố hương
 Chạnh niềm nhớ cảnh gia hương
 Lòng quê đi một bước đường càng đau
 Dòng thu như gọi cơn sầu
 Trời cao bể rộng một trời bao la
 Dặm nghìn nước thăm non xa,
 Nỗi gần nào biết đường xa thế này
 Đến bây giờ mới thấy đây
 Hay là khổ tận đến ngày cam lai
 Cánh hồng bay bổng tuyệt vời
 Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng
 Lần lần thả bạc ác vàng
 Đường kia nổi nọ ngổn ngang bời bời
 Long lanh đáy nước in trời
 Đã mòn con mắt phương trời dầm dẫm
 Đoái trông muôn dặm tử phần
 Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương
 Tấc lòng cố quốc tha hương,
 Gan càn tức tối ruột càn xót xa
 Lần lần tháng trọn ngày qua
 Sầu dài ngày nắng đông đà sang xuân
 Hồn quê theo ngọn mây Tần
 Về non xa tám trắng gần ở chung
 Bốn bề bát ngát mênh mông
 Tin sương luống những rày trông mai chờ
 Ai ngờ lại hợp một nhà
 Vườn xuân một cửa để bia muôn đời.

ĐÀO NGUYÊN

Bài thơ “THƯƠNG CỔ HƯƠNG” với thủ bút bên trái của Cụ Đào Nguyên, trong tạp chí Cỏ Thơm số 25, năm 2003

VỊNH THÚY KIỀU

Đã biết má hồng thì phận bạc
Trách Kiều nhi chưa vẹn
tấm lòng vàng
Chiếc quạt thoa đàn
phụ với Kim Lang
Nặng vì “hiếu” nhẹ vì “tình”
thôi cũng phải
Từ Mã Giám Sinh cho đến Từ Hải
Cánh hoa tàn đem bán lại
chồn thanh lâu
Bấy giờ Kiều còn hiếu vào đâu
Mà bướm chán ong chường
cho đến thế
Bạc mệnh chẳng làm
người tiết nghĩa
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm
Bán mình trong bấy nhiêu năm
Đố đem chữ “hiếu” mà làm được ai
Nghĩ đời mà ngán cho đời!

NGUYỄN CÔNG TRÚ (Kết án Kiều)

VỊNH THÚY KIỀU

Ai cũng biết má hồng phận bạc
Khen Kiều nhi giữ vẹn
tấm lòng vàng
Nàng nhờ Thúy Vân
gá nghĩa Kim Lang
Hai vai tình hiếu vẹn toàn
nên cũng phải
Trời trêu chẳng để gặp ngay Từ Hải
Số gian truân đem bán lại
chồn thanh lâu
Người ngọc kia thương xót gì đâu
Nỡ vùi rập hoa tàn
cho đến thế
Thật gái lành đủ
điều hiếu nghĩa
Mắc vòng tình ái chẳng tà dâm
Tiếc Kiều lưu lạc bao năm
Dù thương dù ghét dù làm mặc ai
Biết đâu mà tránh miệng đời!

ĐÀO NGUYỄN (Giải oan cho Kiều)



- Hình trên: Cụ Đào Nguyễn ngâm thơ với tiếng đàn của GS Kim Oanh năm 2005
- Bài thơ “VỊNH THÚY KIỀU” đăng trong tạp chí Cỏ Thơm số 35, năm 2006

VĨNH BIỆT NHÀ THƠ ĐÀO NGUYỄN

Vĩnh biệt nhà thơ đức lẫn tài,
Đào Nguyễn thi sĩ bỏ trần ai.
Về miền Tây Trúc vui nhàn nhã,
Lánh cõi dương gian khổ miệt mài.
Thân thuộc gần xa buồn tiếc nhớ,
Bạn bè sớm tối cảm thương hoài.
Chân thành cầu nguyện Hương Linh cụ,
Cửa Phật nương theo nhẹ gót hài.

Phùng Trần và gia đình Kính Bái
Carol Stream, IL - Nov. 2018

KHỐC THI BÀ ĐÀO NGUYỄN

Cõi tục từ đây vĩnh biệt rồi
Thi đàn tiếc nhớ Cụ Đào ơi
Vần thơ xưa vẫn nghe văng vẳng
Giấy bút nay đành phải nghỉ ngơi
Đã gác công hầu không quyến luyến
Nên dù khanh tướng cũng buông lời
Hương lòng một nén xin đưa tiễn
Tịnh Độ Người về chốn thánh thời.

Thủy Lâm Synth
Huntington Beach, CA - Dec. 2018



VĨNH BIỆT LÃO SĨ ĐÀO NGUYỄN

Nhà thơ lão bối hiệu ĐÀO NGUYỄN,
Vĩnh biệt thi đàn gác bút nghiên.
Cõi hạc lên trời vui tịnh giới
Du vân ngắm cảnh hết ưu phiền.
Tặng Ni hộ niệm vang kinh kệ,
Chư Phật độ trì chuyển nghiệp duyên.
Đốt nén tâm hương cầu nguyện Cụ,
Sớm về Tây Trúc cõi bình yên.

Ngô Văn Giai & Gia Đình Kính Bái
Richmond, VA - Dec. 2018

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn
phu nhân của Nhà văn Hoàng Hải Thủy (Dương Trọng Hải):

Bà **Elise ĐỖ THỊ THÙY**

Ngày sinh: 13 Tháng 4, 1931
Ngày mất: 28 Tháng 12, 2018 tại Virginia USA
Hưởng thọ 88 tuổi âm lịch

Thành thật chia buồn cùng Ông Hoàng Hải Thủy
và toàn thể tang quyến

Nguyện cầu Chúa đón nhận linh hồn Bà Elise Đỗ Thị Thủy
về Nước Thiên Đàng.

Ban Điều Hành Cơ Sở Có Thơm, một số văn thi hữu và thân hữu:

Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Trần Bích San, Đỗ Trảng Mỹ Hạnh,
Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Văn Thành²³, Ngô Tăng Giao, Phạm Văn Tuấn,
Vũ Hối, Phạm Trọng Lệ, ÔB Trương Anh Thụy&Nguyễn Huy Long,
ÔB Hồng Thủy-Bùi Cửu Viên, ÔB Văn Quang Nguyễn Quang Tuyền,
ÔB Hoàng Song Liêm, ÔB Uyên Thao, ÔB Thanh Thương Hoàng,
ÔB Nguyễn Đức Nam, ÔB Bùi Dương Liêm, Đào Trường Phúc, B Vương Đức Lệ,
ÔB ca sĩ Anh Ngọc, ÔB Dương Ngọc Hoán, Phan Ngọc Trâm&Trương Đình Tri

...



VĨNH BIỆT CHỊ HOÀNG HẢI THỦY

** Hồng Thủy **

Nếu không lưu lạc qua xứ người, chắc chẳng bao giờ tôi có cơ hội trở thành cô em gái thân thiết của anh chị Hoàng Hải Thủy, để được biết một chuyện không thể nào ngờ. Một nhà văn nổi tiếng, đẹp trai, hào hoa phong nhã như anh Hoàng Hải Thủy lại là một người chồng ngoan và 'cực kỳ' yêu vợ. Ở tuổi ngoài 80, nỗi lo sợ lớn nhất của anh Hoàng Hải Thủy là chị bỏ đi trước anh và anh phải sống một mình. Có lẽ tại anh chị có một tình yêu đẹp quá. Tôi dám nói như vậy vì anh có tặng tôi một tập thơ của anh xuất bản năm 1995. Trong tập thơ đó tôi cảm nhận được tình yêu nồng thắm của anh chị.



Mở đầu tập thơ là hình ảnh chị Hoàng Hải Thủy với nụ cười Mona Lisa. Hình này chị chụp có lẽ cũng vào lúc tóc đã điểm sương, nhưng trông vẫn còn đẹp lắm. Trên tấm ảnh là

giòng chữ Tặng Alice (tên chị) Washington DC cuối thu 94. Dưới ký tên Hoàng Hải Thủy rất bay bướm.

Trang tiếp theo là 4 câu thơ **Alice 54**

*Mùa thu mây trắng xây thành
Tình em màu ấy có xanh da trời
Hoa lòng em có về tươi
Môi em có thắm nửa đời vì anh?*

Bài thơ thứ nhì là bài Yêu Hoài Ngàn Năm anh làm ngày 15 tháng 10 năm 1977 trong phòng biệt giam Nhà tù số 4 Phan Đăng Lưu

Yêu Hoài Ngàn Năm

*Yêu nhau ngày tháng qua nhanh
Ba mươi năm lẻ chúng mình yêu nhau
Từ xanh đến bạc mái đầu
Tình Ta nước biển một màu như xưa
Yêu bao giờ, đến bao giờ
Thời gian nào rộng cho vừa tình ta?
Lòng em hoa vẫn tươi hoa
Môi em thắm đến em già chưa phai
Yêu kiếp này, hẹn kiếp mai
Ngàn năm yêu mãi, yêu hoài nghe em
Mặt trời có lặn về đêm
Sáng mai em dậy bên thềm lại soi
Cuộc đời có khóc, có cười
Có cay đắng, có ngọt bùi mới hay
Thu về trời lại xanh mây
Đầy trời anh thấy những ngày ta yêu
Càng yêu, yêu lại càng nhiều
Nhớ em, anh nhắn một điều: yêu em.*

Đọc xong bài này, tôi chắc ai cũng cảm nhận được tình anh Hoàng Hải Thủy trao cho chị Alice tràn đầy và chung thủy đến thế nào.

Những ngày ở tù tuy buồn khổ, cơ cực, tình yêu cũng vẫn tạo cho anh cảm hứng làm những vần thơ cho chị. Những câu thơ đọc lên nghe nát cả lòng

*Nằm trong khám tối âm u
Buồn nghe đêm lạnh sương mù sa mưa
Bồi hồi tưởng mái nhà xưa
Ngày đi đã nát, bây giờ ra sao?
Thương em nhạt phấn, phai đào
Đêm đêm trở giấc chiêm bao một mình
Ngủ đi em, mộng bình minh
Mưa bao nhiêu giọt là tình bấy nhiêu*

*

*Nằm trong khám tối nghe mưa
Đêm nào cũng thấy đêm thừa trống
cạnh
Thương nhau nên ngủ không đành
Nhớ nhau nhưng mộng không thành
em ơi
Anh nghe từng tiếng lệ rơi
Biết em đang khóc nên trời đổ mưa...*

Mới 10 tuổi cậu bé Dương Trọng Hải (tên thật của anh Hoàng Hải Thủy) đã nuôi mộng trở thành văn sĩ. Ngay năm 10 tuổi anh đã mê đọc cuốn tiểu thuyết Giông Tố của Vũ Trọng Phụng và Trường Đời của Lê Văn Trương. Anh rất phục các ông văn sĩ, anh thấy các ông như những ông Trời con vì các ông có quyền tạo ra các nhân vật trong truyện, tạo ra cuộc sống đa dạng cũng như định mệnh của các nhân vật đó. Anh bắt đầu viết văn năm 18 tuổi. Một năm sau, 1952 anh tham dự cuộc thi truyện ngắn do Nhật báo Tiếng Dội tổ chức. Chưa cần biết có được trúng giải hay không, chỉ cần truyện được chọn đăng là đã được trả 200\$. Số tiền khá hấp dẫn với chàng trai 19 tuổi. Không ngờ truyện ngắn dự thi 'Người Con Gái Áo Xanh' của anh lại được giải nhất. Tiền thưởng là 3.000\$. Ông Trần Tấn

Quốc chủ nhiệm nhật báo Tiếng Dội đãi 3 người trúng giải Nhất, Nhì, Ba đi ăn tiệc cao lầu rồi đưa mỗi người một ngân phiếu. Đi lãnh tám ngân phiếu thứ nhất quá lớn trong đời ở Ngân hàng về, anh biểu ngay bố mẹ 500\$, chia cho các em một phần. Tiền còn lại anh đi may cho mình bộ complet đầu tiên với giá 700\$.

Từ đó sự nghiệp văn chương của anh bắt đầu khởi sắc. Những truyện dài đăng trên các báo của anh rất hấp dẫn người đọc. Lần lượt các truyện dài đăng báo của anh như: Như truyện Thần Tiên, Tim em nơi thiên đường, Định mệnh đã an bài, v.v. .. được các nhà xuất bản mua bản quyền xuất bản nhiều lần.

Tác phẩm nổi tiếng nhất của anh là cuốn tiểu thuyết phóng tác Kiều Giang. Anh đã lấy tên cô con gái cưng, bé Kiều Giang lúc đó mới được 6 tháng để đặt tên cho tác phẩm này.

Nói tới nhà văn Hoàng Hải Thủy là ai cũng nghĩ ngay tới tác phẩm Kiều Giang. Điều này đã cho anh cảm hứng sáng tác bài thơ làm trong Sà lim Khu B, trại giam Phan Đăng Lưu năm 1978. Có những câu đọc muốn ứa nước mắt.

*Người bạn tù hỏi qua song cửa
Phải anh là Hoàng Hải Thủy
Anh viết truyện Kiều Giang?
Kiều Giang ...!
Ôi tên con, tên ngọc, tên vàng
Làm bố vỡ tim và hồn nức nở
Khi đặt tên con đâu ngờ có thuở
Nghe tên con giữa chốn lao tù*

*Những đêm dài ngục tối âm u
Bố thấy mắt con sáng bừng rực rỡ
Bố yêu con trong từng hơi thở
Trong trái tim hồng, trong giòng máu đỏ
Kiều Giang ơi, tiếng kêu thương nhớ
Con có run da thịt đêm nay?
Bố cho con trọn máu xương này.*

Anh chị có 3 người con, 2 trai 1 gái. **Hoài Nguyên** và **Kiều Giang** ở Texas và Ohio. **Hải Triều** còn ở Việt Nam. Tôi hỏi tại sao anh chị lại chọn Virginia để định cư. Anh cho biết anh rất thân với anh Anh Ngọc (ca sĩ rất nổi tiếng của VN ngày xưa). Hồi anh còn ở VN, anh Anh Ngọc có gửi về cho anh một tấm ảnh anh chị Anh Ngọc ngồi trên một thảm cỏ xanh mướt, đằng sau là cả một rừng lá vàng. Anh Hoàng Hải Thủy mê ngay phong cảnh quá đẹp đó, nên khi có giấy tờ được sang Mỹ, anh chị quyết định chọn nơi có thảm cỏ xanh và rừng lá vàng tuyệt đẹp để định cư. Đó là tiểu bang Virginia, một tiểu bang có cái tên thật tình tứ “Virginia is for lovers”.

Thêm nữa, anh chị chọn Virginia vì ở Virginia có mấy người bạn thân và có bà Khúc Minh Thơ người hết lòng giúp đỡ cho những cựu tù nhân chính trị ở VN qua Hoa Kỳ tị nạn. Thời gian đầu anh chị hay tham dự những buổi họp văn nghệ. Từ 10 năm nay, vì tuổi tác anh chị không tham dự những hội hè đình đám nữa. Những ngày gần đây sức khỏe chị suy yếu, chị bị ngã mấy lần, anh luôn luôn lo lắng chị sẽ bỏ anh đi trước. Anh tâm sự anh không thể sống thiếu chị. Tôi trêu anh, tại chị nấu ăn ngon và cứng anh quá. Chị Hoàng

Hải Thủy làm chả giò rất ngon. Nhắc đến chả giò tôi lại nhớ đến một kỷ niệm rất cảm động với anh chị. Một hôm tình cờ gặp anh chị ở chợ Việt Nam bên Virginia. Chị em tôi mừng rỡ ôm chầm lấy nhau vì lâu quá hai chị em mới có dịp gặp gỡ. Chúng tôi ở cách xa nhau. Tôi ở Maryland, anh chị ở Virginia. Đang nói chuyện với tôi bỗng chị quay qua anh nói: “ Anh chịu khó lái xe về nhà lấy gói chả giò em để trên ngăn đá mang ra đây biếu cô Thủy. Em ở đây nói chuyện với cô ấy. Lâu quá chị em mới gặp nhau.”

Tôi cảm thế nào cũng không được, anh đi thật nhanh ra xe để về nhà lấy chả giò cho tôi. Anh chị thương tôi như vậy đó và tôi cũng rất quý mến anh chị. Chị rất dễ thương nên được lòng nhiều bà hàng xóm láng giềng.

Một hôm tôi tới thăm anh chị nhằm lúc anh đi đón chị ở nhà thương vừavề tới. Tôi thấy một bình hoa hồng thật đẹp của bà ở gần đã để sẵn ở cửa để mừng đón chị về. Vào trong nhà lại thấy bao nhiêu là bánh trái. Anh nói của các bà hàng xóm thấy chị đau nên mang tặng. Có mấy ai được mọi người quý mến như anh chị đâu.

Tôi rất mừng thấy anh còn khỏe mạnh dù tuổi đã cao. Ngoài 80 mà anh vẫn còn phong độ, sáng suốt. Vẫn lái xe đưa chị đi chợ và viết bài cho các báo. Điều hạnh phúc nhất là tình yêu của anh chị sau 62 năm vẫn còn thắm thiết như những ngày đầu.

Ngày đó gia đình chị đi Vũng Tàu nghỉ mát, thuê nguyên cả một cái Villa thật rộng. Anh họ của chị là bạn thân của anh, rủ anh cùng ra Vũng Tàu chơi.

Biển xanh, nắng vàng và những đêm trăng thơ mộng của Vũng Tàu đã cho cặp trai tài gái sắc có cơ hội gần gũi và nảy sinh tình cảm chan chứa với nhau.

Kết quả anh tỏ tình và xin cưới chị. Anh kể: “Tối hôm trước vừa tỏ tình với chị thì ngay sáng hôm sau khi ra phố uống café, mua tờ báo đọc, thấy họ in trên trang nhất giòng chữ thật to Hiệp Định Genève vừa ký ngày hôm qua. Hết chiến tranh và chia đôi đất nước. Ngày anh chị quyết định kết hợp lại là ngày đất nước chia đôi thành hai miền Nam Bắc. Ngày đó không chỉ là ngày đặc biệt khiến anh chị nhớ mãi, mà cũng là ngày mà mọi người dân Việt không thể nào quên.”

Nếu bài viết kết thúc ở đây thì tuyệt quá, nhưng... ở đời có lúc chữ NHƯNG đến thật bất ngờ, mang tất cả niềm đau không ai chờ đợi. Cuộc sống của anh chị đang thật êm đềm, hạnh phúc, bỗng đứt đoạn chia lìa... Những lần tôi đến thăm, trong căn phòng khách nhỏ bé ảm cúng, anh chị ngồi tiếp tôi. Gương mặt anh lúc nào cũng rạng rỡ, ánh mắt reo vui nhìn chị nói chuyện thao thao bất tuyệt, thỉnh thoảng chị lại cười thật to, hai anh em tôi cũng cười góp vì chị nói chuyện rất có duyên. Chị kể đủ thứ chuyện, những ngày ở với cộng sản, anh đi tù, tụi cán bộ đến làm khó dễ chị, chị đã không sợ lại còn trả lời chúng những câu thật

chua cay. Qua những mẩu chuyện chị kể, tôi rất phục chị, chị quả thật là người đàn bà can đảm, giỏi giang. Chị lo cho anh từng li từng tí, hèn gì anh cứ tâm sự với tôi anh không thể sống thiếu chị và cứ lo sợ chị sẽ ra đi trước anh. Nỗi lo sợ đó đã thành sự thật, chị đã bỏ anh đi thật rồi. Chị mất ngày 27 tháng 12 năm 2018.

Chị ra đi quá bất ngờ. Ngày Lễ Noel Kiều Giang về thăm bố mẹ, chị theo Kiều Giang đi mua sắm, đi chơi, chị rất khỏe và còn đòi đi uốn tóc, sửa soạn cho đẹp để ăn Tết. Đi cả ngày Kiều Giang sợ mẹ mệt, nói mẹ đi nằm nghỉ. Chị vào phòng nằm một lát rồi lại ra phòng khách ngồi nói chuyện. Đang nói chuyện chị than mệt, ngồi ngả đầu ra phía sau, nhịp tim hơi yếu. Đưa chị vào nhà thương, BS nói nhịp tim quá yếu, BS cố gắng cứu chữa nhưng không được. Chị đã trốn anh ra đi thật nhanh chóng, nhẹ nhàng.

Hôm đến viếng chị ở nhà quàn, nhìn anh ngồi trên xe lăn, khuôn mặt thất thần tôi không cảm được nước mắt. Tôi nắm tay anh chia buồn, hai anh em cùng khóc. Tôi biết anh đau buồn lắm, tôi rất lo, từ nay không có chị, không biết anh sẽ ra sao.

Nhớ Tết năm ngoái đến thăm anh chị, trên đường lái xe về, tôi cứ nhớ mãi hình ảnh thật hạnh phúc. Căn phòng khách nhỏ ảm cúng với những bông cúc đại đóa vàng tươi, chiếc bánh chưng dán chữ màu đỏ thắm phía ngoài, chờ đợi được bóc cho bữa cơm ngày Tết. Hộp mứt sen Bảo Hiền Ròng

vàng trông thật hấp dẫn. Hai mái đầu bạc kề cận ngời nhâm nhi mút sen bên tách trà thơm bốc khói. Tết năm nay anh một mình một bóng, ai pha trà ngồi đối ẩm với anh đây?

Anh Hoàng Hải Thủy ơi, em nói vậy thôi chứ anh đừng nghĩ mình cô đơn và buồn nhé. Em biết lúc nào hôn chị cũng quanh quẩn bên anh. Chị chỉ tạm biệt anh đi trước thôi mà, chị sẽ chờ ngày tái ngộ với anh vì làm sao chị quên được lời anh dặn dò: “Yêu kiếp này,

hẹn kiếp mai. Ngàn năm yêu mãi, yêu hoài nghe em.”



Hồng Thủy



BA MƯƠI SÁU CÂU CHO ALICE - Hoàng Hải Thủy

*Anh không biết ngày xưa em trẻ
Khi em yêu em đợi, em chờ
Có bao giờ em buồn như thế
Sáng nay em trong cửa mong thơ?*

*Niềm hy vọng trong em chợt hé
Người phát thư xe đạp đi qua
Chưa bao giờ thấy em buồn thế
Khi nghiêng vai, em trở vào nhà.
Em yêu ơi ... Tìm anh như xé
Chưa thương em đến thế bao giờ .*

*Anh lặng biết em không cần kẻ
Những xót xa, ly tán, đợi chờ
Hôn em nặng sâu non, muộn bề
Những đau thương ray rút không bờ
Từ cơn áo rã rời sinh kế
Đến oan khiên tù tội không ngờ
Đau chồng con chia từng giọt lệ*

*Thương hôm mai biết đến bao giờ
Đời u tối như chiều đông xế
Môi em thâm nên mắt em mờ
Nên em buồn nảo nùng như thế
Sáng nay em trong cửa đợi chờ .*

*Sáu năm dài dập dờn dấu bể
Đời sống ta cơ cực Thành Hồ
Anh lặng biết sao em buồn thế
Sao em gầy, sao tóc em khô!*

*Trên mái tóc thu về đã trễ
Trên đôi môi thoáng bóng hư vô
Trong ánh mắt nảo nùng xiết kẻ
Trên đôi vai xuân đã mơ hồ
Anh thấy cả một trời dấu bể
Anh chưa đau đến thế bao giờ
Anh lặng hiểu sao em buồn thế
Sao em mong người phát thư vô
Niềm mơ ước trong em thật bé
Em chờ mong chỉ một thùng đồ.*



CÒN XÓT XA NÀO

Mất nhau trong cuộc biển dâu
Hồn anh hoa muộn, lá sầu hoang sơ
Tim anh quặn quại bóng cờ
Tai anh mán hú, mọi hờ quanh năm
Trời bỏ ta, khóc đi em
Em ơi sương lạnh trên thềm đau thương.
Ô Giang vó ngựa ngập ngừng
Cùng đường Hạng Vũ, đoạn trường Ngu Cơ.
Anh hùng lệ cũng sa mưa
Em ơi lệ ấy bây giờ đang rơi.

HOÀNG HẢI THỦY



Ông Hoàng Hải Thủy 1994 - vừa đến định cư ở Virginia Hoa Kỳ



Ông Bùi Dương Liêm phỏng vấn Ông Hoàng Hải Thủy – tháng 11, 1994
<https://www.youtube.com/watch?v=vhkZ4LwXOIU>

THIỆP MỜI

Trân trọng kính mời quý vị tham dự

Kỷ Niệm 24 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật của

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Chủ Nhật ngày 23 tháng 6, năm 2019

Khai mạc lúc 11:00AM tại

HARVEST MOON RESTAURANT

7260 Arlington Boulevard, Falls Church, VA 22042

ĐT: (703) 573-6000

Chương trình gồm:

Tiệc trưa

Văn nghệ chọn lọc với sự tham dự của một số nghệ sĩ vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đôn

Vé: 25 USD / Vé bảo trợ VIP: 35 USD

LIÊN LẠC:

Phan Anh Dũng: (804) 387-8773

Phan Khâm: (240) 893-7812

Nguyễn Thị Ngọc Dung: (571) 926-8962

Hồng Thủy: (301) 466-6120

Phạm Văn Tuấn: (703) 707-1602

Ỡ Nguyễn: (505) 453-9009

Thái Phương: (804) 873-1033

Phong Thu: (202) 657-8654

Trương Anh Thủy: (703) 525-4538

Trúc Mai: (703) 534-0712

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO

(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

.....

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỔ THƠM, kể luôn cước phí media mail
PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost
Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

Trên Tạp Chí Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00

1 trang trong: US \$60.00

Trang trong bìa trước: US \$100.00

Trang trong bìa sau: US \$100.00

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION
9020 CARDIFF RD
RICHMOND, VIRGINIA 23236
USA

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**